

QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT
KINH SỚ SAO DIỄN NGHĨA
QUYỂN 1

Chủ giảng: Lão Pháp Sư Thích Tịnh Không

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Minh Tiến, Đức Phong và Huệ Trang

TẬP 1

Xin chư vị mở phần Lời Tựa trong sách Sớ Sao Diễn Nghĩa, cũng là trang thứ nhất theo cách đánh số bằng chữ số Ả Rập ở cuối trang, mở trang thứ nhất, tức trang thứ nhất sau phần Khoa Phán.

Lần này tôi được Diệp Cư sĩ khái thỉnh, giảng bộ Quán Kinh Diệu Tông Sao. Chúng tôi đang in Sớ Sao, có thể sẽ gởi tới ngày hôm nay. Sau khi nhận được sách, sẽ chia ra biếu tặng các vị đồng tu. Sớ Sao không chỉ phân lượng lớn, lại còn có mức độ khá tinh vi, sâu thẳm, trong kỳ hạn một tuần ngắn ngủi rất khó giảng xong! Khóa giảng này, chúng tôi chọn bộ Sớ Sao Diễn Nghĩa. Có danh xưng Diễn Nghĩa là do lão Pháp Sư Đề Nhân đã viết một bản tinh giản cho bộ Diệu Tông Sao, tức là chọn lọc những phần trọng yếu và tinh hoa. Vì thế, sách Diễn Nghĩa chính là tinh hoa của Sớ Sao. Lần này, chúng tôi cùng chư vị chung sức nghiên cứu, cũng dùng phương thức tinh giản, ngõ hầu trong khoảng thời gian ngắn ngủi chư vị có thể nhận biết khái lược lý luận, cách tu học, nhân quả, và thành tựu của Tịnh Tông, như vậy thì mục đích của khóa giảng này đã đạt được! Do đó, tôi cũng chẳng bỏ qua lời tựa của lão Pháp Sư, vì Ngài viết lời tựa rất hay; những điểm trọng yếu trong lời tựa cũng cần phải đề cập.

Chúng ta xem lời tựa, “Quán Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa tựa”, trước hết, hãy đọc đoạn ấy một lượt: “Di Đà Kinh dĩ tín nguyện lực trì Phật danh hiệu, vi chí trực tiếp, chí viên đốn, tối cực ôn đáng, tối dị thành tựu,

thị Thế Tôn triệt để bi tâm, phổ linh nghiệp trọng chúng sanh hoành siêu tam giới, đối nghiệp Vãng Sanh, cố xung dị thắng phương tiện chi Pháp Môn dã” (Kinh Di Đà dùng sức tín nguyện để trì danh hiệu Phật, là cách tu thắng chóng nhất, viên đốn nhất, ổn thỏa, thích đáng tốt bậc nhất, dễ thành tựu nhất, đó là bi tâm triệt để của đức Thế Tôn, khiến cho khắp các chúng sanh vượt khỏi tam giới theo chiều ngang, đối nghiệp Vãng Sanh, nên được gọi là “Pháp Môn có phương tiện thù thắng lạ thường”).

Ba bộ Kinh trọng yếu nhất trong Tịnh Độ Tông là Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh A Di Đà và Kinh này, được gọi là Tịnh Độ Tam Kinh. Kinh Vô Lượng Thọ là khái luận của Tịnh Độ Tông, giới thiệu viên mãn y báo và chánh báo trang nghiêm trong Thế Giới Tây Phương, nên là một bộ Kinh Điển trọng yếu nhất trong Tịnh Độ Tông. Kinh Di Đà là tinh yếu của Kinh Vô Lượng Thọ, điểm đặc sắc trong Kinh ấy là khuyến tín, khuyến nguyện, khuyến hành. Những điểm đặc sắc của Kinh Di Đà đã được nêu rõ bởi mấy câu này của Pháp Sư Đế Nhân, xác thực là “dị thắng phương tiện”, “dị” là lạ lùng, chẳng giống với những Kinh Điển và Pháp Môn khác, “thắng” là thù thắng. “Dị thắng phương tiện” là Pháp Môn thù thắng lạ lùng, thuận tiện khôn sánh. Cũng có thể nói là trong khi bất cứ phương pháp nào cũng đều chẳng độ được, vì nghiệp chướng và tập khí của các chúng sanh ấy quá nặng, đều độ không được, thì Pháp Môn này có thể độ. Do đó, Pháp Môn này đích xác là Pháp Môn thù thắng bậc nhất!

Chúng ta nhìn lại Kinh này, Kinh này thiên trọng lý luận và phương pháp của Tịnh Tông. Phương pháp là mười sáu phép Quán, bao gồm Quán Tướng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật, và Trì Danh Niệm Phật, các phương pháp niệm Phật đều có trong bộ Kinh này. Đồng thời, Kinh lại còn giảng rõ nhân quả của bốn cõi và chín phẩm trong Tịnh Độ rõ ràng, cặn kẽ hơn Tam Bối Vãng Sanh (ba bậc Vãng Sanh) trong Kinh Vô Lượng Thọ. Vì thế, đối với người tu Tịnh Độ, nói thực tại, phải hợp ba Kinh lại để xem thì mới có thể liễu giải và nhận thức triệt để Tịnh Tông, tín tâm mới có thể sanh khởi. Về sau, các vị đại đức như Cư sĩ Ngụy Nguyên đã ghép phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh nguyện vào sau ba Kinh, trở thành Tịnh Độ Tứ Kinh; lão Pháp Sư Ấn Quang là một vị Tổ Sư cận đại của Tịnh Tông lại ghép chương Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông của Kinh Lăng Nghiêm vào sau bốn Kinh, trở thành Tịnh Độ Ngũ Kinh. Chúng ta suy nghĩ, có còn cần phải ghép thêm một Kinh nào nữa để thành Tịnh Độ Lục Kinh hay không? Nói thật ra, đến năm Kinh là đã thật sự viên mãn trọn đủ, chẳng cần đến sáu Kinh, chẳng cần thêm nữa, đã đạt đến viên mãn rồi! Vì thế, tu hành trong Tịnh Tông, năm bộ Kinh ấy là viên cực, tức là đã đạt đến viên mãn tốt bậc, mà cũng là đốn cực (nhanh chóng tốt bậc). Đó là người trong thời đại chúng ta có phước, Kinh Điển hoàn bị đã xuất hiện trong thời này!

Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp: “Cổ đức vân: Nhược nhân đản niệm A Di Đà, thị danh Vô Thượng Thâm Diệu Thiên”. (Cổ đức nói: “Nếu ai chỉ niệm A Di Đà, bèn gọi là Vô Thượng Thâm Diệu Thiên”).

Nói rõ Niệm Phật là Thiền học vô thượng thậm thâm vi diệu. Không chỉ là Thiền, một câu A Di Đà Phật còn là vô thượng Thần chú, từ Kinh Vô Lượng Thọ chúng ta thấy được điều này. Mật Tông trong cõi này do Kim Cang Tát Đỏa Bồ Tát truyền dạy. Kim Cang Tát Đỏa (Vajrasattva) là người sáng lập Mật Tông, là Tổ Sư khai sơn đời thứ nhất của Mật Tông; vị Bồ Tát ấy là hóa thân của Phổ Hiền Bồ Tát. Trong hội Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ Tát đề xướng Tịnh Độ đầu tiên, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, nên một câu A Di Đà Phật là vô thượng Thần chú của Mật Tông. Quý vị niệm câu A Di Đà Phật, không chỉ là Giáo, mà còn bao gồm Thiền, lại còn bao quát Mật, cũng bao gồm giới luật, tất cả hết thảy các Pháp Môn đều được bao gồm chẳng sót! Pháp Môn này chẳng thể nghĩ bàn; trước hết, chúng ta phải nhận biết rõ ràng điều này.

Kế đó, lời tựa viết: “Ngô nhân quả năng y giáo tu hành, dĩ chân tín, thiết nguyện, dẫn niệm Di Đà, tắc vô luận thời chi cửu cận” (Chúng ta thật sự có thể tu hành đúng như lời dạy, dùng lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, chỉ niệm Di Đà, ắt chẳng cần bàn tới thời gian niệm Phật đã lâu hay mới đây). “Cửu” là quý vị niệm Phật trong một thời gian dài. “Cận” là quý vị niệm Phật trong một thời gian ngắn, thậm chí khi lâm chung mới bắt đầu niệm Phật vẫn chẳng trễ. “Công chi thiểu thâm” (Công phu sâu hay cạn), “công” là nói tới công phu. Công phu là nói về mức độ khuấy phục phiền não, tâm địa thanh tịnh. “Lâm mạng chung thời, quyết định Vãng Sanh. vô khả nghi giả” (Lúc lâm chung, chắc chắn Vãng Sanh,

chẳng thể nghi ngờ). Đến đây là một đoạn, đều nhằm khuyên chúng ta phải nghiêm túc tu học Pháp Môn này.

Hai dòng tiếp theo rất trọng yếu: “Nhu kỳ tín bất chân, nguyện bất thiết, niệm bất chuyên giả, bất danh đản niệm” (Nếu tín chẳng chân thật, nguyện chẳng thiết tha, niệm chẳng chuyên thì chẳng gọi là “chỉ niệm”). Đó chẳng gọi là “đản niệm”. “Đản niệm” là chuyên niệm. Kinh Vô Lượng Thọ nói “phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”. Câu chuyên niệm trong Kinh Vô Lượng Thọ chính là “đản niệm” được nói ở đây. Như thế sẽ không gọi là “nhất hướng chuyên niệm”. “Nãi danh tạp niệm” (Mà gọi là tạp niệm); chẳng phải là chuyên niệm, mà là tạp niệm. “Tuy khắng niệm Phật, nan trấn thật ích” (Tuy chịu niệm Phật, khó đạt được lợi ích thật sự). Tuy niệm Phật, không dễ gì đạt được lợi ích chân thật do niệm Phật. Lợi ích chân thật là gì? Vãng Sanh trong đời này, đó là lợi ích chân chánh. Đời này chẳng thể Vãng Sanh, sẽ chẳng đạt lợi ích chân thật. “Sở dĩ niệm Phật nhân đa, Vãng Sanh giả thiếu nhĩ” (Do đó, người niệm Phật đông, người Vãng Sanh ít ỏi). Đạo lý ở ngay chỗ này. Ở đây, Đại Sư đã giảng rất rõ ràng, minh bạch.

Lão Pháp Sư tuy là Tổ Sư bên Thiên Thai Tông, nhưng Ngài niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Trong hội của Ngài, người niệm Phật Vãng Sanh, biết trước lúc mất rất nhiều. Trước kia, chúng ta đã nghe lão Pháp Sư Đàm Hư kể: Ngài Đế Nhân có một học trò, tức là đồ đệ, không biết chữ, chưa từng nghe Kinh, chưa hề nghe Phật Pháp. Ông ta theo lão nhân gia xuất gia, Sư dạy ông ta một câu Nam Mô A Di Đà Phật. Sư bảo: “Ông cứ

niệm mãi một câu Phật hiệu ấy. Hễ niệm đã mệt bèn nghỉ ngơi. Nghỉ khỏe rồi bèn niệm tiếp, tương lai nhất định có lợi”. Nói thật ra, người học trò ấy hết sức thật thà, tuân theo lời thầy dạy một trăm phần trăm. Ông ta niệm như vậy, hễ niệm đã mệt bèn nghỉ ngơi. Nghỉ ngơi khỏe khoắn xong lại niệm tiếp. Niệm ba năm, biết trước lúc mất, đứng Vãng Sanh. Sau khi Vãng Sanh, còn đứng sững suốt ba ngày, chờ Sư Phụ đến lo liệu hậu sự cho mình. Chuyện này chẳng dễ dàng, sau khi Vãng Sanh còn đứng suốt ba ngày! Vị này là học trò của lão Pháp Sư Đê Nhân. Vì lẽ đó, chuyện này ngàn vạn phần chân xác. Bản chú giải này của lão hòa thượng là công phu tu chứng chân thật của Ngài, tuyệt đối chẳng có một câu nào là vọng ngữ, chúng ta hãy nên y giáo phụng hành.

Đối với phần còn lại của lời tựa, quý vị tự xem, tôi chỉ đề cập những chỗ trọng yếu với quý vị. Chúng ta xem trang thứ hai, số trang đều được ghi ở cuối trang. Xem từ ba chữ cuối của dòng thứ tư: “Phật thuyết tam chủng Tịnh nghiệp, đáp bỉ tư duy, thuyết thập lục diệu quán, thù kỳ Chánh Thọ” (Đức Phật nói ba thứ Tịnh nghiệp để đáp câu hỏi của bà ta về cách tư duy, nói ra mười sáu phép Quán màu nhiệm để trả lời câu hỏi về Chánh Thọ). Chữ Bỉ chỉ phu nhân Vi Đề Hy. Bà ta gặp hoàn cảnh xấu hèn, nói theo cách bây giờ, con trai của bà ta làm chánh biến (đạo chánh) đoạt quyền, cha ông ta là quốc vương. Ông ta đoạt quyền của cha, giết cha, hại mẹ. Trong tình huống như vậy, bà ta phát tâm chẳng muốn ở trong thế gian này, mong cầu sanh Tịnh Độ, mong đức Phật dạy cho biết có nơi nào tốt đẹp để bà ta sanh về đó hay không! Thích Ca Mâu Ni Phật

dùng Thần lực, biến hiện hết thấy các cõi Phật trước mặt phu nhân Vi Đề Hy để bà ta tự xem, tự mình chọn lựa. Sau khi xem xong, bà ta thưa rõ với Thích Ca Mâu Ni Phật, mong mỗi được sanh về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới. Ý nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới do chính phu nhân Vi Đề Hy chọn lựa, chẳng phải do Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu. Phật độ chúng sanh, phương pháp rất dân chủ, chẳng phải là chuyên chế, chẳng khuyên quý vị đến đâu, mà cho quý vị thấy toàn thể các cõi Phật để quý vị tự do chọn lựa. Đương nhiên, bà ta chọn lựa cõi tốt nhất, điểm này đáng cho chúng ta chú ý. Sau khi đã chọn lựa, bà ta liền thỉnh giáo Thích Ca Mâu Ni: “Làm thế nào thì mới có thể sanh về đó?” Do vậy, ở đây, đức Phật mới nói ra hai phương pháp quan trọng:

- Một là ba thứ Tịnh nghiệp,
- Hai là mười sáu phép Quán mẫu nhiệm.

Đây là dạy cho bà ta phương pháp trọng yếu để tu Tịnh Độ.

Trong đoạn này, cụ Đế Nhân đã nói rõ: “*Tiền thập nhị Quán, vị thượng căn nhân, giáo Quán Tưởng Niệm Phật*” (Mười hai phép Quán đầu để dạy người thượng căn tu Quán Tưởng Niệm Phật). Người thượng căn như vừa mới nói chính là người phiền não nhẹ, căn tánh ấy là thượng căn. Phép Quán thứ mười ba là Quán Tượng Niệm Phật (mười hai phép Quán trước đó là Quán Tưởng Niệm Phật) để dạy kẻ trung căn. Trung căn thì phiền não nặng hơn một chút, mười hai phương pháp trước đó chẳng thích hợp. Phép Quán cuối cùng, tức phép Quán thứ mười sáu dành cho kẻ hạ căn, hạ căn là ai? Kẻ ác nghiệp nặng nề.

Quý vị xem trang thứ hai, dòng thứ tư từ dưới đếm lên: “Duy tối hậu nhất Quán, vị tối hạ căn nghiệp trọng ác nhân, lâm chung ngục cảnh hiện tiền chi thời, thiện hữu giáo linh xung Phật danh hiệu, tức đắc Vãng Sanh” (Chỉ có phép Quán cuối cùng là vì kẻ ác, căn cơ thấp nhất, nghiệp nặng nề, lúc lâm chung cảnh địa ngục hiện tiền, bạn lành dạy người ấy xưng niệm danh hiệu Phật, liền được Vãng Sanh). Đây là kẻ tạo tác Ngũ Nghịch, Thập Ác, nghiệp chướng vô cùng nặng nề. Chúng ta hãy nghĩ xem nghiệp chướng của chính mình có nặng nề hay không? Có người nói: “Tôi chẳng phải là thượng căn, cũng coi như là trung căn, còn chưa đến mức hạ căn”. Thật ra, quý vị đọc Kinh này kỹ càng, sẽ thấy chúng ta đích xác là kẻ hạ hạ căn. Chúng ta tạo ác nghiệp, ác nghiệp cực nặng, nhưng chính mình không biết, chính mình chẳng giác ngộ! Hy vọng trong một tuần này, sau khi quý vị nghe xong, có thể tự mình biết bản thân nghiệp chướng, tập khí nặng nề thì quý vị đến tham gia pháp hội lần này sẽ có thu hoạch! Đối với người tội nghiệp cực nặng, sử dụng phương pháp gì sẽ có thể độ được? Trì danh niệm Phật có thể độ. Tập khí nghiệp chướng, tội nghiệp nặng nề, đừng sợ! Sợ là sợ chính mình không biết, chẳng biết quay đầu, chẳng biết niệm Phật thì chẳng còn có cách nào cả! Tội nghiệp cực nặng, nhưng tự biết chính mình nghiệp chướng nặng nề, biết niệm Phật, biết cầu sanh Tịnh Độ, vậy thì có thể cứu được, chẳng phải là không thể cứu. Vì thế, Pháp Môn này thật sự là một Pháp Môn chẳng thể nghĩ bàn.

Chúng ta lại xem dòng thứ sáu nơi trang thứ ba kể đó, đọc câu cuối cùng: “Kinh vân, trì thị Kinh giả, tức thị trì Vô Lượng Thọ Phật danh, tức chúng trì Kinh, trì danh, vô nhị trí dã. Tu trì Trì Danh nhất pháp, pháp nhĩ viên cụ Tam Quán diệu hạnh, sở vị ngô nhân nhật dụng tự bất tri nhĩ” (Kinh dạy: “Trì Kinh này chính là trì danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật”. Đủ chúng tổ trì Kinh và trì danh chẳng hai. Cần biết rằng: Một pháp Trì Danh vốn sẵn trọn đủ diệu hạnh Tam Quán, đó gọi là “bạn chúng ta sử dụng hằng ngày mà chẳng hay biết”). Mấy câu này rất trọng yếu, khai thị minh bạch: Niệm Phật và niệm Kinh như nhau. Đúng như trong chương Viên Thông, Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói: “Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật”. Vì nghiệp chướng tập khí của chính mình rất nặng, trong các buổi giảng, chúng tôi cũng thường nhắc nhở chư vị đồng tu điều này, nghiệp chướng là gì? Trong Kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói rất rõ ràng, vọng tưởng và chấp trước là nghiệp chướng. Trong phẩm Như Lai Xuất Hiện của Kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói rất rõ rệt, Ngài nói: “Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, nhưng do vọng tưởng và chấp trước mà chẳng thể chứng đắc”. Vọng tưởng là Sở Tri Chướng, chấp trước là Phiền Não Chướng. Quý vị có hai thứ ấy tồn tại, nên chẳng thể thấy Phật, chẳng thể minh tâm kiến tánh. Tu học trong Phật Pháp là trừ hai chướng mà thôi, dùng phương pháp là Giới, Định, Huệ. Những điều được gọi là Giới chính là “lấy độc trị độc”, dạy quý vị nghiêm

trì giới luật. “Trì” là chấp trước, dùng phương pháp chấp trước để phá chấp trước, lấy độc trị độc mà! Chúng ta phải hiểu điều này!

Mục đích của Giới là ở chỗ nào? Mục đích là đắc Định. Trì giới luật dẫu tốt đẹp cách mấy, nhưng tâm chẳng thanh tịnh thì Giới ấy liền biến thành phước báo hữu lậu, biến thành một thứ thiện hạnh trong thế tục. Điều thiện trong thế tục chẳng phải là chân thiện, mà là phước báo hữu lậu, nhất định phải đắc Định! Giống như chúng ta lên cầu thang, giới luật giống như cầu thang, nhằm mục đích nào? Phải tiến lên tầng lầu bên trên, chẳng thể ngừng tại cầu thang, chẳng tiến lên! Ngừng tại đó là sai lầm! Trèo lên thang lầu để tiến lên tầng trên, ắt cần phải bỏ tầng dưới thì mới có thể lên được tầng trên. Vì thế, nói là “xả đấ” (có bỏ thì mới đạt được), quý vị có thể bỏ phía dưới thì mới có thể lên được tầng trên. Do đó, có cần giới luật hay không? Cần! Phải nghiêm trì giới luật. Do vậy, cổ đức khuyên chúng ta trì giới niệm Phật. Trong Kinh Vô Lượng Thọ, từ chương ba mươi ba đến chương ba mươi bảy là giới luật. Vì lẽ đó, trong công khóa sáng của các đồng tu tại Hoa Tạng Đồ Thư Quán, chúng ta niệm bốn mươi tám nguyện; khóa tối bèn niệm từ chương ba mươi ba đến chương ba mươi bảy. Đó là trì giới niệm Phật. Mục đích của chúng tôi là hy vọng tâm nguyện và giải hạnh của chúng ta tương ứng với A Di Đà Phật, giống như A Di Đà Phật; như vậy thì mới có thể quyết định Vãng Sanh. Đó là giảng rõ: Công đức đọc Kinh và trì danh hoàn toàn giống nhau.

Niệm Phật nhằm mục tiêu nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn chẳng dễ cầu được! Vì thế, khuyên các đồng tu trước hết hãy niệm Kinh Vô Lượng Thọ. Trước hết là niệm Kinh nhuần nhuyễn, niệm đến mức có thể thuộc lòng, có thể niệm rất thuộc là bước công phu đầu tiên. Vì sau đã khi niệm rất thuộc, phải tu tâm thanh tịnh, tức là nói đến công phu. Công phu là gì? Trong bộ Kinh ấy, niệm từ đầu đến cuối chẳng dấy một vọng tưởng, đó là công phu. Nếu niệm được một nửa bèn dấy vọng tưởng, chẳng tính, lại niệm từ đầu. Lại niệm đến một nửa bèn dấy vọng tưởng, vẫn chẳng tính, lại bắt đầu niệm từ đầu. Đó là công phu! Công phu cạn là trong một bộ Kinh chẳng có vọng tưởng; công phu sâu là ba bộ hay năm bộ cũng chẳng có một vọng tưởng. Sâu hơn nữa, trong khi niệm mười bộ, hay niệm mười hai bộ, đều chẳng có một vọng tưởng nào, đó là thành tựu. Công phu cạn hay sâu là nói từ chỗ này!

Vì sao tôi không nói tới Phật hiệu? Chúng ta tội nghiệp sâu nặng, Phật hiệu chưa được! Vừa niệm Phật hiệu, vừa dấy vọng tưởng. Do đó, chẳng có cách nào, công phu sâu hay cạn dựa vào Phật hiệu, quả thật nhìn không ra, nhưng niệm Kinh sẽ nhìn ra! Khi niệm Kinh, hễ có vọng tưởng, liền biết ta niệm sai, hễ sai bèn niệm lại từ đầu. Do đó, công phu cạn hay sâu rất dễ dàng cảm nhận qua việc niệm Kinh. Niệm đến mức công phu của chính mình xác thực thành tựu thì ta niệm mười bộ cũng chẳng dấy lên một vọng niệm. Khi đó, chẳng cần niệm Kinh mà chuyên niệm Phật hiệu, đó chính là “một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật”. Tôi dạy chư vị phương pháp này, quý

vị hành theo phương pháp này, trong một đời này, chắc chắn Vãng Sanh. Chướng ngại kết thành cả khối là vì đâu? Kết thành cả khối vì trong tâm chúng ta vướng mắc quá nhiều chuyện, thị phi, nhân ngã quá nhiều. Quý vị chẳng buông những thứ ấy xuống được, không được rồi! Do đó, tham, sân, si, mạn, thị phi, ta người, thảy đều phải buông xuống.

Đối với chuyện tốt thì chuyện tốt chẳng bằng vô sự, nay chúng ta muốn gì? Muốn vô sự, chớ nên mong chuyện tốt! Đến khi công phu của quý vị thật sự thành tựu, hy vọng quý vị sẽ làm nhiều chuyện tốt. Hiện thời, vì sao chẳng thể làm chuyện tốt? Quý vị chẳng có công phu; hễ làm chuyện tốt sẽ hỏng, sẽ đọa lạc, vì chưa thể đoạn vọng tưởng, chấp trước được! Vì thế, chẳng cần làm chuyện tốt, kẻ khác chê ta là Tiểu Thừa, tiêu cực, cứ mặc cho họ nói. Ta công phu chẳng đủ! Giống như thấy có người ngã xuống nước chết chìm, người khác thúc giục: “Người là kẻ chẳng có tâm từ bi, người chẳng nhảy xuống cứu người ấy”. Tôi không biết bơi, nhảy xuống sẽ chết uổng một mạng! Tôi phải ngay lập tức đi học bơi. Người ta nói quý vị là Tiểu Thừa, là kẻ chỉ lo giải thoát riêng mình, hãy đáp: “Tôi đang học bản lãnh, hiện thời chẳng có bản lãnh cứu người khác!” Vì thế, chẳng mong mỗi quý vị phải làm chuyện tốt. Chẳng phải là tôi khuyên chư vị tiêu cực, mà do tôi thấy mọi người thiếu bản lãnh ấy. Quý vị chẳng có năng lực làm chuyện tốt, nên tôi nói lời thật cùng quý vị!

Tôi chỉ giới thiệu lời tựa với mọi người đến đây, nay chúng ta sẽ xem nội dung chính nơi trang thứ năm. Quán Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa

quyển thượng, chúng ta xem đề mục trong hàng thứ nhất: “Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ Diệu Tông Sao”. “Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh” là tựa đề của Kinh này. “Sớ” có nghĩa là khai thông. Kinh quá sâu, chúng ta là kẻ sơ học không hiểu. Sớ là chú giải, giải thích, khai thông những nghĩa lý, nên gọi là Sớ. Chú giải có rất nhiều danh xưng. Luận là chú giải, mà Sớ cũng là chú giải. Dùng những chữ ấy có gì sai khác? Bồ Tát chú giải Kinh, như Đại Trí Độ Luận là chú giải của Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật. Chúng ta thấy Lý Trường Giả Lý Thông Huyền chú giải Kinh Hoa Nghiêm, đặt tên là Hoa Nghiêm Hợp Luận, dùng chữ Luận, không dùng chữ Sớ, chẳng dùng chữ Sao. Chư vị phải biết, dùng chữ Luận nhằm nói rõ bản chú giải của vị ấy quyết định không sai, chẳng khác gì đức Phật đã nói, người đời sau chẳng thể sửa đổi, ngữ khí vô cùng khẳng định. Bồ Tát đại đức chú giải Kinh bèn dùng chữ ấy. Về sau, các vị Tổ Sư đại đức khiêm hư, chẳng dùng chữ Luận, mà dùng chữ Sớ. “Sớ” là có thể trong đó còn có chỗ chẳng đúng, xin quý vị hãy sửa đổi cho đúng hơn. Luận là chẳng thể sửa đổi, lời tôi chú giải chẳng khác lời Phật giảng, chẳng thể sửa đổi. Vì thế, dùng chữ Sớ hoặc Sao thì khiêm hư hơn. Người hiện thời càng khiêm hư hơn, dùng chữ Giảng Nghĩa, Thiên Thích (giải thích nông cạn), những chữ ấy càng khiêm hư hơn, ngay cả những chữ Sớ và Sao đều chẳng dám dùng, càng ngày càng khiêm hư hơn.

Nói thực tại, bộ Sớ này là Luận, nhưng Đại Sư khiêm hư. Sớ là giải thích Kinh, Sao nhằm giải thích Sớ, vì Sớ vẫn còn rất sâu, kẻ sơ

học vẫn chẳng dễ gì hiểu được! Tôn Giả Tứ Minh là hậu duệ của tông Thiên Thai, kế tục Trí Giả Đại Sư. Bộ Sớ này do Trí Giả Đại Sư soạn, Ngài Tứ Minh lại tiếp tục giải thích thêm lời Sớ của Trí Giả Đại Sư, nên gọi là Sao. Sớ Sao là được rồi, vì sao đặt tên là Diệu Tông Sao? Trong phần giải thích dưới đây có giảng, chúng ta hãy xem dòng thứ hai đếm từ dưới lên trong trang này, câu cuối cùng: “Sao danh Diệu Tông giả”, nghĩa là tác phẩm Sao này có tựa đề là Diệu Tông Sao. “Nãi thủ Sớ thích Kinh đề đại ý” (Do lấy từ đại ý trong phần Sớ giải thích tựa đề Kinh). Chữ Diệu Tông ngụ ý dựa theo các ý nghĩa chánh yếu trong phần giải thích tựa đề Kinh của Trí Giả Đại Sư, tức là trong phần Huyền Nghĩa, chọn lấy đoạn Huyền Nghĩa giải thích tựa đề Kinh thuộc Ngũ Trùng Huyền Nghĩa. Trí Giả Đại Sư dùng “viên diệu Tam Quán” để giải thích Năng Quán, tức là giải thích chữ Quán trong Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật. Thiên Thai Đại Sư (Trí Giả Đại Sư) dùng Không, Giả, Trung Tam Quán để giải thích chữ Quán ấy. Quán xét theo phương diện Năng Quán là Viên Diệu Tam Quán, đức Phật được quán (Sở Quán) là Vô Lượng Thọ Phật, nên Năng Quán (chủ thể thực hiện sự quán tưởng) và Sở Quán (đối tượng được quán tưởng) đều là viên diệu tột bậc. Đối với đối tượng của sự Quán ấy, tức là đối tượng của sự Quán trong Năng Quán gồm Tam Quán Không, Giả, Trung, chúng ta lãnh hội chẳng khó; bởi lẽ cảnh được quán gồm có các cảnh tượng được giới thiệu trong mười sáu phép Quán. Đã là mười sáu phép Quán, vì sao chỉ nói “Quán Vô Lượng Thọ Phật”? Vì sao đức Phật chẳng nói là Nhật

Quán (quán mặt Trời sắp lặn), Thủy Quán (quán nước đóng băng giống như đất lưu ly), hoặc Thụ Quán (quán cây báu)? Vì sao Ngài không nói những điều ấy, mà nói quán Vô Lượng Thọ Phật? Chư vị phải hiểu: Mười sáu phép Quán lấy Phật làm chủ. Nói Vô Lượng Thọ Phật thì y báo và chánh báo trang nghiêm đều được bao gồm. Ví như chúng ta nói Nhật Quán, Nhật Quán chẳng thể bao gồm Vô Lượng Thọ Phật. Nói Phật sẽ bao gồm hết thảy; nói những thứ khác, chẳng thể bao gồm hết thảy. Phép Quán thứ tám là Quán Thân Tướng, tức là quán Tây Phương Tam Thánh; phép Quán thứ chín là quán Vô Lượng Thọ Phật, nên Ngài chọn phép Quán thứ chín. Điều được quán trong tựa đề Kinh chính là phép Quán thứ chín, tức là quán Vô Lượng Thọ Phật.

“Phật ký tổng nhiếp dư thập ngũ cảnh” (nói tới Phật đã gồm chung mười lăm cảnh kia), bao gồm toàn bộ mười sáu phép Quán. “Cổ tri nhất nhất giai thị viên diệu Tam Đế Tam Quán dã” (Cho nên biết: Mỗi một phép Quán đều là Tam Đế, Tam Quán viên diệu), đó là cảnh giới của đối tượng được Quán (Sở Quán). Năng Quán là Trí, Sở Quán là Lý. “Thị Kinh ký dĩ diệu quán vi Tông” (Kinh này đã lấy Diệu Quán làm Tông), trong bộ Kinh này, Tông là phương pháp, tông chỉ tu học. Kinh này lấy Quán làm phương pháp tu học. “Học giả ung đương chú trọng Diệu Tông” (Người học hãy nên chú trọng Diệu Tông), hãy đặc biệt chú trọng. Niệm một câu danh hiệu A Di Đà Phật cũng là Quán, phép Quán này được xếp thành phép Quán thứ mười sáu. Nếu nói “trong Trì Danh chẳng

có Tam Chỉ Tam Quán ”, tức là chẳng phù hợp với giáo nghĩa trong Kinh! Rất nhiều người niệm Phật chẳng biết đạo lý này. Không biết, nhưng nếu người ấy có thể thật thà niệm Phật thì cũng chẳng quan trọng, vì sao? Diệu quán ở ngay trong thật thà! Nói thật ra, lũ bình phàm chúng ta chẳng thật thà. Thật thà thì tốt đẹp rồi, ai là người thật thà? Pháp Sư Đê Nhân nói người đồ đệ ấy của Ngài (tức vị tăng không biết chữ xuất thân là thợ vá nôi) mới là người thật thà. Trong ngàn vạn người, khó tìm được một người thật thà! Người thật thà phục tùng lời thầy răn dạy một trăm phần trăm, chẳng hoài nghi. Một câu Phật hiệu thật sự niệm đến mức chẳng hoài nghi, không gián đoạn, không xen tạp, đó là thật thà. Chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật hiệu, nhưng lại tưởng Đông, nghĩ Tây, lại nghĩ trước, nhớ sau, thật thà ở chỗ nào? Đó chẳng phải là thật thà! Có thể thấy thật thà đúng là chẳng dễ dàng.

Kế tiếp, phần đánh cách là nguyên văn trong lời Sớ, “Thiên Thai Trí Giả Đại Sư thuyết” (Thiên Thai Trí Giả Đại Sư nói), “thuyết” là “thuyết Sớ”, vì phần Sớ do Trí Giả Đại Sư soạn. “Tứ Minh Pháp Trí Đại Sư sao”, Sao là chú giải Sớ, do Tôn Giả Tứ Minh, tức Pháp Sư Tri Lễ soạn lời Sao. Tứ Minh là danh xưng của một địa phương, tức là núi Thiên Thai ở huyện Tứ Minh, tỉnh Chiết Giang. Hai vị Đại Sư này, Ngài Thiên Thai Trí Giả sống vào cuối đời Tùy đầu đời Đường, Tri Lễ Đại Sư là người thời Tống, là hậu duệ của Ngài Thiên Thai, có rất nhiều công hiến đối với tông Thiên Thai, có thể nói Ngài là “Thiên Thai trung hưng Đại Sư”. Ngài trước tác rất nhiều, chúng ta thường tôn xưng Ngài là “Tôn Giả

Tứ Minh”, lời Sao do Ngài viết. Chúng tôi tinh lược truyện ký của hai vị này, quý vị có thể tự đọc trong Cao Tăng Truyện. Ở đây, Pháp Sư Đề Nhân tinh lược tiểu sử của Trí Giả Đại Sư, viết đại lược tiểu truyện của Tôn Giả Tứ Minh, chúng ta có thể không cần đọc phần này.

Chúng ta xem phần lời tựa của Ngài trong trang thứ tám, xem phần đánh cách. “Phù lạc bang chi dữ khỗ vực, kim bảo chi dữ nê sa, thai ngục chi vọng hoa trì, cức lâm chi tử quỳnh thụ” (Ôi! Lạc bang so với khỗ vực, vàng và chất báu sánh với bùn cát, thai ngục trông ngóng ao hoa, rừng gai góc đem so cây quỳnh), bốn câu này so sánh hai Thế Giới. “Lạc bang” là Thế Giới Cực Lạc, “khỗ vực” (cõi khổ sở) là Thế Giới Sa Bà của chúng ta. Trước hết, nhìn từ hoàn cảnh sống trong hai Thế Giới, Tây Phương Cực Lạc Thế Giới thù thắng hơn cõi này quá nhiều! Tôi chỉ nói đại ý, phần giải thích chư vị tự đọc. Câu thứ hai, “kim bảo chi dữ nê sa” là nói đến hoàn cảnh vật chất. Trong Thế Giới này, nhìn đâu cũng thấy là bùn, cát, khắp mặt đất là bùn, cát. Tây Phương Cực Lạc Thế Giới là bảy báu. Kinh dạy: Đất đai trong Tây Phương Cực Lạc Thế Giới là lưu ly, lưu ly là vật gì? Người Hoa gọi lưu ly là Phỉ Thúy. Phỉ Thúy là một loại ngọc màu xanh, là loại ngọc tốt nhất, trân quý nhất, trong suốt; trong Phật Pháp loại ngọc ấy được gọi là “lưu ly”. Đại địa của Tây Phương Thế Giới do phỉ thúy tạo thành, chẳng phải là bùn, cát. Đất ấy kiên cố, chất đất trong suốt, thấy rõ ràng phía dưới mặt đất. Kinh nói là “hoàng kim vi địa”, vàng ròng lót đường. Chất đất bằng phỉ thúy, là

đất lưu ly. Trên mặt đất lưu ly, vàng ròng lót thành đường, giống như trong cõi này dùng nhựa đường và xi măng để trải đường. Từ đó quý vị chỉ biết nơi ấy sản vật phong phú, hai Thế Giới chẳng thể so sánh! Người trong Thế Giới này lấy những thứ bảy báu ấy làm thành đồ trang sức, đeo trên thân cảm thấy rất đẹp đẽ. Trong Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, những thứ báu ấy giống như bùn đất, là vật liệu để lót đường, ai ham những thứ ấy? Quý vị bèn hiểu kết cấu vật chất của hai Thế Giới chẳng giống nhau.

Nay chúng ta biết: Dưới sự phân tích hóa học, bảy báu và bùn cát như nhau, chẳng khác gì! Phân tích đến cuối cùng đều là nguyên tử, điện tử, nhưng công thức cấu tạo khác nhau! Thật ra, hết thảy vật chất đều do một loại vật chất cơ bản biến hiện. Trong Kinh Kim Cang, đức Phật đã giảng về hiện tượng vật lý ấy, các khoa học gia trong thế gian mãi đến gần đây mới phát hiện, nhưng từ ba ngàn năm trước, đức Phật đã giảng rõ ràng. Kinh Kim Cang giảng điều gì? “Nhất hợp tướng”, nay chúng ta gọi “nhất” là vật chất cơ bản. Tất cả hết thảy các nguyên tố đều do một vật chất ấy hòa hợp, kết thành, hiện thời chúng ta nói là do công thức cấu tạo khác nhau mà tạo thành những loại vật chất khác nhau. Các công thức ấy được sắp xếp như thế nào? Thưa cùng quý vị, do tâm ý thức biến hiện. “Duy thức sở biến”, thức là gì? Là suy tưởng. Tâm chúng ta nghĩ đến chuyện ác, nó sẽ kết hợp chẳng tốt đẹp, nên kết quả sẽ chẳng tốt đẹp, biến thành bùn, cát. Tâm chúng ta rất thanh tịnh, suy nghĩ những điều thuận thiện, kết cấu của nó liền biến hóa, biến thành đẹp đẽ nhất. Vì thế, Thế

Giới tịnh hay uest, hoàn cảnh nhân sinh thiện hay ác đều do tâm chúng ta biến hiện.

Tâm người hiện thời so với tâm người trong quá khứ, nói thật thà thì xấu xa hơn rất nhiều, chẳng được thuận hậu như người thuở trước. Vì thế, hiện thời toàn cầu bị ô nhiễm nghiêm trọng. Sự ô nhiễm ấy gần như khiến cho nhân loại trên Thế Giới chẳng có cách nào sống sót, nên nói là “hoàn cảnh ô nhiễm”. Hoàn cảnh ô nhiễm từ đâu tạo thành? Tâm lý ô nhiễm, tinh thần ô nhiễm, đó mới là căn bản! Nếu chúng ta chẳng thể tịnh hóa từ tâm địa, tịnh hóa nơi tinh Thần, mà muốn cải thiện sự ô nhiễm nơi hoàn cảnh, sẽ là chuyện chẳng thể nào thực hiện được! Vì sao? Đó là chuyện đặng ngọn. Tâm địa là gốc, phải đổ công dốc sức nơi tâm địa, đó là “trị tận gốc”. Dầu nỗ lực làm chuyện bên ngoài thế nào đi nữa, đều là “trị đặng ngọn”, chẳng có cách nào thật sự cứu vãn triệt để được! Câu thứ hai là nói về hoàn cảnh vật chất.

Câu thứ ba nói về hoàn cảnh nhân sự. Trong Thế Giới này, chúng ta là thai sanh, thai, noãn, thấp, hóa, thai sanh bèn có nỗi khổ của thai sanh. Tây Phương Cực Lạc Thế Giới là liên hoa hóa sanh. “Hoa trì” ý nói “hóa sanh trong hoa sen nơi ao bảy báu”. Làm sao có thể so sánh cho được? Thai sanh có những nỗi khổ sanh, lão, bệnh, tử; hóa sanh chẳng có. Vãng Sanh Thế Giới Cực Lạc, đức Phật đến đón tiếp chúng ta, liên hoa hóa sanh, thân tướng do hóa sanh hoàn toàn giống như A Di Đà Phật, cũng chẳng thấp hơn A Di Đà Phật chút nào, mà cũng chẳng xấu hơn A Di Đà Phật chút nào, chẳng thể! A Di Đà Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng

đều có vô lượng hảo, hóa thân của quý vị giống như Phật. Vì vậy, Thế Giới Tây Phương là Thế Giới bình đẳng, chuyện này được chép trong Kinh Vô Lượng Thọ. Không chỉ là Kinh Vô Lượng Thọ, mà trong bốn mươi tám nguyện, A Di Đà Phật đích thân nói ra. Do đó, người trong Thế Giới Tây Phương diện mạo hoàn toàn giống nhau, vóc dáng cũng giống nhau, màu da cũng như nhau, thọ mạng cũng giống nhau, đều là vô lượng thọ. Chẳng thể nói “hóa sanh trong hoa sen là một đứa bé, dần dần trưởng thành”; nếu vậy thì có gì khác với Thế Giới này của chúng ta? Chỉ cần có biến hóa thì sẽ còn có sanh tử. Tây Phương Cực Lạc Thế Giới chẳng có biến hóa, chẳng có trẻ nhỏ, người lớn, cũng chẳng có già chết! Phật vô lượng thọ, tất cả hết thảy những người Vãng Sanh cũng đều vô lượng thọ, điều này chẳng thể nghĩ bàn! Trong cõi này, chúng ta luôn biến hóa trong từng sát na, nên thế gian này nói “vạn pháp vô thường”. Tây Phương Cực Lạc Thế Giới chẳng có biến hóa, hết thảy các pháp là chân thường. Hễ có biến hóa, sẽ chẳng thật. Chẳng có biến hóa mới là thật, Kinh Vô Lượng Thọ đã giảng điều này hết sức cặn kẽ.

Câu cuối cùng nói đến sự thụ dụng. Cuộc sống trong cõi chúng ta gian nan, giống như ở trong rừng gai góc, cây cối có gai, hết sức khó đi lại. Con người từ lúc sanh ra cho đến khi chết già, con đường ấy rất khổ! Dùng “rừng gai góc” để tỷ dụ chuyện này. Tây Phương Cực Lạc Thế Giới “quỳnh lâm, ngọc thụ” (rừng quỳnh, cây ngọc), hoàn toàn là hưởng thụ, du sơn ngoạn thủy, sự hưởng thụ ấy chẳng thể sánh tầy. Do đó, bốn câu này là trình bày đơn giản về sự khác biệt giữa hai Thế Giới. Về mặt

Sự, chúng ta hiểu rõ: Vì sao bất đồng? Phải nói tới nguyên nhân nào, đoạn kế tiếp sẽ nêu ra. Trên thực tế, chúng tôi vừa mới đề cập cùng chư vị đại lược nguyên nhân ấy.

Chúng ta đọc đoạn văn ấy dòng thứ tư từ dưới đếm lên trong trang thứ chín: “Thành do tâm phân cấu tịnh, kiến lưỡng độ chi thăng trầm, hạnh khai thiện ác, đồ nhị phương chi thô diệu” (Đúng là do tâm chia ra cấu hay tịnh, mà thấy hai cõi thăng trầm; do hạnh phân thành thiện, ác, mà thấy hai phương thô hay diệu). Trong lời Sao, Tôn Giả Tứ Minh đã giảng: “Báo chi tịnh uế, thật tòng tâm hạnh nhị nhân sở trí” (Quả báo là tịnh hay uế, thật sự do hai cái nhân là tâm và hạnh gây nên). Quả báo trong hai Thế Giới khác nhau; vì sao khác nhau? Do lòng người trong hai Thế Giới khác nhau, hành vi cũng khác nhau. Ngài nói ra nguyên do ấy. Tâm là gì? Một đằng là mê, một đằng là ngộ, “liễu” là giác ngộ. Lòng người trong Thế Giới Sa Bà mê hoặc, điên đảo; tâm người trong Tây Phương Cực Lạc Thế Giới thông đạt, hiểu rõ hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian. Trong hành vi của người trong Thế Giới Sa Bà có thiện hay ác, còn hành vi của họ (người trong cõi Cực Lạc) hoàn toàn tương ứng với Chân Như bản tánh. Đó là thuận, là thiện. Hành vi của chúng ta hoàn toàn trái nghịch Chân Như bản tánh, đó là ác. Đây là nói rõ vì sao quả báo trong hai Thế Giới khác nhau: Vì nhân của họ khác nhau. Bộ Kinh này nhằm đặc biệt nói rõ, nhằm nói tường tận nhân quả với chúng ta. Nếu chúng ta muốn cầu sanh Tây

Phương Cực Lạc Thế Giới, chư vị đồng tu phải biết: Tâm chúng ta phải tịnh, hạnh của chúng ta phải thiện. Tâm chẳng thanh tịnh, hạnh bất thiện, niệm A Di Đà Phật cũng chẳng có tác dụng! Cổ nhân bảo là “mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, rách toạc cổ họng vẫn uổng công”. Chỉ có thể nói là gieo một chút thiện căn, chẳng thể Vãng Sanh trong một đời này! Vì thế, người thật sự cầu Vãng Sanh, phải chú trọng tu trì nơi tâm hạnh. Có cần nghỉ giải lao hay không? Được rồi, chúng ta nghỉ mấy phút.

TẬP 2

Xin mở quyển Kinh, trang thứ mười, dòng thứ ba đếm từ dưới lên:

“Dụ hình đoan tắc ảnh trực, nguyên trực tắc lưu hôn” (Ví như hình thể ngay ngắn thì hình ảnh ngay thẳng; nguồn đã như bản thì dòng chảy đục ngẫu). “Hình đoan”: “Đoan” là đoan chánh, tỷ dụ tịnh nhân, thiện hạnh; “ảnh trực” là tỷ dụ quả báo. Nhân quả trong Tây Phương thù thắng là do chỗ này. Nhìn lại Thế Giới Sa Bà, “nguyên trực”, “nguyên” là nói tới “tâm nguyên” (nguồn tâm). Tâm chúng ta nhiễm đấm, nói theo cách hiện thời là “ô nhiễm”. Kinh thường hình dung Thế Giới của chúng ta là “ngũ trực ác thế” (đời ác năm trực). “Trực” là ô nhiễm, “ngũ trực” là năm thứ ô nhiễm nghiêm trọng. Tâm không thanh tịnh, nên hành vi sẽ bất thiện, hành vi tạo nghiệp Thập Ác, hạnh bèn bất thiện. Do đó, sẽ là “lưu hôn” (dòng chảy đục ngẫu). “Lưu” là giống như nước chảy, tự nhiên sẽ chẳng sạch sẽ. Nước ấy “hôn” (đục ngẫu), chữ “lưu hôn” chỉ Thế Giới này của chúng ta. Đó là dùng tỷ dụ để nói về nhân và quả báo trong hai Thế Giới.

Trong đoạn văn tiếp theo, “tự tịnh thị tu” (dạy cách tu hành để đạt được tịnh), hãy xem dòng thứ tư nơi trang mười một: “Cố tri dục sanh Cực Lạc quốc độ, tất tu thập lục diệu quán, nguyện kiến Di Đà Thế Tôn, yếu hành tam chủng Tịnh nghiệp (Vì thế, biết là muốn sanh về Cực Lạc, ắt phải tu mười sáu phép Quán nhiệm màu, nguyện thấy Di Đà Thế Tôn, phải hành ba thứ Tịnh nghiệp). Ở đây, Đại Sư đã vì chúng ta thiết tha

khai thị: Muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, chẳng thể không biết mười sáu môn diệu quán. Tu thành công bất cứ một phép Quán nào trong mười sáu môn diệu quán, đều có thể Vãng Sanh Tây Phương Thế Giới. Từ phép Quán thứ nhất là Nhật Quán đến phép Quán cuối cùng là Trì Danh, thành tựu bất cứ phép Quán nào cũng đều được. Tu hai ba phép Quán trong ấy cũng được; tu trọn mười sáu phép Quán cũng được. Bất luận là bao nhiêu, chỉ cần quý vị có thể tu thành công; như thế nào thì mới được gọi là “thành”? Đoạn Kinh Văn tiếp đó đã giảng rõ: Mười sáu phép Quán ấy đều là diệu quán, vì sao? Bất cứ phép Quán nào cũng đều là tu trọn vẹn Không - Giả - Trung Tam Quán, Nhất Tâm Tam Quán. Mười sáu phép Quán ấy đều là Nhất Tâm Tam Quán, kể cả niệm Phật. Đó là chánh tu, là thiện nhất trong các điều thiện. “Nguyện kiến Di Đà Thế Tôn, yếu hành tam chủng Tịnh nghiệp” (Nguyện thấy Di Đà Thế Tôn, phải hành ba thứ Tịnh nghiệp). Ba thứ Tịnh nghiệp vô cùng quan trọng; khi giảng Di Đà Kinh Sớ Sao, tôi đã nói cặn kẽ cùng quý vị. Ở đây, vẫn phải giảng chi tiết cùng mọi người, vì có những đồng tu chưa nghe Di Đà Kinh Sớ Sao, điều này có quan hệ quá lớn đối với sự tu Tịnh nghiệp của chúng ta. Trong phần sau, chúng ta sẽ xem đến ba thứ Tịnh nghiệp, sẽ đọc thấy những điều ấy khi xem đến phần Kinh Văn tương ứng. Chúng ta lại xem phần kế tiếp của lời tựa nơi trang mười hai, dòng thứ hai.

“Nhiên hóa nhân sự tiệt, giáo tạ duyên hưng, thị dĩ Xà Vương sát nghịch, Vi Đề ai thỉnh” (Nhưng nhân duyên giáo hóa phải do Sự

mà dần dần hình thành, giáo cấy vào duyên để hưng khởi. Kinh này là do vua A Xà Thế phạm tội nghịch giết cha, bà Vi Đề Hy buồn bã thỉnh cầu). Đoạn này nói đến nguyên do của pháp hội. Vì sao có pháp hội như thế này? Vì hành vi phản nghịch của vua A Xà Thế (Ajātasatru), khiến cho mẹ ông ta vô cùng đau thương. Phu nhân Vi Đề Hy (Vaidehi) là mẹ của A Xà Thế, bèn khai thỉnh đức Thế Tôn, hy vọng Vãng Sanh một cõi Tịnh Độ an lạc. Pháp hội do đó mà có, đó cũng là duyên do giáo học của bộ Kinh này được hưng khởi như thế đó. “Đại Thánh thù Từ, thừa cơ diễn pháp” (Đức đại Thánh rủ lòng Từ, thừa dịp diễn nói pháp), chúng ta hãy xem câu văn được in theo lối đánh cách trong lời Tựa. “Đại Thánh” là Thích Ca Mâu Ni Phật. Trong hết thảy Thánh hiền, Phật đã chứng đắc quả vị rốt ráo viên mãn, chẳng có ai cao hơn Ngài, nên chúng ta tôn xưng Ngài là Đại Thánh. “Thừa cơ diễn pháp” là dựa vào cơ duyên này để diễn giảng Pháp Môn này. “Diệu ngọc tướng dĩ lưu thái, tủng kim đài nhi hiển thụy, tuy quảng thị trân vực, nhi tông quy An Dưỡng” (Tướng ngọc chói ngời tuôn hào quang nhiều màu, đài vàng cao chói vót hiện diêm lành, tuy chỉ bày rộng rãi cõi quý báu, nhưng đề cao, quy kết An Dưỡng). Mấy câu này nhằm nhắc đến câu chuyện đức Thế Tôn phóng quang, hiện tướng lành, phu nhân Vi Đề Hy chọn lựa Tây Phương Cực Lạc Thế Giới. Trong phần trước, tôi đã nhắc sơ qua: Thích Ca Mâu Ni Phật triển hiện hết thảy các cõi Phật trước mặt phu nhân để bà ta tự tuyển chọn. Sau khi xem xong, bà ta chọn lấy Tây Phương Cực Lạc Thế Giới. Câu cuối cùng trong lời Sao, tức là

từ hàng thứ ba trong trang mười ba, bà ta nói: “Ngã kim nhạo sanh Cực Lạc Thế Giới, A Di Đà Phật sở” (Nay con thích sanh về Thế Giới Cực Lạc là chỗ của A Di Đà Phật), phu nhân tự mình chọn lựa.

Lại xem lời tựa: “Sử mật tục hữu duyên, tuân tư diệu quán” (Khiến cho kẻ tục hữu duyên trong đời Mật Pháp, sẽ tuân hành pháp Quán mẫu nhiệm này). Nói thật ra, phu nhân Vi Đề Hy và vua A Xà Thế đều là Bồ Tát hóa thân, giống như hát tuồng, diễn trò cho chúng ta xem, há có phải là ác nghịch thật sự? Không gì chẳng nhằm dùng phương pháp này để khuyên chúng ta chọn lựa Pháp Môn vô thượng, viên đôn, thù thắng bậc nhất, khiến cho hết thảy chúng sanh tội ác sẽ được thành tựu trong một đời. Đúng là bi tâm triệt để của chư Phật, Bồ Tát, nhất là trong thời kỳ Mật Pháp. “Mật tục” là chúng sanh thế tục hữu duyên trong thời Mật Pháp, những ai hữu duyên? Giống như các đồng tu đang hiện diện đều có duyên. Duyên có sâu hay cạn khác nhau! Duyên sâu, vừa tiếp xúc liền tin tưởng, liền nghiêm túc tu hành. Duyên cạn thì có thể tin, nhưng vẫn chẳng thể buông xuống được, tức là như trong phần trước đã nói, chẳng thể chuyên tu, mà là tạp tu. Đó là duyên cạn. Chuyên tu là duyên sâu, duyên sâu quyết định thành tựu trong một đời này. Duyên cạn bèn kết pháp duyên, trong đời này, rất khó thành tựu! Cổ đức bảo chúng ta: Tạp tu thì trong một vạn người chỉ có thể dăm ba người Vãng Sanh. Thiệt Đạo Đại Sư nói người chuyên tu thì trăm người tu, trăm người Vãng Sanh, ngàn người tu, ngàn người Vãng Sanh, chẳng sót một ai! Vạn

người tu, vạn người đến! Nói thực tại, Pháp Môn này khó tin, đúng là khó tin!

Chúng ta thấy Tổ Sư đại đức từ xưa, thường là đến tuổi già mới tin tưởng. Tổ Sư của Tịnh Tông cũng chẳng phải là ngoại lệ. Các vị Liên Trì và Ngẫu Ích đều là lúc tuổi già. Liên Trì Đại Sư đến tuổi xế chiều, chúng ta biết Ngài thật sự triệt để giác ngộ, nên mới nói: “Tam Tạng thập nhị bộ, nhượng cấp biệt nhân ngộ, bát vạn tứ thiên hạnh, nhiều dư tha nhân hành” (Tam Tạng, mười hai bộ, nhường cho người khác ngộ. Tám vạn bốn ngàn hạnh, để cho kẻ khác hành). Lúc tuổi già, sau khi triệt để giác ngộ, bèn một bộ Kinh Di Đà, một câu Phật hiệu A Di Đà Phật, những thứ khác thầy đều bỏ sạch. Chư vị phải biết: Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, quý vị đọc Tịnh Độ Ngũ Kinh, hãy tra duyệt, điều kiện Vãng Sanh là Tín, Nguyện, Hạnh. Tín là thật sự tin tưởng, tuyệt đối chẳng hoài nghi. Nguyện là có nguyện vọng khẩn thiết, ta muốn sanh sang Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, muốn thấy A Di Đà Phật. Hạnh là một câu Phật hiệu trong mười hai thời chẳng gián đoạn, không xen tạp, đó là Hạnh. Chúng ta xem lời khai thị của Ngẫu Ích Đại Sư về niệm Phật: Một người niệm Phật vừa muốn hành trì giới, vừa muốn đáp y, đi trì bát (khất thực), vừa muốn tụng Kinh, vừa muốn làm pháp hội, vừa muốn bái sám, đó là tạp tu! Quả báo là một chút si phước trong thế gian mà thôi, chẳng thể thành tựu, đã hoàn toàn phá hoại chuyên tu!

Chúng ta nghĩ tới Liên Trì Đại Sư vào lúc tuổi già: Một câu A Di Đà Phật bốn chữ. Quý vị đọc Trúc Song Tùy Bút sẽ thấy: Người

khác thỉnh giáo lão nhân gia: “Lão nhân gia dạy người khác tu hành theo cách nào?” Ngài đáp: “Tôi dạy người khác niệm sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật”. Người ta hỏi: “Chính lão nhân gia tu hành thì sao?” Ngài bảo: “Bản thân tôi tu hành niệm bốn chữ A Di Đà Phật”. Người khác bèn hỏi Ngài: “Do duyên cớ nào?” Ngài đáp: “Tôi nhất tâm nhất ý trong một đời này, quyết định phải thấy A Di Đà Phật. Kinh dạy ‘chấp trì danh hiệu’ mà danh hiệu chỉ có bốn chữ, Nam Mô chẳng phải là danh hiệu”. Vì thế, thật sự mong Vãng Sanh, hết thấy những thứ khách sáo đều chẳng cần, đều chẳng cần thiết. Ngài nói: “Tôi khuyên người khác, người khác chưa chắc đã bằng lòng Vãng Sanh, nên thêm chữ Nam Mô rất thích hợp. Nam Mô nghĩa là cung kính, quy y”. Tức là quy y, cung kính A Di Đà Phật, nhưng chưa chắc muốn Vãng Sanh. Thật sự mong Vãng Sanh thì hết thấy những thứ cố kỵ đều chẳng có.

Cổ đức giảng về pháp môn này rất rõ ràng: Là cảnh giới Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm là cảnh giới gì? Hoa Nghiêm là cảnh giới Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, chẳng có chướng ngại. Nói cách khác, chẳng có hết thấy kỳ hựu. Tượng A Di Đà Phật có thể thờ trong phòng ngủ. Quý vị nói người trì giới thờ như vậy đâu có được, thiếu cung kính! Được rồi, sự cung kính ấy khiến cho công phu của quý vị gián đoạn, xen tạp, chẳng thể Vãng Sanh! Hiện thời, nếu muốn đến Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, chẳng bàn tới những chuyện ấy, điều khẩn yếu là gì? Ở bất cứ chỗ nào, ta đều có thể trông thấy tượng của A Di Đà Phật, ta luôn có thể khởi lên “A

Di Đà Phật”. Đó là đúng, chẳng sai tí nào! Đối với kẻ chẳng muốn Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới thì phải cung kính, phòng ngủ của quý vị là căn phòng thông thường, chớ nên thờ tượng Phật. Người thật sự muốn Vãng Sanh, nghi ngại gì cũng đều chẳng có, chư vị phải biết chuyện này. Vì sao? Mục đích là khiến cho trong mười hai thời, thời thời khắc khắc nhắc nhở chính mình, quyết định chớ nên quên mất lần nào. Chúng ta nghe âm thanh niệm Phật nhắc nhở chính mình, nhìn tượng Phật để nhắc nhở chính mình, chuyện này trọng yếu hơn bất cứ điều gì khác! Nghi ngại gì cũng đều chẳng cần kiêng kỵ! Pháp Môn này là Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Do đó, Pháp Môn này thù thắng, viên đốn đến tột bậc, vô ngại tột bậc. Cổ nhân bảo: “Chuyên trung chi chuyên, đốn trung chi đốn, viên trung chi viên” (Chuyên nhất trong các pháp chuyên, đốn nhất trong các pháp đốn, viên nhất trong các pháp viên). Nếu còn có những chướng ngại ấy, làm sao có thể gọi là Viên cho được? Nếu còn có chướng ngại như vậy sẽ chẳng viên. Cái này chẳng thể, cái kia chẳng thể, tức là có chướng ngại, chẳng phải là vô chướng ngại. Chư vị đồng tu nhất định phải ghi nhớ điều này.

Chúng ta chỉ có một niềm hy vọng; nói thật thà, hy vọng duy nhất của A Di Đà Phật và Thích Ca Mâu Ni Phật là mong sao chúng ta thành Phật trong một đời này, hy vọng chúng ta suốt một đời này một câu A Di Đà Phật chẳng gián đoạn. Trong tâm chỉ có một câu Phật hiệu, tuyệt đối chẳng có vọng niệm thứ hai. Hễ có một vọng niệm là trật rồi, vọng niệm ấy liền biến thành xen tạp, gián đoạn. Chư Phật, Bồ Tát, chư vị Tổ Sư đại

đức dạy chúng ta công phu chẳng xen tạp, không gián đoạn như thế nào thì nhất định phải tuân thủ. Đó gọi là duyên sâu, duyên chín muồi, quyết định Vãng Sanh trong một đời này. Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, quyết định thành Phật trong một đời này, quý vị nghĩ xem: Duyên ấy hy hữu lắm! Vì lẽ đó, Cư sĩ Bàn Tế Thanh đã viết trong Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận như sau: “Đây là một ngày hy hữu khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay”, đúng vậy, chẳng giả!

Lại xem hai câu kệ tiếp: “Lạc nhật huyền cổ, dụng tiêu tống tướng chi phương” (quán tướng Mặt Trời lặn giống như cái trống treo nhằm nêu rõ nơi chốn sẽ đặt tâm tướng vào đó). Đây là nói đến mười sáu phép Quán trong Kinh này. Phép Quán thứ nhất trong mười sáu phép Quán là Nhật Quán, tức là quán mặt Trời lặn, cũng nhằm dạy chúng ta nghĩ tới Tây Phương. Trong phép Quán mặt Trời lặn, có hai ý nghĩa:

- Thứ nhất là khiến cho tâm chẳng rong ruổi, tâm chẳng tán loạn.
- Thứ hai là niệm niệm nghĩ tướng Tây Phương.

Đó là thật sự giác ngộ, triệt để giác ngộ, vì sao? Chúng ta đời đời kiếp kiếp đều phải luân hồi trong lục đạo, quá khổ! Trong đời quá khứ, chúng ta có tu Tịnh Độ hay không? Đã tu! Không chỉ đã tu, mà còn là đời đời kiếp kiếp đều tu tập! Vì sao đời đời kiếp kiếp tu tập mà vẫn chẳng thể Vãng Sanh, đều chẳng Vãng Sanh thành công? Do chúng ta tu hành chẳng đúng pháp, công phu không đặc lực, làm

lạc! Thế nào là không đúng pháp? Tọa tu! Chẳng phải là chuyên tu. Trong đời này, nếu phạm phải bệnh cũ; nói cách khác, đời này vẫn chẳng thể thành tựu, vẫn phải đợi đến đời sau. Thật sự giác ngộ trong một đời này, từ nay về sau, chúng ta chuyên tu, quyết định chẳng tọa tu.

Chuyên tu thì phải hỏi: Ta phải tu bao lâu thì mới có thể thành tựu? Chuyện này phụ thuộc công phu của bản thân quý vị là siêng năng hay lười nhác. Nếu quý vị tinh tấn, thời gian ắt chẳng rất dài. Nếu quý vị giải đãi, phải mất mấy năm công phu. Vẫn phải là tùy thuộc thiện căn của chính mình dày hay mỏng, thiện căn là gì? Chân tín, chân nguyện là thiện căn. Phước đức là gì? Chuyên niệm là có phước, là phước đức, câu danh hiệu này được gọi là “vạn đức hồng danh”. Chuyên niệm bèn có phước; tọa niệm, phước mỏng hơn một chút. Chuyên niệm, phước dày nhất. Ngẫu Ích Đại Sư khuyên chúng ta chuyên trì Phật hiệu, buông xuống hết thấy, vì sao? Trong một câu Phật hiệu, không chỉ bao quát hết thấy các Pháp Môn và hết thấy các phương pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong một đời, mà ngay cả vô lượng vô biên Pháp Môn do hết thấy chư Phật, chư Bồ Tát trong mười phương vô lượng vô biên Thế Giới đã nói, cũng chẳng vượt ra ngoài một câu Phật hiệu này. Câu Phật hiệu này là Pháp Môn đại tổng trì, quý vị chẳng niệm câu này thì niệm gì đây? Niệm những thứ khác, tu những thứ khác chỉ là một bộ phận, niệm

câu A Di Đà Phật là toàn thể. Phải biết điều này, công đức chẳng thể sánh tầy!

Câu kế tiếp là: “Đại thủy kết băng, thật biểu lưu ly chi địa” (Đại thủy đóng băng, quả thật biểu thị đất lưu ly). Đây là phép Quán thứ hai, tức Thủy Quán. Đối với loại quán tưởng này, Kinh Hoa Nghiêm đã nêu ra lý luận. Trong Kinh Hoa Nghiêm có nói: “Ứng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo” (Hãy nên quán tánh của pháp giới, hết thảy chỉ do tâm tạo). Kinh Lăng Nghiêm giảng: “Nhược năng chuyển cảnh, tắc đồng Như Lai” (Nếu có thể chuyển cảnh, ắt giống như Như Lai). Do vậy có thể biết, hết thảy “vật cảnh” (hoàn cảnh vật chất) đều do phân biệt, tương tượng biến hiện. Kinh Kim Cang đã dạy: “Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh” (Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). Ý báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới sanh từ tâm tưởng. Tâm tịnh, biến hiện cảnh giới Tịnh Độ. Tâm uế, cảnh được biến hiện sẽ là uế độ. Nếu chúng ta hiểu rõ đạo lý này, không chỉ là cầu sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, mà còn trong một đời này, khi thọ mạng vẫn chưa hết, sống trên thế gian này, đối với khổ, lạc, họa, phước trong thế gian, chính mình đều có thể làm chủ tể. Chỉ cần hiểu rõ đạo lý này, chính mình có thể làm chủ, xác thực là trong một đời này, chính mình có thể hưởng thụ viên mãn nhất, sung sướng nhất, cuộc đời hạnh phúc nhất. Thừa cùng quý vị, đó gọi là hoa báo, tương lai Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới là quả báo.

Đời người hạnh phúc mỹ mãn, không nhất định là rất có tiền, không nhất định là rất có địa vị! Nói thật thà, có tiền, có địa vị, chưa chắc đã có hạnh phúc. Hạnh phúc thật sự là gì? Là trong tâm chẳng vướng mắc, chẳng có ưu lự, đó là hạnh phúc thật sự. Trong tâm chuyện gì cũng đều chẳng có, tâm thanh tịnh, thân thanh tịnh. Thân tâm thanh tịnh, Thế Giới bèn thanh tịnh. Thế Giới là cảnh chuyển theo tâm, Thế Giới bèn thanh tịnh. Đó là hạnh phúc thật sự. Trong tâm có ưu lự, có vướng mắc, tâm sẽ không thanh tịnh, sẽ có phiền não, sẽ có nghiệp chướng. Trong tâm thanh tịnh, lấy đâu ra chướng ngại? Chẳng có chướng ngại. Vì thế, nếu chư vị muốn biết khi nào nghiệp chướng của chính mình tiêu trừ ư? Khi nào trong tâm quý vị chẳng có vọng niệm, chẳng có ưu lự, vướng mắc, nghiệp chướng liền tiêu trừ. Khi ấy, quý vị sẽ cảm ứng đạo giao cùng Tây Phương Cực Lạc Thế Giới A Di Đà Phật, trao đổi tin tức với Ngài, gửi điện báo qua lại, chính mình nắm chắc Vãng Sanh, đã có tín tâm, đó là vui sướng! Trong thế gian này, giống như chư Phật, Bồ Tát thị hiện, du hý Thần thông, du ngoạn khắp nơi, đến Thế Giới Sa Bà để viễn cảnh, đến để du lịch. Đó mới là hạnh phúc thật sự, viên mãn thật sự.

Lại xem hai câu tiếp theo: “Phong ngâm bảo điệp, cộng thiên nhạc nhi đồng phôn. Ba động kim cừ, tương khế Kinh nhi hợp hưởng” (Gió lùa cây báu vang tiếng ngân nga, hòa điệu cùng nhạc Trời rộn rã. Sóng gợn khe ngòi vàng, hòa tiếng cùng khế Kinh vang vọng). Hai câu này, câu trước là Bảo Thụ Quán, câu sau là Bảo Trì Quán, đến phần sau chúng ta sẽ đọc tới ao sen bảy báu. “Quán nhục kế nhi chiêm thị giả, niệm sắc

tướng nhi đồ Như Lai” (Quán nhục kế để chiêm ngưỡng hai vị thị giả, nghĩ nhớ sắc tướng để thấy Như Lai), câu trước là quán tướng Quán Âm và Thế Chí, câu sau là quán Vô Lượng Thọ Phật. Trong Thế Giới Tây Phương, sắc tướng của Phật và Bồ Tát giống nhau. Chỗ sai biệt giữa Phật và Bồ Tát là đỉnh đầu nơi thân tướng của các Ngài khác nhau. Đỉnh đầu Phật là tướng nhục kế, còn Bồ Tát đội mũ. Trên thực tế, nếu Bồ Tát bỏ mũ ra, sẽ hoàn toàn giống như Phật, hoàn toàn chẳng có sai biệt. Ngài đội mũ thì mũ còn có sai biệt. Chính giữa mũ của Quán Âm Bồ Tát là tượng đứng của A Di Đà Phật, chính giữa mũ của Đại Thế Chí Bồ Tát là một bình báu. Đây là điểm sai biệt để chúng ta phân biệt vị nào là Quán Âm, vị nào là Đại Thế Chí. Nếu chẳng có tướng ấy, sẽ chẳng có sai biệt, hoàn toàn giống nhau. Đến phần Kinh Văn, chúng ta sẽ đọc thấy chuyện này.

“Cập kỳ minh mục cáo chung, thượng trần đài nhi cao dững. Văn thành ấn hoại, tọa kim liên nhi hóa sanh” (Tới khi nhắm mắt qua đời, ngự đài báu bay vọt lên cao; nét khắc đã in thành, ấn liền tan nát, ngồi sen vàng để hóa sanh), đây là nói tới ba bậc chín phẩm Vãng Sanh. Trong phần giải thích, Tôn Giả Tứ Minh đã giảng rất rõ ràng. Chư vị đồng tu cần phải biết: Phạm Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, đều là Vãng Sanh trong khi còn sống, chẳng phải là chết rồi mới Vãng Sanh, chư vị phải ghi nhớ điều này. Pháp Môn này thật sự là Pháp Môn bất tử. Phẩm vị Vãng Sanh cao, biết trước lúc mất, thấy Phật đến tiếp dẫn, từ biệt mọi người: “Nay tôi theo A Di Đà Phật ra đi”, người ấy mới Vãng

Sanh, Vãng Sanh trong khi còn sống! Hạ phẩm Vãng Sanh, nghiệp chướng sâu nặng, đức Phật vẫn đến tiếp dẫn, chẳng phải là không đến tiếp dẫn. Do người ấy nghiệp chướng nặng nề, cũng thấy Phật đến tiếp dẫn, muốn kể với mọi người, môi mấp máy, nhưng chẳng phát ra tiếng, chẳng có khí lực. Hạ hạ phẩm Vãng Sanh vẫn là Vãng Sanh trong khi còn sống, tuyệt đối chẳng phải là chết rồi mới Vãng Sanh, chẳng có đạo lý ấy!

Rất nhiều vị Tổ Sư đại đức nói: Con người sau khi đã chết, trong vòng tám tiếng sau khi người ấy đã tắt hơi, đừng nên động đến, hãy trợ niệm cho người ấy. Nói thật ra, trợ niệm tám tiếng đồng hồ, người ấy chẳng Vãng Sanh. Người ấy Vãng Sanh thì đã ra đi khi chưa tắt hơi, đi rồi mới tắt hơi, đó là Vãng Sanh thật sự. Nhưng đã tắt hơi, thì trợ niệm trong tám giờ là vì sợ gì? Sợ rằng người ấy chẳng Vãng Sanh. Chưa Vãng Sanh, nhưng khi ấy, Thần thức của người đó chưa rời đi, chúng ta niệm Phật để nhắc nhở người ấy. Nếu lúc đó, người ấy bỗng nhớ tới Phật hiệu, tự cầu Vãng Sanh, thì vẫn có thể Vãng Sanh. Đây là thời khắc then chốt. Chuyện này được gọi là “độ Trung Âm”, độ Trung Âm là trong thời khắc then chốt ấy. Qua khỏi thời khắc ấy, hết sức khó khăn, chẳng dễ dàng! Tuy chẳng Vãng Sanh, nhưng trợ niệm cho người ấy trong lúc đó, nói thật ra là tăng phước, giảm thiểu sự đau khổ cho người ấy, giúp người ấy Vãng Sanh trong thiện đạo, chẳng đến nỗi đọa trong ác đạo, mục đích ở chỗ này. Vì thế, cầu nguyện Vãng Sanh tốt nhất là dựa vào chính

mình, đừng ỷ vào người khác trợ niệm. Lỡ vạn nhất khi đó chẳng có duyên phận ấy, chẳng có ai trợ niệm thì làm sao đây? Cho nên nhất định phải dựa vào chính mình.

Quý vị thấy trong Niệm Phật Luận, lão Pháp Sư Đàm Hư đã kể chuyện nữ Cư sĩ họ Trương thuộc Niệm Phật Hội chùa Trạm Sơn tại Thanh Đảo. Người ta Vãng Sanh chẳng cần kẻ khác trợ niệm, biết trước lúc mất. Người ấy sống rất kham khổ, chồng kéo xe tại bến tàu, một nhà bốn người, ngày nào chẳng làm việc, ngày ấy chẳng có tiền tiêu. Chính bà ta cũng không biết chữ, tham dự Niệm Phật Hội để niệm Phật với người khác, làm việc lặt vặt trong nhà bếp, giúp người khác rửa chén đĩa. Bà ta nghiêm nhiên niệm Phật hiệu giỏi như vậy; lúc ra đi tỉnh táo, sáng suốt. Lúc bà ta mất là vào buổi sáng, chẳng cần ai trợ niệm, biết sẽ đi lúc nào. Do đó, đây là thật sự hiện thân thuyết pháp, nêu gương tốt nhất cho chúng ta. Người bị bệnh đau khổ, thật thà niệm Phật, niệm Kinh Vô Lượng Thọ, chẳng thể nghĩ bàn. Lần đầu tiên tôi đến Bắc Kinh gặp lão Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, lão Cư sĩ bảo tôi: Cụ có mười mấy học trò theo học với cụ. Học trò cụ cho biết họ ngã bệnh chẳng đi bác sĩ, không uống thuốc, cả nhà niệm Kinh Vô Lượng Thọ, niệm A Di Đà Phật, một mực niệm đến lành bệnh. Các học trò cũng bảo tôi: “Chúng tôi thật sự làm như vậy”. Kinh này công đức chẳng thể nghĩ bàn! Do đó, nếu chúng ta mắc bệnh, có chướng ngại, có nghiệp chướng, quý vị niệm Kinh này nhất định có thể tiêu trừ.

Tiếp theo đó, sách viết: “Tùy tam bối nhi hoành tiệt, việt ngũ khổ nhi trường vụ” (Nương theo ba bậc để cắt ngang dòng sanh tử, vượt năm khổ để mãi xa lìa chốn Sa Bà). Hai câu này nói đến ba bậc Vãng Sanh, từ thượng phẩm cho đến hạ hạ phẩm, trong một đời này vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi. “Hoành tiệt” là hoành siêu, đây là chỗ thù thắng của Pháp Môn này. Tu những Pháp Môn khác chẳng có hoành siêu; chẳng có hoành siêu sẽ rất khó, vì sao? Người ấy phải tu Tứ Thiên, Bát Định. Đắc Tứ Thiên sanh trong Sắc Giới Thiên; thành tựu Bát Định, sanh trong Vô Sắc Giới Thiên, lại phải tu Đệ Cửu Định mới vượt thoát luân hồi, người bình phàm chẳng thể làm được! Trong Kinh Tiểu Thừa, đức Phật dạy: Hàng Tiểu Thừa đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, chứng đắc quả Tu Đà Hoàn, tính từ ngày hôm ấy, qua lại trong cõi Trời và cõi người bảy lần mới có thể đoạn sạch tám mươi một phẩm Tư Hoặc, tu thành tựu Đệ Cửu Định vượt thoát luân hồi. Qua lại bảy lần trong cõi Trời và cõi người phải mất thời gian bao lâu? Tuổi thọ trong nhân gian ngắn ngủi, thọ mạng cõi Trời lâu dài, có thể thấy cách này khó khăn lắm! Những Pháp Môn Đại Thừa khác cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, cũng phải là đoạn Kiến Tư phiền não thì mới có thể thành tựu.

Chỉ riêng Tịnh Tông chẳng cần đoạn; tuy chẳng cần đoạn, nhưng phải khuất phục. Khuất phục, chứ chưa đoạn, cô nhân sánh ví “khuất phục” giống như đá đè cỏ, chẳng trừ tận gốc. Đè như thế nào? Đè nén chẳng cho nó dấy lên hiện hành. Đá là gì? Cỏ ví như phiền não, vọng tưởng, chấp trước, sánh ví những điều ấy; đá là một câu Phật hiệu A Di

Đà Phật. Dùng câu Phật hiệu ấy để đè nén vọng tưởng, chấp trước, phân biệt, chẳng cho chúng dấy lên hiện hành. Những thứ ấy quả thật chưa đoạn, chỉ cần chúng chẳng dấy lên hiện hành là được rồi, hữu dụng, có thể Vô Sanh. Nhưng phải đè nén; nếu chẳng đè nén được, sẽ chẳng thể Vô Sanh. Hễ đè nén được, bèn gọi là “công phu đặc lực”. Do đó, chúng ta niệm câu Phật hiệu này, chẳng dấy phiền não, chẳng có vọng niệm; đó là công phu đặc lực. Niệm câu Phật hiệu này mà vẫn dấy lên vọng niệm, vẫn sanh phiền não, công phu chẳng đặc lực! Phải đặc biệt chú ý điều này.

“Khả vị vi hành diệu quán, chí đạo yếu thuật giả tai” (Có thể nói: Cách hành trì vi diệu và các phép quán mầu nhiệm chính là thuật trọng yếu nhằm đạt tới đạo tột bậc vậy). Đây là lời tổng kết cho đoạn này. “Vi” là vi diệu, vi diệu tột bậc, tu hành là nói tới ba thứ Tịnh nghiệp. “Diệu quán” là mười sáu phép Quán. “Đạo” là đạo thành Phật. “Chí” là đạt tới chỗ tột cùng, đạo thành Phật không chi hơn được cách này! “Thuật” là phương pháp. Phương pháp quan trọng nhất là ba thứ Tịnh nghiệp và mười sáu diệu quán. Trong phần trước, tôi đã thưa cùng quý vị, đối với mười sáu diệu quán, chỉ cần nắm được một phép Quán bèn thành tựu. Phật Thế Tôn cùng chư Phật, các vị Tổ Sư đại đức dạy chúng ta chọn pháp Quán thứ mười sáu, chọn lựa phương pháp Trì Danh Niệm Phật. Quý vị thấy trong Tịnh Độ Tam Kinh, phương pháp này được Kinh Vô Lượng Thọ đề xướng, Kinh A Di Đà cũng đề xướng, nên biết hết thủy chư

Phật, Bồ Tát, chẳng có vị nào không đề xướng Pháp Môn này. Ngay như lão Pháp Sư Đệ Nhàn giảng giải Diệu Tông Sao bằng tác phẩm Giảng Nghĩa này, qua đoạn mở đầu trong lời tựa, chúng ta thấy rõ Ngài cũng đề xướng Trì Danh Niệm Phật. Có thể thấy Trì Danh thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta lại lật qua xem trang thứ mười sáu.

“Thử Kinh tâm quán vi Tông, Thật Tướng vi Thể” (Kinh này lấy tâm quán làm Tông, lấy Thật Tướng làm Thể), nêu bày phần Minh Tông Biện Thể của bộ Kinh này. “Kinh dĩ Quán Phật vi đề, Sớ dĩ tâm quán vi Tông” (Kinh dùng chuyện quán Phật để làm tựa đề, Sớ dùng tâm quán làm Tông). Vừa khởi đầu, Tôn Giả Tứ Minh đã dẫn dò rõ ràng, rành rẽ. Bàn luận tỉ mỉ, trọng yếu nhận định này thì khi nói đến phần Kinh Văn, tôi sẽ lại thưa trình cùng quý vị. Nay ở đây, chúng ta hiểu điều quan trọng nhất là ba thứ Tịnh nghiệp và mười sáu diệu quán. Ba thứ Tịnh nghiệp rất khó làm được, nhưng lại chẳng thể không làm, vì sao? Chẳng làm được, sẽ chẳng thể Vãng Sanh! Chẳng làm, sẽ chẳng thể vượt thoát luân hồi, nhất định phải làm được! Điều này khẩn yếu hơn bất cứ điều gì khác! Nguyên lý của nó là như Kinh này đã dạy: “Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật” (Tâm này là Phật, tâm này làm Phật). Tâm năng niệm là Thỉ Giác, đức Phật được niệm là Bản Giác. Vì thế, khởi tâm niệm Phật là Thỉ Giác hợp với Bản Giác. Thỉ Giác và Bản Giác bất nhị là Cứu Cánh Giác. Do đó, niệm Phật là nhân, thành Phật là quả. Niệm Bồ Tát thành Bồ Tát, niệm Thanh Văn thành Thanh Văn, niệm thiên liên

sanh thiên, niệm người đợc thân người, niệm tham, sân, si, niệm ngũ dục, lục trần, sẽ là ba ác đạo, tùy thuộc quý vị niệm điều gì.

Trong phần chú giải, chúng ta xem dòng thứ năm trong trang mười sáu, xem câu cuối trong dòng thứ năm: “Kim quán Di Đà y chánh vi duyên” (Nay dùng quán y báo và chánh báo của Phật Di Đà làm duyên). Vì sao Kinh thường nói Quán, chẳng nói Niệm? Vì sao chẳng nói Tưởng, mà phải nói Quán? Chữ này có quan hệ rất lớn! Nếu nói Niệm hoặc Tưởng, người nghe sẽ dễ sanh tình chấp, “tình chấp” là chấp trước theo phương diện cảm tình, chẳng thể liễu sanh tử, chẳng thể thoát tam giới. Quý vị nói “nay ta không mến chuộng Thế Giới này, ta yêu mến A Di Đà Phật”, như vậy thì chẳng thể Vãng Sanh, vì vẫn là tình chấp! Quán là lý tánh, chẳng phải là cảm tình, nó là lý trí, giống như trong Thiền Tông nói Quán Chiếu, Chiếu Trụ và Chiếu Kiến, sử dụng những công phu đó. Niệm Phật cũng là niệm niệm chẳng lìa công phu quán chiếu. Quán chiếu thuộc về lý tánh, chẳng thuộc về cảm tình. Do đó, dùng chữ Quán, chẳng dùng chữ Niệm, chẳng dùng chữ Tưởng!

“Kim quán Di Đà y chánh vi duyên, huân hồ tâm tánh, tâm tánh sở cụ Cự Lạc y chánh, do huân phát sanh, tâm cụ nhi sanh, bất ly tâm tánh, toàn tâm thị Phật, toàn Phật thị tâm, chung nhật quán tâm, chung nhật quán Phật” (Nay quán y báo và chánh báo của Phật để làm duyên, huân tập tâm tánh. Y báo và chánh báo cõi Cự Lạc sẵn có trong tâm tánh sẽ do huân tập mà phát sanh. Do tâm đã sẵn có, nên sanh khởi. Chẳng lìa tâm tánh, toàn thể tâm là Phật, toàn thể Phật là tâm. Suốt ngày quán tâm

là suốt ngày quán Phật). Phải biết mấy câu này là bí quyết niệm Phật! Có biết thì quý vị mới chịu niệm, niệm thành công. Thế Giới Cực Lạc là Thế Giới gì? Là “duy tâm Tịnh Độ”. A Di Đà Phật là ai? Là “tự tánh Di Đà”. Có lẽ sẽ có người hỏi, duy tâm Tịnh Độ và Tịnh Độ của A Di Đà Phật là một hay là khác, là một hay là hai? Tự tánh Di Đà và A Di Đà Phật trong Tây Phương Cực Lạc Thế Giới có mối quan hệ gì? Thừa cùng quý vị, Tây Phương Cực Lạc Thế Giới do tự tánh biến hiện, A Di Đà Phật cũng do tự tánh biến hiện. Không riêng gì Cực Lạc và Phật Di Đà do tự tánh biến hiện, mà tất cả hết thảy đông đảo chúng sanh nơi cõi Sa Bà trong hiện tiền vẫn do tự tánh biến hiện. Đó là tự tánh biến hiện uế độ. Tây Phương Cực Lạc Thế Giới là tự tánh của quý vị biến hiện Tịnh Độ, vì sao? Vì tâm quý vị thanh tịnh liền biến thành Tịnh Độ. Tâm quý vị chẳng thanh tịnh, Tịnh Độ chẳng biến hiện. Duy tâm Tịnh Độ và Tây Phương Tịnh Độ là một, không hai, chẳng có biên giới; tự tánh Di Đà và Ngài Pháp Tạng tu thành Phật Di Đà cũng là một, không hai. Đó là nguyên lý chân thật.

Các triết gia trong thế gian nói đến bản thể của vạn hữu trong vũ trụ, bản thể là tâm tánh. Thiền gia đòi hỏi tu hành phải tu từ căn bản, trọn chẳng biết sự tu hành của Tịnh Tông mới là căn bản của các căn bản, trôi vượt Thiền Tông quá nhiều. Do đó, suốt ngày niệm Phật là suốt ngày quán tâm, nhất định phải niệm đến mức “toàn thể tâm là Phật, toàn thể Phật là tâm”, công phu niệm Phật của quý vị mới thật sự đạt tới tột bậc, đạt tới đỉnh cao nhất. Đến khi ấy, chúng

ta thấy hết thấy mọi người đều là Phật, thấy hết thấy vật cũng là Phật, thấy hết thấy sự vẫn là Phật, chúng ta bèn thành Phật. Mắt Phật thấy hết thấy đều là Phật, phàm phu thấy Phật, Bồ Tát cũng là phàm phu. Do vậy có thể biết, xác thực là cảnh chuyển theo tâm. “Nếu có thể chuyển cảnh, ắt giống như Như Lai”, chẳng sai tí nào!

Nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này. Buổi chiều chúng tôi sẽ nói đến đề mục của Kinh.

TẬP 3

Xin xem dòng thứ tư trong trang mười bảy:

“Sở ngôn Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật giả, Phật thị sở quán thắng cảnh. Cử chánh báo dĩ thâm y quả, thuật hóa chủ dĩ bao đồ chúng. Quán tuy thập lục, ngôn Phật tiện châu; cố vân Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật” (Nói “Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật” vì Phật là cảnh thù thắng để quán. Nêu chánh báo để gồm thâm y báo, thuật hóa chủ để bao gồm đồ chúng. Tuy có mười sáu phép Quán, nhưng nói đến Phật liền trọn đủ. Vì thế nói là “Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật”). Tựa đề Kinh có Thông và Biệt. Cái được gọi là Biệt Đề chính là chỗ khác biệt với những Kinh khác. Thông Đề thì hết thầy các Kinh đều giống nhau. Chữ Kinh tiếp đó chính là Thông Đề, còn Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật trước đó là Biệt Đề. Ở đây nói “Phật thị sở quán thắng cảnh” (Phật là cảnh thù thắng để quán), “Phật” ở đây là Vô Lượng Thọ Phật, “cảnh” là cảnh giới, “thắng cảnh” là cảnh thù thắng nhất. Trong phần trước, chúng ta đã biết nguyên do quán Phật và công đức quán Phật. “Chánh báo” là thân Phật. Chúng ta quán Vô Lượng Thọ Phật tức là đã bao gồm Thế Giới và hoàn cảnh sống của Vô Lượng Thọ Phật. “Hóa chủ” là giáo chủ, cũng là thầy. Nhắc tới thầy, đương nhiên cũng bao gồm các học trò của Ngài. Thế Giới Cực Lạc giống một ngôi trường đại học, Vô Lượng Thọ Phật là hiệu trưởng, những người khác đều có thể nói là học trò của Ngài. Các pháp Quán tuy nói đến mười sáu loại, nhưng

hễ nói “Phật” thì mười sáu phép Quán đều được bao gồm. “Châu” là trọn hết, toàn bộ đều được bao gồm. Do đó, tựa đề của Kinh này là Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. “Kinh giả, huấn pháp, huấn thường, do Thánh nhân kim khẩu, cố vân Kinh dã” (Kinh là dạy về pháp, dạy về lẽ thường, xuất phát từ miệng vàng của Thánh nhân, nên gọi là Kinh). Đạo Tràng của chúng ta giảng Kinh quanh năm không gián đoạn, những phần giống như Thông Đề có thể tỉnh lược, có thể chẳng cần nói!

Chúng ta lại xem đoạn văn tiếp theo: “Thử Kinh nghĩa sớ, nhân hy tịnh báo, cố thuyết thính giả đa hỹ” (Sớ giải ý nghĩa Kinh này, do người ta mong mỗi tịnh báo, nên người nói, kẻ nghe đông đảo). Đối với Kinh này, Nghĩa Sớ là chú giải do Trí Giả Đại Sư soạn, vì người tu hành đều mong cầu sanh về Tịnh Độ, nên bản chú giải này là bộ sách vô cùng quan trọng để tu Tịnh Độ. Vì thế, người giảng nhiều, người nghe cũng đông. Kinh này giảng cận kề y báo và chánh báo trang nghiêm trong Thế Giới Tây Phương; vì nếu không nói tỉ mỉ, chúng ta chẳng thể nào quán tưởng được, ắt cần phải nói rõ ràng, tường tận, tỉ mỉ phương pháp tu hành. Vì thế, người thật sự phát nguyện, mong cầu sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới trong một đời này, nói thật ra, chẳng thể nào không biết đến. Mấy câu này nhằm nói rõ vì sao phải viết chú giải. Tiếp đó: “Sở bảm Bảo Vân sư thủ chế ký văn, tương duyên chí kim, trước thuật bất tuyệt, giai tông Trí Giả” (Nhờ có thầy Bảo Vân ghi chép đầu tiên, truyền mãi đến nay, trước thuật chẳng ngừng, đều noi theo ý chỉ của Ngài Trí Giả). Câu này nói về sư thừa; nếu chẳng có sư thừa, chẳng thể khiến cho kẻ khác tin

tướng. Trung Quốc và Ấn Độ hết sức coi trọng Sư thừa. Những gì quý vị đã học là do học với ai? Điều này rất trọng yếu. Không như hiện tại, người hiện thời chẳng coi trọng sư thừa cho mấy! Mỗi người đều có thể tự lập một trường phái, thời cổ chẳng có chuyện ấy!

Chúng ta đọc Đản Kinh sẽ thấy chuyện Thiên sư Vĩnh Gia. Ngài Vĩnh Gia là một người vô cùng thông minh, gặp gỡ Ngài Huyền Sách. Ngài Huyền Sách nhận biết Sư là một nhân tài, khuyên Sư phải tìm một bậc cao minh để ấn chứng, tức là chứng minh cho Sư. Người chứng minh cho Sư sẽ là thầy. Nếu không có ai chứng minh, nói chính mình học thành công, Ngài Huyền Sách nói: “Nói theo Phật Pháp, trước thời Oai Âm Vương thì có thể. Sau Oai Âm Vương Phật, nếu chẳng có sư thừa, đều là thiên nhiên ngoại đạo”. Chư vị hãy nghĩ xem, chuyện này rất nghiêm trọng! Vì thế, Ngài bèn khuyên Sư đến Tào Khê thân cận Lục Tổ, bái Lục Tổ làm thầy, tức là có truyền thừa. Ngài Vĩnh Gia thật sự thông minh, đến gặp Lục Tổ nói mấy câu liền khế nhập cảnh giới. Đã được Tổ Sư ấn chứng, Ngài chuẩn bị rời khỏi. Lục Tổ Đại Sư nói: “Ông chẳng cần đi gấp như vậy, hãy nghỉ lại một đêm. Ngày mai hãy đi thì hơn”. Vì thế, đêm Sư ở lại Tào Khê được gọi là Nhất Túc Giác (giác ngộ trong một đêm), “nhất túc” là trong một buổi tối, Ngài liền khai ngộ, liền giác ngộ, cũng là chứng tỏ lời cổ nhân đã nói: “Nhất nhật vi sư, chung thân vi phụ” (Một ngày là thầy, suốt đời là cha). Vì thế, sư thừa chẳng nhất định là phải ở cùng thầy bao lâu, được thầy chỉ điểm, chính mình thật sự giác ngộ, triệt để giác ngộ, vậy là đủ rồi!

Sư thừa của bản chú giải này là từ Ngài Bảo Vân. Trong chú giải có nói Ngài Tứ Minh được bẩm thụ pháp từ Pháp Sư Bảo Vân. Ngài Bảo Vân là người xứ Cao Ly, tức là người Đại Hàn, khai ngộ trong hội của Trí Giả Đại Sư. Ngài đến Trung Quốc du học, sau khi đã ngộ, muốn trở về, quay về nước mình để hoàng pháp, nhưng về sau bị các đồng tu bên Trung Hoa giữ lại. Ngài nói Phật Pháp chẳng có giới hạn chủng tộc, mà cũng chẳng có giới hạn quốc gia, ở đâu có duyên thì đến đó hoàng dương, cần gì cứ phải nhất định trở về nước mình! Do đó, Ngài ở lại. Ngài Bảo Vân có hai đệ tử; hai người đệ tử ấy đều hết sức nổi tiếng trong Phật Giáo sử Trung Quốc, một là Tôn Giả Tứ Minh, vị kia là Từ Vân Tuân Thức Đại Sư. Đối với tông Thiên Thai sau này, có thể nói là các Ngài là những vị đại Pháp Sư chủ yếu phục hưng tông Thiên Thai. Chúng tôi cũng tỉnh lược truyện ký các Ngài.

Lại xem đoạn kế tiếp là “trước thuật dụng ý”, hãy đọc dòng cuối cùng trong trang mười chín: “Khởi hữu bất tri tu tâm diệu quán, cảm tứ Tịnh Độ văn nghĩa giả da?” (Há có lẽ nào chẳng biết tu tâm diệu quán, mà cảm bốn cõi Tịnh Độ ư?). Trước hết, Ngài đặt ngược vấn đề. Há có lẽ nào mà có kẻ chẳng biết tu tâm, chẳng biết tu diệu quán, lại có thể Vãng Sanh Tây Phương Tịnh Độ? Tây Phương có bốn loại Tịnh Độ: Thường Tịch Quang Tịnh Độ, Thật Báo Trang Nghiêm Độ, Phương Tiện Hữu Dư Độ và Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Câu nói này đã nêu khái quát: Bốn loại Tịnh Độ đều phải tu diệu

quán. Cùng tu diệu quán như nhau, vì sao sanh trong các cõi khác nhau? Do công phu diệu quán của quý vị có cạn hay sâu khác biệt. Vì thế, bất luận tu phương pháp nào, công phu đều có cạn hay sâu. Nói theo Kinh Diệu Tịnh Tông, sẽ là công phu thành phiền, Sự nhất tâm bất loạn, và Lý nhất tâm bất loạn. Đó là phân chia đại lược. Nếu chia tỉ mỉ, trong mỗi loại lại có nhiều loại nhỏ khác biệt, nên mới nói tổng quát là phẩm vị Vãng Sanh có ba bậc chín phẩm.

Đoạn kế đó là Chánh Thị, tức là giảng rõ ý nghĩa. “Lương dĩ mẫn vật tình thâm” (Do lòng thương xót chúng sanh sâu đậm), “vật” là tiếng gọi chung chúng sanh. Nếu nói “người”, sẽ chẳng bao gồm chư thiên, chẳng bao gồm súc sanh, nga quý, địa ngục. Vì thế, dùng chữ Vật để bao quát tất cả hữu tình chúng sanh trong lục đạo. Đức Phật mở ra Pháp Môn này, không chỉ nhằm độ chúng ta, mà còn muốn độ chư thiên, cũng muốn độ ba ác đạo. Dầu là chúng sanh trong địa ngục, nhưng nếu họ có thể tin tưởng, có thể y giáo phụng hành, đều có thể Vãng Sanh. Có thể thấy Pháp Môn này xác thực là rộng lớn vô biên, chẳng thể nghĩ bàn. Đó là các vị Tổ Sư đại đức dấy lòng bi mẫn đối với hết thảy chúng sanh. “Thích thời trí xảo, cố đa đàm sự tướng, thiếu thị Quán môn, vụ tại hạ phàm, phổ triêm duyên chủng” (Trí xảo diệu nhằm thích ứng thời cơ, nên bàn nhiều về sự tướng, ít chỉ dạy quán tướng, chú trọng bọn phàm phu hạ căn, khiến cho họ được gieo duyên trọn khắp). Đây là nói về chuyện giảng Kinh, thuyết pháp thông thường. Nhằm khế cơ, căn cơ của chúng sanh hèn kém, tầm nhìn ngắn ngủi, tham cầu lợi ích trước mắt, vẫn chẳng

mong Vãng Sanh Tịnh Độ, vậy thì tạo pháp duyên cho họ là được rồi, chẳng cần phải nói sâu. Đó là “đa đàm sự tướng, thiếu thị Quán môn”. Giới thiệu Phật Pháp với người khác, xác thực là có phương tiện thiện xảo. Trước hết, phải làm cho chúng sanh sanh tâm hoan hỷ, bằng lòng nghe, bằng lòng tiếp nhận, chẳng đến nỗi nghe một lần, lần sau chẳng tới nữa. Vì thế, phải dùng phương tiện thiện xảo để tiếp dẫn họ. Đợi đến khi họ nhập môn, đã có một chút căn cơ rồi, lại nói lời thật với họ. Nếu trước tiên, vừa mở đầu, quý vị bảo họ niệm Phật Vãng Sanh chẳng dễ dàng, lần sau họ cũng chẳng đến nữa, vì họ nghĩ: “Pháp Môn này vô dụng, ta niệm suốt đời chẳng thể thành tựu, ta còn đến đây làm chi?” Vì thế, trước hết, phải bảo họ Pháp Môn này rất dễ dàng, đến khi họ cảm thấy dễ dàng, sau khi đã học được vài năm, lại bảo họ: “Pháp Môn này cũng chẳng dễ dàng như quý vị tưởng tượng”. Nói lời thật với quý vị!

Do đó, chúng ta dạy người khác, quý vị thấy đó: Dạy quý vị thọ trì Kinh pháp, chấp trì danh hiệu, trước tiên dạy quý vị niệm nhuần nhuyễn; đó là công phu bước đầu. Đã thấu triệt nhuần nhuyễn, lại dạy quý vị dùng phương pháp khuất phục phiền não, cũng tức là dùng phương pháp này khiến cho vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, ưu lự của chúng ta thấy đều bị khuất phục. Có thể khuất phục các phiền não, sẽ quyết định Vãng Sanh, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Khi đạt đến công phu ấy, lại bảo quý vị: “Vì sao quý vị chẳng muốn tiến thêm một bước nữa?” Tiến thêm một bước là Sự nhất tâm bất loạn, đoạn sạch phiền não, công phu càng thù thắng, phải nói tới Quán môn. Do đó, tu học và tu hành có thứ

tự, tuy Pháp Môn này là đại pháp viên đốn, nó vẫn có thứ tự. Đúng như Kinh Hoa Nghiêm đã nói: “Hành bồ chẳng ngại viên dung, viên dung chẳng ngại hành bồ”, Hành Bồ là tu tập theo thứ tự.

“Phương kim gia vận, thịnh diễn viên thừa, mộ học chi đồ, giai dục đắc chỉ nhi tu chứng hỹ” (Nay gặp vận tốt lành, sôi nổi diễn giảng giáo pháp viên đốn, những đồ đệ ham học đều muốn nắm được ý chỉ để tu chứng), đoạn này cho biết nhân duyên đã chín muồi. Nhân duyên chẳng chín muồi, sẽ chẳng thể nói; hễ chín muồi bèn có thể nói. “Gia vận” là một hội tốt đẹp, đây là một pháp hội thù thắng nhất. “Viên thừa” là viên đốn Nhất Thừa. Kinh này và Kinh Vô Lượng Thọ đồng loại, cổ đức tán thán Kinh Vô Lượng Thọ là “viên nhất trong các pháp viên, đốn nhất trong các pháp đốn, là Đại Thừa của các pháp Đại Thừa, là Viên Giáo của Viên Giáo”. Tán thán tới tột bậc! Kinh này đã là đồng loại với Kinh ấy, đương nhiên cũng là pháp Nhất Thừa viên đốn. Có thể hâm mộ, mong tu học Pháp Môn này thì chẳng phải là căn khí tầm thường! Đúng như trong Yếu Giải, Ngẫu Ích Đại Sư đã nói, căn khí gì vậy? Cơ duyên thành Phật đã chín muồi, người này sẽ thành Phật trong một đời này, lỗi lạc thay! Trong hết thấy các căn khí, thành Phật là bậc nhất, còn cao hơn thành Bồ Tát. Người này muốn thành Phật trong một đời này, phải thành Phật thì mới có thể cảm động chư Phật, Bồ Tát vì chúng ta nói Pháp Môn này; do đó gọi là “gia vận”.

Trong lời chú giải có mấy câu viết rất hay. Ngài viết “viên đốn sơ tâm”, “viên đốn” là nói về căn tánh, xác thực là người căn tánh viên mãn đốn siêu, đó là căn tánh Bồ Tát. “Hỷ văn viên nghĩa” (Thích nghe giáo nghĩa viên đốn), người ấy nghe Kinh, đọc Kinh, thích đọc Kinh Điển Viên Giáo Đại Thừa, người ấy mới có thể thỏa mãn. “Ngưỡng mộ Diệu Tông”, vô cùng hâm mộ phương pháp tu học vi diệu thù thắng này. Thời tiết, nhân duyên chín muồi, tuyệt đối chẳng phải là ngẫu nhiên! Chúng ta nhìn từ chỗ này, chư Phật, Bồ Tát thương xót chúng sanh xác thực là chẳng có cách nào tương tượng được, chẳng biết còn vượt quá bao nhiêu lần tình cha mẹ yêu mến con cái. Lúc càng khổ nạn, càng dễ thấy. Chẳng phải là trong lúc khổ nạn thì cơ duyên chẳng chín muồi, mọi người vẫn tỉnh tỉnh mê mê, chẳng mong tiến cao hơn, nên Phật, Bồ Tát chẳng đến. Trong lúc đại kiếp nạn, khổ nạn xảy đến, người ta liền cảm nhận cuộc đời và kiếp người hết sức đau khổ, mong mỗi giải thoát, mong mỗi rời khỏi hoàn cảnh này; khi ấy, cơ duyên chín muồi, Phật, Bồ Tát liền đến.

Trong toàn thể Phật Pháp, Tịnh Tông là Pháp Môn thù thắng nhất. Nói thật ra, không chỉ là Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong cõi đời, mà hết thầy chư Phật đều xuất hiện trong cõi đời. Nếu quý vị hỏi các Ngài, các Ngài đến thế gian này để làm gì? Các Ngài sẽ đồng thanh trả lời: Độ chúng sanh thành Phật đạo. Các Ngài dùng phương pháp gì? Chẳng có vị nào không dùng phương pháp Niệm Phật, đều dùng phương

pháp này; nên đây là Pháp Môn bậc nhất. Vì sao nói các pháp khác, nói Kinh Điển nhiều như vậy? Đó là vì thiện căn của chúng sanh chưa chín muồi, chưa thể tiếp nhận Pháp Môn này, nên mới giảng những Pháp Môn khác nhằm bồi dưỡng căn tánh của họ, khuyên dụ họ trở về Pháp Môn Niệm Phật; đó là Như Lai đã buốt lòng rát miệng lập bày phương cách. Nếu chư vị thâm nhập Kinh tạng, sẽ có thể nhìn ra. Người Hoa có duyên với Phật Pháp rất sâu, chư Phật, Bồ Tát hóa thân ở Trung Quốc hết sức nhiều; trong những nơi khác trên Thế Giới chưa hề nghe nói có tình hình giống như vậy. Chẳng phải là Phật, Bồ Tát có lòng thiên vị, Phật, Bồ Tát chẳng hề thiên vị, mà là chúng sanh ở nơi ấy duyên đã chín muồi, các Ngài bèn thị hiện. Nhân duyên chưa chín muồi, hãy thông thả chờ đợi.

Trong thời đại này, so trong lịch sử Trung Quốc, thậm chí trong lịch sử cả Thế Giới, là thời kỳ thống khổ nhất, trong quá khứ chẳng hề gặp đại kiếp nạn như trong hiện tại, nên Phật, Bồ Tát cũng xuất hiện trong thời cận đại rất nhiều. Chúng ta biết Tổ Sư Ấn Quang là Tây Phương Thế Giới Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai, chúng ta biết điều này. Tổ Ấn Quang tán thán sách Yếu Giải của Ngẫu Ích Đại Sư, Ngài nói: “Dầu cổ Phật tái lai viết bản chú giải Kinh Di Đà khác, cũng chẳng thể hay hơn được”. Ngẫu Ích Đại Sư là hạng người nào mà được Đại Thế Chí Bồ Tát tán thán dường ấy? Nếu Ngài chẳng phải là A Di Đà Phật tái lai, tôi tin tưởng Ngài quyết định là Quán Âm Bồ Tát tái lai. Từ lời tán thán ấy, chúng ta có thể suy đoán đôi chút tin tức. Thời cận đại là lúc gặp kiếp nạn lớn nhất, Tịnh Tông chẳng dễ được kẻ khác tiếp nhận nhất! Không chỉ là

người Hoa trong thời hiện đại chẳng chịu tiếp nhận, mà người ngoại quốc lại càng khỏi cần nói nữa. Do đó, Cư sĩ Hạ Liên Cư xuất hiện. Hạ lão Cư sĩ là vị nào tái lai? Không ai biết! Quan sát từ nhiều dấu tích và phương diện, chúng tôi đoán vị này chẳng phải là Phật tái lai, cũng là bậc Bồ Tát từ Đẳng Giác trở lên, tuyệt đối chẳng phải là phàm nhân. Ngài xuất hiện trong thế gian này để làm gì? Chính lý Kinh Vô Lượng Thọ một lần nữa, hồng khiến cho trọn khắp chúng sanh trên Thế Giới đều hoan hỷ tiếp nhận, Ngài đến làm chuyện này. Cũng là vì Kinh này được lưu thông tại Trung Quốc, bao nhiêu lần phiên dịch đều chẳng viên mãn cho lắm, chẳng có một bản nào viên mãn! Đây là Phật, Bồ Tát tái lai, chẳng phải là người tầm thường!

Tôi đã hai lần nói với Hoàng lão Cư sĩ, mong cụ viết truyện ký của thầy Hạ để chúng tôi lưu thông. Lần này, lão nhân gia bảo tôi: “Chưa được! Chưa đến lúc. Vì sao? Sợ là viết ra sẽ bị kẻ khác hủy báng”. Tôi ở Đại Lục quan sát đôi chút, quả đúng là thời tiết nhân duyên chưa chín muồi; nhưng bản Kinh do thầy Hạ hội tập thịnh hành ở Đài Loan như vậy, cũng là chuyện tôi không ngờ đến. Chúng tôi đề xướng Kinh này mới ba, bốn năm, nghiêm nhiên hiện thời tại Đài Loan, từ Nam đến Bắc, người đọc tụng bộ Kinh này đông ngàn ấy, người diễn giảng cũng nhiều, người ấn hành cũng lắm, đúng là hy hữu khó gặp! Đó là thời tiết nhân duyên chín muồi, rất khó thấy. Vì thế, Đài Loan là đảo báu, là phước địa, được chư Phật, Bồ Tát hộ niệm, long thiên gia trì, nơi này sẽ chẳng có tai nạn. Tục ngữ có nói “hữu Kinh vô hiểm” tức là chẳng có đại kiếp nạn!

Kể đó là “thuật sao sở dĩ” (nguyên do viết lời Sao), nêu rõ ý nghĩa Ngài viết chú giải lần này. “Cổ kiệt bỉ tư, sao số thiên ngôn” (Do đó, dốc cạn tâm tư thô lậu, viết lời Sao gồm mấy ngàn chữ), hai câu này là Tôn Giả Tứ Minh khiêm hư. Nói thật ra, Tôn Giả là bậc thông gia trong Phật môn, thông Tông, thông Giáo, vì chúng ta giảng Kinh này, há còn tôn tâm tư gì? Chẳng tôn sức! Ở đây, Ngài nói “cổ kiệt bỉ tư, sao số thiên ngôn” là nói khách sáo. “Thượng thuận diệu tông, lược tiêu thử số” (Kính vâng theo tông chỉ mầu nhiệm, giải thích đại lược ý nghĩa trong bản số giải này), tùy thuận tông chỉ tu học vi diệu để giải thích bộ Số của Trí Giả Đại Sư. “Thích thời chi xảo, phi ngã sở năng” (đó là do Thời cơ khéo phù hợp, chẳng phải là sức tôi có thể tạo thành như vậy), càng khiêm hư hơn nữa! Có nghĩa là Ngài nói, thời tiết, nhân duyên phù hợp khéo léo, Tam Bảo gia trì, nên bản Số Sao này được ra đời, chứ chẳng phải là năng lực của chính tôi. Lời này là nói khiêm tốn, nhưng thật ra cũng là lời thật. Nay chúng ta có thể nói, có thể nghe, hoan hỷ tin nhận, đều do thiện căn từ quá khứ hiện hành, nay được Tam Bảo gia trì, đúng là như vậy!

Kể đó là dụng ý thật sự của Ngài: “Nguyện cộng hữu tình, tức tâm niệm Phật, nãi thử Sao sở dĩ tác dã” (Nguyện cùng các hữu tình dùng ngay cái tâm niệm Phật, đây chính là lý do viết lời Sao này). Dụng ý soạn bộ Số Sao này để lại cho thời ấy và mai sau của Ngài đã được nêu ra trong hai câu này. Bản thân Ngài đạt được lợi ích chân

thật nơi bộ Kinh này, sau khi đã đạt được, bèn hy vọng mọi người chúng ta ai nấy đều có thể đạt được. Nguyên cùng các hữu tình, ta cùng hết thấy hữu tình chúng sanh, dùng ngay cái tâm này để niệm Phật. Hãy chú ý! Chẳng phải là miệng niệm, chẳng phải là bảo quý vị niệm Phật bằng miệng, mà là niệm Phật bằng chính cái tâm. Miệng niệm Phật, trong tâm chẳng có Phật, vô dụng! Trong tâm có Phật, miệng chẳng niệm, vẫn hữu dụng, vẫn là hữu ích. Vì thế, khẩn yếu là nơi tâm, tâm mới là Diệu Tông, tu từ tâm là tu nơi căn bản. Chư vị phải biết, trong vọng tâm chẳng có Phật, trong vọng tâm có gì? Trong vọng tâm có ma. Ma là gì? Vui dập! Vọng tâm khổ lắm, quý vị dùng vọng tâm, chịu hết mọi nỗi đày đọa. Nếu quý vị dùng chân tâm, thanh tịnh tự tại. Bởi lẽ, chân tâm là Phật, tâm chúng ta niệm Phật là chân tâm; khởi tâm niệm Phật, tâm ấy là chân tâm. Ta khởi tâm niệm Bồ Tát, niệm La Hán, những tâm ấy chẳng phải là chân tâm, chẳng phải thuần chân. Đặc biệt là trong hết thấy chư Phật, khởi tâm niệm A Di Đà Phật chính là thuần đến mức tột bậc. Vì sao? Vì A Di Đà Phật là Bản Giác của chính chúng ta, là đại giác viên mãn rốt ráo. Tâm ấy và Phật hoàn toàn tương ứng, công đức lợi ích ấy bất luận Pháp Môn nào cũng đều chẳng có cách nào sánh bằng!

Đồng tu niệm Phật rất nhiều, nhưng người biết chân tướng sự thật chẳng nhiều! Nếu quý vị thật sự biết chân tướng sự thật này, sẽ rất hoan hỷ niệm Phật, sẽ niệm Phật chẳng gián đoạn. Vì sao? Quả thật là “một niệm tương ứng một niệm Phật”. Trong khi quý vị niệm Phật, tâm là

Phật, miệng là Phật, hạnh là Phật, ba nghiệp đã khế nhập cảnh giới nơi quả địa Như Lai, người ấy có thể chẳng niệm ư? Do đó, “niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật”, chẳng niệm gì khác, những thứ khác, người ấy đều chẳng cần niệm. Vì sao? Niệm Phật, tất cả vô lượng vô biên Pháp Môn khác thay đều thành tựu. Kinh Hoa Nghiêm nói “một tức là nhiều, nhiều chính là một”, “nhiều” là vô lượng vô biên Pháp Môn, “một” là A Di Đà Phật, vô lượng vô biên Pháp Môn đều quy vào A Di Đà Phật, nên vô lượng chính là một. Niệm một câu A Di Đà Phật, hết thay các Pháp Môn đều tu học viên mãn; niệm đến mức nhất tâm bất loạn, tất cả hết thay các Pháp Môn đều viên tu, viên chứng, do đó, một chính là vô lượng.

Cổ đức đã so sánh các giáo pháp trong một đời đức Thế Tôn. Các Ngài nói hết thay các Kinh, nay chúng ta gọi “hết thay các Kinh” là Đại Tạng Kinh, tức là đem toàn bộ Kinh Điển do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm so sánh một phen, Hoa Nghiêm là bậc nhất. Cao tăng đại đức trong ngoài nước đều thừa nhận điều này. So sánh Kinh Hoa Nghiêm và Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Vô Lượng Thọ bậc nhất. Vì sao? Nếu Kinh Hoa Nghiêm chẳng đến cuối cùng “mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc”, Hoa Nghiêm sẽ chẳng viên mãn, quy về Cực Lạc mới viên mãn. Kinh Vô Lượng Thọ từ đầu đến cuối từng câu, từng chữ đều giảng về Thế Giới Cực Lạc, là chỗ quy túc của Kinh Hoa Nghiêm, đương nhiên Kinh Vô Lượng Thọ là bậc nhất. Bản hội tập của Ngài Hạ Liên Cư đã chia Kinh thành bốn mươi tám chương. Trong bốn

mười tám chương ấy, chương nào bậc nhất? Chương thứ sáu là bậc nhất. Chương thứ sáu là bốn mươi tám nguyện, do chính A Di Đà Phật tự nói. Kinh Vô Lượng Thọ do hai vị Phật thuyết pháp, phần Kinh Văn ấy do chính A Di Đà Phật tự nói. Bốn mươi tám nguyện là bậc nhất. Bốn mươi tám nguyện còn có bốn mươi tám điều, điều nào là bậc nhất? Các vị Tổ Sư đại đức cũng công nhận như sau: Nguyện thứ mười tám là bậc nhất. Nguyện thứ mười tám là gì? “Mười niệm ắt Vãng Sanh”, tức là quy vào một câu Phật hiệu. Vì lẽ đó, đến cuối cùng quý vị mới hiểu: Nguyên lai A Di Đà Phật là bậc nhất.

Nếu quý vị hỏi: A Di Đà Phật nghĩa là gì? Một bộ Kinh Vô Lượng Thọ nhằm giải thích ý nghĩa A Di Đà Phật. Một bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh là chú giải của Kinh Vô Lượng Thọ, mà cũng là thuyết minh cặn kẽ về A Di Đà Phật. Nếu nói chi tiết hơn một chút, sẽ là Đại Tạng Kinh; toàn bộ Đại Tạng Kinh nhằm giảng điều gì? Giảng về A Di Đà Phật, quý vị phải hiểu cho rõ! Nếu chưa hiểu rõ điều này, đúng là sẽ coi rẻ A Di Đà Phật. Vì thế, cổ đức so sánh từng tầng một, dần dần so sánh đến cuối cùng, mới phát hiện chót núi tốt cùng vốn là A Di Đà Phật, thống nhiếp vô lượng vô biên Pháp Môn. Vì vậy, năng niệm và sở niệm đều chẳng thể nghĩ bàn!

Trong lời Sao của Ngài Tứ Minh, câu cuối cùng trong trang hai mươi một là: “Phàm hữu tâm giả, giai đương tác Phật, tức tâm tức Phật, niệm Phật niệm tâm, tâm Phật bản tự bất nhị, nãi sở dĩ tác thử sao dã” (Phàm những ai có tâm sẽ đều làm Phật. Tâm chính là Phật, Phật chính là

tâm, niệm Phật là niệm tâm. Tâm và Phật vốn tự chẳng hai. Đây chính là lý do soạn bộ Sao này vậy). Mấy câu này của Tôn Giả Tứ Minh có thể nói là giải thích vô cùng thấu triệt. Trí Giả Đại Sư soạn Sớ, nhằm mục đích dạy chúng ta “tức tâm niệm Phật” (dùng ngay chính cái tâm này để niệm Phật), tâm là Phật, Phật là tâm. Hãy ghi nhớ: Cái tâm ấy là chân tâm, là cái tâm chẳng có vọng niệm. Tông chỉ tu hành của Thiền gia chẳng khác những điều đang được nói ở đây. Trong Ngũ Lục, hòa thượng Đại Châu vừa mở đầu liền nói “người khéo tu thì tu từ căn bản”. Căn bản là gì? Tâm là căn bản, cho nên phải dốc sức từ tâm địa; đó gọi là “tu từ căn bản”; nhưng phải dùng chân tâm, chớ nên dùng vọng tâm, đấy mới là tu hành thật sự. Vì vậy, phương pháp tu hành trong Thiền Tông là tham cứu, chẳng gọi là nghiên cứu. Hiện thời chúng ta thường nói: “Quý vị hãy nghiên cứu kỹ càng chuyện gì đó”, Thiền gia bảo quý vị hãy tham cứu, chẳng bảo hãy nghiên cứu! Vì sao? Nghiên cứu dùng suy nghĩ, xét đoán, mà suy nghĩ, xét đoán là thức thứ sáu, tức ý thức. Tham cứu chẳng cần suy nghĩ, xét đoán, không dùng tâm ý thức. Thức thứ sáu tức ý thức là phân biệt, thức thứ bảy tức Mạt Na là chấp trước, thức thứ tám tức A Lại Da là lưu lại ấn tượng. Chẳng cần tới ba thứ ấy! Nói cách khác, chẳng phân biệt, không chấp trước, không lưu lại ấn tượng, mới gọi là tham cứu; tham cứu dùng chân tâm. Người thế gian dùng cái tâm phân biệt, dùng cái tâm chấp trước, ắt giữ lại ấn tượng, họ sử dụng tâm ý thức, tức là dùng vọng tâm, chẳng phải là chân tâm.

Đại Thừa Phật Pháp đều dùng chân tâm. Tông Môn dùng chân tâm, Giáo Hạ cũng chẳng phải là ngoại lệ. Đối với Giáo Hạ, quý vị thấy trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã dạy chúng ta nguyên tắc tu học. Ngài dạy chúng ta, bất luận là đọc Kinh hay nghe giảng, “ly ngôn thuyết tướng”, chẳng phân biệt, chẳng dùng thức thứ sáu, tức ý thức; “ly danh tự tướng” tức là chẳng chấp trước, chẳng dùng thức thứ bảy; “ly tâm duyên tướng”, tức là đừng khởi vọng niệm, đừng suy nghĩ loạn xạ, cũng chẳng cần suy tưởng ý nghĩa trong Kinh, quyết định chớ nên nghiên cứu, đừng dùng thức thứ tám. Vì thế, Giáo Hạ cũng là lìa tâm ý thức thì mới có thể đại khai viên giải. Trong Tịnh Độ Tông, nếu quý vị chẳng lìa tâm ý thức, cứ dùng tâm ý thức hoặc vọng tâm để niệm, vẫn được! Còn có thể Vãng Sanh. Chuyện này lạ lùng, đúng là chẳng thể nghĩ bàn, chẳng giống các Pháp Môn khác. Cõi Phạm Thánh Đồng Cư và cõi Phương Tiện Hữu Dur đều là dùng tám thức để niệm Phật Vãng Sanh, còn cõi Thật Báo Trang Nghiêm và cõi Thường Tịch Quang là lìa tâm ý thức để niệm Phật Vãng Sanh, nên khác nhau! Vì thế, Tịnh Tông còn có cái hay: “Chẳng biết dùng chân tâm, vẫn có thể Vãng Sanh”; đó là lý do khiến cho chư Phật, Bồ Tát đặc biệt tán thán. Chính vì như thế, Pháp Môn này có thể phổ độ hết thảy chúng sanh, chúng sanh căn tánh thượng, trung, hạ đều đắc độ. Tới Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, thấy A Di Đà Phật, lại lìa tâm ý thức, như vậy thì sẽ thuận tiện hơn, an toàn hơn, vì sao? Chẳng phải luân hồi trong lục đạo nữa, Pháp Môn này đặc biệt thuận tiện!

Phần lời tựa tới đây là kết thúc, đã giới thiệu viên mãn. Kế tiếp là “nhập văn”, tức là bước vào phần chánh văn của Diệu Tông Sao. Chánh văn được mở đầu bằng năm tầng huyền nghĩa của tông Thiên Thai. Tông Thiên Thai giảng Kinh hay chú giải đều tuân thủ nguyên tắc sau đây: Trước hết, dùng năm điều đại cương để giới thiệu đại ý của toàn bộ bốn Kinh; giới thiệu đại ý của cả bốn Kinh xong rồi mới giảng Kinh Văn. Do đó, phần Huyền Nghĩa hết sức quan trọng. Phương thức này xét theo Phật Pháp, nói thật ra, chú giải Phật Pháp có hai loại, tức là Luận gồm có hai loại lớn: Một loại là Tông Kinh Luận, loại kia là Thích Kinh Luận. Tông Kinh Luận là căn cứ trên Kinh nghĩa (giáo nghĩa hoặc ý nghĩa chánh yếu trong Kinh) để xiển dương, nêu tỏ, chẳng phải là giải thích Kinh Văn từng câu một. Bộ phần Huyền Nghĩa thuộc loại Tông Kinh Luận. Đến khi bước vào phần chánh Kinh để giải thích, giải thích từng câu Kinh Văn một thì là Thích Kinh Luận.

Trong các bộ đại luận của Kinh Phật, Du Già Sư Địa Luận thuộc loại Tông Kinh Luận, chẳng phải là giải thích Kinh Văn từng câu một. Đại Trí Độ Luận là Thích Kinh Luận, giải thích Kinh Văn từng câu một. Tông Thiên Thai kết hợp hai loại ấy thành một, Tông Kinh Luận và Thích Kinh Luận đều có. Phần Huyền Nghĩa thuộc loại Tông Kinh Luận.

“Thích Kinh ngũ nghĩa, Danh, Thể, Tông, Dụng, Giáo Tướng, vân vân” (Giải thích năm nghĩa trong Kinh là Danh, Thể, Tông, Dụng và

Giáo Tướng v.v...). Nay chúng ta nói “vân vân” là v.v... Ngài dùng năm hạng mục ấy, tức là dùng năm khoa để giới thiệu đại ý của cả bộ Kinh. Chúng ta đem đọc lời Sao dưới đó một lượt. “Sao vân” (Sao rằng), Sao là lời giải thích của Tôn Giả Tứ Minh, Trí Giả Đại Sư giải thích rất đơn giản. “Ngôn vân vân giả, linh y chư bộ, minh ư thông thích ngũ chương chi nghĩa” (Nói “vân vân” là dựa theo thể lệ được sử dụng trong các bộ sách của Ngài Thiên Thai Trí Giả, nói rõ: Sẽ giải thích ý nghĩa theo thể lệ thông thường gồm năm chương): Theo thể loại Ngũ Chương, tức là chia phần Huyền Nghĩa thành năm chương để giới thiệu đại ý của toàn thể bốn Kinh. “Diệu Huyền vân” (sách Pháp Hoa Kinh Huyền Nghĩa có nói); Diệu là Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Huyền là Huyền Nghĩa, tác phẩm Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa của tổ Trí Giả giải thích Kinh Pháp Hoa, trong phần giảng giải Huyền Nghĩa, đã chia thành năm phần là Kinh Đề, Biện Thể, Minh Tông, Luận Dụng và Giáo Tướng. Trí Giả Đại Sư giảng phần Huyền Nghĩa phải mất chín mươi ngày, đó là “cửu tuần đàm diệu” nổi tiếng của tông Thiên Thai. Điển cố ấy phát xuất từ chuyện này. Xét về kích thước, trong Đồ Thư Quán của chúng ta có tác phẩm ấy, bản in bìa cứng dày như vậy, đại khái bộ sách ấy gồm có ba quyển giống như bộ Diệu Tông Sao quý vị đồng tu đang cầm trên tay. Ba quyển ấy nói gì vậy? Năm tầng Huyền Nghĩa của Kinh Pháp Hoa, vẫn chưa giảng vào Kinh Văn. Những điều do Trí Giả Đại Sư giảng giải trong chín mươi ngày, được ghi lại thành ba quyển dày dầy ấy. Đó là sách Diệu Huyền, là một bộ lớn trong Thiên Thai Tam Đại Bộ.

Bộ phận lớn thứ hai trong Thiên Thai Tam Đại Bộ là giảng Kinh Văn, Kinh Văn được giảng giải trong bộ Pháp Hoa Kinh Văn Cú. Vì thế, trong hai bộ phận lớn trên đây, bộ phận lớn phía trước, tức Diệu Huyền là Tông Kinh Luận của Kinh Pháp Hoa, Văn Cú là Thích Kinh Luận của Kinh Pháp Hoa; bộ còn lại là phương pháp tu hành trong tông Thiên Thai, tức Ma Ha Chỉ Quán. Trước đây, người học Thiên Thai nhất định phải đọc thuộc lòng ba bộ sách lớn ấy. Chẳng thể đọc thuộc lòng, chẳng thể vào giảng đường của tông Thiên Thai! Nghe Kinh trong giảng đường Thiên Thai, ba bộ sách lớn ấy đều rất thuộc thì mới có tư cách bước vào giảng đường nghe giảng. Vì thế, trình độ học Phật xưa kia cao hơn chúng ta trong hiện thời rất nhiều. Hiện thời, mỗi người chúng ta đều cầm Kinh bản, chiếu theo Kinh bản để giảng. Trước kia, người ta chẳng có Kinh bản như vậy, Kinh sách chẳng có nhiều như vậy, thuật ấn loát chưa phát triển. Nhất là như trong thời đại Đường - Tống, chưa phát minh ra kỹ thuật ấn loát, sách đều là chép tay, há có nhiều như vậy? Tất cả mọi người đều học thuộc lòng, người giảng Kinh rất thuộc, chẳng cần dùng Kinh bản, người nghe Kinh cũng học rất thuộc, cũng chẳng dùng Kinh bản, ai nấy đều chẳng cần dùng Kinh bản. Hiện thời, kỹ thuật ấn loát phát triển, ấn hành rất thuận tiện, mỗi cá nhân đều có thể có Kinh bản, cầm Kinh bản để nghe giảng. Nói thật ra, xét theo mức công phu chân chánh, chẳng bằng cổ nhân! Cổ nhân đều là đọc thuộc lòng, đều nhớ nằm lòng. Được rồi, chúng ta nghỉ mấy phút.

TẬP 4

Xin mở Kinh bốn, xem trang hai mươi hai.

Trong phần Sao, chúng ta thấy “thất phiên cộng giải” của tông Thiên Thai. Đây là phương thức giảng Kinh của họ. “Thất phiên” là bảy tiểu đề mục, mỗi tiểu đề mục đều rất rõ ràng: Một là tiêu chương, hai là dẫn chứng, ba là sanh khởi, bốn là khai hợp, năm là liệu giản, sáu là quán tâm, bảy là hội dị. Bảy tiểu đề (đề mục nhỏ) này, thứ nhất là “tiêu chương, linh dị ức trì, khởi niệm tâm cố” (nêu tên gọi của một chương để người đọc dễ nghĩ nhớ, nhằm dấy lên niệm tâm vậy), mục đích ở chỗ này. “Tiêu” là tiêu thị (nêu bày), “chương” là chương đề (tựa đề của một chương, tức là chủ đề chánh yếu, hay còn gọi là tông chỉ của một chương). “Dẫn chứng, cứ Phật ngữ, khởi tín tâm cố” (Dẫn chứng: Nêu ra chứng cứ bằng lời Phật dạy hòng khởi tín tâm). Nêu rõ tông chỉ của một chương thì nhất định phải có chứng cứ, phải có căn cứ, chẳng phải là nói tùy tiện; nhất định là căn cứ trên Kinh Điển, tín tâm của chúng ta mới có thể phát sanh. “Sanh khởi, sử bất tạp loạn, khởi định tâm cố” (Sanh khởi là khiến cho chẳng tạp loạn, định tâm được sanh ra). “Dư tam” (Ba điều còn lại), tức là các điều thứ tư, thứ năm, thứ bảy. Điều thứ tư là Khai Hợp, điều thứ năm là Liệu Giản, điều thứ bảy là Hội Dị, có mục đích là “khởi huệ tâm cố” (khiến cho huệ tâm sanh khởi). Điều thứ sáu là “Quán tâm, tức văn tức hành, khởi tấn tâm cố” (Quán tâm là vừa nghe liền hành, khởi tâm tinh tấn), đây là tâm tinh tấn. Trong bảy tiểu khoa ấy, có năm

thứ tâm là Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ. Vì thế, Ngài kết luận: “Cổ ngũ tâm lập, thành ngũ căn, bài ngũ chướng, thành ngũ lực, nãi chí nhập tam giải thoát, kim số từng lược, cố chú vân vân” (Do đó, năm tâm được lập để thành tựu năm căn, trừ năm chướng hồng thành tựu năm lực, cho đến nhập ba môn giải thoát. Nay lời số từng lược, nên trong lời Sao phải chú giải những điều như thế). Hiện thời, từ bản Đại Sớ, quý vị sẽ thấy tường tận những điều ấy; ở đây, những khoa mục tỉ mỉ đều từng lược, nhưng chúng ta phải hiểu: Mục đích lập ra bảy điều như thế của Ngài (tổ Trí Giả) là nhằm bồi dưỡng năm căn Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ, hy vọng năm căn có thể tăng trưởng thành năm lực thì mới có thể tiêu nghiệp chướng. Đây là nêu lên mục tiêu của Ngài.

Chúng ta xem phần kế tiếp là phần giải thích tầng thứ nhất trong năm tầng Huyền Nghĩa. “Đệ nhất Thích Danh giả” (thứ nhất là giải thích tên Kinh). Tông Thiên Thai vừa mở đầu liền giảng tựa đề Kinh. “Nhất thiết chúng Kinh, giai hữu thông biệt nhị danh, Thông tắc Kinh chi nhất tự, Biệt tắc hữu thất, hoặc đơn nhân, pháp, thí, hoặc phức, hoặc cụ” (Hết thấy các Kinh đều có Thông Đề và Biệt Đề. Thông là một chữ Kinh, Biệt thì có bảy loại đặt tên hoặc là đơn nhân, đơn pháp, đơn thí dụ, hoặc phức (ghép hai loại một), hoặc có đủ cả ba loại nhân, pháp, thí). Đây là quy nạp các đề mục lại. Hết thấy các Kinh không ngoài việc lấy nhân (người) để đặt tên Kinh, hoặc dùng pháp để đặt tên Kinh, hoặc dùng tỷ dụ để đặt tên Kinh, đó gọi là “tam đơn” (ba cách đặt tên chỉ dùng một loại). “Tam phức” là trong tựa đề một Kinh có hai loại, hoặc là nhân pháp, hoặc là

nhân dụ, hoặc là pháp dụ. Loại thứ bảy được gọi là “cụ túc lập đề”, tức là nhân, pháp, dụ thấy đều có. Đề mục Kinh Phật rất nhiều, nhưng chẳng ra ngoài bảy nguyên tắc ấy, nên gọi là “thất lệ lập đề” (bảy quy tắc đặt tên Kinh), điều này cũng thuộc loại kiến thức thông thường trong Phật học.

Đối với Kinh này, phần kế tiếp, nơi trang hai mươi bốn, đã giới thiệu: “Kim Kinh tòng năng thuyết, sở thuyết nhân dĩ lập danh, tức giáo biệt” (Nay Kinh này dựa trên người nói và người được nói để đặt tên, đó chính là tên riêng của giáo pháp này). Trong bộ Kinh này, “Phật Thuyết” là Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật nói, đó là người “năng thuyết”. “Vô Lượng Thọ Phật” là giáo chủ của Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, cũng là tên người, đó là sở thuyết (người được nói đến). Vì vậy, trong đề mục này, dùng người nói và người được nói, tức là dùng Nhân để đặt tên Kinh, thuộc quy cách “chỉ dùng Nhân để đặt tên”, đúng như Tiểu Bản A Di Đà Kinh vậy. “Phật Thuyết” là Thích Ca Mâu Ni Phật, “A Di Đà” là Vô Lượng Thọ Phật. Trong tựa đề Kinh này, chẳng có pháp, mà cũng chẳng có tỷ dụ, chỉ dùng Nhân để đặt tên. Đó là “giáo biệt”, tức Biệt Đề, danh xưng chẳng giống các Kinh khác. “Đồng danh vi Kinh, tức giáo thông” (Cùng gọi là Kinh, đó là chỗ giống nhau giữa các giáo). Như Kinh Kim Cang, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Pháp Hoa đều gọi là Kinh, danh xưng Kinh ấy được gọi là Thông Đề, điều này được gọi là “giáo thông”. “Vị hạnh bất đồng, tòng nhất chí vô lượng, tức Hạnh Biệt. Hội đồng thường lạc, tức Hạnh Thông. Lý tuy vô danh, tương môn danh lý, lý tùy ư môn,

tứ tứ thập lục, tức danh Lý Biệt. Môn tùy ư Lý, tức danh Lý Thông. Thử ước nhất hóa, dĩ minh Thông, Biệt” (Do hạnh khác nhau, từ một đến vô lượng, nên Hạnh Biệt (hạnh khác nhau). Tuy khác nhau, nhưng đều cùng có thể khiến cho người tu tập hưởng sự thường lạc, nên là Hạnh Thông (chỗ giống nhau giữa các hạnh). Tuy lý chẳng có tên, nhưng dùng Môn (Pháp Môn) để đặt tên cho Lý. Lý tùy thuộc từng môn, bốn lần bốn thành mười sáu, nên gọi là Lý Biệt. Do môn tùy thuộc Lý, nên gọi là Lý Thông. Đây là dựa theo giáo pháp trong một đời của đức Phật để giảng rõ ý nghĩa Thông và Biệt). Đối với những ý nghĩa này, nếu chưa từng biết về giáo nghĩa Thiên Thai, đều chẳng dễ hiểu cho lắm, vì trong ấy có khá nhiều thuật ngữ của Thiên Thai Tông, kẻ sơ học rất khó hiểu chúng có nghĩa là gì!

Ở đây, phải nói rõ cùng quý vị về “tứ tứ thập lục”. Tông Thiên Thai chia Lý và Sự thành bốn môn, bốn môn là Không, Có, Cũng Không Cũng Có, Chẳng Có Chẳng Không, chia thành bốn môn ấy. Trong bốn giáo là Tạng, Thông, Biệt, Viên thì Tạng Giáo có bốn môn, Thông Giáo cũng có bốn môn, Biệt Giáo và Viên Giáo cũng lại như thế, nên bốn giáo nhân với bốn môn thành mười sáu. Lý được nói ra sẽ là bất đồng, người nghe cảm thấy Lý bất đồng là do tùy theo căn cơ của người nghe mà Phật, Bồ Tát, Tổ Sư nói ra Lý ấy cạn hay sâu sai khác, chẳng phải là Lý có những điểm sai biệt nào khác, chỉ là được nói ra cạn hay sâu khác nhau! Hết thấy các pháp do đức Phật đã nói trong bốn mươi chín năm đều chẳng lìa nguyên lý này,

nên đức Phật đã dựa trên Chân Đế và Tục Đế để thuyết pháp. Nói đơn giản, Tục Đế là thuận theo kiến thức thông thường của chúng ta. Tùy thuận kiến thức thông thường của chúng ta, chúng ta nghe xong sẽ lý giải rất dễ dàng. Chân Đế là cảnh giới của Như Lai, Ngài nói ra, chúng ta thường chẳng dễ gì hiểu được, chẳng dễ lãnh hội! Ất phải là tâm địa thanh tịnh đến một mức độ kha khá, chúng ta chẳng có chướng ngại thì đức Phật nói, chúng ta bèn có thể thông hiểu và lý giải được.

Vì lẽ đó, đối với Phật Pháp, chư vị hãy nhớ một nguyên tắc: Phật Pháp lưu lộ từ Chân Như bản tánh. Cái tâm mà lũ phàm phu chúng ta sử dụng hằng ngày là tám thức, năm mươi một Tâm Sở. Những gì chúng ta có thể tưởng tượng và lý giải đều thuộc phạm vi của tám thức, chẳng có cách nào thấu hiểu tâm tánh. Do vậy, đối với những đạo lý do đức Phật giảng, chúng ta nghe không hiểu. Thật sự học Phật thì tu từ đâu? Dốc sức nơi Định, chẳng dốc sức nơi Giáo, trước hết là tu Định. Vì thế, vào thời cổ, bất luận là xuất gia hay tại gia, hễ học Phật bèn là năm năm học giới. “Năm năm học giới” chẳng phải học Luật Tạng trong Kinh, Luật, Luận, chẳng phải là học giới luật, mà là tuân thủ lời thầy răn dạy. Thầy dạy quý vị những gì? Dạy quý vị buông tất cả hết thảy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng xuống. Dùng phương pháp nào? Không nhất định! Thiên Tông dạy quý vị tham Thiên, dạy quý vị tĩnh tọa. Khi tĩnh tọa, chẳng cần nghĩ thiện, mà cũng chẳng nghĩ ác. Không nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, khiến cho tâm định. Nếu quý vị có thắc mắc đến hỏi thầy, vừa mới nêu lên câu

hỏi, thầy đã quơ hương bản đập liền, vì sao? “Dạy người đừng khởi vọng niệm, sao người lại khởi vọng niệm?” Thầy thấy quý vị thường chẳng hỏi, khi chẳng có vọng niệm, hương bản lại giáng xuống, vì sao? Vô minh! “Người chẳng phải là vọng tưởng, bèn là vô minh”. Vọng tưởng thì phải đánh, mà vô minh cũng phải đánh. Do đó, cách giáo học của Thiên Tông có lúc thấy dường như hết sức phi lý! Vô duyên vô cớ đánh đập người ta! Thật ra họ muốn xóa sạch vọng tưởng cũng như vô minh của quý vị.

Giáo Hạ quá nửa là dùng đọc tụng, giống như Tiểu Học thuở trước ở Trung Hoa, bảo quý vị học thuộc sách, chẳng cần giảng giải, cứ học thuộc sách. Mỗi ngày phải đọc thuộc sách bao nhiêu lần, giống như tông Thiên Thai học thuộc Kinh Pháp Hoa. Kinh Pháp Hoa phân lượng khá nhiều; mỗi ngày niệm một lần, năm năm niệm hơn một ngàn lần. Chẳng cần cầu giải hiểu nghĩa của Kinh, niệm sao cho tâm định. Sau khi đã định, lại nghe Kinh bèn khai ngộ. Quý vị thấy Đàn Kinh có chép chuyện thiền sư Pháp Đạt. Sư Pháp Đạt niệm Kinh Pháp Hoa, lúc gặp Lục Tổ, lễ bái chẳng khấu đầu sát đất, Lục Tổ trông thấy: Lễ bái mà đầu chẳng chạm đất, ngạo mạn! Do đó, Lục Tổ hỏi Sư: “Ông có chuyện gì đáng để ngạo mạn ư?” Nay ta nói là “đáng kiêu ngạo”, người có gì đáng để kiêu ngạo? Sư rất thật thà thưa: “Con đã niệm ba ngàn bộ Kinh Pháp Hoa”, đáng kiêu ngạo lắm chứ! Niệm ba ngàn bộ Pháp Hoa mà! Kết quả là bị Lục Tổ hỏi một câu, Sư cứng họng. Kinh Pháp Hoa niệm khá như vậy, niệm nhiều như vậy, nhưng chẳng hiểu, chẳng lãnh hội ý nghĩa! Sư giác

ngộ, cung kính hướng về Lục Tổ Đại Sư thỉnh giáo. Lục Tổ giảng một chút, Sư bèn thông đạt, khai ngộ.

Nay chúng ta cũng đọc đoạn khai thị của Tổ dành cho sư Pháp Đạt, vì sao chúng ta chẳng khai ngộ? Sư nghe giảng mấy câu bèn khai ngộ, chúng ta đọc những lời ấy một trăm lần, một ngàn lần, vẫn chẳng khai ngộ. Vấn đề ở chỗ nào? Tâm người ta thanh tịnh đã nhiều năm ngàn ấy, đó là công phu, tâm chúng ta loạn cào cào! Bởi lẽ, tâm tán loạn chẳng thể nào khai ngộ, tâm tán loạn chẳng thể hiểu những ý nghĩa do đức Phật đã nói. Bài kệ Khai Kinh có câu: “Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”. Ất phải là tâm địa thanh tịnh, thanh tịnh đến một mức độ nhất định thì mới có thể hiểu ý Phật trong Kinh Điển. Do đó, người thật sự học Phật, thiện tri thức thật sự, luôn dạy quý vị giảm thiểu phiền não, phiền não ngày càng giảm ít, thực hiện từ chỗ này!

Hiện thời, học Phật rất khó khăn, rất khó gặp thiện tri thức. Như tôi theo thầy Lý, thầy Lý đặt ra ba điều kiện theo biện pháp của cổ nhân, nhưng biện pháp của thầy khoan dung hơn cổ nhân rất nhiều:

1. Tôi tôn cụ làm thầy, điều kiện thứ nhất là từ nay về sau, chỉ có thể nghe một mình cụ giảng Kinh. Bất cứ Pháp Sư, đại đức, Cư sĩ nào giảng Kinh, đều nhất loạt chẳng cho phép nghe. Đây là chặn lấp, cắt đứt vọng tưởng muốn nghe Kinh, chớ nên nghe!

2. Điều thứ hai là xem sách, chúng tôi có chút chữ nghĩa, ưa đọc sách. Bất luận xem sách nào, Kinh Phật cũng thế, mà chẳng phải là Kinh Phật cũng thế, phải được cụ đồng ý. Sách nào cụ chẳng đồng ý, nhất loạt

chẳng được phép đọc. Cũng là ngăn lấp chuyện xem sách, chẳng cho phép quý vị xem.

3. Điều kiện thứ ba là “những gì anh đã học trước kia, tôi chẳng thừa nhận, nhất loạt coi như những thứ bỏ đi. Từ nay trở đi, bắt đầu học những điều tôi dạy”.

Chúng tôi nghe thầy Lý giảng có những điều chẳng giống như người khác đã giảng trước kia. Có khi tôi muốn đến hỏi thầy: “Trước kia, con nghe nói là như vậy”. Thầy bảo: “Trước kia chẳng tính, coi như lời bậy bạ, ngay cả một câu cũng chẳng được nhắc tới!” Kể ra cũng khá lắm, thầy có lập kỳ hạn, năm năm tuân thủ ba điều kiện ấy. Trong năm năm ấy, nói thực tại là mong cho tâm quý vị an tĩnh. Phương pháp ấy nói thật ra là phương pháp “tẩy não” của đảng Cộng Sản: Trước hết, quét sạch sành sanh những thứ loạn cào cào trong đầu óc quý vị, sau đó đầu óc quý vị rỗng rang mới tiếp nhận Phật Pháp. Đó gọi là “năm năm học giới”, quý vị mới có thụ dụng đôi chút. Tâm chẳng thanh tịnh, gặp vị thầy giỏi, dẫu Phật, Bồ Tát đích thân thuyết pháp cho quý vị, cũng đều uổng công, quý vị chẳng phải là pháp khí, chẳng có năng lực tiếp nhận! Năng lực là gì? Tâm thanh tịnh là năng lực.

Chúng tôi giới thiệu đơn giản đoạn này đến đây, lại xem đoạn kế tiếp, xem hàng thứ nhất nơi trang hai mươi sáu. Phía trước là nói theo phương diện “nhất hóa”, tức là nói theo cái được gọi “nhất đại thời giáo” (giáo pháp suốt một đời đức Phật) trong sự giáo hóa chúng sanh của Thích Ca Mâu Ni Phật, còn ở đây là nói theo bộ Kinh này.

“Cánh ước nhất đề” (Lại dựa theo tựa đề của một bản Kinh), tức là nói theo tựa đề Kinh này. “Phật Thuyết” là Giáo, “Quán” là hạnh, tức là phương pháp tu hành, “Vô Lượng Thọ Phật tức thị Lý, Giáo, Hạnh, Lý tức” (Vô Lượng Thọ Phật chính là Lý. Giáo, Hạnh và Lý đều đầy đủ), “túc” là đầy đủ. “Nhậm vận hữu thông biệt ý” (Tự nhiên có ý nghĩa Thông và Biệt), “nhậm vận” là tự nhiên nó vừa có Thông Ý, mà cũng có Biệt Ý. Trong một Thể, chúng ta thấy có Giáo, có Hạnh, có Lý; Lý là lý luận để làm căn cứ. “Cánh tự nhất tự Thuyết giả, Thích Luận vân, sở hành như sở thuyết. Thuyết tức thị Giáo, như tức thị Lý, hành tức thị Hạnh” (Lại nói theo một chữ Thuyết thì Thích Luận có nói: “Việc làm đúng như lời nói”. Thuyết chính là Giáo, Như chính là Lý, Hành chính là Hạnh). Ý nghĩa được bao hàm trong một chữ Thuyết của tựa đề Kinh cũng vô cùng rộng lớn. Thông thường, trong hết thảy Kinh luận, chúng ta thấy chữ này được giải thích rất nông cạn, dễ hiểu: “Thuyết thị duyệt sở hoài dã” (Thuyết là thỏa thích những điều được áp ủ trong tâm). Đức Phật thấy cơ duyên của chúng sanh chín muồi, Ngài lấy độ chúng sanh làm bản hoài, nay cơ duyên đặc độ của chúng sanh đã chín muồi, đương nhiên phải dạy cho chúng sanh phương pháp lìa khổ được vui, chuyển phàm thành Thánh. Vì thế, Thuyết là hoan hỷ vì chúng sanh mà thuyết pháp. Ở đây là nói theo Lý, cách giảng trong phần trên là nói theo Sự.

“Sở hành như sở thuyết”: Giải và Hạnh hoàn toàn nhất trí. Nếu lời đức Phật nói và điều Ngài làm khác nhau, tức là chẳng tương ứng. Từ câu này, chúng ta biết, trong Kinh này, đức Phật khuyên chúng ta niệm Phật, Ngài có niệm Phật hay không? Sở hành đúng như sở thuyết, đương nhiên đức Phật niệm Phật! Nếu đức Phật chẳng niệm Phật, làm sao có thể khuyên chúng ta niệm Phật? Xác thực là quý vị đọc những Kinh Điển được dẫn chứng trong tác phẩm chú giải Kinh Vô Lượng Thọ của Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, sẽ thấy không riêng Thích Ca Mâu Ni Phật niệm Phật thành Phật, mà hết thầy chư Phật Như Lai chẳng có vị nào không niệm Phật thành Phật. Chúng ta thấy Kinh Hoa Nghiêm đã nói: “Thập Địa Bồ Tát từ đầu tới cuối chẳng lìa niệm Phật”, Thập Địa là từ Sơ Địa đến Đẳng Giác. Do vậy có thể biết, đạo thành Phật chỉ là niệm Phật, đó là “sở hành như sở thuyết”. Thuyết là Giáo, Như là Lý, ý nghĩa Bất Nhị như thế hoàn toàn nhất trí, tâm và hạnh là một, tâm là hạnh, hạnh là tâm. Nay chúng ta tu học Pháp Môn Tịnh Tông, đề xướng Kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ là giáo nghĩa viên mãn, là căn cứ rõ rệt, chân thật nhất của Tịnh Tông, có thể nói là khái luận của Tịnh Độ. Bất luận tánh, tướng, lý, sự, nhân, quả thầy đều được nói đến. Do đó, tôi khuyên mọi người nương theo bộ Kinh này, hoàn toàn thực hiện những lý luận, phương pháp, và cảnh giới đã nói trong bộ Kinh này, biến chúng thành tư tưởng, kiến giải, ngôn ngữ, và hành vi của chính mình. Chúng ta và Phật đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh, há lẽ nào chẳng Vãng Sanh? Quyết định Vãng Sanh! Vì lẽ đó, thọ trì Kinh Điển và Phật hiệu nhằm mục đích này.

Đoạn tiếp theo nói: “Phật tức Pháp Thân, Quán tức Bát Nhã, Vô Lượng Thọ tức Giải Thoát” (Phật chính là Pháp Thân, Quán là Bát Nhã, Vô Lượng Thọ là Giải Thoát), đây là phối hợp với ba đức Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát để nói. Chư vị phải biết cách phối hợp này, nói thật ra là sống động, hoạt bát. Phối hợp như thế nào đều là viên dung, đều nói hợp lý. Quý vị nói Phật là Bát Nhã, Quán là Giải Thoát, Vô Lượng Thọ là Pháp Thân, nói cũng hợp lý. Vì sao? Một mà ba, ba mà một, trong một pháp đầy đủ hết thảy các pháp, hết thảy các pháp là một pháp. Vì thế, mọi người đừng chấp chết cứng nơi câu văn, chấp chết cứng là sai mất rồi. Phối hợp kiểu nào cũng đều hợp lý! Tiếp theo đó là nói: “Tức nhất đạt tam, tức tam đạt nhất, nhất trung giải vô lượng, vô lượng trung giải nhất” (Do một mà đạt ba, do ba mà đạt một, trong một hiểu vô lượng, từ vô lượng hiểu một). Một chữ mà nghĩa lý vô cùng, huống gì một bộ Kinh này, huống hồ giáo pháp trong Đại Tạng! Cuối cùng, Ngài nói: “Nhược bất như thượng giải giả, an hoạch vô hạn công đức da?” (Nếu chẳng hiểu như trên đây, há có thể đạt được vô hạn công đức ư?). Đây là do cổ nhân đã nói: Một người có thể nghe tựa đề của một bộ Kinh sẽ đạt được công đức chẳng thể nghĩ bàn. Lời ấy là thật, mà cũng chưa chắc là thật. Nói “thật” là như thế nào? Quý vị thật sự thông đạt nghĩa lý, một chính là vô lượng, vô lượng chính là một thì đó là thật! Trong tựa đề của một bộ Kinh sẽ có vô lượng vô biên công đức. Nếu quý vị chẳng hiểu, sẽ chẳng đạt được lợi ích. Do vậy có thể biết, quý vị có hiểu rõ lý hay không? Chẳng hiểu rõ lý, sẽ không đạt được công đức!

Quý vị nói chúng ta niệm A Di Đà Phật, chúng ta đối với Lý và Sự của A Di Đà Phật đều thông đạt, hiểu rõ, sẽ là một niệm tương ứng một niệm Phật. Nếu chẳng hiểu rõ Sự và Lý của A Di Đà Phật, sẽ biến câu Phật hiệu thành ca hát. Hiện thời, chúng ta nghe cái gọi là Ngũ Hội Niệm Phật, ca xướng đấy! Ca xướng hết sức êm tai, có ý nghĩa gì hay không? Chẳng biết nữa! Vậy là vô dụng, chỉ có thể nói là gieo một tí thiện căn, khẩu thiện! Thầy Lý thường nói là “tốt hơn chửi người khác”, đạt được một chút lợi ích ấy! Nhất định phải biết danh hiệu trọn đủ công đức, quý vị niệm Phật mới tương ứng. Một câu A Di Đà Phật viên mãn đầy đủ hết cả Tánh Đức và Tu Đức, nên công đức của Phật hiệu lại chẳng thể nghĩ bàn. Nói thật thà, ba Kinh đều chủ trương trì danh, mười lăm phép Quán trước trong Thập Lục Quán Kinh chẳng phải là trì danh, phép Quán cuối cùng là trì danh. Quý vị đừng thấy là phép Quán sau cùng mà nói là nó chỉ dành cho kẻ hạ căn. Hạ căn là gì? Người bệnh nặng nhất. Người bệnh nặng nhất mà uống thuốc này liền khỏi bệnh thì người bệnh nhẹ còn nói năng gì nữa? Càng dễ lành bệnh!

Cách sắp đặt theo thứ tự thuận trong Phật Pháp có dụng ý rất sâu, tương tự như pháp thế gian tại Trung Quốc: Thứ tốt nhất xếp cuối cùng, giống như trong hát tuồng, màn diễn hay nhất được gọi là áp trực hý (Màn diễn cuối, kết thúc tuồng hát). Trì danh niệm Phật đặt ở cuối cùng chính là áp trực hý. Chúng ta đọc Kinh Lăng Nghiêm, phần hai mươi lăm pháp Viên Thông trong Kinh Lăng

Nghiêm là Pháp Môn tu học của hai mươi lăm vị Bồ Tát, những pháp được xếp theo thứ tự là những pháp thông thường. Pháp nào không xếp theo thứ tự thuận mà xếp vào cuối cùng thì pháp cuối cùng ấy là thù thắng nhất. Chương Nhĩ Căn Viên Thông của Quán Âm Bồ Tát thù thắng nhất. Nếu pháp của Quán Âm Bồ Tát được xếp theo thứ tự thuận thì phải ở vị trí thứ hai. Trong lục căn, pháp của Ngài là Nhĩ Căn Viên Thông, thứ nhất là Nhãn Căn, thứ hai là Nhĩ Căn. Lục Căn, Lục Trần, Lục Thức, Thất Đại, đó là xếp theo thứ tự thuận, pháp của Ngài chẳng được xếp theo thứ tự thuận, mà xếp vào cuối cùng!

Trong hai mươi lăm chương ấy, Pháp Môn đặc biệt chẳng phải là một mình Ngài, mà là hai vị, Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương cũng là đặc biệt. Nếu dựa theo thứ tự thuận, Đại Thế Chí là Căn Đại. Trong Thất Đại, theo thứ tự thuận là Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Kiến, Thức. Do Đại Thế Chí Bồ Tát thuộc Kiến Đại, nên Pháp Môn của Ngài lẽ ra phải xếp trước Thức. Thức là Di Lặc Bồ Tát, Ngài học Duy Thức. Di Lặc Bồ Tát là Thức Đại, nên Đại Thế Chí Bồ Tát phải xếp trước Di Lặc Bồ Tát. Kết quả là quý vị thấy trong Kinh Lăng Nghiêm, Ngài được xếp sau Di Lặc Bồ Tát. Vì thế, xét theo thứ tự thuận, có hai Pháp Môn đặc biệt trong hai mươi lăm Pháp Môn, chẳng phải là chỉ có một Pháp Môn đặc biệt. Nói như vậy, ắt có người bắt bẻ vì sao không xếp Niệm Phật Viên Thông Chương cuối cùng, mà xếp Nhĩ Căn Viên Thông Chương cuối cùng? Dụng ý trong ấy rất sâu, Niệm Phật Viên Thông phù

hợp căn cơ của hết thầy chúng sanh trong tận hư không khắp pháp giới, quá lớn! Nhĩ Căn Viên Thông Chương chỉ thích hợp với người trên địa cầu; do thuyết pháp trên địa cầu, nhằm thích hợp trình độ của quý vị, nên đặc biệt đưa ra pháp này. Nếu không thuyết pháp ở đây, Quán Âm Bồ Tát vẫn dựa theo thứ tự thuận để sắp vào vị trí thứ hai, chẳng xếp cuối cùng, nhưng Đại Thế Chí Bồ Tát sẽ được xếp cuối cùng, đó là điều quyết định, chẳng bị bất cứ ảnh hưởng nào. Đọc Kinh Lăng Nghiêm phải lưu ý điều này: Chẳng theo đúng thứ tự thuận, ý nghĩa sẽ khác hẳn!

Do đó, trong Tịnh Tu Tiếp Yếu, Cư sĩ Hạ Liên Cư đã viết: “Tịnh Tông Sơ Tổ Đại Thế Chí Bồ Tát”, tôi xem đến câu ấy cũng giật mình, nhưng suy nghĩ kỹ, thấy cụ nói chẳng sai, cụ nói rất chính xác, trước kia tôi không nghĩ đến. Đề xướng chuyên tu Tịnh Tông, chuyên học Pháp Môn Niệm Phật trong tận hư không, khắp pháp giới là Đại Thế Chí Bồ Tát, nên Đại Thế Chí Bồ Tát là Tịnh Tông Sơ Tổ trong tận hư không, khắp pháp giới. Từ Ngài, chúng tôi lại liên tưởng trong Thế Giới Sa Bà, Phổ Hiền Bồ Tát là Tịnh Tông Sơ Tổ. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật, giảng bộ Kinh đầu tiên là Kinh Hoa Nghiêm. Trong hội Hoa Nghiêm, người đề xướng Pháp Môn Niệm Phật là Phổ Hiền Bồ Tát, nên Phổ Hiền Bồ Tát là Sơ Tổ trong Thế Giới Sa Bà. Tại Trung Quốc, Huệ Viễn Đại Sư đề xướng đầu tiên, nên Viễn Công Đại Sư là Sơ Tổ của Tịnh Độ Tông tại Trung Quốc. Sau này, hễ nói tới Tịnh Tông Sơ Tổ, phải hỏi vị Sơ Tổ nào? Cả ba vị đều là Sơ Tổ, nhưng phạm vi giáo hóa khác biệt rất lớn, chúng ta phải biết điều này.

Lại xem phần tiếp theo, Đại Sư dùng Lục Tức của tông Thiên Thai để giải thích chữ Phật. “Sơ thích Phật giả” (Đầu tiên là giải thích chữ Phật), giới thiệu từng chữ trong tựa đề Kinh, trước hết giải thích chữ Phật. “Phật thị giác nghĩa” (Phật nghĩa là giác), chữ Phật là tiếng Phạn dịch âm, có nghĩa là Giác, giác chứ không mê. “Hữu lục chủng tức” (Có sáu loại Tức), nói theo hiện tại thì “tức” có nghĩa là “chính là”. “Niết Bàn Kinh vân, nhất thiết chúng sanh tức thị Phật” (Kinh Niết Bàn nói: “Hết thảy chúng sanh chính là Phật”), Kinh Hoa Nghiêm cũng nói “hết thảy chúng sanh vốn đã thành Phật”. Kinh Viên Giác cũng có câu “hết thảy chúng sanh vốn thành Phật”. Đây là nói theo Chân Như bản tánh, vì sao? Hết thảy chúng sanh đều có chân tánh, nói theo chân tánh, chúng sanh và Phật chẳng sai biệt, hoàn toàn như nhau, nên hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh. Tánh ấy nơi hữu tình chúng sanh được gọi là Phật Tánh, nơi vô tình chúng sanh gọi là Pháp Tánh. Thực vật và khoáng vật có tánh, tánh là bản thể, tức là thể tánh của nó. Pháp Tánh và Phật Tánh là một tánh, chẳng phải là hai tánh, nên Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tình dữ vô tình, đồng viên Chứng Trí” (Hữu tình và vô tình, cùng viên mãn Chứng Trí). Thân tâm của hữu tình do Chân Như bản tánh biến hiện; vô tình như đất, gỗ, đá cũng do Chân Như bản tánh biến hiện; nên xét theo bản thể, chúng là một. Các nhà Duy Thức Học đã giảng chuyện này rất rõ ràng.

Một niệm vô minh dấy lên trong bản tánh, bèn có ba tế tướng (tướng vi tế) là Nghiệp Tướng, Chuyển Tướng, và Cảnh Giới Tướng. Nghiệp Tướng là vọng động, nghiệp là động. Hễ động, đức dụng của bản tánh bị mất đi; hễ động bèn biến thành tám thức. Vì vậy, chân tâm hễ động bèn biến thành vọng tâm. Khôi phục chân tâm bằng cách nào? Quý vị phải học sao cho chẳng động tâm, chân tâm liền khôi phục. Trong Kinh Kim Cang, đức Phật dạy Tôn Giả Tu Bồ Đề: “Bất thủ u tướng, như như bất động” (Chẳng chấp lấy tướng, như như bất động), đó là đúng, chân tánh của quý vị liền khởi tác dụng. “Bất thủ u tướng” là bên ngoài chẳng chấp tướng, “như như bất động” là bên trong chẳng động tâm. Tổ Đạt Ma truyền Thiền sang Trung Quốc, Lục Tổ hồng dương Thiền rạng rỡ là do hai câu sau đây trong Kinh Kim Cang: “Ngoại bất trước tướng, nội bất động tâm” (Ngoài chẳng chấp tướng, trong không động tâm). Bên ngoài chấp tướng, bên trong động tâm, đó là phàm phu.

Vì thế, quan sát từ thể tánh: “Nhất thiết chúng sanh giai Như đã” (Hết thấy chúng sanh đều là Như). Những gì Đại Sư đã viết trong lời Sớ đều dẫn từ những lời Kinh dạy, hết thấy chúng sanh đều như trong Kinh Duy Ma và Kinh Bảo Khiếp đã nói: “Phật giới, chúng sanh giới, nhất giới, vô biệt giới” (Phật giới, chúng sanh giới là một giới, chẳng có giới nào khác). Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều là vật được biến hiện bởi tự tánh, giống như quý vị tối ngủ nằm mộng, mộng thấy Phật, Bồ Tát cũng là do tự tánh của quý vị biến hiện; mộng

thấy ngạ quỷ, địa ngục cũng là do tự tánh của quý vị biến hiện. Toàn bộ giấc mộng chính là tâm, toàn thể tâm chính là mộng, giấc mộng đẹp là tâm này, mà ác mộng vẫn là tâm này! Ác mộng hay mộng đẹp đều là một tâm, nhất tâm, vô nhị tâm. Do vậy, tốt và xấu đều chẳng có, đạt tới bình đẳng thật sự. Vì vậy, đối với y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, người đã kiến tánh thấy là pháp giới bình đẳng, là Nhất Chân pháp giới, vì sao? Hoàn toàn là chân thật, chẳng có gì là giả.

Quý vị phải suy nghĩ kỹ càng cảnh giới ấy, nếu quý vị hiểu ý nghĩa này, thụ dụng vô cùng, sẽ có ích to lớn cho sự tu hành của quý vị, giúp quý vị đoạn phiền não, giúp quý vị xa lìa hết thảy phân biệt, chấp trước. Chúng sanh sở dĩ làm chúng sanh, bị thua thiệt là vì phân biệt, chấp trước. Phật Pháp chẳng có gì khác, phá chấp trước mà thôi. Chấp trước Nhân và Ngã đã phá, bèn chứng quả A La Hán. Pháp Chấp đã phá bèn thành Phật. Hai chương ấy nói thật ra là hai thứ chấp trước, Ngã Chấp và Pháp Chấp, đó là sự thiệt thòi to lớn, vĩnh viễn chẳng có cách nào hiểu biết chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Càng là chân thật thì càng chẳng thể liễu giải, càng là chân thật thì vừa nghe bèn càng chẳng thể tiếp nhận. Từ vô thủy kiếp tới nay, phân biệt và chấp trước đã biến thành thói quen, thói quen ấy chẳng dễ gì bỏ ngay được! Chính vì chúng ta chẳng thể bỏ ngay được, nên đức Phật mới nói pháp phương tiện. Pháp phương tiện là thuận theo sự chấp trước của quý vị mà chấp trước, thuận theo sự phân biệt của quý vị để phân biệt; quý vị bèn có thể nghe hiểu, tiếp nhận, lại dần dần thông thả khuyến dụ, hướng dẫn quý vị tiếp cận pháp chân thật.

Đoạn tiếp theo có mấy câu rất quan trọng, nhưng lý trong ấy khá sâu. Nơi trang hai mươi chín, dòng thứ tư: “Thử thị viên trí” (Đây là viên trí), tức trí huệ viên mãn; chính là nói “hết thấy chúng sanh là Phật”, đây là trí huệ viên mãn, là cảnh giới Phật. “Viên giác chư pháp” nghĩa là giác ngộ viên mãn hết thấy các pháp. Hết thấy các pháp bao gồm pháp thế gian và xuất thế gian, bao gồm mười pháp giới, bao gồm pháp hữu tình và pháp vô tình, thấy đều được bao gồm trong đó, giác ngộ viên mãn các pháp. “Biến nhất thiết xứ, vô bất minh liễu” (Trọn khắp hết thấy các nơi, không gì chẳng hiểu rõ). Viên giác là gì? Viên giác là tâm của quý vị. Tâm quý vị vốn giác ngộ viên mãn. Rất đáng tiếc, nay quý vị mê cái tâm này, do đã mê nên bất giác. Mê là như thế nào? Là như đức Phật nói vọng tưởng, chấp trước, đó là mê. Vọng tưởng là ô nhiễm, là vô minh, thứ gì cũng đều không biết. Chấp trước là phiền não, chư vị hãy nghĩ xem, tất cả hết thấy phiền não, hết thấy đúng sai, hết thấy ta người, đều sanh từ chấp trước. Quý vị chẳng chấp trước, lấy đâu ra phiền não? Vì lẽ đó, cội rễ của Phiền Não Chướng là chấp trước, cội rễ của vô minh là vọng tưởng.

Trong hội Lăng Nghiêm, Tôn Giả Phú Lô Na đã hướng về Thích Ca Mâu Ni Phật thỉnh giáo, vô minh do đâu mà có? Khi nào có vô minh? Đức Phật giải đáp. Lời giải đáp ấy hay tuyệt! Đức Phật nói: “Tri kiến lập tri, thị vô minh bản” (Từ nơi tri kiến mà lập ra một cái biết nữa, đó là cội gốc của vô minh). “Tri kiến lập tri” là vô minh. “Tri kiến” là gì? Là những hiểu biết quý vị vốn sẵn có trong chân

tánh, ở đây gọi là Viên Giác. Quý vị vốn là giác ngộ viên mãn, thế mà trong sự giác ngộ viên mãn ấy, quý vị lại tạo lập một tri kiến nữa, hỏng rồi, hễ thêm vào liền biến thành vô minh. Lời giải đáp ấy đơn giản, dễ hiểu, một câu đã nói toạc ra, chẳng phải là bậc đại học vấn chân chánh thật sự thông đạt sẽ không thể thốt ra được! Chúng ta vốn hiểu rõ hết thấy các pháp, rất đáng tiếc là hiện thời cái tâm này bị ô nhiễm, tâm hiện thời đang phập phồng, chao động bất định, giống như sóng cuộn, luôn động, chẳng thể tĩnh. Vì thế, tu học trong Phật Pháp, bất luận Đại Thừa hay Tiểu Thừa, bất luận tông phái nào, bất luận Pháp Môn nào, đều tu điều gì? Tu Định, nhằm xóa bỏ ô nhiễm trong tâm, khiến cho cái tâm dao động, chập chờn của quý vị được an định.

Vì lẽ đó, chúng ta cúng Phật, những thứ khác có thể không cần cúng, nhất định phải cúng một chén nước, nước biểu thị điều gì? Biểu thị tâm. Tâm ta phải thanh tịnh như nước, phải bất động như nước. Nước phẳng lặng, tâm mới có thể soi rõ ràng, rành mạch hết thấy vạn pháp trong vũ trụ. Tâm trọn khắp hết thấy các nơi, không gì chẳng hiểu rõ! Quá khứ, hiện tại, vị lai, cõi này, phương khác, tận hư không khắp pháp giới, thấy đều hiểu rõ. Vì sao? Đều ở trong tâm, chiếu rành rẽ, rõ ràng. Tâm này hễ nổi sóng gió, hễ nó bị ô nhiễm thì điều gì cũng không biết, dấu bày ở ngay trước mặt vẫn chẳng thể cảm nhận, thật đáng thương! Do đó, học Phật là học chẳng động tâm, học sao cho chẳng bị ô nhiễm, đó gọi là công phu, là bản lãnh.

Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, do không chấp tướng, nên chẳng thể ô nhiễm; do không động tâm, tâm liền định, chẳng nổi sóng gió, chúng ta bèn thành tựu. Ngàn Kinh vạn luận đều nhằm giảng một nguyên tắc như vậy.

Nếu quý vị thật sự thông đạt, hiểu rõ thì tiếp đó, lời Sớ viết: “Tuy Ngũ Vô Gian” (Tuy là Ngũ Vô Gian), Ngũ Vô Gian là địa ngục, quý vị sẽ thấy Ngũ Vô Gian “giai giải thoát tướng, hôn mê, đảo hoặc, kỳ lý tồn yên” (đều là tướng giải thoát, hôn mê, điên đảo, phiền não, lý ấy sao còn?) Quý vị thấy chúng sanh mê hoặc, điên đảo; trong mắt Phật, Phật tánh của họ chẳng điên đảo. Phật Tánh của họ tồn tại hay không tồn tại? Tồn tại! Phật Tánh của họ có khởi tác dụng hay không? Khởi tác dụng. Trong khi khởi tác dụng, họ lại thêm đôi chút vào tác dụng ấy, làm lạc ở chỗ này. Ví như nói mắt chúng ta thấy sắc tướng bên ngoài, nó thấy rõ ràng, rành rẽ, nhưng chúng ta cứ khăng khăng tròng thêm một cặp kính đen thui, đã đeo cặp kính đen, sẽ thấy bên ngoài đều đen thùi lù! Đeo cặp kính xanh, sẽ thấy bên ngoài đều xanh, bên ngoài có phải là xanh hay chẳng? Chẳng phải là xanh, mắt kính xanh! Hiện thời chúng ta đều đeo kính, có dùng mắt hay không? Vẫn dùng mắt, dùng mắt nhưng kèm thêm cặp kính. Đức Phật bảo quý vị bỏ nó đi, diện mục vốn có sẽ khôi phục. Kính đeo mắt là gì? Kính đeo mắt chính là vọng tưởng, chấp trước. Vọng tưởng và chấp trước là cặp kính khoác lên trên mắt, khiến cho mắt nhìn tướng bên ngoài đều sai. Tuy thấy sai, nhưng đức Phật nói quý vị vẫn dùng mắt của chính mình để thấy, chẳng phải là mắt kính thấy, vẫn do

con mắt thấy, bắt quá mắt có chướng ngại mà thôi. Chướng ngại ấy lại chẳng thật, mà cũng chẳng phải là vốn có, do quý vị đeo lên, hễ bỏ ra, nó bèn chẳng còn nữa! Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã nói: “Bổn Giác vốn có, Bất Giác vốn không”. Bất Giác là cặp kính màu, vốn chẳng có. Do đó, đức Phật thấy chúng sanh đều là Phật, Phật trọn chẳng nghĩ khi quý vị đeo cặp kính sẽ chẳng gọi là Phật, vẫn là Phật! Mắt Phật thấy chẳng sai, nói thực tại thì sai lầm ở nơi bản thân chúng ta. “Tur lý chước nhiên, thể gian thường trụ, hữu Phật bất năng ích, vô Phật bất năng tổn, đắc chi bất vi cao, thất chi bất vi hạ. Cố ngôn chúng sanh tức thị Phật, Lý Phật dã” (Lý ấy rạng ngời, thể gian thường trụ, có Phật chẳng thể tăng thêm, chẳng có Phật cũng chẳng thể tổn giảm. Được chẳng coi là cao, mất chẳng coi là thấp. Vì thế nói “chúng sanh chính là Phật”, đó là Lý Tức Phật). Do đó, nói theo Lý Thể, nói theo bản tánh, hết thấy chúng sanh đều là Phật. Hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật là quan sát từ góc độ này, quan sát từ bản thể.

Đoạn này là căn cứ quan trọng nhất để bọn phàm phu chúng ta học Phật thành Phật, tín tâm của chúng ta được tạo lập trên lý luận này. Vì sao? Ta vốn sẵn là Phật, lẽ đâu chẳng thành Phật? Vốn sẵn là Phật, nay ta lại muốn học Phật, đương nhiên có thể thành Phật. Nếu vốn chẳng phải là Phật, mà nếu nay muốn học Phật, chưa chắc đã có thể thành tựu, chẳng nhất định có thể thành tựu! Vốn sẵn là Phật, nay lại học Phật, quyết định thành Phật. Vì thế, tín tâm tu hành, tín tâm thanh tịnh, tín tâm kiên cố được kiến lập từ chỗ này. Điều thứ nhất trong “Lục Tức Phật” là lý luận,

năm điều sau là tu hành. Từ Danh Tự, Quán Hạnh, Phần Chứng cho đến Cứu Cánh đều là nói về thứ tự tu hành, thuộc loại Tu Đức, điều đầu tiên là Tánh Đức. Chúng ta phải hiểu rõ điểm này. Hôm nay chúng tôi giảng đến chỗ này.

TẬP 5

Xin mở Kinh bốn, trang ba mươi, dòng thứ tư từ dưới đếm lên:

“Nhị Danh Tự Tức, thử chí Cứu Cánh, giai Tu Đức dã, tu luận tôn ích, cập dĩ cao hạ. Thử vị thị Tu Đức chi thi” (Hai là Danh Tự Tức. Từ địa vị này cho đến Cứu Cánh Tức Phật đều thuộc về Tu Đức, cần phải luận định về sự tôn, ích, và cao thấp. Địa vị này là khởi đầu của Tu Đức). Đoạn trước nói về Lý Tức Phật trong Lục Tức Phật, chúng ta đã hiểu rõ đạo lý ấy. Nói thật ra, đạo lý là chân tướng sự thật: Mỗi người vốn sẵn trọn đủ trí huệ và đức tướng của Như Lai. Nói cách khác, chúng ta vốn sẵn có vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tài nghệ, vô lượng phước báo. Vốn sẵn có, nhưng hiện tại chẳng có, chúng đi đâu mất rồi? Đức Phật dạy: Chúng vốn sẵn có, trọn chẳng mất đi, vẫn ở trên thân chính mình, nơi nhục thân này của chúng ta thấy đều trọn đủ. Trọn đủ, nhưng chẳng thể hiện tiền, chẳng thể thụ dụng được. Điều này được gọi là “mê mất chính mình”. Giống như trong nhà chúng ta có kho báu, nhưng chính mình quên bẵng, oan uổng chịu khổ báo nghèo túng! Đức Phật xuất hiện trên thế gian, nhằm mục đích dạy cho chúng ta biết: Những gì bản thân chúng ta vốn sẵn có chẳng khác gì chư Phật Như Lai!

Chúng ta đọc Kinh Vô Lượng Thọ, đọc Kinh A Di Đà, biết sự phú quý, trí huệ, và sự tự tại của A Di Đà Phật, chúng ta đọc xong, rất hâm mộ, nhưng không biết chính mình và A Di Đà Phật chẳng

khác gì nhau! Trí huệ và đức năng của A Di Đà Phật khởi tác dụng, những tác dụng ấy đều được Ngài vận dụng trong cuộc sống, còn trí huệ, đức năng và phước báo của chúng ta giấu kín trong nhà, chẳng lấy ra, vấn đề ở ngay chỗ này! Hiện thời phải làm như thế nào để hiển lộ trí huệ và đức năng vốn có trong bản tánh hồng khởi tác dụng giống như chư Phật Như Lai? Cần phải cậy vào tu, cần phải nhờ vào Tu Đức. Đối với Tu Đức, chúng ta sanh khởi tín tâm toàn vẹn, tín tâm được kiến lập từ chỗ nào? Kiến lập từ Lý. Giống như trong Khởi Tín Luận đã nói: “Bổn Giác vốn có”. Ngài Thiên Thai nói Lục Tức Phật thì chúng ta vốn sẵn có Lý Tức Phật. Lý là Chân Như bản tánh, hết thảy chúng sanh ai nấy đều trọn đủ, nên hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh. Dựa trên Lý ấy, chúng ta sanh khởi tín tâm trọn vẹn đối với Tu Đức. Hôm nay, tôi nói về Danh Tự Tức Phật; đây chính là bắt đầu tu hành, bắt đầu có tổn và có ích. Nói theo cách hiện thời, điều đó có nghĩa là công phu tu hành của chúng ta có tiến, có thoái. Tiến, thoái là một hiện tượng rất bình thường, đừng nên trong lúc lùi sụt mà tự mình chán nản, nguội lạnh tấm lòng, đánh mất tín tâm. Có tiến, có thoái, chúng ta phải biết tiến thoái là một hiện tượng bình thường. Chúng ta đọc phần chánh văn của Ngài nơi dòng thứ hai trong trang ba mươi mốt.

“Nhu tư chi lý, Phật nhược bất thuyết, vô năng tri giả” (Nếu đức Phật chẳng nói Lý như vậy, không ai có thể biết). Câu này nhằm chuyên tiếp ý nghĩa từ đoạn Lý Tức Phật trong phần trước, Lý ấy là chân lý. Nếu

đức Phật chẳng giảng rõ ràng, minh bạch, làm sao chúng ta có thể biết được? Đức Phật xuất hiện trên thế gian, ân đức lớn nhất đối với chúng ta là đã dạy cho chúng ta biết chân tướng sự thật. Tiếp đó, Ngài trích dẫn Kinh Pháp Hoa: “Pháp Hoa vân, nhất bách bát thập kiếp, không quá vô hữu Phật. Thế Tôn vị xuất thời, thập phương thường ám minh” (Kinh Pháp Hoa nói: “Một trăm tám mươi kiếp, luống qua chẳng có Phật, Thế Tôn chưa xuất thế, mười phương thường tối tăm”). Đây là nói về lúc thế gian chưa có Phật xuất hiện, chúng ta vĩnh viễn chẳng hiểu rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Trong thế gian tuy có rất nhiều khoa học gia, triết học gia, tôn giáo gia, kể ra họ cũng rất giỏi giang, giải thích vũ trụ và nhân sinh đủ mọi lẽ; nhưng rất nhiều cách giải thích chẳng viên mãn, mà cũng chẳng rõ ràng. Nói theo Phật Pháp thì là “kẻ mù sờ voi”. Mò trúng cái đuôi, hỏi họ voi giống như gì? Họ quả quyết voi giống hệt như cây cột. Mò nhầm cái tai, quả quyết voi giống như thế nào? Họ quả quyết voi giống như chiếc quạt. Đó là cách giải thích vũ trụ và nhân sinh của các khoa học gia, triết học gia, tôn giáo gia xưa nay, trong ngoài nước trên cả Thế Giới. Có thể nói đều là lộn vụn, chẳng phải là toàn thể, tuyệt đối chẳng phải là chân tướng sự thật!

Nếu nói là “kẻ mù sờ voi” thì thưa cùng quý vị, coi như hãy còn mò trúng, kể ra vẫn còn khá lắm, tuy chưa thấy toàn thể, nhưng đã thấy một phần. Thật ra, ngay cả “kẻ mù sờ voi” vẫn còn chưa bằng, vì sao? Mò nhầm tảng đá, ngỡ là con voi to, chẳng phải là lầm lẫn quá đỗi to lớn ư? Thật đấy, xác thực là như thế! Dùng tri kiến của phàm phu để suy đoán

chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, chắc chắn chẳng thể thấu đạt! Vì vậy, nếu đức Phật chẳng xuất thế, đích xác là chúng ta vĩnh viễn ở trong thời đại tối tăm! Hiện thời, Thế Giới hỗn loạn dường ấy, có phương pháp nào khiến cho Thế Giới khôi phục trật tự bình thường hay chăng? Nhìn vào hiện tượng trước mắt, Thế Giới này khổ nạn tối thiểu phải là ba mươi, hoặc năm mươi năm, và còn có khổ nạn to lớn, vì sao? Không trải qua cơn khổ nạn rất lớn, con người sẽ chẳng thể lắng lòng nghiêm túc phản tỉnh. Vì thế, còn phải bị đả kích to lớn, nặng nề, họ mới nghiêm túc phản tỉnh một phen. Sau khi thật sự phản tỉnh, nếu chẳng đọc sách của Không lão phu tử, chẳng học Đại Thừa Phật Pháp, Thế Giới này chẳng có cuộc sống an ninh, chẳng thể nào khôi phục trật tự bình thường. Trật tự bình thường là gì? Là Ngũ Luân, Thập Nghĩa như Không lão phu tử đã dạy. Cách nói này, nói thật thà là bất cứ quốc gia hay dân tộc nào trên cả Thế Giới đều có thể tiếp nhận, đều hoan hỷ tiếp nhận, đáng tiếc là chẳng ai nói với họ, nên họ không biết.

Phật Pháp càng triệt để, càng rớt ráo, càng viên mãn hơn, đáng tiếc là họ suốt đời chẳng được nghe nói đến. Đại Thừa Phật Pháp, đặc biệt là Kinh Vô Lượng Thọ. Có thể nói Kinh Vô Lượng Thọ là tinh hoa và là đại biểu của Đại Thừa Phật Pháp. Tôi thật sự chẳng ngờ, trong hai ba năm mà Kinh ấy có thể phổ cập như vậy tại Đài Loan, đó là một hiện tượng tốt đẹp. Nhìn từ điều này, có rất nhiều kẻ tiên đoán Đài Loan là đảo báu, là phước địa, chúng tôi tin tưởng! Nhìn vào hiện tượng, Đài Loan chẳng giống một nơi phước địa,

chẳng giống một đảo báu, nhưng hiện thời trông thấy mọi người nghiêm túc đọc Kinh, tu hành như vậy, đó là khởi đầu của một hiện tượng tốt đẹp. Nói cách khác, mọi người đã biết căn bệnh, đã biết chính mình đang mắc bệnh, phải dùng thuốc gì để trị. Hiện thời, toa thuốc cũng đã tìm được rồi. Tuy đã tìm được toa thuốc, nhưng còn chưa uống thuốc. Chưa uống thuốc, bệnh vẫn chẳng thể lành. Đã tìm được toa thuốc, phải chiếu theo toa thuốc để uống thì mới có thể đối trị. Có được toa thuốc ấy chẳng dễ dàng! Sau khi đã có thì phải nghĩ cách đối trị, nhưng để đối trị, lấy thuốc ra, chúng ta còn phải sắc thuốc, còn phải cô đặc thuốc đã sắc, vẫn phải mất một khoảng thời gian, chẳng thể uống thuốc ngay được, đó chưa phải là thuốc đã chế thành.

Vì lẽ đó, tôi dạy các đồng tu, trước hết phải niệm Kinh cho nhuần, phải niệm thuộc, phải thật sự thuộc nằm lòng. Thuộc lòng là gì? Là sắc thuốc, là cô đặc thuốc, nhưng còn chưa uống thuốc. Đừng nghĩ ta đã niệm nhiều lượt ngàn ấy, rất khá! Quý vị còn chưa uống thuốc, bắt quá là đã sắc thuốc, cô thuốc. Đã sắc, đã cô khá lắm, đã sắc, đã cô đặc xong xuôi; uống vào thì mới có thể trị lành bệnh, chứ sắc và cô thuốc chẳng trị được bệnh! Bệnh là gì? Là vọng tưởng, chấp trước, phiền não, những thứ ấy. Đến khi nào mới bắt đầu chữa bệnh? Sau khi quý vị đã sắc thuốc xong, bèn có thể uống vào, có thể chữa bệnh. Vì vậy, sau khi học thuộc lòng, bèn thật tu, tức là mới bắt đầu thật sự tu hành. Niệm Kinh này từ đầu đến cuối một lượt, chẳng có vọng niệm nào, đó là chữa bệnh. Nếu

trong khi niệm Kinh này một lượt mà dấy lên vọng tưởng, chẳng tính! Lại niệm từ đầu. Phải niệm sao cho Kinh này niệm từ đầu đến cuối chẳng khởi một vọng niệm, đó gọi là “uống thuốc”, là “chữa bệnh”. Sau đó, mỗi ngày niệm năm lần, hoặc niệm mười lần đều chẳng khởi một vọng tưởng nào. Niệm như vậy hai ba năm, xác thực là vô minh và chấp trước của quý vị sẽ dần dần thật sự giảm thiểu, công phu đã đắc lực. Đến khi đó, có thể chẳng niệm Kinh, một câu Phật hiệu là được rồi, một câu Phật hiệu có thể tương ứng với Phật. Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật. Vì sao nay chúng ta niệm Phật chẳng tương ứng? Do vô minh phiền não quá nặng, chướng ngại công đức niệm Phật, nên niệm Phật chẳng có hiệu quả. Nay chúng ta dùng phương pháp đọc Kinh, bắt đầu đoạn phiền não. Dùng phương pháp này để phá Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng, tiêu Nhị Chướng là tiêu trừ những thứ ấy, công phu mới có thể đắc lực. Người cao tuổi niệm Kinh khó khăn, khó niệm thuộc lòng, nhưng cũng có thể dùng phương pháp sau đây: Chuyên tâm chấp trì danh hiệu là được rồi, sẽ có thành tựu giống hệt. Phải giảm thiểu ưu lự, vướng mắc, phải buông xuống, sẽ có thể niệm đến mức đắc Niệm Phật tam muội giống y hệt như niệm Kinh; nhưng người trẻ tuổi thì vẫn phải đặt vững căn cơ nơi cơ sở. Con đường này hết sức ôn hòa, thích đáng, ngàn muôn phần chớ nên xem nhẹ!

Danh Tự Tức Phật chỉ là biết chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, biết như thế nào? Chưa bắt đầu làm; nhưng đã biết thì sẽ khởi sự tu hành. Nếu không biết, dầu có muốn tu cũng chẳng biết bắt đầu tu từ chỗ nào!

Sau khi đã biết, bèn biết chúng ta tu từ chỗ nào. Chúng ta hãy đọc đoạn văn này một lượt. Tiếp đó, Ngài trích dẫn một đoạn từ Kinh Niết Bàn. “Niết Bàn vân, ư vô lượng thế, diệc bất văn hữu Như Lai xuất thế, Đại Thừa Kinh danh” (Kinh Niết Bàn dạy: “Trong vô lượng đời vẫn chẳng được nghe chuyện Như Lai xuất thế và tên gọi của Kinh Đại Thừa”). Đó là khi chẳng có Phật, chẳng biết danh hiệu Phật, mà cũng chẳng biết danh xưng của Kinh Điển. Danh xưng của Kinh Điển Đại Thừa chưa biết, còn nói chi Kinh Văn và Kinh nghĩa, đương nhiên càng không biết. “Nhuộc Phật xuất thế, phương năng xiển trí huệ nhật, thức Tam Bảo chi quang minh, khai cam lộ môn, tri thập hiệu chi diệu vị, nhân thuyết sanh giải, ư bảo thích duyệt” (Nếu Phật xuất hiện trong thế gian thì mặt Trời trí huệ mới được xiển dương, chúng sanh biết đến quang minh của Tam Bảo, mở cửa cam lộ, biết vị nhiệm mầu của mười hiệu. Do thuyết pháp mà sanh hiểu biết, sanh lòng vui thích, coi như của báu). Đức Phật xuất hiện trên thế gian, vì chúng ta giảng Kinh, thuyết pháp, chúng ta mới biết chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, mới biết chính mình có Phật Tánh, mới biết chính mình có vô lượng trí huệ và đức năng. Chư Phật Như Lai đều có mười thông hiệu (hiệu chung), mười thông hiệu ấy hiển thị các đức năng vốn sẵn có trong bản tánh. Phật có, mỗi người chúng ta đều có, chỉ là Phật thụ dụng, nhưng chúng ta chẳng thể thụ dụng. Tuy chẳng thể thụ dụng, nhưng nghe nói chính mình cũng có, nên vô cùng hoan hỷ. Đó gọi là Danh Tự Tức Phật. Có thể nói: Danh Tự Tức Phật rất phổ biến! Phàm là người tu học Đại Thừa Phật Pháp đều thuộc địa vị này. Lúc mới tu, giống như chúng ta nay đang thuộc địa vị này, nay chúng ta được gọi là

Danh Tự Tức Phật, tức là biết được một chút đạo lý Phật Pháp, nhưng đã bắt đầu tu hay chưa? Chưa! Vẫn chưa tu! Chỉ là biết có chuyện như thế.

Đoạn tiếp theo là bắt đầu tu. Đoạn dưới đây là Quán Hạnh Tức, chúng ta đọc phần thứ ba, tức là dòng thứ tư đếm từ dưới lên nơi trang ba mươi hai. “Tam Quán Hạnh Tức, thử trung Quán pháp, trực quán tâm tánh, cố thác tha Phật, nhi vi sở duyên. Kim minh đối trần, tức thành quán Phật, kỳ trung niệm niệm giác tri chi tâm, danh Quán Hạnh Phật” (Ba là Quán Hạnh Tức. Trong pháp Quán này, quán thẳng vào tâm tánh, nên nhờ vào một đức Phật để làm cái được duyên (đối tượng của sự quán tưởng). Nay nói rõ: Đối trước trần liền trở thành quán Phật. Cái tâm niệm niệm giác tri trong khi ấy được gọi là Quán Hạnh Phật). Đoạn này giải thích ý nghĩa được bao hàm trong ba chữ Quán Hạnh Phật. Quán Hạnh mới là thật sự tu. Quán là quán chiếu, như tôi vừa mới thưa cùng quý vị: Dùng phương pháp niệm Kinh để quán chiếu. Niệm trọn một bộ Kinh mà chẳng có một vọng niệm nào, thì mới gọi là Quán Hạnh, mới thật sự được gọi là Quán Hạnh. Có thể thấy: Nay chúng ta niệm Kinh đã mấy ngàn lượt, nhưng trong ấy còn có vọng tưởng thì vẫn chẳng thể coi là thật sự dụng công, vẫn thuộc vào Danh Tự Tức, thuộc vào giai đoạn thứ nhất. Giai đoạn thứ hai là đã thật sự dụng công. Dụng công là phải thật sự đoạn phiền não, phải thật sự phá vô minh. Thật sự vận dụng công phu thì mới gọi là Quán Hạnh. Quán Hạnh là công phu đặc lực. Nói theo Tịnh Độ, Quán Hạnh Tức chính là công phu thành phiến.

Có công phu như vậy thì mới có thể Vãng Sanh cõi Phạm Thánh Đồng Cư trong Thế Giới Tây Phương. Do đó, chớ nên xem nhẹ nó, công phu ấy tuy là vừa mới đặc lực, nhưng trong Pháp Môn Tịnh Độ, nó khởi tác dụng rất lớn. Trong các Pháp Môn khác thì chưa được, vì sao? Không thoát khỏi tam giới, sẽ chẳng thể liễu sanh tử, thoát tam giới. Để liễu sanh tử thoát tam giới trong các Pháp Môn khác, phải thuộc vào giai đoạn kế tiếp là Tương Tự Tức Phật thì mới được. Trong Tịnh Độ Tông, Tương Tự Tức Phật là Sự nhất tâm bất loạn, Vãng Sanh cõi Phương Tiện Hữu Dư của Tây Phương Tịnh Độ, chẳng phải là cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Điều ấy chẳng dễ thành tựu cho lắm, còn điều này dễ thành tựu. Quán Hạnh thành tựu dễ dàng, chúng ta phải đặc biệt lưu ý chuyện này.

Trong quán pháp Quán Hạnh này, Quán là tu hành. Kinh này có mười sáu phép Quán, tức là mười sáu loại phương pháp để chúng ta tu tập. Mười sáu phương pháp ấy đúng là có khó và dễ, trong Kinh đã giảng rất rõ ràng. Mười sáu phương pháp ấy, chỉ cần quý vị thành tựu một thứ là được, chẳng phải là cả mười sáu pháp đều phải thành tựu, chẳng phải vậy! Thành tựu một thứ là được rồi, đã có thể vượt thoát tam giới, Vãng Sanh Tịnh Độ. Trong mười sáu loại, khó nhất là quán Phật. Tựa đề Kinh này là Quán Vô Lượng Thọ Phật; nói thật thà, quán Vô Lượng Thọ Phật là khó nhất. Chẳng cần nói là quán Phật, chúng ta muốn tưởng một người, Quán là quán tưởng, nghĩ tưởng một người nào đó: Tưởng về mặt, ánh mắt, lông mi, mũi của người ấy, phải tưởng người ấy đang ở trước

mặt chúng ta, chẳng dễ dàng! Về mặt đức Phật phi phạm, đức Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo, chúng ta tướng từ chỗ nào? Vì vậy, trong mười sáu phép Quán, quán Phật tướng là khó nhất. Cũng có phép Quán dễ dàng nhất, dễ dàng nhất là gì? Là niệm A Di Đà Phật, đó là chấp trì danh hiệu. Chấp trì danh hiệu thuộc trong mười sáu phép Quán, là một loại trong mười sáu phép Quán, dễ dàng nhất. Khó nhất là quán Phật, dễ dàng nhất là niệm danh hiệu Phật. Vì thế, quý vị thấy Kinh Vô Lượng Thọ và Kinh A Di Đà đều cùng đề xướng chấp trì danh hiệu.

Chư vị phải biết: Chấp trì danh hiệu là một trong mười sáu phép Quán. Chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật là tu Quán Hạnh. Quý vị quán Vô Lượng Thọ Phật, quán Nhật Quán hay Thủy Quán cũng là Quán Hạnh. Vì vậy, Quán Hạnh bao gồm mười sáu loại, chúng ta chọn lấy một loại là được rồi. Trên thực tế, chư Phật, Bồ Tát, Tổ Sư đại đức, đối với mười sáu loại Quán Hạnh này, đã chọn ổn thỏa giùm chúng ta pháp Trì Danh Niệm Phật. Nếu chúng ta thật sự có thể tuân thủ sự chọn lựa do Phật, Bồ Tát dành cho chúng ta, chắc chắn chẳng phạm sai lầm! Chư vị phải biết: Mười sáu phép Quán, bao gồm phép Trì Danh trong ấy, đều là “trực quán tâm tánh” (quán thẳng vào tâm tánh), thông thường là chẳng có mấy người niệm Phật biết đến đạo lý ấy! Quý vị hiểu đạo lý ấy, mới biết đúng như cổ nhân đã nói: Khởi tâm niệm Phật là Thi Giác, đức Phật được niệm là A Di Đà Phật, chính là Bản Giác. Khởi tâm niệm Phật là Thi Giác hợp với Bản Giác, đó là trực quán tâm tánh. Đối chiếu lời Tổ Sư đại đức đã nói với Kinh, chẳng sai! Vì thế, công đức niệm Phật chẳng

thể nghĩ bàn. Rất nhiều người chẳng biết công đức niệm Phật chân thật này, nên chẳng niệm, chẳng thể dấy lên hứng thú niệm Phật! Nói cách khác, chẳng biết cái hay của việc niệm Phật! Ở đây, chúng ta đã biết cái hay của niệm Phật.

Phương pháp của Ngài là phía trước thêm chữ Quán, sau chữ Quán là chữ Pháp, tức Quán Pháp. “Pháp” là nói tới phương pháp. Phương pháp rất xảo diệu là “thác tha Phật, nhi vi sở duyên” (nhờ vào đức Phật khác để làm cái được duyên). “Tha Phật” là gì? Chúng ta tạo một bức tượng Phật, tượng A Di Đà Phật, đó là Tha Phật. Từ Tha Phật dẫn khởi Tự Phật, niệm Phật thì phải niệm theo cách ấy. Nhờ vào Tây Phương A Di Đà Phật để niệm cho ra Tự Tánh A Di Đà của chúng ta. Sau khi đã niệm ra thì Tự và Tha bất nhị, bèn thành công. Nguyên lý trong phương pháp tu hành được kiến lập từ chỗ này; trong ấy chẳng có mê tín, xác thực là có căn cứ lý luận. Do đó, chúng ta thường ngắm tượng Phật, thường niệm danh hiệu Phật, niệm danh hiệu Phật vẫn chưa đủ để hàng phục vọng niệm. Kinh Kim Cang chép: “Vân hà hàng phục kỳ tâm?” (Hàng phục cái tâm như thế nào?), cái tâm ấy là vọng niệm. Niệm Phật hiệu mà vẫn chưa thể hàng phục vọng niệm thì có thể thêm vào quán tưởng. Quán tưởng là quán gì? Nghĩ tới tượng Phật. Nghĩ tới tượng Phật, các vị đồng tu phải ghi nhớ, tốt nhất là tưởng một bức tượng Phật, sẽ dễ nhiếp tâm. Tưởng rất nhiều hình tượng Phật, sẽ chẳng có cách nào nhiếp tâm. Nói cách khác, chẳng thể không chế vọng tưởng! Suốt

một đời, tâm tưởng một tượng Phật, đó là phương pháp tốt nhất. Chúng ta ưa thích một bức tượng Phật nào thì suốt một đời ta thờ phượng bức tượng Phật ấy.

Hiện thời rất thuận tiện. Trước kia, mang theo một bức tượng Phật rất khó. Thuở sinh tiền, Tô Đông Pha đã vẽ một bức tranh Phật, vẽ xong, bôi bức vẽ ấy thành một cuộn tranh. Ông ta đi đến đâu đều mang theo, đến chỗ nào cũng đều treo lên để tu tập Quán Tượng Niệm Phật. Ông ta tự nói: “Đây là Tây Phương công cứ của ta”, chữ “Tây Phương công cứ” do Tô Đông Pha nói ra; nhưng tập khí trong một đời của Tô Đông Pha quá nặng, chẳng thể Vãng Sanh. Tuy niệm Phật suốt đời, ông ta vẫn chẳng thể Vãng Sanh. Nguyên nhân khiến cho ông ta chẳng thể Vãng Sanh là do tập khí văn nhân, chuộng làm thơ, ưa soạn từ, thích viết văn chương, thích làm những chuyện đó, khiến cho sự nghiệp Vãng Sanh Tây Phương của chính mình bị lỡ làng! Vì lẽ đó, khi tôi học Phật ở Đài Trung, vừa mới thân cận thầy Lý, còn chưa xuất gia, thầy Lý đã cảnh cáo tôi, vì tôi cũng rất thích đọc sách, thầy liền cảnh cáo: “Cổ nhân đừng học theo Tô Đông Pha, người thời nay chớ học theo Lương Khải Siêu”. Trong Phật Pháp, hai người ấy đều rất có tiếng tăm, nhưng đều chẳng có thành tựu, do chẳng đoạn tập khí phiền não. Khi đó, thầy Lý đề nghị, thầy bảo: “Tốt nhất là anh hãy học theo Pháp Sư Ân Quang”. Vì vậy, chúng ta học Phật phải có tấm gương, phải có khuôn mẫu, ta phải học theo các Ngài. Quý vị thấy Ngẫu Ích Đại Sư noi gương Liên Trì Đại Sư, học theo tổ Liên Trì. Do đó, cổ nhân khéo học, biết tìm một tấm gương, học giống

hệt như vị ấy. Nếu chúng ta không muốn noi gương phạm nhân, A Di Đà Phật là tấm gương tốt nhất. Cách học theo A Di Đà Phật là như thế nào? Kinh Vô Lượng Thọ do A Di Đà Phật giới thiệu. Quý vị chiếu theo Kinh Vô Lượng Thọ để y giáo phụng hành, tức là trực tiếp học theo A Di Đà Phật.

Vì lẽ đó, tôi khuyên các đồng tu: Khóa sáng niệm bốn mươi tám nguyện. Niệm bốn mươi tám nguyện là học theo A Di Đà Phật, đồng tâm, đồng nguyện với A Di Đà Phật. Khóa tối niệm Kinh Vô Lượng Thọ từ chương ba mươi ba đến chương ba mươi bảy, tuân thủ giáo huấn của A Di Đà Phật, sửa đổi hành vi sai lầm của bản thân chúng ta, khiến cho sự hành trì của chúng ta giống như A Di Đà Phật. Đó là trực tiếp học theo A Di Đà Phật, lấy A Di Đà Phật làm gương tu hành cho chính mình, đó là tốt nhất. Do tượng Phật đúc chẳng dễ mang theo, nhưng hiện thời kỹ thuật ấn loát rất phát triển, ở đây, chúng ta có in rất nhiều hình Phật. Hình đúc Phật này cũng có in, tượng ở bên kia chúng tôi đã thờ mười năm, chúng tôi cũng in hình tượng ấy. Tôi có ấn tượng hết sức sâu đậm đối với tượng Phật đó, nay tôi tự đem sang ngoại quốc, tức là đem hình chụp, tôi cảm thấy hình chụp còn đẹp hơn tượng thật. Do lẽ đó, thật sự là lúc nào chúng ta cũng có thể đem theo hình Phật bên người, thường ngắm nhìn bức tượng Phật ấy, trong tương lai chúng ta Vãng Sanh, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, bèn hiện tướng ấy. Phật chẳng có tướng, tùy duyên hiện tướng, tâm chúng ta ưa thích tướng nào, đức Phật liền hiện tướng ấy. Tôi suốt đời ngắm tướng ấy, nghĩ đến tướng ấy, tương lai A Di Đà Phật đến

tiếp dẫn, nhất định hiện tượng ấy, chắc chắn chẳng sai. Rất quen thuộc, mỗi ngày ngắm Ngài, ngắm bao nhiêu năm, khi đức Phật thật sự hiện đến, trước kia là ngắm ảnh chụp, nay người thật hiện đến, nên đặc biệt thân thiết. Vì vậy, chúng ta thờ tượng Phật đừng nên tùy tiện thay đổi, chọn bức tượng nào chính mình ưa thích, suốt đời thờ phượng bức tượng ấy, Quán Hạnh sẽ dễ dàng đắc lực.

Chúng ta xem phần chánh văn, dòng cuối cùng nơi trang ba mươi hai: “Quán Hạnh Phật giả, quán Phật tướng hảo” (Quán Hạnh Phật là quán tướng hảo của Phật), đó là thường xuyên tưởng Phật. Chúng ta tưởng Phật sẽ chẳng dấy vọng tưởng. Tâm phàm phu có thể tưởng, nếu quý vị chẳng tưởng Phật, sẽ suy nghĩ loạn cào cào. Tưởng những chuyện khác sẽ tạo nghiệp luân hồi trong lục đạo; tưởng A Di Đà Phật là tạo tịnh nghiệp Vãng Sanh Tây Phương, quan hệ quá lớn! Vì thế, chúng ta chẳng tưởng Phật thì tưởng ai đây? Đối với tượng Phật, câu tiếp theo ghi là “như chú kim tượng” (như tượng đúc bằng vàng), “chú” là “chú tạo” (đúc). Tượng vàng: Vào thời cổ, tượng Phật đẹp dễ được làm theo lời “lưu kim” (mạ vàng) , tức là tượng được đúc bằng hợp kim, “hợp kim” là vàng, bạc, đồng, sắt, thiếc hòa lẫn, đúc thành tượng Phật; sau khi đúc xong, mặt ngoài tượng lại được thếp vàng. Nói thật ra, đối với tượng như vậy, điều khẩn yếu là chúng ta tu Quán Tưởng, tu Quán Tưởng thì chẳng cần thờ những tượng quý báu như vậy. Vì sao? Trong xã hội xưa kia thì được, xã hội an định, lòng người hồn hậu. Hiện thời, trong nhà quý

vị cát chứa bảo vật, phùng trộm vật hoặc bọn cướp lớn đều chú ý, đâm ra chuốc lấy rất nhiều nỗi phiền phức. Chính mình bận tâm lo lắng, sự tu hành bị trở ngại. Nay chúng ta thờ phượng tượng Phật, thờ tượng bằng tranh in màu; hễ quý vị cần, sẽ tặng cho quý vị một bức, chúng tôi có nhiều lắm. Vì vậy nói là “chẳng cần phải bận lòng”. Cũng chớ nên tích trữ những thứ đồ cổ, rất phiền phức, đem lại cho chính mình rất nhiều nỗi lo nghĩ! Tượng Phật thì nhất định phải chọn tượng chính mình ưa thích, chứ người khác ưa thích, ta không ưa thích, ta ưa thích, người khác chưa chắc đã ưa thích. Chọn bức nào chính mình ưa thích để thờ, đó là điều tốt đẹp.

“Tâm duyên diệu sắc, dữ nhãn tác đối” (Tâm duyên sắc tướng mâu nhiệm, mắt thường ngắm nhìn), dạy quý vị hãy thường ngắm. So ra, người hiện thời có chỗ thuận tiện hơn cổ nhân, mà cũng có chỗ chẳng bằng cổ nhân. Chỗ không bằng là đạo đức trong xã hội suy vi, xã hội chẳng an định, đó là chỗ thua kém cổ nhân. Khoa học kỹ thuật phát triển, đem lại rất nhiều tiện lợi, đó là chỗ cổ nhân chẳng bằng người hiện thời. Chẳng hạn như nói đến Kinh bản, cổ nhân có được một quyển Kinh chẳng dễ dàng, quá khó khăn! Chúng ta ở Đài Loan, về phương diện này quả thật là đang hưởng phước mà chẳng biết chính mình có phước. Chúng ta chẳng coi trọng Kinh bản. Nếu quý vị qua Đại Lục, người học Phật tại Đại Lục thấy có được một quyển Kinh sách giống như có được vật quý nhất! Vì sao? Chẳng có được! Chúng tôi đem Đại Tạng Kinh sang Đại Lục, tôi chẳng chính mắt thấy, nhưng xem từ ảnh chụp, họ

ngheh tiếp ra sao? Mặc áo dài, đắp y, quỳ sát đất, đội Đại Tạng Kinh trên đầu. Ngheh tiếp như vậy đó, chúng tôi thấy vậy thật sự cảm động. Ở đây, chúng ta bỏ Đại Tạng Kinh lẫn lóc, khiến cho người Đại Lục trông thấy trong tâm rất khó chịu! Đó là gì? Họ chẳng có được. Chúng ta có được quá thuận tiện, có được quá dễ dàng. Nay chúng ta gửi Kinh sách sang Đại Lục, người ta đều coi như bảo bối. Người ở Đại Lục quá đông, sách quá ít. Tuy những năm qua, chúng ta gửi tặng ba bốn chục vạn quyển sách, tuy là ba bốn chục vạn quyển sách, nhưng đến tay họ bèn chẳng thấm vào đâu, chẳng thấy đâu nữa! Cuộc đất quá lớn, người quá đông, vật hiếm hoi bèn trở thành quý báu!

Ở Đài Loan, chúng ta in rất nhiều hình Phật tại đây. Quý vị thỉnh mười tám, hai mươi tám, chỗ chúng tôi đều có. Trong nhà quý vị, mỗi phòng đều có thể treo hình Phật, mỗi phòng đều có thể thấy Phật, giúp cho quý vị quán tưởng, nhắc nhở quý vị niệm niệm tưởng Phật. Người tu Tịnh Độ thật sự chẳng có gì kỳ hựu, trong phòng ngủ cũng có thể treo hình Phật, vì sao? Khiến cho ta suốt ngày từ sáng đến tối trong mười hai thời đều chẳng rời Phật. Vì thế, chẳng cần nói khách sáo, chẳng cần nói tới chuyện cung kính, chẳng cần nói tới chuyện kỳ hựu, thảy đều chẳng có. Giữa cha và con còn có kỳ hựu chi nữa? Chẳng có kỳ hựu! Giữa thầy và trò chẳng có kỳ hựu. Không mong Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới thì phải tôn trọng, phải khách sáo, phòng ngủ là chỗ chẳng sạch sẽ, chớ nên treo hình Phật. Thật sự mong Vãng Sanh Tây Phương thì

chẳng cần phải nói tới, vì sao? Ta phải đạt được mục đích của chính mình, trong niệm niệm, ta chẳng rời Phật.

Vì thế, giữa một người cầu sanh Tây Phương và kẻ chẳng cầu sanh Tây Phương, cách thờ phượng tượng Phật khác nhau, chư vị đồng tu phải nhớ điều này. Có rất nhiều người nói “có chỗ nào đó chẳng nên thờ tượng Phật”, nói kiểu đó cũng đúng. Vì sao? Kẻ ấy chẳng sanh về Tây Phương, chẳng mong cầu sanh về Tây Phương, chẳng niệm A Di Đà Phật, kẻ ấy nói như vậy là đúng. Phải cung kính, lễ phép đối với tượng Phật. Thật sự mong Vãng Sanh Tây Phương, sẽ giống như con thơ nương cây cha mẹ, một bước cũng chẳng chịu rời, kiêng kỵ gì cũng đều chẳng có. Chúng ta và A Di Đà Phật cũng là một bước chẳng rời, chúng ta giống như trẻ nít, phải cậy vào cha mẹ, chẳng thể rời một bước, chẳng trông thấy sẽ không được! Hễ không thấy liền khóc lóc, nên nơi nào cũng đều có thể thờ, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, chư vị đồng tu phải ghi nhớ điều này! Đối với người khác, chúng ta cũng phải nói với họ như vậy: Họ chẳng niệm Phật, chẳng cầu về Tây Phương Tịnh Độ, họ tu những Pháp Môn khác, hãy nên thờ tượng trong Phật đường, hoặc thờ tại phòng khách trong nhà, chớ nên thờ tùy tiện. Nếu người ấy trong một đời này thật sự mong cầu sanh về Tây Phương, quý vị liền bảo người ấy: Chỗ nào cũng có thể thờ, trừ phòng vệ sinh hoặc nhà xí là chỗ chẳng sạch sẽ, chớ nên thờ tượng Phật ra, chỗ nào cũng đều có thể thờ được!

“Khai nhãn bế mục, nhược minh, nhược ám, thường đắc bất ly kiến Phật Thế Tôn” (Nhắm mắt, mở mắt, dù sáng, hay tối, thường

chẳng rời thấy Phật Thế Tôn). Mở mắt, nhắm mắt, ban ngày, buổi tối, thời thời khắc khắc chẳng lìa A Di Đà Phật. Vì sao? Nếu chẳng tưởng A Di Đà Phật, nhất định sẽ suy nghĩ loạn xạ; chúng ta dùng phương pháp này để xóa sạch hết thấy vọng tưởng, chấp trước. Do đó, đây là một phương pháp để khôi phục tự tánh thanh tịnh tâm. Trong tất cả các Pháp Môn, phương pháp này thù thắng nhất, xảo diệu nhất. Hiện thời, khoa học kỹ thuật phát triển, cổ nhân chẳng có cách nào hưởng thụ chuyện này: Dùng băng thâu âm để niệm Phật hiệu, đó là một phương pháp. Vì thế, người thật sự niệm Phật, trong gia đình quý vị hoặc trong Đạo Tràng, một câu A Di Đà Phật trong mười hai giờ chẳng gián đoạn. Ngày đêm chẳng thể gián đoạn, chẳng thể nói là buổi tối đi ngủ liền gián đoạn, chẳng được! Trong quá khứ, Đạo Tràng Tịnh Độ Tông là Niệm Phật Đường. Trong Niệm Phật Đường, Phật hiệu quyết định chẳng bị gián đoạn; hễ gián đoạn, sẽ chẳng gọi là Đạo Tràng niệm Phật. Ban đêm thì làm như thế nào? Ban đêm bèn luân lưu niệm, bốn người một ban, luân phiên niệm. Vì thế, ban đêm Phật hiệu cũng chẳng gián đoạn. Suốt một năm từ đầu năm cho đến cuối năm đều chẳng gián đoạn. Họ chia thành ban, ban nào trực thì nhất định phải niệm. Chẳng thuộc ban đến phiên trực, nhưng nếu quý vị ngủ ít bèn có thể tùy hỷ niệm, quý vị có thể cùng niệm với họ, nhưng người trực ban nhất định phải niệm. Dùng phương pháp ấy để niệm Phật hiệu không ngừng.

Nay chúng ta ít người, chẳng có cách nào luân phiên, chúng ta có thể dùng băng thâu âm. Nhất là hiện thời có máy niệm Phật quá tiện, chẳng cần dùng băng, niệm suốt ngày đêm chẳng bị hư. Quý vị chẳng ngại gì thử coi một cái máy niệm Phật dùng được bao lâu? Sau khi mở máy lên, chẳng cần tắt đi, để máy niệm suốt ngày đêm. Âm thanh chớ nên mở quá lớn. Quá lớn sẽ quấy rầy người khác làm việc. Âm thanh khe khẽ, dường như có, dường như không, hể tâm tĩnh lặng, liền ngay lập tức nghe thấy Phật hiệu. Trong khi quý vị đang có chuyện gì phải làm hay phải suy nghĩ, tiếng niệm Phật cũng chẳng gây trở ngại, như vậy là tốt đẹp, gia đình là Đạo Tràng. Đó là lợi dụng phương tiện khoa học kỹ thuật hiện tại để niệm Phật không gián đoạn.

Kế đó, sách viết: “Tùng đại tướng hải, lưu xuất tiểu tướng, hạo hạo dạng dạng như đại kiếp thủy, châu mâu biến lã, vô phi Phật giới” (Từ biển cả có tướng to lớn, lưu xuất tướng nhỏ, mênh mông, bát ngát như nước ngập khi đại kiếp (thủy tai), mắt nhìn trọn khắp, không gì chẳng phải là Phật giới). “Đại tướng” là Báo Thân của Phật. Trong kệ tán Phật, chúng ta đã ca ngợi A Di Đà Phật: “Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di, cảm mục trùng thanh tứ đại hải”, đó là “đại tướng” (tướng to lớn). Từ Phật tướng, tôi vừa mới nói Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo, bạch hào phóng vô lượng quang, trong quang minh lại hóa ra vô lượng Phật, Hóa Phật liền lưu xuất tiểu tướng, tận hư không khắp pháp giới đều là A Di Đà Phật. Như tượng Phật chúng ta đang thờ, trong Phật đường chúng ta thờ một tượng A Di Đà Phật to, trong mỗi góc bày

một tượng A Di Đà nhỏ. Chúng ta cũng in ra rất nhiều hình A Di Đà nhỏ, để bất cứ chỗ nào, bất cứ lúc nào, cũng đều có thể thờ phượng. Chung quanh bốn phía của một Niệm Phật Đường thật sự đều bày tượng A Di Đà Phật, bất luận quý vị chuyển đến phương hướng nào, mắt quý vị đều thấy A Di Đà Phật, đó là đúng. Niệm Phật Đường xưa kia vì dùng tượng đắp, chỉ đắp một tượng thờ tại đó, chẳng có cách nào khiến cho khắp mọi nơi đều trông thấy. Hiện thời, chúng ta dùng phương pháp in ảnh chụp nên có thể làm cho mỗi góc đều có hình Phật, bất luận chuyển đến chỗ nào cũng đều có thể trông thấy A Di Đà Phật.

Đối với hoàn cảnh chung quanh, trong sân, chúng ta chẳng có nhiều tượng Phật như vậy. Hiện thời chúng ta có in danh hiệu Phật, in những tấm dán (sticker) ghi “Nam Mô A Di Đà Phật”. Đối với phạm vi chung quanh, bốn phía đều có thể dán, bất luận đi đến đâu đều trông thấy A Di Đà Phật. Đài Loan là một đại hoàn cảnh, quý vị thấy ở Đài Loan đi đến đâu, quý vị đều thấy trụ điện hay vách tường nào cũng đều dán Nam Mô A Di Đà Phật. Hiện thời, tôi thấy xe taxi, xe hơi của tư nhân cũng có không ít chiếc đằng trước lẫn đằng sau đều dán A Di Đà Phật, giúp cho Quán Hạnh chúng ta. Chuyện này thật sự đáng đề xướng, nhưng ở ngoại quốc, dán lung tung khắp nơi thì không được, phạm pháp! Tại Đài Loan, dán A Di Đà Phật, ngay cả cảnh sát cũng hoan nghênh, Đài Loan đúng là Phật quốc. Hy vọng là ở Đài Loan, mỗi góc, mỗi con đường, chúng ta đều có thể thấy tượng và danh hiệu A Di Đà Phật. Dán danh hiệu A Di Đà Phật rất phổ biến, nhưng dán hình A Di Đà Phật vẫn chưa có ai đề

xương. Hy vọng các đồng tu trong hội này đều nỗ lực đề xương, in loại hình A Di Đà Phật có thể dán được, sẽ càng tốt hơn, càng dễ dàng thuận tiện đối với Quán Hạnh, thật sự thực hiện “mắt thấy trọn khắp”. Mắt chúng ta thấy trọn khắp, không đâu chẳng phải là cõi Phật! “Niệm nhất Phật, dù thập phương Phật đảnh. Niệm hiện tại Phật, dù tam thế Phật đảnh, nhất thân, nhất trí huệ, lực vô úy diệc nhiên. Niệm sắc thân, niệm Pháp Môn, niệm Thật Tướng” (Niệm một vị Phật giống như niệm mười phương Phật. Niệm vị Phật hiện tại giống như niệm tam thế Phật. Một thân, một trí huệ, lực, vô úy cũng vậy. Niệm sắc thân, niệm Pháp Môn, niệm Thật Tướng). Đó là lúc thật sự dụng công tu hành đắc lực. À! Chúng ta tạm nghỉ, nghỉ mấy phút.

TẬP 6

Trong đoạn này, mấy câu cuối cùng rất trọng yếu. Sau khi chúng ta đã hiểu rõ, liền biết công phu của chính mình có đặc lực hay không? Có đúng pháp hay không? Trong đoạn văn này, nơi dòng thứ hai đếm từ dưới lên trong trang ba mươi bốn có nói: “Thường vận niệm vô bất niệm thời, niệm niệm giai giác, thị danh Quán Hạnh Tứ Phật dã” (Khi thường vận dụng “niệm mà chẳng niệm” thì niệm nào cũng đều là giác, đó gọi là Quán Hạnh Tứ Phật). Câu trước dễ hiểu, đó là chẳng gián đoạn. “Niệm nào cũng đều là giác” là chẳng xen tạp. Hễ xen tạp thì chẳng giác, xen tạp là mê. Khi chúng ta niệm Phật, xen tạp vọng tưởng, đó là bất giác. Ất phải là niệm niệm đều chẳng xen tạp, niệm niệm đều rõ ràng, đó là giác. Chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, chẳng hoài nghi, niệm Phật hoặc niệm Kinh như vậy đều thuộc về Quán Hạnh Tứ Phật. Ất cần phải biết chuyện này! Nếu quý vị không biết, sẽ niệm chẳng đúng pháp, chẳng đạt được hiệu quả.

Lại xem đoạn thứ tư tiếp theo là Tương Tự Tứ Phật, Tương Tự tiến cao hơn giai đoạn trước một bậc. Phần trước là Quán Hạnh, vẫn chưa giống. Tuy Tương Tự chưa phải là Phật thật sự, nhưng đã hơi giống, có thể thấy là công phu đã tiến một bước lớn. Quán Hạnh là chế phục phiền não, nhưng chưa đoạn. Tương Tự là đoạn Kiến Tư phiền não, cảnh giới ấy là cảnh giới của Tiểu Thừa A La Hán, Bích Chi Phật, hoặc Thất Tín Bồ Tát trở lên trong Đại Thừa Viên Giác, đều là Tương Tự Tứ Phật.

“Tương Tự Phật giả, niệm Phật tướng hảo, thân đặc tương tự, tương ứng. Niệm Phật Pháp Môn, thân đặc tương tự, tương ứng. Niệm Phật Thật Tướng, thân đặc tương tự, tương ứng” (Tương Tự Phật là niệm tướng hảo của Phật, thân được tương tự, tương ứng. Niệm Pháp Môn của Phật, thân được tương tự, tương ứng. Niệm Thật Tướng của Phật, thân được tương tự, tương ứng). Đây là nói đến Tam Thân; trước hết nói về Tam Thân. Kế đó, giải thích chữ Tương Tự. “Tương tự giả, nhị vật tương loại” (Tương Tự là hai vật giống như nhau), hai vật giống nhau, cùng loại, rất gần gũi. “Như thân tự kim” (Như vàng thô giống như vàng), “thân” là vàng còn trong quặng, chưa được nung luyện. Trong quặng vàng có rất nhiều vàng, nhưng xen lẫn rất nhiều tạp chất trong ấy, so với vàng thì hai thứ rất giống nhau. Đó là Tương Tự. “Như qua tỷ hồ” (Như dưa so với bầu), cũng rất giống nhau. Dưa và bầu rất gần gũi, hình dáng cũng chẳng khác nhau cho mấy. “Do hỏa tiên noãn” (Ví như đối trước lửa bèn ấm), lửa tuy còn xa, nhưng chúng ta đã cảm nhận được sức nóng. Tuy chưa tiếp cận lửa, nhưng đã cảm nhận được hơi nóng, đó là Tương Tự. “Thiếp hải sơ bình” (Vào biển, thoát đầu sẽ là chỗ cạn), giống như chúng ta vào biển cả: Vào chỗ biển rất to, trước hết bãi biển rất nông, rất phẳng, chúng ta có thể đi trên đó được, nhưng càng đi tới, sẽ càng sâu. Nông cạn là Tương Tự, sâu là biển cả. Từ những tỷ dụ ấy, khiến cho chúng ta thấu hiểu Tương Tự là như thế nào.

“Thủy tánh chí lãnh, ẩm giả nãi tri. Khát bất quật tỉnh, thính thuyết hà vi?” (Tánh nước rất lạnh, người uống vào mới biết nước lạnh như thế

nào. Khát mà chẳng đào giếng, chỉ nghe nói thì làm sao được?). Mấy câu này nhằm khuyên chúng ta phải tu học, phải nghiêm túc tu học. Nếu chẳng nghiêm túc tu học, nghe Phật Pháp sẽ chẳng có tác dụng gì! Nghe Phật Pháp, nhưng chính mình chẳng chịu nghiêm túc tu tập, chắc chắn chẳng đạt được lợi ích. Mấy câu tiếp theo là nói đến chuyện chánh yếu: “Lược cử kỳ yếu, như Pháp Hoa trung” (Nêu đại lược những điểm trọng yếu thì như trong Kinh Pháp Hoa), như trong Kinh Pháp Hoa đã nói: “Lục căn thanh tịnh, tức thị kỳ tướng, danh Tương Tự Phật dã” (Sáu căn thanh tịnh chính là tướng của nó, gọi là Tương Tự Phật), nêu ra tiêu chuẩn. Phật là thân tâm thanh tịnh, thanh tịnh đã đạt đến tột bậc. Nếu sáu căn của chúng ta thanh tịnh, sẽ giống Phật đôi chút. Vì sao sáu căn chẳng thanh tịnh? Có phiền não thì sẽ chẳng thanh tịnh, đoạn hết phiền não bèn thanh tịnh. Phiền não là ô nhiễm. Nói cách khác, A La Hán đoạn Kiến Tư phiền não, Bồ Tát thuộc địa vị Thất Tín trong Viên Giáo đoạn Kiến Tư phiền não, Thất Trụ Bồ Tát trong Biệt Giáo đoạn Kiến Tư phiền não, đều gọi là Tương Tự Tức Phật. Trong Tịnh Độ Tông, nếu công phu niệm Phật đạt tới Sự nhất tâm bất loạn bèn thuộc vào địa vị Tương Tự, đạt đến Sự nhất tâm bất loạn bèn giống như A Di Đà Phật.

Rốt cuộc, chúng ta phải thực hiện từ chỗ nào? Chư vị phải nhớ, trong buổi học trước, chúng tôi đã nói một phương pháp quan trọng. Phương pháp ấy là một phương pháp đoạn phiền não rất đặc lực. Kế đó là y giáo tu hành, chúng ta biến những đạo lý đã nói trong Kinh Vô Lượng Thọ, đương nhiên chẳng dễ gì hiểu ngay lập tức được.

Không hiểu rõ chẳng sao cả, quý vị đọc nhiều, nghe nhiều, sẽ dần dần hiểu rõ, phải hiểu rõ lý. Sau khi đã hiểu rõ, chúng liền biến thành tư tưởng và kiến giải của chính mình. Kinh đã ban cho chúng ta rất nhiều giáo huấn về cách xử sự, đãi người, tiếp vật trong cuộc sống. Chúng ta thực hiện từng điều một, sẽ rất giống Phật. Như vậy thì cũng có thể nhập địa vị Tương Tự. So với những cách tu hành thông thường phải thật sự đoạn phiền não để nhập địa vị Tương Tự thì cách này dễ dàng hơn quá nhiều! Phương pháp này quả thật mỗi người chúng ta đều có thể làm được!

Nói đến sự sai khác giữa chín phẩm, trong khi giảng Kinh Vô Lượng Thọ, chúng tôi cũng đã thừa cùng chư vị đồng tu, chỉ là tùy thuộc chúng ta thật sự thực hiện Kinh Vô Lượng Thọ đến mức nào! Nếu có thể hoàn toàn làm được, sẽ là Thượng Thượng Phẩm. Chưa thể hoàn toàn làm được, nhưng có thể làm được chín mươi phần trăm, sẽ là Thượng Trung Phẩm. Có thể làm đến tám mươi phần trăm, sẽ là Thượng Hạ Phẩm. Lần lượt hạ thấp như vậy, Hạ Hạ Phẩm cũng phải làm được hai mươi phần trăm, tức là làm được hai phần trong mười phần. Hai phần cũng chẳng làm được thì chỉ có thể lui xuống, lui sụt đến Danh Tự Tức Phật trong phần trước. Có thể làm được hai phần trở lên, có thể nói là Quán Hạnh Tức Phật. Làm được năm phần trở lên, gần như là Tương Tự Tức Phật, đã nhập địa vị ấy. Thật sự tu học, phải nghiêm túc nỗ lực thực hiện, phải hiểu.

Sau khi đã hiểu, phải hành. Chỉ hiểu mà không hành thì vẫn còn trong địa vị Danh Tự.

Chúng ta lại lật qua xem trang ba mươi sáu, dòng thứ năm, Phần Chứng Túc. Đây là Phật thật sự, chẳng phải là giả, chẳng phải là Tương Tự, mà là thật. Tuy là chân Phật, nhưng vẫn chưa viên mãn. Ở đây, trước hết, tôi nói một tỷ dụ. Cỏ nhân thường dùng mặt trăng làm tỷ dụ. Vàng trắng trên Trời là thật, trong nước cũng có bóng trăng, chẳng phải là thật. Vàng trắng trong nước là Tương Tự, chẳng thật. Mặt trăng thật sự chỉ có một, có Phần Chứng và có Viên Mãn. Phần Chứng là vẫn chưa tròn đầy. Quý vị thấy mông Ba, mông Bốn đầu tháng có trăng non, đó có phải là mặt trăng thật sự hay chẳng? Thật sự, chẳng giả! Trăng Mười Ba, Mười Bốn rất to, đó là thật, chẳng giả. Nhất định phải đến Rằm trăng mới viên mãn. Vàng trắng Rằm ví như Cứu Cánh Túc Phật. Từ trăng lưỡi liềm Mông Hai, Mông Ba đầu tháng cho đến trăng Mười Bốn đều gọi là Phần Chứng Túc, quả vị Phật ấy là thật, chẳng giả! Có thể thấy Tương Tự trong phần trước chẳng phải là thật sự, rất giống, nhưng chưa phải là thật, giống như bóng trăng trong nước, chẳng phải là mặt trăng thật sự trên bầu Trời.

Bản tánh bị nhiễm vô minh, chẳng thể khử sạch vô minh trong một lúc được, giống như vàng trắng, ánh sáng mỗi ngày một tỏ rạng hơn, chẳng phải là bất thành linh từ trong đêm đen bỗng biến thành vàng trắng tròn trịa, chẳng phải là biến đổi theo kiểu ấy! Đức Phật dạy vô minh trong bản tánh của chúng ta tổng cộng có bốn mươi một phẩm. Đoạn bốn

mười một phẩm dần dần: Đoạn được một phẩm, quang minh bèn lớn hơn một phần, đó là quang minh trong bốn tánh. Vì thế, kể từ Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, vị ấy là Phần Chứng Phật. Vị ấy là Phật thật sự, chẳng phải là giả Phật, chỉ mới phá một phẩm vô minh mà thôi! Phá một phẩm vô minh, dụng tâm của vị ấy và dụng tâm của chư Phật Như Lai là một tâm, tức là chân tâm, sử dụng chân tâm. Từ Tương Tụ trở xuống, dùng cái tâm tám thức, dùng tám thức và năm mươi một Tâm Sở, coi đó là tâm, hoàn toàn chẳng biết dùng chân tâm, cũng tức là chân tâm chẳng khởi tác dụng. Đạt đến Phần Chứng Tức bèn dùng chân tâm, chẳng dùng vọng tâm, nên tư tưởng, kiến giải, và hành trì của vị ấy hoàn toàn giống với Như Lai, chỉ có thể nói là năng lực lớn hay nhỏ khác nhau. Tánh chánh xác, tánh chân thật của vị ấy và tánh của chư Phật Như Lai chẳng sai khác, chỉ là lớn hay nhỏ khác nhau.

Chúng ta xem lời giải thích kể đó: “Tức tâm quán Phật, thác cảnh hiển tánh, tuy đắc Tương Tụ, thượng thuộc duyên tu” (Dùng ngay cái tâm này để quán Phật, nhờ vào cảnh để hiển lộ tánh, tuy đạt được địa vị Tương Tụ, nhưng vẫn là tu tập theo pháp duyên khởi). Câu này nhằm tiếp nối ý nghĩa trong phần trước. Trong phần trước, xét theo địa vị Tương Tụ, thành tựu trong địa vị Tương Tụ chẳng phải là chân thật, vẫn thuộc loại “duyên tu”, nghĩa là tu theo duyên khởi, chưa phải là “từ tánh khởi tu”. Phần Chứng là từ tánh khởi tu, chẳng phải là tu từ duyên khởi, căn cứ để tu hành cũng hoàn toàn chẳng giống nhau. Nói cách khác, một

đăng dùng vọng tâm, một đăng dùng chân tâm. Dùng vọng tâm, tu đến cảnh giới cao nhất là Tương Tự Tức Phật, chẳng có cách nào minh tâm kiến tánh. Đạt đến minh tâm kiến tánh, quyết định chẳng thể dùng vọng tâm, cũng là phải “bỏ Thức, dùng Căn”, chuyển Thức thành Trí. Thiền gia nói lìa tâm ý thức thì mới có thể đạt tới Phần Chứng. Chúng ta niệm Phật cũng giống như thế, lìa tâm ý thức thì mới có thể đạt tới Lý nhất tâm bất loạn, đó là cảnh giới Lý nhất tâm bất loạn. “Kim tắc thân chúng” (Nay thì Phần Chứng là đích thân chúng), đích thân chúng Pháp Thân, đích thân thấy bản tánh, “thuộc ư chân tu” (thuộc loại chân tu). Do đó, đến khi nào là chân tu? Sau khi minh tâm kiến tánh mới là chân tu, trước khi minh tâm kiến tánh là tương tự tu. Hiện thời, chúng ta nói thật thà thì ngay cả tương tự tu cũng chưa nói được, nay chúng ta thuộc địa vị Danh Tự, hữu danh vô thực, vẫn chưa bắt đầu tu. Nếu quý vị nghĩ lời tôi nói chẳng đáng tin cho lắm, chính quý vị hãy suy nghĩ, có ngày nào quý vị nghiêm túc đoạn phiền não hay chẳng? Quý vị niệm Phật, lay Phật, nhưng chẳng nghĩ phải đoạn phiền não, có thể thấy là quý vị chẳng phải là chân tu! Chân tu là đoạn phiền não, đoạn tập khí, đó mới là bắt đầu tu thật sự. Sự thật tu ấy vẫn là “duyên tu”, chẳng phải là “thật” như đang được nói ở đây, kể như quý vị đã bắt đầu tu hành. Trong địa vị Quán Hạnh và địa vị Tương Tự, đều là dùng tâm ý thức. Đến đây (địa vị Phần Chứng Tức), chẳng dùng tâm ý thức, mà là lìa tâm ý thức.

Vì vậy, nghe Kinh, chúng tôi cũng thường nói; tuy nói, có lẽ quý vị nghe vẫn có thể hiểu, nhưng chưa biết dùng. Người chân tu nghe

Kinh, sẽ đúng như Khởi Tín Luận đã nói: “Lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên”. Người ấy là chân tu, là đích thân chứng. Người giảng, tức là người giảng Kinh dùng cái tâm ý thức, nhưng người nghe Kinh lìa tâm ý thức, sẽ đắc quả báo như thế nào? Người giảng Kinh chưa khai ngộ, người nghe Kinh khai ngộ, người giảng Kinh chẳng chứng quả, người nghe Kinh chứng quả. Do đó, có thể biết: Tu hành đúng là do cá nhân, cũng chẳng liên can gì đến thầy!

Trong Kinh Phật có một công án, chúng ta thường gọi công án là “cổ sự” (câu chuyện), chuyện này cũng là chuyện thật. Công án ấy xuất phát từ Kinh nào, tôi quên mất, nhưng có chuyện ấy. Thuở đức Phật tại thế, có một người tu hành mong chứng quả A La Hán, bèn sắp đặt cúng dường trọng hậu, hòng cầu một vị tu hành xuất gia khai thị cho mình. Kẻ xuất gia tu hành kia tuy chính mình chưa chứng quả, nhưng tham đồ cúng dường, bèn bảo người đó: “Ta đã chứng đắc quả A La Hán. Ngươi hãy đến cúng dường ta”, tham muốn đồ cúng dường mà! Người ấy cung kính, kiên thành thật sự đối đãi với kẻ tu hành mạo nhận ấy như một vị A La Hán, cúng dường gã đó. Gã đó tiếp nhận xong, người ấy thỉnh giáo gã: “Ngài hãy dạy cho tôi tu hành như thế nào để chứng quả”. Gã đó chẳng có cách nào, đành phải lừa người ấy, bảo: “Được rồi! Ta ngồi ở ngay đây, ngươi hãy nghe lời ta nói”. Gã cầm trái banh, bảo người ấy ngồi xỏm ở góc tường, ném banh vào người ấy, bảo: “Ngươi đã chứng đắc quả Tu

Đà Hoàn”. Người ấy đáp: “Đúng vậy, tôi đã chứng đắc quả Tu Đà Hoàn”, thật sự chứng đắc. Lại chuyển sang góc khác, lại ném banh vào người ấy: “Người đã chứng quả Tư Đà Hàm”. Chuyển đến góc thứ tư: “Người đã chứng quả A La Hán”. Mỗi lần, người ấy đều gật đầu nói: “Tôi đã chứng đắc”. Chuyển xong bốn góc, người ấy đập đầu đánh lễ gã đó. Gã đó nói: “Ta lừa gạt người”. Người ấy nói: “Đâu có! Tôi thật sự chứng đắc”. Chuyện này là xác thực, vì sao? Người ấy dùng tâm chí thành cung kính để cầu pháp. Tuy gã đó dối gạt người ấy, nói lời giả dối, nhưng người ta thật sự chứng đắc. Đó là kẻ thuyết pháp chẳng nói lời tốt lành, nhưng người khéo nghe sẽ đạt được lợi ích chân thật; do đó, biết nói chẳng bằng biết nghe, biết nghe quan trọng lắm!

Ở đây, nhằm dạy chúng ta phải dùng chân tâm, chân tâm là chí thành tâm. Chí thành tâm là trong tâm chẳng có một vọng tưởng, chẳng có một vọng niệm, đấy là chân tâm. Chí thành cung kính bèn có thể đạt được lợi ích chân thật. Xưa kia, có người hỏi Pháp Sư Ấn Quang: “Phải làm như thế nào thì mới có thể đạt được lợi ích chân thật trong Phật Pháp? Có bí quyết gì hay không?” Tổ Ấn Quang bảo người ấy hai chữ: “Thành kính”. Ngài nói đó là chìa khóa bí mật để nhập Phật môn: “Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích”. Người nói có chứng, có học, có tu hay không, đều chẳng quan trọng, vấn đề là ở thái độ cầu học nơi bản thân chúng ta. Chính vì như thế, xưa nay chúng ta thường thấy trò vượt trời thầy, màu xanh xuất

phát từ màu chàm mà trở vượt màu chàm; do nguyên nhân nào? Học trò dụng tâm chân thành hơn thầy, nên trở vượt trở thầy. Đối với Sự và Lý đều có căn cứ. Chúng ta đọc đoạn văn tiếp theo: “Hoặc phần phần phá”, Hoặc là vô minh, “Hoặc phần phần phá” là trừ khử vô minh từng phần một. “Tánh phần phần hiển” nghĩa là chân tâm bản tánh của chính mình sẽ do vô minh phá từng phần mà thấu lộ ra ngoài từng phần. “Tùng sở chứng thuyết, danh vi Phần Chân” (Nói theo điều được chứng đắc, nên gọi là Phần Chân), sở chứng của người ấy là Chân Như bản tánh, mỗi phần đều chân thật. “Tùng năng hiển ngôn, danh Phần Chứng dã” (Nói theo chủ thể của sự hiển lộ (chứng đắc), nên gọi là Phần Chứng), sáng tỏ từng phần một. Đoạn văn này cũng được chia thành hai đoạn, đoạn thứ nhất là “ước phát tâm minh tức Phật” (xét theo sự phát tâm để giảng ý nghĩa Tức Phật). Chúng ta xem Kinh Văn.

“Phần Chứng Phật giả, Sơ Phát Tâm Trụ” (Phần Chứng Phật là Sơ Phát Tâm Trụ). Đây là nói theo Viên Giáo, địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo được gọi là Phát Tâm Trụ, phát tâm gì? Phát Bồ Đề tâm. Do đó, chư vị đồng tu nên biết: Hễ phát Bồ Đề tâm bèn là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, vượt trở A La Hán quá nhiều! A La Hán tương đương địa vị Thất Tín, quý vị thấy trên đó còn có Bát Tín, Cửu Tín, Thập Tín, Sơ Trụ, còn có bốn tầng cấp. Hễ phát Bồ Đề tâm, liền nhập địa vị Phần Chứng. Bồ Đề tâm là tâm gì? Chân tâm, chân thành, chân thành tột bậc! Chúng ta học Phật phải dùng cái tâm chân thành; xử sự, đãi người, tiếp vật cũng đều phải dùng cái tâm chân thành. Trong xã hội này, có rất nhiều người có

những điều kiêng dè, sự kiêng dè ấy là vọng tưởng, phân biệt. Ta dùng tâm chân thành đối với người khác, vậy là ta bị thua thiệt! Kẻ khác đều đối gạt ta, làm sao ta có thể dùng tâm chân thành đối đãi kẻ khác? Sai lầm to lớn quá đỗi! Nếu quý vị dùng cái tâm chân thành để đãi người, tiếp vật, chắc chắn chẳng bị thua thiệt. Trước mắt có thể chịu thua thiệt đôi chút, nhưng mai sau sẽ đạt được đại tiện nghi, quả báo chẳng thể nghĩ bàn. Vì vậy, chẳng sợ bị người khác lừa, chẳng sợ bị lừa! Bị người ta lừa gạt, bị gạt gẫm, đúng là tiêu nghiệp chướng. Nghiệp chướng thấy đều tiêu trừ, vô lượng vô biên trí huệ và phước đức tự nhiên hiện tiền, hiện thời bị lừa gạt có đáng sợ chi! Mai sau sẽ có những điều tốt đẹp to tát, được lợi ích to lớn, phước báo to tát, đó là công đức chân thật. Thông thường, người thế gian chỉ thấy chuyện trước mắt, sơ sót chuyện tương lai, đó là tầm nhìn hẹp hòi, nông cạn, chẳng biết tu phước.

Thưa cùng quý vị đồng tu, đối với phước báo thật sự thì lúc tuổi già hưởng phước sẽ là có phước thật sự. Hiện thời quý vị trẻ tuổi, hưởng hết sạch phước báo, lúc tuổi già nghèo túng, lúc xế bóng chịu khổ, đó mới là thật sự khổ sở! Lúc tuổi già chẳng có thể lực, khổ nạn xảy đến, hứng chịu không nổi. Tuổi trẻ chịu khổ đôi chút, thấm vào đâu! Có thể lực, có tinh Thần, sẽ có thể chịu đựng được! Vì vậy, có phước báo đừng hưởng thuở trẻ tuổi, hãy dành lại để hưởng lúc tuổi già. Có của cải thì hiện thời cũng chẳng cần. Trong mạng quý vị có của cải thì có vứt đi cũng không được! Của cải đưa đến, ta đem bỏ thí hết sạch, ta đều chẳng cần tới, tuổi già sẽ có của cải đưa tới, mới có thể sống thoải mái. Trong cuộc đời một người,

nếu quý vị đi xem bói, thầy bói sẽ bảo quý vị: Vận mạng cứ năm năm chuyển biến một lần. Vận mạng của con người cứ năm năm chuyển biến một lượt. Trong một đời, sẽ có năm năm tốt nhất, mà cũng có năm năm xấu nhất. Nếu như năm năm tốt nhất nhằm lúc tuổi trẻ, năm năm tệ nhất nhằm lúc tuổi già, mạng đó không tốt. Năm năm tốt nhất rớt vào tuổi già, năm năm xấu nhất nhằm lúc trẻ trung, mạng ấy tốt đẹp. Nếu vận tốt của chúng ta nhằm lúc tuổi trẻ, vận xấu nhằm thuở già cả, làm như thế nào? Người thông minh gặp lúc vận tốt bèn chẳng nhận lãnh. Chẳng nhận lãnh thì nó sẽ kéo dài đến thuở già nua, kéo dài đến mai sau. Hiện thời phát tài, ta tán tài, ta phân tán nó, căn bản là chớ thụ dụng, đến khi tuổi già, của cải sẽ nhóm lại. Đó là có trí huệ, có tâm nhìn sâu xa, người ấy mới có thể chuyển dời vận mạng. Đó là phương pháp sửa đổi vận mạng của chính mình.

Nếu quý vị thật sự tin tưởng thì sẽ có thể sửa đổi, vận mạng do chính mình điều khiển. Quý vị phải đọc Liễu Phàm Tứ Huấn cho nhiều. Do vậy, tôi thường bảo mọi người hãy một mực đọc Liễu Phàm Tứ Huấn ba trăm lần, vì sao? Chẳng đọc ba trăm lần, quý vị chẳng thể đọc đến mức giác ngộ được! Đọc một, đôi lượt, xem xong liền quên bẵng, vẫn chẳng thể chuyển vận mạng được! Niệm tới ba trăm lần, ấn tượng sâu đậm, thật sự tin tưởng, biết cách làm như thế nào, xác thực là có thể sửa đổi vận mạng. Thọ mạng ngắn ngủi có thể trường thọ, nghèo hèn có thể trở thành phú quý. Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng. Do đó, quý vị phải hiểu lý luận, phương pháp,

đúng lý, đúng pháp mà cầu, chẳng có điều gì không đạt được! Quý vị đạt được, không chỉ là vì trong mạng của quý vị có, mà còn là trong Chân Như bản tánh của quý vị vốn sẵn đủ, há có thứ gì chẳng thể đạt được? Chỉ là đúng lý, đúng pháp khai thác mà thôi! Nay chúng ta khai thác, nhưng khai thác chẳng thích đáng, nơi này có quặng vàng, quý vị biết chỗ, bèn đào bới lên. Quý vị điều chỉnh phương hướng, đến chỗ nọ khai thác, chỗ đó chẳng có quặng vàng, khai thác cách nào cũng chẳng thể được! Vì thế nói là phương hướng đã sai lầm, nơi chốn đã sai lạc! Nhất định phải biết tu học phước điền chân thật như thế nào. Xử sự, đãi người, tiếp vật bằng cái tâm chân thành, chắc chắn chẳng bị thiệt thòi. Đó là nói tới chuyện phát tâm.

“Nhất phát, nhất thiết phát” (Một thứ đã phát thì hết thấy đều phát), câu này quan trọng! Chớ nên đối với Phật, Bồ Tát bằng chân tâm, đối với Phật Giáo đồ bằng chân tâm, nhưng đối với phàm nhân trong thế gian bèn dùng giả tâm, chớ có nên! Như vậy là quý vị vẫn dùng nhị tâm, chẳng dùng nhất tâm. Đối với Phật, Bồ Tát dùng tâm gì, thì đối với hết thấy chúng sanh cũng là cái tâm ấy. Tức là vì Phật, Bồ Tát mà chúng ta dấy lên cái tâm ấy, sau khi đã phát khởi, trong cuộc sống, xử sự, đãi người, tiếp vật đều phải dùng cái tâm ấy, đó mới là đúng. Hễ phát khởi bèn có tác dụng, chẳng thể nào đã phát mà chẳng khởi tác dụng. Vì thế, phải đối xử với hết thấy chúng sanh giống như đối với Phật, Bồ Tát. “Phát nhất thiết công đức, phát nhất thiết trí huệ, phát nhất thiết cảnh giới, bất tiền, bất hậu, diệc bất

nhất thời” (Phát hết thấy công đức, phát hết thấy trí huệ, phát hết thấy cảnh giới, chẳng trước, chẳng sau, mà cũng chẳng phải là cùng một thời). Trước và sau thuộc về cùng một thời, “chẳng phải là một thời” chính là “một thời”. Đoạn này có ý nghĩa dạy chúng ta: Trong khi ứng dụng bèn tùy duyên tự tại, chớ nên chấp trước. Nhất thời là chấp trước, “bất nhất thời” cũng là chấp trước, đều rớt vào vọng tưởng, chấp trước. Vì thế, câu này nhằm dạy chúng ta bỏ lìa hết thấy vọng tưởng, chấp trước, đó là đúng.

“Tam trí nhất tâm trung đắc” (Do nhất tâm mà đắc ba trí): Ba Trí là Nhất Thiết Trí, Đạo Chứng Trí, và Nhất Thiết Chứng Trí. Nhất Thiết Trí là chứng đắc của A La Hán, Đạo Chứng Trí là chứng đắc của Bồ Tát, Nhất Thiết Chứng Trí là sự chứng đắc nơi quả địa Như Lai. Nhất Thiết Trí là biết bản thể của hết thấy các pháp. Đạo Chứng Trí là biết Tánh và Tướng của hết thấy vạn pháp. Nhất Thiết Chứng Trí là không gì chẳng biết, không gì chẳng thể, đó là trí huệ rốt ráo viên mãn, học từ nơi đâu? Do từ nhất tâm mà đạt được! Câu này quan trọng lắm! Vì mục tiêu tu hành của Tịnh Độ Tông là nhất tâm, nhất tâm bất loạn. Bắt đầu là nhất tâm, cuối cùng đắc nhất tâm, khởi đầu bèn dạy quý vị điều gì? Nhất tâm niệm Phật. Do đó, trực tiếp dùng nhất tâm, dùng nhất tâm thì mới có thể chứng nhất tâm. Khởi đầu dùng nhất tâm là tâm ý thức, chẳng phải là chân tâm, mà là vọng tâm, tức tâm ý thức. Tâm ý thức vọng niệm rất nhiều, vọng tưởng rất nhiều, nay ta chuyên tâm nơi một Phật hiệu, dùng một Phật hiệu để thay thế tất cả hết thấy vọng niệm, tức là dùng một niệm

thay thế hết thảy vọng niệm, quy hết thảy vọng niệm vào một niệm, điều này được gọi là “nhất tâm”, dùng phương pháp này để tu. Đến khi tất cả hết thảy vọng niệm đều chẳng còn, bèn chứng đắc nhất tâm. Nhất tâm là chân tâm, đã chứng đắc. Phương pháp tu học này thẳng thừng, thỏa đáng, chẳng giống các Pháp Môn khác phải đi vòng vèo, chẳng biết phải đi vòng vo đến khi nào thì mới có thể đạt đến. Pháp Môn này là trực tiếp, đạt được ngay lập tức.

Vì vậy, chư vị đồng tu phải thật tu, thật sự tu tập. Quý vị phải nhớ, thật sự hiểu rõ đạo lý ấy, hiểu rõ chân tướng sự thật thì mới biết tu. Người biết tu “phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm”, từ sáng đến tối, khóa tụng chuyên ròng. Trong Tây Phương Xác Chỉ, Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát đã dạy chúng ta. Công khóa của Ngài đơn giản, công khóa trong mười hai thời đều hết như nhau. Một biến Kinh A Di Đà, ba biến chú Vãng Sanh, một ngàn câu Phật hiệu, đó là công khóa mỗi lần. Khóa sáng là như vậy, mà khóa tối cũng giống như vậy, tuyệt đối chớ nên xen tạp những thứ khác. Đối với khóa tụng ở nơi đây tôi vẫn chưa biết, tôi không ở nơi đây. Đêm qua, tôi nghỉ lại nơi đây, nghe chúng ta tụng khóa sáng ở đây. Khóa sáng ấy xen tạp, chẳng phải là “một mực chuyên niệm”. Vẫn xen tạp những thứ như mười tiểu chú trong ấy, tức là đối với Sự và Lý của Tịnh Tông vẫn chưa hiểu rõ. Nếu thật sự hiểu rõ, sẽ chẳng phải là như vậy. Tổ Sư đại đức Tịnh Tông thường là Kinh cũng chẳng niệm, mà là niệm Phật hiệu, mỗi ngày mười vạn câu Phật hiệu. Các Ngài cũng

chẳng có khóa sáng hay khóa tối chi cả, một ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, quyết định Vãng Sanh.

Khóa tụng do Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát đã dạy là chuyên tu. Vì sao trước hết bảo quý vị niệm một biến Kinh, niệm ba biến chú Vãng Sanh? Nhằm thâm hồi cái tâm, nhiếp tâm, chế phục vọng niệm. Chế phục vọng niệm thì Phật hiệu mới có công đức, mới tương ứng, nên bảo quý vị niệm một ngàn câu Phật hiệu. Trong cây hương thứ hai cũng làm như vậy, cách niệm đại khái là như vậy. Niệm một ngàn câu Phật hiệu gần như là hai tiếng đồng hồ. Nếu muốn thực hiện Tinh Tấn Phật Nhất thì một ngày một đêm là mười hai cây hương, khóa trình hoàn toàn giống nhau. Một ngày là mười hai biến Kinh Vô Lượng Thọ, mỗi lượt đều là ba biến chú Vãng Sanh, một ngàn câu Phật hiệu. Một ngày một đêm là một vạn hai ngàn tiếng Phật hiệu, nếu có thừa thời gian bèn lạy Phật. Phương pháp này đặc lực. Do đó, đáng kỵ nhất là xen tạp. Chúng tôi chỉ có thể khuyên lơn ở nơi đây, hiện thời con cái chẳng nghe lời cha mẹ, đồ đệ cũng chẳng nghe lời thầy, đó là hiện tượng rất bình thường. Vì thế nói: Mỗi người mỗi tu, thành tựu của quý vị chẳng có liên can gì với tôi, mà thành tựu của tôi cũng chẳng thể cho quý vị hưởng ké được! Nhưng tôi chẳng thể không nói cho quý vị biết. Không nói cho quý vị biết tức là có lỗi với quý vị. Đã bảo ban mà quý vị chẳng làm, đó là chuyện của chính quý vị, quý vị chẳng thể trách tôi! Vì thế, Tam Trí do nhất tâm mà đắc.

Giống như trong Thiên Tông, tọa hương trong Thiên Đường, thứ gì cũng đều chẳng có. Trong mười hai thời, bảo quý vị tĩnh tọa. Ngồi đến

khi tê chân thì chạy hương, đó là vận động. Sau khi chạy xong, lại tĩnh tọa, khiến cho quý vị đoạn hết vọng tưởng, do nhất tâm mà đắc. Bất luận Pháp Môn nào cũng đều do nhất tâm mà đắc, tuyệt đối chẳng thể nói là do tạp tâm mà sẽ đạt được, chẳng có đạo lý ấy. Tra duyệt khắp Đại Tạng Kinh, có Kinh nào nói do hai tâm hay ba tâm mà đạt được hay không? Chẳng có! Chúng ta mong thật sự đạt được thành tựu trong một đời này thì chớ nên không biết điều này!

Kể đó là nói “đắc Như Lai diệu sắc thân, trạm nhiên ứng nhất thiết, khai bí mật tạng, dĩ bất trụ pháp, tức trụ kỳ trung” (đạt được sắc thân màu nhiệm của Như Lai, bình lặng ứng với hết thấy, mở tạng bí mật, do chẳng trụ pháp mà liền trụ trong ấy). Tu hành thì bắt đầu tu từ nhất tâm, đạt được quả báo là tam trí thì cũng do từ nhất tâm mà đạt được. Tam Thân, tức Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Thân; Tam Đức là Pháp Thân, Bát Nhã, và Giải Thoát, tất cả đều vốn sẵn có trong nhất tâm. Vì nhất tâm là chân tâm, nhất tâm là bản tánh, vốn sẵn trọn đủ. Chúng ta xem lời giải thích cuối cùng nơi trang ba mươi bảy, dòng thứ tư đếm từ dưới lên, xem từ câu cuối cùng: “Tam Thân, Tam Đức, thể ly tung hoành”. “Tung” là nói theo chiều dọc, nói đến thứ tự trước sau; “hoành” là nói theo chiều ngang, nay chúng ta gọi “tung hoành” là thời gian và không gian. “Ly” là vượt thoát. Câu ấy có nghĩa là Tam Thân và Tam Đức đều vượt thoát thời gian và không gian. Dùng thuật ngữ hiện đại để nói khiến cho mọi người dễ hiểu hơn: “Thể ly tung hoành” là vượt thoát thời

gian và không gian. Trước kia chẳng hiểu, “kim thử phát minh” (nay mới phát hiện, hiểu rõ), “phát” là phát hiện, đến nay mới phát hiện; “minh” là hiểu rõ. Tới nay mới phát hiện, hiện nay mới hiểu rõ! “Danh khai bí tạng” (Gọi là mở kho tàng bí mật): Từ vô thử kiếp đến nay, nó được cất giấu ở chỗ này, trước nay chưa bị phát hiện, dường như là bí mật, nay đã mở toang ra. “Nhập Lý Bát Nhã danh vi Trụ” (Do nhập Lý Bát Nhã, nên gọi là Trụ), Lý Bát Nhã là gì? Là Căn Bản Trí. Kinh Bát Nhã nói: “Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết”, vô tri là tâm thanh tịnh, vô tri là Định. Định là Thể, Huệ là Dụng. Huệ là Thể, Định là Dụng. Định và Huệ có thể làm Thể và Dụng cho lẫn nhau. Có thể dùng làm Thể và Dụng của lẫn nhau thì mới lần lượt tiến cao hơn. Đó gọi là Trụ, chính như Kinh Kim Cang đã nói “vân hà ưng trụ” (nên trụ như thế nào).

Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy Tôn Giả Tu Bồ Đề, Tôn Giả Tu Bồ Đề hỏi: “Nên trụ như thế nào?” Đức Phật bèn nói, nói thẳng thừng: Trụ theo cách giống như vậy là đúng. Thích Ca Mâu Ni Phật trụ nơi đâu? Quý vị đọc Kinh Kim Cang có tìm ra hay không? Thật sự tìm chẳng ra, trong Kinh Kim Cang có hai câu đã nói rõ ràng: “Vô trụ Niết Bàn”, chẳng trụ trong sanh tử, chẳng trụ Niết Bàn, đó là “Phật trụ”. Nói thật ra, chúng ta vẫn chưa học được, nay chúng ta có thể học được bằng cách trụ cái tâm nơi Phật hiệu A Di Đà Phật, trụ nơi Phật tướng của A Di Đà Phật, cách này hay lắm! Trụ nơi danh hiệu của A Di Đà Phật, hay trụ nơi thân tướng của Ngài cũng là nhập Lý Bát Nhã, vì sao? Nếu quý vị chẳng có trí

huệ như vậy, sẽ chẳng thể an trụ cái tâm ở nơi ấy. “Thử trụ vô trụ, trụ bí tạng trung” (Trụ nơi vô trụ chính là trụ trong kho tàng bí mật), đó là cảnh giới của Kinh Kim Cang, chẳng phải là cảnh giới như tôi vừa mới nói. Nhưng trong cảnh giới như chúng tôi vừa mới nói, hễ Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới liền tiến nhập “trụ bí tạng trung”. Tuy vậy, an trụ cái tâm nơi danh hiệu hoặc thân tướng của A Di Đà Phật là chuyện chúng ta có thể làm được trong hiện tại.

Đoạn kế tiếp là “ước bị vật minh Phật dụng” (dựa trên những chúng sanh được Phật hóa độ để nói về tác dụng của Phật), đây là nói đến tác dụng. Chúng ta đọc đoạn văn này một lượt: “Dĩ phổ hiện sắc thân, tác chúng sắc tướng” (Nhằm hiện trọn khắp các sắc thân ứng với mọi loài chúng sanh mà hiện ra các thứ sắc tướng). Đây là nói đến chuyện “tùy loại hóa thân” (hóa thân tương ứng với từng loài). Chư vị phải biết trong chương Quán Thế Âm Bồ Tát Viên Thông của Kinh Lăng Nghiêm, Ngài có địa vị là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giác. Sơ Trụ Bồ Tát cũng có ba mươi hai ứng thân, xét thấy nên dùng thân Phật khiến cho chúng sanh đắc độ, Ngài bèn thị hiện tám tướng thành đạo, dùng thân phật Phật để độ họ. Phần Chúng Phật còn có năng lực hiện ra các thứ thân, có thể hiện thân Phật. Thân Phật mà còn có thể hiện, những thân khác chẳng cần phải nói nữa, đương nhiên có thể hiện những thân khác. Kinh Pháp Hoa nói Quán Âm Bồ Tát là Đẳng Giác Bồ Tát, Kinh Hoa Nghiêm nói Quán Âm Bồ Tát là Đệ Thất Hồi Hướng Bồ Tát. Quý vị thấy: Đều cùng nói về Quán Thế Âm Bồ Tát, nhưng trong mỗi bộ Kinh, trong mỗi pháp hội,

Ngài thị hiện thân phận và địa vị khác nhau, đọc Kinh phải biết điều này. Phần Chứng Tức đang được nói ở đây đều là nói theo phía Sơ Trụ của Viên Giáo. Sơ Trụ Bồ Tát đã là như vậy, những địa vị cao hơn càng chẳng cần phải nói nữa, trí huệ, đức năng, và Thần thông của các Ngài càng ngày càng thù thắng hơn. “Phổ hiện sắc thân, tác chúng sắc tướng” giống như ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ Tát.

“Nhất âm tùy loại, báo đáp chư thanh” (Một âm thanh mà tùy theo từng loại biến thành các thứ âm thanh nhằm trả lời ứng với ngôn ngữ của từng loại chúng sanh), đây là nói về chuyện thuyết pháp. “Phật dĩ nhất âm nhi thuyết pháp, chúng sanh tùy loại các đắc giải” (Phật dùng một âm để thuyết pháp, chúng sanh tùy theo từng loại đều hiểu). Phá một phẩm vô minh, chúng một phần Pháp Thân sẽ làm được, sẽ có năng lực ấy. Ngài thuyết pháp cho hết thấy chúng sanh chẳng cần phiên dịch. Người Trung Quốc nghe thành tiếng Trung Quốc, người Nhật Bản đang hiện diện cùng nghe, thấy đức Phật đang nói bằng tiếng Nhật. Chẳng cần phiên dịch, mỗi người đều nghe khác nhau, đều nghe thành ngôn ngữ của chính mình, đều có thể nghe hiểu, đều có thể tiếp nhận, rất chẳng thể nghĩ bàn! Năng lực ấy có thật hay không? Các khoa học gia hiện thời tin tưởng chuyện ấy, vì các nhà khoa học lợi dụng computer, computer có thể sanh ra năng lực ấy. Trong tương lai, sang du lịch ngoại quốc, sau khi loại computer ấy đã được thật sự phát minh, chẳng cần phiên dịch, computer có thể dịch được. Có thể thấy chuyện này là thật, chẳng giả, là đức năng vốn sẵn có trong bản tánh.

“Bất động Chân Tế, quần tình đẳng duyệt” (Chân Tế chẳng động, mọi loài đều vui sướng). Chân Tế là chân tánh, chân tánh bất động, chân thân chẳng động, chúng sanh hữu duyên trong mười phương pháp giới đều là pháp hỷ sung mãn. Có thể nói là trong mỗi phút, mỗi giây, A Di Đà Phật đều ở trong mười phương Thế Giới tiếp dẫn vô lượng vô biên chúng sanh Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới. Chúng ta nghe như vậy bèn nói “A Di Đà Phật bện bện chết luôn!” Thật ra, A Di Đà Phật có động hay chẳng? Chẳng động, Ngài ngồi chễm chệ trong Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, chẳng động! Chẳng động thì đến mười phương Thế Giới bằng cách nào? Hóa thân đến. Thân Phật có vô lượng quang minh, trong quang minh có vô lượng vô biên Hóa Phật đến mười phương Thế Giới tiếp dẫn. Chẳng động, mà người niệm Phật Vãng Sanh trong mười phương Thế Giới đều thấy A Di Đà Phật đến tiếp dẫn họ. Chẳng động Chân Tế, mà muôn loài đều hoan hỷ. “Ung dĩ tam luân độ giả” (Đối với kẻ nên dùng tam luân để độ), “tam luân” là thân, miệng, ý. “Năng bát tướng thành đạo cụ Phật oai nghi, dĩ Phật âm thanh, phương tiện nhi độ thoát chi, hướng cứu pháp giới tam luân da? Sơ Trụ thượng nhĩ, hướng Đẳng Giác da? Thị danh Phần Chứng Tức Phật dã” (Có thể hiện tám tướng thành đạo, đầy đủ các oai nghi của Phật, dùng âm thanh và phương tiện của Phật để độ thoát, hướng hồ tam luân của các chúng sanh trong chín pháp giới mà Ngài chẳng thể biến hiện ư? Sơ Trụ Bồ Tát còn có năng lực như thế, hướng là Đẳng Giác? Đó gọi là Phần Chứng Tức Phật vậy). Giảng rất rõ ràng!

Nhưng sợ chư vị chẳng hiểu rõ chữ Tam Luân trong đoạn ấy cho lắm, nên trong chú giải có giải thích. Lời chú giải thuộc trang ba mươi tám, tức là dòng thứ ba đếm từ dưới lên trong trang ấy, xem từ câu cuối cùng. “Oai nghi thuộc thân, âm thanh thuộc khẩu, phương tiện thuộc ý”, đó là tam luân. Tam Luân là nói tới thân, khẩu, ý. Phật độ chúng sanh, cả ba thứ ấy đều phải dùng. Phải dùng thân tướng, phải dùng ngôn ngữ, phải dùng các thứ phương pháp phương tiện quyền xảo. “Ứng dĩ Phật độ, tức hiện Phật tam” nghĩa là đáng nên dùng thân Phật để độ, bèn hiện thân, khẩu, ý của Phật; đáng nên dùng thân phật Bồ Tát để độ, bèn dùng thân, khẩu, ý của Bồ Tát; đó là “tam luân”. Câu cuối cùng là: “Lương do vị vị Thi Giác, Bồn Giác, nhất hợp câu vong, trí sử Thể Dụng cao quảng nhược thử” (Ấy là vì trong từng địa vị của Pháp Thân Bồ Tát, Thi Giác hợp với Bồn Giác, hễ hợp lại thì những tướng đối đãi đều mất sạch, khiến cho Thể và Dụng cao rộng dường ấy). Có nghĩa là: Đạt đến địa vị Phần Chứng Túc, sử dụng chân tâm, nên lìa hết thấy các tướng, giống như Kinh Kim Cang đã dạy: “Chẳng chấp lấy tướng, như như bất động”, nên Ngài có tác dụng rộng lớn vô biên. À! Chúng tôi giảng đến đây!

TẬP 7

Xin mở tới trang ba mươi chín trong Kinh bốn, xem hàng thứ hai, phần nói về Cứu Cánh Tứ:

“Cứu Cánh Phật giả, đạo cùng Diệu Giác, vị cực ư Trà. Cố duy Phật dữ Phật nãi năng cứu cánh chư pháp Thật Tướng, biên tế trí mãn, Chủng Giác đôn viên. Vô Thượng Sĩ giả, danh Vô Sở Đoạn. Vô Thượng Sĩ giả, cánh vô quá giả” (Cứu Cánh Phật là đạo cùng tột Diệu Giác, địa vị vượt trội tột bậc, nên chỉ có Phật và Phật mới có thể hiểu thấu rốt ráo Thật Tướng của các pháp, trí huệ viên mãn tột cùng bờ mé, mau chóng viên mãn Chủng Giác. Vô Thượng Sĩ còn gọi là Vô Sở Đoạn (không có gì để đoạn). Vô Thượng Sĩ là không có ai hơn được), đến đây là một đoạn. Đoạn kế đó là tỷ dụ: “Nhu thập ngũ nhật nguyệt, viên mãn cụ túc, chúng tinh trung vương, tối thượng, tối thắng, oai đức đặc tôn, thị danh Cứu Cánh Phật nghĩa” (Nhu trăng rằm, tròn đầy vẹn toàn, là vua của các ngôi sao, tối thượng, tối thắng, oai đức đặc biệt tôn quý, đó là ý nghĩa của từ ngữ Cứu Cánh Phật). Cứu Cánh Phật là quả vị viên mãn trong Viên Giáo, địa vị cao hơn Đẳng Giác, đã đoạn sạch bốn mươi một phẩm vô minh; khi đó, chúng ta gọi Ngài là Diệu Giác. Chữ Trà trong câu “vị cực ư Trà” chính là chữ Trà trong Phạn văn của Ấn Độ. Phạn văn giống như Anh Văn, do từng chữ cái ghép lại tạo thành âm; có tất cả bốn mươi hai chữ cái, Trà (kṣa:) là chữ cái cuối cùng. So với bốn mươi một quả vị trước đó, quả vị bốn mươi hai là rốt ráo viên mãn thành Phật, tỷ dụ như vậy.

Chữ Trà là tiếng Phạn dịch âm, “vị cực u Trà” tức là bốn mươi hai chữ cái đã đến cuối cùng, sau đó chẳng còn gì nữa, tỷ dụ quả vị đã đạt tới chỗ tốt cùng. “Duy Phật dữ Phật”: Chỉ có bậc đã chứng cực quả mới có thể hiểu rõ triệt để viên mãn chân tướng của nhân sinh và vũ trụ. Đẳng Giác Bồ Tát tuy hiểu rõ, vẫn chưa thể nói là rốt ráo hiểu rõ. Phải đạt đến quả vị Như Lai thì mới thật sự hoàn toàn hiểu rõ, phá sạch vô minh.

Vì thế, nói đến chuyện tu hành; nói chung, phải đặc biệt chú ý, phương pháp tu hành rất nhiều, thường nói là “tám vạn bốn ngàn Pháp Môn”, hoặc “vô lượng Pháp Môn”, chúng ta dùng các Pháp Môn ấy chẳng có hiệu quả, chớ nên không biết điều này! Thật giống như ngã bệnh phải uống thuốc, sau khi uống thuốc, bệnh trạng có khá hơn hay không? Tôi tin mỗi người bị bệnh đều biết chuyện này. Nếu uống thuốc vào mà bệnh chẳng chuyển biến khá hơn, nhất định là phải tìm tòi lần nữa, hoặc lại đi khám bệnh lần nữa. Nếu uống thuốc chẳng đúng với chứng bệnh, uống vào không chỉ chẳng khá hơn, mà uống vào bệnh ngày càng nguy ngập hơn, đáng sợ quá! Phật Pháp giống như thuốc. Hiện thời, mọi người cũng chẳng đi khám bác sĩ, cũng chẳng có kiến thức thông thường về y học, cứ uống thuốc loạn xạ, đáng sợ thay! Tu hành chẳng có thành tựu thì vẫn còn chưa đáng ngại, chớ trong tương lai đoạn mất Pháp Thân huệ mạng, vấn đề sẽ nghiêm trọng, nhất định phải chú ý điều này!

Căn bệnh nặng của chúng ta, nói thật ra, trừ phiền não ra, sẽ là vô minh. Vô minh là gì? Tà tri tà kiến; tà tri tà kiến là vô minh. Kinh Lăng Nghiêm có nói: “Tri kiến lập tri, thị vô minh bản” (Từ trên tri

kiến lại lập ra một cái biết nữa, đó là cội gốc của vô minh), trên tri kiến lại lập thêm một cái tri kiến, đó là tà tri tà kiến. Cách nghĩ sai lầm, cách nhìn sai lầm, đó là bệnh nặng. Nguyên tắc trị liệu là trước hết dạy chúng ta điều gì cũng đều không nghĩ tới, cách nghĩ và cách nhìn thấy đều ngưng dứt, khiến cho cái tâm khôi phục sự thanh tịnh, điều này được gọi là “tu Định”. Bất luận Pháp Môn nào, hễ nói đến công phu thật sự đều là tu Định. Đầu tiên là tu tâm thanh tịnh. Tâm chẳng thanh tịnh thì niệm Phật cũng vô dụng, cũng chẳng thể tương ứng. Đẳng Giác Bồ Tát vì còn có một phẩm vô minh chưa đoạn, nói cách khác, nếu so với Phật, tâm Đẳng Giác Bồ Tát chẳng thanh tịnh. So với chúng ta, tâm Ngài đúng là thanh tịnh tột bậc, nhưng so với Phật thì chẳng bằng! Do đó, Đẳng Giác Bồ Tát vẫn dới nghiệp, nhưng Ngài mang theo nghiệp ít nhất. Vì còn có chút chướng ngại, Ngài vẫn chưa thể rốt ráo triệt để hiểu rõ Thật Tướng của các pháp. Chẳng hạn như nói đến y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc Thế Giới và công đức thù thắng do niệm Phật Vãng Sanh, Đẳng Giác Bồ Tát chưa thể hoàn toàn hiểu rõ, Ngài còn có chút chướng ngại như thế. Do đó, người thật sự tu hành phải luôn biết mình đang tu gì? Trừ bỏ hết thấy những sai lầm, khôi phục chánh tri chánh kiến, đó là đúng. Kinh Pháp Hoa nói rất hay: “Khai thị ngộ nhập Phật chi tri kiến”. Tri kiến của Phật là chánh tri chánh kiến, như vậy thì mới có thể đạt đến Cứu Cánh Giác.

“Biên tế trí mãn” (Trí huệ viên mãn tột cùng ngần mé): Trí huệ viên mãn. “Biên tế” (bờ mé) là nói “thụ cùng tam tế, hoành biến thập phương” (theo chiều dọc trọn khắp ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương). Tận hư không khắp pháp giới không gì chẳng biết, trí huệ ấy mới được coi là viên mãn. “Chủng Giác đôn viên”: Chủng là Nhất Thiết Chủng Trí, khi ấy, đã viên mãn, nên Ngài được gọi là Vô Thượng Sĩ, chẳng có ai cao hơn Ngài được! “Danh Vô Sở Đoạn” (gọi là Không Có Gì Để Đoạn). Đẳng Giác Bồ Tát còn có cái phải đoạn, tức là còn phải đoạn một phẩm sanh tướng vô minh. Đạt đến địa vị Phật thì Phật chẳng có gì phải đoạn, những gì đáng nên đoạn đều đã đoạn hết, chẳng còn gì để đoạn nữa, nên gọi là Vô Sở Đoạn. “Vô Thượng Sĩ giả, cánh vô quá giả” (Vô Thượng Sĩ là không có ai cao hơn được), chẳng còn có ai vượt trội Ngài. Trong mười pháp giới, Ngài là chí cao vô thượng. Kế đó là tỷ dụ, giống như vàng trắng Rằm, viên mãn trọn đủ. Vàng trắng Mười Bốn tuy tròn, vẫn còn thiếu khuyết một chút. Kinh thường sánh ví trăng Mười Bốn như Đẳng Giác Bồ Tát, sánh ví trăng Rằm với Phật quả. Đó là Cứu Cánh Giác. Do Ngài là tối thượng, tối thù thắng, “oai đức đặc tôn” (oai đức đặc biệt tôn quý), nên gọi là Cứu Cánh Phật.

Chúng ta xem đoạn kế tiếp: “Phật hữu vô lượng đức, ưng hữu vô lượng hiệu” (Phật có vô lượng đức, nên phải có vô lượng hiệu), đúng vậy! Danh hiệu của Phật là vô lượng vô biên, vì sao? Một đức hiệu chẳng thể biểu thị sự vô lượng, chẳng thể hiển thị sự vô lượng. Chẳng cần nói tới Phật, người thế gian chúng ta có lắm kẻ rất thông minh, có trí huệ, rất

giỏi giang, lắm tài, nhiều nghề. Mở danh thiếp của họ ra xem, quý vị thấy ghi mười mấy tước hiệu. Nếu quý vị hỏi kẻ đó, một tước hiệu có được hay không? Một tước hiệu thì sẽ chẳng thể tiêu biểu thân phận và địa vị của người đó. Đức năng trong Chân Như bản tánh chẳng thể nói trọn, nên quý vị thấy trong Kinh Phật có một bản Kinh là Vạn Phật Danh Kinh. Danh hiệu của một vạn vị Phật chính là danh hiệu của một vị Phật, Ngài có danh hiệu nhiều ngàn ấy, vẫn chỉ là nói đại lược đó thôi! Phàm các danh hiệu Phật đều nhằm nói tới Tánh Đức vốn sẵn trọn đủ trong Chân Như bản tánh, danh hiệu của Bồ Tát gọi là Tu Đức. Tánh Đức có bao nhiêu thì Tu Đức cũng nhiều ngàn ấy. Phật Pháp tuyệt đối chẳng phải là một loại đa Thần giáo, tuyệt đối chẳng phải là phiếm Thần giáo. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “Một chính là nhiều, nhiều chính là một”. Ngài là một người lắm tài, nhiều nghề, nên mới có nhiều danh hiệu dường ấy, tỏ lộ trí huệ và đức năng của Ngài là vô lượng vô biên, mang ý nghĩa này.

“Cử nhất tế chư” (Nêu ra một thì những điều khác bị khuất lấp). Danh hiệu nhiều là vì chỉ nêu ra một danh hiệu thì chỉ có một Tánh Đức được tỏ lộ, những điều khác chẳng được hiển lộ. Đó là nguyên nhân vì sao phải có lắm danh hiệu như thế! Danh hiệu quá nhiều cũng phiền, cũng chẳng rõ ràng. Vì thế, quy nạp vô lượng danh hiệu của Phật thành mười hiệu, các Kinh thường nói tổng quát là đức Phật có mười hiệu, đó là các danh hiệu chúng ta thường thấy. “Hoa Nghiêm hữu thập vạn hiệu” (Kinh Hoa Nghiêm nói đức Phật có mười vạn hiệu), bản in ở đây bị sót một chữ, quý vị hãy thêm vào,

tức là “hữu thập vạn hiệu” thay vì “hữu thập hiệu”, Kinh Hoa Nghiêm nói Phật có mười vạn hiệu. “Hựu Kinh hữu vạn hiệu, tam thế chư Phật thông hữu thập hiệu” (Lại có Kinh nói Phật có một vạn danh hiệu, ba đời chư Phật có mười hiệu chung). Mười hiệu ấy là vô lượng vô biên danh hiệu được quy nạp, quy nạp lại giống như cương lĩnh, có mười hiệu. “Tịnh Danh tam hiệu, dĩ kiếp thọ thuyết, bất năng linh tận, hà hướng chư hiệu da?” (Đối với ba hiệu trong Kinh Tịnh Danh, dùng tuổi thọ dài bằng cả kiếp để nói các ý nghĩa được bao hàm trong ấy vẫn chưa thể nói hết, hướng là các danh hiệu ư?). Tịnh Danh là Kinh Duy Ma. Ba hiệu được nói trong Kinh Duy Ma, nói thật ra là ba hiệu trong mười hiệu. Câu này nằm trong trang bốn mươi, dòng thứ năm đếm từ dưới lên, quý vị hãy xem trong dòng ấy. “Tịnh Danh Kinh vân, Chánh Biến Tri, Như Lai cập Phật” (Kinh Tịnh Danh nói ba hiệu là Chánh Biến Tri, Như Lai và Phật). Ba hiệu ấy chính là ba hiệu trong mười hiệu. Ba hiệu ấy, “thử tam cú nghĩa, đại thiên chúng sanh” (đối với ý nghĩa của ba câu ấy, chúng sanh trong cõi đại thiên), ý nói chúng sanh trong tam thiên đại thiên Thế Giới, “giai như A Nan đa văn đệ nhất” (đều là bậc đa văn hạng nhất như Ngài A Nan), thông minh, có trí huệ giống như Tôn Giả A Nan đa văn bậc nhất. “Dĩ kiếp chi thọ” (Dùng tuổi thọ dài bằng cả kiếp), thọ mạng lâu cỡ nào? Thọ mạng dài đến một đại kiếp, dùng tuổi thọ dài lâu như vậy để giải nói ý nghĩa của ba danh hiệu ấy đều nói chẳng trọn, hướng hồ mười danh hiệu! Hướng hồ vô lượng danh

hiệu! Những ý nghĩa được bao hàm trong mỗi danh hiệu đều là rộng lớn vô biên, chẳng thể nói trọn hết.

Đến chỗ này mới coi như đã giới thiệu xong chữ Phật trong tựa đề Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Kinh, giảng xong một chữ. Dưới đây là chữ thứ hai, tức Thuyết trong Phật Thuyết.

“Thuyết giả, duyệt sở hoài dã” (Thuyết là thỏa thích bốn hoài), chúng ta thường thấy cách giải thích này trong chú giải của hết thầy các Kinh. Tiếp đó, sách viết: “Tức thập nhị bộ Kinh” (Tức là mười hai thể loại được sử dụng trong Kinh Phật). Thập Nhị Bộ Kinh là toàn thể Kinh Phật. Nếu nói theo cách hiện thời, Kinh Phật có tổng cộng mười hai loại thể tài (genre) khác nhau. Do đó, nói đến mười hai loại thể tài ấy sẽ bao gồm toàn thể Phật Pháp. “Bát vạn pháp tạng” (Tám vạn pháp tạng), nói tới phương pháp và đường lối tu học. “Lục Độ, Tứ đẳng” (Lục Độ, Tứ Tất Đàn v.v...): Lục Độ là sáu Ba La Mật, tức là cương lĩnh tu hành của Bồ Tát; “Tứ” là nói đến Tứ Tất Đàn. “Nhất thiết Pháp Môn, hựu ư nhất pháp trung, tác tứ môn phân biệt. Ư nhất nhất môn, xảo tác Tứ Tất Đàn lợi ích, văn giả hoan hỷ, tán dụng, thọ hành, Thí, Giới, Tấn, Niệm, nhi đắc khai phát. Tham, khuể, ngu si, hoát nhĩ băng tiêu, cách phạm thành Thánh, nhập pháp lưu thủy, hoặc nhị tam nhất ích. Nhược đô vô ích, tác thị mặc nhiên” (Trong mỗi pháp thuộc hết thầy các Pháp Môn lại phân biệt thành bốn môn. Trong mỗi môn, khéo tạo lợi ích Tứ Tất Đàn. Người nghe hoan hỷ, khen ngợi tác dụng của Phật Pháp, tiếp nhận, hành trì. Thí, Giới, Tinh Tấn, Niệm bèn được khai phát. Tham, sân, ngu si bỗng dung

tiêu tan. Thoát phàm thành Thánh, dự vào dòng pháp, hoặc người nghe sẽ đạt được hai, ba hoặc một điều lợi ích. Nếu những pháp muốn nói ấy đều vô ích cho người nghe, đức Phật bèn thị hiện im lặng). Đoạn này giải thích chữ Thuyết. Không chỉ giải thích chữ Thuyết, mà một đoạn lớn sau đó, tức là cả một đoạn lớn từ sau chữ “thập nhị bộ” trở đi mà chúng ta vừa đọc là nói về những điều do đức Phật đã giảng. Trong phần nói về “sở thuyết” (những pháp đã được nói), đã nêu ra một nguyên tắc: Đức Phật thuyết pháp chắc chắn có lợi ích cho chúng sanh. Lợi ích nhiều hay ít, sâu hay cạn khác nhau. Nếu chẳng có lợi ích, đức Phật sẽ chẳng nói. Ở đây viết là “nhược đô vô ích, tắc thị mặc nhiên” (nếu đều là vô ích, thì Ngài thị hiện im lặng), đức Phật sẽ chẳng nói.

“Nhược nhất cơ khẩu Thánh, ư nhất môn thí Tứ Ích giả” (Nếu một căn cơ cảm Thánh tâm, Ngài sẽ ban bố bốn món lợi ích trong một môn). “Nhất môn” là một loại Pháp Môn, Tứ Ích là Tứ Tất Đàn. “Dư tam môn diệc như thị, vị nhất duyên thuyết nhất pháp ký nhĩ, chư duyên chư pháp diệc như thị” (Ba môn kia cũng giống như thế, vì một duyên mà thuyết một pháp đã là như thế, thì các duyên, các pháp cũng giống như thế). Đoạn này có nghĩa là: Hễ có kẻ nào có nghi vấn, hướng về đức Phật thỉnh giáo, đức Phật thuyết pháp cho kẻ ấy, chẳng lìa khỏi Tứ Tất Đàn. Nếu là rất nhiều người, đức Phật thuyết pháp cho đại chúng cũng chẳng lìa khỏi nguyên tắc này. Đây là nói về nguyên tắc thuyết pháp. Chúng ta xem chú giải, dòng thứ nhất trong phần chú giải, hãy xem từ nửa đoạn sau: “Nhược tị bốn Kinh, tức thị Như Lai cứu tu cứu chứng Niệm Phật tam

muội, uẩn chi tại hoài” (Nếu xét theo Kinh này, sẽ là Như Lai tu chứng Niệm Phật tam muội đã lâu, ấp ủ trong lòng). Câu này quan trọng, nêu rõ Kinh này nói chẳng khác gì Kinh Vô Lượng Thọ và Kinh Di Đà. Đức Phật thành Phật như thế nào? Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích Đại Sư đã nói: “Chư Phật do niệm Phật mà thành Phật”. Chư Phật đạt được tam muội rất sâu có tên là Niệm Phật tam muội. Trong tác phẩm chú giải Kinh Di Đà, Ngẫu Ích Đại Sư đã nói như vậy. Từ Kinh Vô Lượng Thọ, quả thật chúng ta đã thấy điều đó. Vì vậy, “tin sâu nhân quả” trong Tam Phước của Quán Kinh chính là “niệm Phật là nhân, thành Phật là quả”.

Đức Phật thấy cơ duyên thành Phật của chúng sanh đã chín muồi. Cơ duyên thành Phật đã chín muồi thì nếu đức Phật phải giảng pháp Bồ Tát hay nói pháp thành A La Hán cho họ, sẽ có lỗi với họ! Đức Phật thuyết pháp bèn ứng theo căn cơ mà ban bố giáo pháp. Ngài xét thấy kẻ ấy vẫn chưa có phần thành Phật trong một đời này, chỉ có thể thành Bồ Tát, đức Phật liền giảng pháp Bồ Tát, chắc chắn chẳng giảng pháp thành Phật cho kẻ ấy. Vì sao? Kẻ ấy chẳng có phước báo đó, có giảng thì kẻ ấy cũng trọn chẳng tin tưởng, nói uổng công! Vì lẽ đó, đức Phật thuyết pháp khế cơ, khế lý! Thấy cơ duyên thành Phật đã chín muồi, nói cách khác, đem Pháp Môn thành Phật này nói với kẻ ấy, kẻ ấy có thể tin tưởng, có thể lý giải, có thể nghiêm túc học tập, quyết định thành Phật trong một đời này. Đó là Pháp Môn gì? Pháp Môn Niệm Phật. Ba Kinh Tịnh Độ đều nhằm dạy chúng sanh thành Phật, chẳng phải là nói với những kẻ bình phàm. Pháp Môn này, đức Phật ấp ủ trong lòng đã lâu, tìm chẳng

thấy đối tượng, lần này tìm được đối tượng, Ngài hoan hỷ lắm, hoan hỷ hơn khi nói bất cứ Pháp Môn nào khác. Độ chúng sanh thì trong một đời, quý vị có thể độ mấy chúng sanh thành Phật? Lần này gặp được kẻ sẽ nhanh chóng thành Phật, tuyệt diệu quá, chẳng thể bỏ lỡ cơ hội! Vì lẽ đó, đức Phật nói Pháp Môn Tịnh Tông, tỏ lộ niềm hoan hỷ khôn sánh, từ Đại Kinh chúng ta thấy được chuyện này. “Kim cơ khẩu phát thuyết chi” (Nay do căn cơ tương ứng phát khởi, bèn nói Pháp Môn này). Chữ “cơ” chỉ phu nhân Vi Đề Hy. Đức Phật gặp được vị này, thiện căn, phước đức, nhân duyên của bà ta trong vô lượng kiếp đến nay đã chín muồi, đức Phật bèn truyền dạy bà ta Pháp Môn này, bà ta sẽ thành Phật trong hiện thời. “Nãi sớng tích chi sở hoài dã” (Bèn thỏa thích nỗi niềm ấp ủ từ trước). Điều ấp ủ trong tâm rất muốn nói, nhưng chẳng tìm thấy đối tượng, lần này đã gặp được. Chúng ta phải chú ý mấy câu này.

Tiếp theo đây, chúng ta lại lật qua trang bốn mươi hai. Trong trang bốn mươi hai có một khuôn mẫu thuyết pháp. Bất luận đồng tu tại gia hay xuất gia, trong tương lai muốn phát tâm thuyết pháp cho kẻ khác, phải nhớ nguyên tắc này. Quý vị không hiểu nguyên tắc này, sẽ không phải là giảng Phật Pháp! Phải hiểu nguyên tắc này! Trong trang bốn mươi hai, dòng thứ hai, xem từ dòng ấy. “Thú cử nhất pháp”, nghĩa là tùy tiện chọn lấy một pháp, “tu khai tứ môn” (cần phải mở ra bốn môn), nghĩa là nhất định phải hiểu Tứ Tất Đàn. Tất Đàn (Siddhanta) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Biến Thí, có nghĩa là phổ biến dùng Phật Pháp bố thí hết thảy chúng sanh.

Trong đó bốn loại, nên chúng ta gọi là Tứ Tất Đàn. “Cơ sanh thực cố” (Do căn cơ có sống và chín), Cơ là đối tượng để thuyết pháp. Quý vị nói với kẻ đó, cơ duyên của kẻ đó đã chín muồi hay chưa? Chín muồi đến mức độ nào? Mỗi người có mức độ sống chín khác nhau, quý vị thuyết pháp cho họ sẽ khác nhau, “Tứ Tất bị chi” (mà Tứ Tất Đàn sẽ tương ứng). Dưới đây sẽ giảng rõ.

“Vi vị chủng giả, tác Thế Giới thuyết” (Đối với kẻ chưa gieo thiện căn nơi Phật Pháp, bèn nói pháp theo kiểu Thế Giới Tất Đàn): Đây là điều thứ nhất trong Tứ Tất Đàn, tức Thế Giới Tất Đàn, nói với hạng người nào? Nói với người chưa gieo thiện căn, cũng là nói với kẻ bình phàm trong xã hội. Mục tiêu thuyết pháp là đâu? Nhằm vào mục đích khiến cho họ nhận biết Phật Giáo. Khi nghe Phật Giáo, tâm người ấy hoan hỷ, nhưng vẫn không nhất định tiếp nhận, vẫn chưa muốn học Phật; chỉ nhằm dạy cho kẻ ấy nhận biết Phật Giáo, đừng nẩy sanh hiểu lầm đối với Phật Giáo, mục đích ở chỗ này. Đó là khiến cho kẻ ấy hoan hỷ. Nói theo thực tế sẽ là “linh kỳ nhạo dục, tán dụng, thọ hành” (khiến cho kẻ ấy ưa thích, khen ngợi hữu dụng, chấp nhận), nhắm đến mục đích này, hy vọng người ấy sẽ hoan hỷ, chẳng đến nổi hiểu lầm Phật Pháp, tán thán Phật Pháp, biết Phật Pháp còn có chỗ hữu dụng đối với xã hội, chẳng có hại; kiến lập một quan niệm chánh xác cho người ấy. Đó là một cách nói. Chúng ta thường gọi chuyện này là “tuyên truyền”. Hiện thời, người tuyên truyền rất nhiều, nhưng nội dung tôi không biết rõ cho lắm. Tôi

thường thấy báo chí, thậm chí truyền hình đều có quảng cáo vị Pháp Sư nào đó giảng Kinh, thuyết pháp ở chỗ nào đó, người nghe đều là mấy ngàn người, mấy vạn người. Chuyện này hơi giống Phật Giáo biểu diễn, diễn trò. Mục tiêu của họ chỉ có thể đạt được trong giai đoạn này.

Loại thứ hai: “Vị dĩ chủng giả, dụng trung nhị tất” (Vì người đã gieo thiện căn và phước đức, bèn vận dụng hai loại Tất Đàn trong ấy). Đối với người đã có thiện căn, bèn dùng hai loại trong bốn loại Tất Đàn, tức là Vị Nhân và Đối Trị, dùng hai loại ấy. Đã gieo thiện căn, phải xét xem thiện căn của người ấy sâu hay cạn. “Thiện căn vị phát giả” (Người thiện căn chưa phát), kẻ ấy có thiện căn, nhưng thiện căn vẫn chưa phát lộ. Đích xác là có thiện căn, nhưng thiện căn vẫn chưa phát lộ. Vậy thì phải thuyết pháp như thế nào? “Tác vị nhân thuyết” (Dùng cách nói vì người khác), cách này có ý nghĩa sâu hơn cách trước. Mục đích của cách thuyết pháp này là “linh khởi túc thiện Tín, Giới, Tấn, Niệm”, nghĩa là khiến cho người ấy có thể phát lộ thiện căn, Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ từ đời trước. Người ấy nghe Phật Pháp, bèn có thể sanh khởi những thiện căn ấy. Đó là người đã gieo thiện căn, nhưng thiện căn trợn chẳng rất sâu dày, bèn khích động cho thiện căn của người ấy phát khởi, nay chúng ta nói là “đạo tâm”, đạo tâm và thiện căn có ý nghĩa giống nhau. Đây là kích phát đạo tâm, kích phát thiện căn của kẻ đó.

Loại thứ ba là “ác vị phá giả” (đối với kẻ chưa phá ác), thiện căn đã có, thiện căn cũng đã phát hiện. Tuy thiện căn đã phát hiện, nhưng tập khí phiền não chưa đoạn. Trong giới Phật Giáo chúng ta, hai loại tình hình này, bất luận tại gia hay xuất gia đều có rất nhiều. Chúng ta chẳng thể nói họ không có thiện căn, nhưng chẳng đoạn tập khí phiền não. Tập khí phiền não chẳng đoạn thì nói cách khác là tu hành bị chướng ngại, tu hành quyết định chẳng thể thành tựu, vì quý vị có chướng ngại tồn tại, niệm Phật cũng chẳng thể Vãng Sanh. Để thuyết pháp cho loại người ấy, chúng ta phải dùng cách Đối Trị. Đối Trị là “linh kỳ tam độc hốt hoát nhĩ băng tiêu” (khiến cho tam độc của người ấy bỗng dung nhanh chóng tiêu tan). Tam Độc là tham, sân, si. Nói tới tham, sân, si, đương nhiên sẽ là tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến, bao gồm toàn bộ các phiền não. Đối với kẻ chẳng đoạn các phiền não ấy, bèn vì kẻ ấy thuyết pháp với mục đích giúp cho kẻ ấy đoạn phiền não. Có thể đoạn phiền não, có thể trừ tập khí, công phu sẽ có thể đắc lực, thật sự có thành tựu trong Phật Pháp, pháp hỷ sung mãn.

Xưa kia, chưa đoạn tập khí phiền não, chắc chắn là chẳng thể rời khỏi thiện tri thức. Kẻ ấy theo học với một vị thiện tri thức nào đó, chẳng thể rời khỏi vì chưa có năng lực lìa khỏi thầy. Giống như đứa trẻ rất bé, chưa thể tự mình độc lập, chẳng thể rời khỏi cha mẹ, phải thường được cha mẹ chăm sóc thì mới được an toàn. Chưa đoạn tập khí phiền não, nếu lìa khỏi thiện hữu, muốn đi ra ngoài, nguy hiểm to lắm! Kể từ xưa kia, chẳng phải là nói trong hiện thời, vào thời cổ đã có những gương như

vậy. Khi chưa đi ra ngoài, tu hành trong tự viện của chính mình thì tốt đẹp lắm! Thật sự có đạo tâm, đáng cho người khác tôn kính; nhưng vừa ra ngoài giảng Kinh, thuyết pháp, lại tìm một tự viện để làm trụ trì lãnh chúng, tín đồ quy y cũng đông, tiền bạc cũng lắm, thì cũng phách lối lắm, trở nên kiêu căng, ngã mạn, phiền não đều dấy lên hiện hành! Vì sao? Rớt trong tiếng tăm, lợi dưỡng, đọa lạc trong ngũ dục, lục trần, quả báo trong tương lai là sanh trong ba ác đạo.

Nếu quý vị đọc bộ Trúc Song Tùy Bút của Liên Trì Đại Sư, chẳng nhớ trong trang nào, Liên Trì Đại Sư từng phê bình một vị đại đức. Vị đại đức ấy trước kia ở trong núi, cũng rất có tiếng tăm, mọi người hết sức bội phục đạo đức, học thức, và sự hàm dưỡng của Sư, vô cùng tôn trọng. Sau này, Sư làm Trụ Trì một ngôi chùa tại đô thị, đạo tâm thầy đều mất sạch. Tổ đến bái phỏng, nói: “Trước đây có một người nọ, tu hành trên núi tốt đẹp cỡ nào, tôi bội phục lắm! Về sau, vị ấy đọa lạc”. Vị Pháp Sư ấy hỏi: “Ai vậy?” Tổ đáp: “Chính là lão huynh chứ ai nữa!” Coi như vẫn còn khá, vì Sư còn có thể gặp Liên Trì Đại Sư chỉ điểm, cảnh tỉnh thẳng thừng. Con người hiện thời khi bị đọa lạc, dẫu có cảnh tỉnh cũng chẳng tỉnh, vẫn ngỡ chính mình là đúng! Người hiện thời tu hành khó khăn hơn thuở xưa! Con người xưa kia tâm địa hồn hậu, tôn sư trọng đạo, có thể nghe lời thầy, chứ người hiện thời chẳng nghe. Thấy người khác nổi tiếng lừng lẫy, cũng nghĩ trọn đủ mọi phương pháp hồng đạ đổ tiếng tăm của người khác, chỉ sợ chính mình ở sau kẻ khác. Thấy người ta phước báo to hơn mình, trong tâm kẻ ấy rất khó chịu, cũng nghĩ trọn hết mọi phương

pháp sao cho phước báo của chính mình vượt hơn người ta. Tâm đặt nơi đâu? Tâm chuyên môn cầu tiếng tăm lợi dưỡng, cầu ngũ dục, lục trần. Chẳng biết tu hành là tu tâm thanh tịnh, chẳng biết tu hành là phải đoạn sạch tập khí phiền não!

Các vị Tổ Sư Đại Đức từ xưa tới nay, ngay cả tại gia Cư sĩ, hoàng pháp lợi sanh cũng đều là do kẻ khác thỉnh pháp, há có ai tự tìm chỗ để thuyết pháp? Chẳng có đạo lý ấy. Người ta đến thỉnh, chính mình vẫn rất khiêm hư: “Chỉ sợ tôi không được, tôi nói chẳng khế cơ!” Há có chuyện chính mình tìm đủ mọi phương pháp để kiếm chôn giảng Kinh? Chẳng có đạo lý ấy. Trong quá khứ, khi chúng tôi học giáo ở Đài Trung, luyện tập giảng Kinh là một môn học vô cùng quan trọng. Đến chỗ nào để giảng? Đến nhà các đồng tu: “Xin quý vị từ bi, tôi giảng cho quý vị nghe. Quý vị hãy sửa sai cho tôi”. Đó là đến thỉnh giáo: “Tôi giảng quý vị nghe có vừa ý hay chẳng? Có nghi vấn hay chẳng? Hãy cho tôi biết để tôi sửa cho tốt đẹp hơn”. Người nghe là dăm ba người, mỗi tuần một ngày đến giảng tại nhà đồng tu. Đó là gì? Cầu được chỉ dạy! Người giảng là tôi chính là học trò, người nghe là thầy, là giám học của tôi. Chúng tôi học như vậy.

Khi chúng tôi học Phật tại Đài Trung, mỗi tối đều có pháp hội giảng Kinh, hôm nay ở nhà vị Cư sĩ này, ngày mai tại nhà vị Cư sĩ nọ, vì đồng học đông đảo. Hôm nay vị đồng học này giảng, chúng tôi đều là bạn học cùng học giảng Kinh, nhất định phải đến tham gia, vì sửa sai cho người ấy cũng là sửa sai cho chính mình. Cho đến khi thầy nghe xong, gật đầu đồng ý, chẳng có sai lầm gì thì mới có thể lên

tòa giảng cho công chúng. Lên bục giảng vẫn là luyện tập. Điều khó có của Đài Trung là có hai giảng đài để luyện tập giảng Kinh, một ở tại Liên Xã, hai là ở chùa Linh Sơn. Liên Xã, tức Đài Trung Liên Xã, là chỗ để nữ chúng luyện tập giảng Kinh, chùa Linh Sơn dành cho nam chúng. Đến nghe Kinh ủng hộ có bảy, tám mươi người, đương nhiên các vị thính giả ấy đều rất khách sáo. Quý vị hướng về họ thỉnh giáo, họ sẽ chẳng phê bình; nhưng chúng tôi luyện tập giảng Kinh, thầy Lý nhất định phải đến. Thầy Lý ngồi ở hàng cuối cùng, ngồi trong góc. Vì sao? Chúng tôi giảng Kinh chẳng có máy phóng thanh, ắt phải giảng sao cho thầy nghe rõ ràng. Nếu thầy nghe không rõ ràng thì không được, âm lượng của quý vị chẳng đủ! Sau khi giảng xong, thầy tập hợp các bạn học lại, tiến hành phê bình nghiêm ngặt, chỗ nào phải sửa lại. Lần giảng kế tiếp phải sửa đổi. Trải qua huấn luyện nghiêm ngặt như vậy chẳng phải là chuyện dễ dàng!

Hiện thời, ở Mỹ, Đạo Tràng của chúng tôi là một Đạo Tràng nhỏ, có mấy vị đồng tu. Tuy số người ít ỏi, năm sáu người, cũng là một lớp học nhỏ. Đối với phương pháp học tập, tôi kể cho họ biết cách tôi học ở Đài Trung trước kia, nương theo phương pháp của thầy để học, học ba năm. Vì họ có trình độ cao, hoàn cảnh thù thắng, chẳng bị quấy nhiễu, nên ba năm nhất định sẽ có thành tựu.

Đó là đối với người đã sanh khởi thiện căn, phải giúp họ thật sự tu tập, thật sự đoạn phiền não. Trong các đồng tu chúng ta, có người thuộc về giai đoạn trước, tức là thiện căn đã phát hiện, nhưng tập khí phiền não

chưa đoạn. Hiện thời, phải bắt đầu nghiêm túc đoạn, chẳng đoạn sẽ không được, vấn đề sẽ to lớn, nhất định phải đoạn phiền não.

Loại cuối cùng “vị dĩ thực giả” (vì người đã thuần thực), “dĩ thực” là gì? “Dĩ thực” là nói cơ duyên thành Phật đã đến, đó mới gọi là Thực. Trong một đời này, người ấy vẫn chưa thể thành Phật, tức là cơ duyên của kẻ ấy vẫn chưa chín muồi. Cơ duyên thành Phật đã đến, vô cùng hiếm có, đức Phật phải dạy họ phương pháp thành Phật, cũng có nghĩa là dạy họ phương pháp niệm Phật. Nay chúng ta có được Pháp Môn này, chúng tôi cũng hoằng dương Pháp Môn này ở nhiều nơi. Tuy vậy, bất luận giảng Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh A Di Đà hay Quán Kinh, cho đến Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm, chúng tôi giảng theo cách nào? Thừa cùng quý vị, làm theo cách giảng thứ nhất và thứ hai. Vì sao không thực hiện cách giảng thứ ba và thứ tư? Đối với cách thứ ba và thứ tư, tôi thấy cơ duyên vẫn chưa chín muồi. Nếu nay tôi đặc biệt nhấn mạnh mọi người phải đoạn phiền não, hôm sau họ sẽ không đến nghe nữa. Vì lẽ đó, trong hiện tại phải nói lời ngọt ngào với mọi người, khiến cho họ nghe rất hoan hỷ, ngày mai họ còn tới. Nếu tôi nói phải đoạn phiền não, mà cũng chẳng dùng lời lẽ ngọt ngào, họ nghe sẽ cảm thấy rất khó chịu: “Vị Pháp Sư này chửi tôi, ngày mai tôi không tới cho ông ta chửi bới nữa”, chẳng đến nữa! Khi nói, tuy là cùng một bộ Kinh, nhưng phương pháp giảng khác nhau, mục tiêu mà chúng tôi hy vọng đạt tới cũng khác nhau.

Đó là nói tới bốn loại lớn, tức bốn loại phương pháp lớn, trong mỗi loại còn có nhiều phương tiện thiện xảo. Cùng một bộ Kinh, có thể giảng

sâu hay cạn, có thể giảng dài hay ngắn. Hôm qua, bên Tân Gia Ba có gửi cho chúng tôi một bản fax, mời tôi năm tới sang đó giảng Di Đà Kinh Sớ Sao. Di Đà Kinh Sớ Sao to ngàn ấy, họ thỉnh tôi sang đó ở một tháng để giảng xong bộ Di Đà Kinh Sớ Sao. Thật ra thì có thể giảng, giảng nông cạn, giảng ngắn gọn, bất quá Kinh Văn Sớ Sao vẫn quá dài, đọc một biên còn phải tốn một khoảng thời gian khá dài. Chuyện đó để sang năm rồi mới nói, tôi vẫn chưa trả lời thư của họ.

Tiếp đó nói “vị dĩ thực giả” là nói tới người thiện căn đã chín muồi. Người ấy phước báo rất lớn, sắp thành Phật. Đức Phật có Thần thông có thể quan sát căn cơ, người này thiện căn đã chín muồi! “Thiện căn” chính là thiện căn do vô lượng kiếp tu thành, thiện căn ấy đã chín muồi. Sau khi đã chín muồi, nhất định phải dạy cho người ấy phương pháp thành Phật. “Tác Đệ Nhất Nghĩa Thuyết, linh đặc khế chân, cách phàm thành Thánh” (Vì người ấy nói Đệ Nhất Nghĩa, khiến cho người ấy khế nhập lẽ chân, vượt phàm, thành Thánh). “Cách phàm thành Thánh” là siêu phàm nhập Thánh. Siêu phàm nhập Thánh, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển thì chỉ có một con đường là niệm Phật Vãng Sanh Tịnh Độ. Pháp Môn này thật sự là siêu phàm nhập Thánh, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, thành Phật trong một đời. Gặp được người ấy, nếu đức Phật chẳng nói, sẽ có lỗi với người ấy. Nói thật ra, tại Đài Loan trong giai đoạn này, chúng sanh căn cơ chín muồi rất nhiều. Chúng ta biết trong bốn mươi năm qua, cho đến hiện thời, dân số Đài Loan mới là hai ngàn vạn, trước

kia chẳng nhiều như vậy. Bốn mươi năm trước chỉ có sáu trăm vạn người. Đối với người niệm Phật Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, chúng ta chẳng thống kê tỉ mỉ, nhưng ước đoán dè dặt nhất phải là từ bốn trăm đến năm trăm người, tuyệt diệu thay! Nhiều người ngàn ấy thành Phật, lỗi lạc thay! Nơi này được gọi là “đảo báu”, danh phù hợp thật, có nơi nào trên Thế Giới này trong vòng bốn mươi năm có nhiều người ngàn ấy thành Phật? Chẳng dễ dàng! Người niệm Phật rất đông, có tới mấy chục vạn, mấy trăm vạn, nhưng thật sự Vãng Sanh, trong bốn mươi năm có bốn, năm trăm người, khá quá! Chúng ta hãy nghĩ lại, chúng ta có thuộc trong số đó hay không? Nếu thật sự mong mỗi chính mình thuộc trong danh sách ấy thì phải thật tu! Có thể nói là nhân duyên không thiếu, tại Đài Loan chẳng thiếu duyên. Nếu thiếu là do thiện căn và phước đức của chính mình vẫn chưa đủ, Pháp Môn này cần nhiều thiện căn, nhiều phước đức. Thiện căn nhiều và ít là sao? Trong vài lần trước, khi giảng Di Đà Sớ Sao, chúng tôi đã thừa trình tỉ mỉ cùng quý vị.

“Phật trí giám cơ, thuyết chi tất trúng, tri bất nhập lý, linh đắc tam ích” (Phật trí soi xét căn cơ, hễ nói ắt trúng, biết người nghe chưa thể nhập lý, bèn khiến cho họ đạt được ba món lợi ích). “Tam ích” là ba thứ lợi ích đầu tiên, vì sao? Trong một đời này, người ấy vẫn chưa thể thành Phật, vẫn chưa thể Vãng Sanh, nên đạt được ba lợi ích trước đó (Thế Giới, vị nhân và đối trị). “Tri bất phá ác, linh đắc nhị ích” (Biết kẻ ấy chưa thể phá ác, nên khiến cho kẻ ấy đạt được hai món lợi ích): Biết

người ấy chẳng thể sửa đổi tập khí phiền não, nên giảng Kinh, thuyết pháp khiến cho người ấy đạt được hai món lợi ích đầu (Thế Giới và vị nhân). Đoạn phiền não, sửa đổi tập khí thì chính mình phải phát tâm nghiêm túc thực hiện, người khác chẳng thể ép uống được! “Vô thiện khả phát, tác Thế Giới thuyết đàn sanh hoan hỷ. Nhược toàn vô ích, Phật tắc bất thuyết” (Chẳng thể phát khởi điều thiện, bèn thuyết pháp theo kiểu Thế Giới Tất Đàn khiến cho kẻ ấy sanh tâm hoan hỷ. Nếu hoàn toàn vô ích, Phật sẽ chẳng nói). Quý vị giảng cho kẻ ấy, kẻ ấy có nghe cũng như chẳng nghe, cũng chẳng tin tưởng, thậm chí phản đối, bài bác, nên chẳng nói! “Cố vân mặc nhiên” (Nên nói là “lặng thinh”), đức Phật sẽ không nói. Chúng ta phải ghi nhớ những nguyên tắc và khuôn phép này. Thuyết pháp xác thực là như thế. Cùng một bộ Kinh, người biết thuyết phải hiểu nguyên tắc này, thấy người như thế nào bèn thuyết pháp như thế ấy, thiên biến vạn hóa, chẳng có gì nói nhất định.

Bởi lẽ đó, chẳng có pháp nhất định để có thể nói, pháp là sống động, hoạt bát. Trên giảng đài, phải có năng lực quán cơ, tức là nhìn thính chúng dưới đài, nhìn gương mặt và vẻ biểu lộ của họ, liền biết họ thuộc trình độ nào, ta phải biết nên thuyết pháp như thế nào? Chẳng phải là lên giảng đài, đem những thứ bài giảng ta đã soạn sẵn đọc cho mọi người nghe. Đó chẳng phải là thuyết pháp, mà là giống như thầy thuốc chữa bệnh: Trước hết, kê toa xong xuôi rồi mới chữa bệnh cho quý vị. Khám bệnh xong, đem toa thuốc ấy cho quý vị uống. Uống xong chết ngắc, bèn bào chữa: “Chẳng phải là toa thuốc của tôi không đúng, mà là

quý vị chẳng mắc đúng bệnh, chẳng bị bệnh đúng với toa thuốc của tôi”. Đó là sai lầm. Do vậy có thể biết: Giảng Kinh khó hơn giảng bất cứ điều gì khác, đây là chuyện rất khó khăn. Vì thế, đồng tu học giảng Kinh phải trống lòng, phải thời thời khắc khắc hướng về thính chúng thính giáo thì mới có thể đạt được lợi ích.

TẬP 8

Xin xem trang bốn mươi ba, dòng thứ năm:

“Quán giả quán dã, hữu Thứ Đệ Tam Quán, Nhất Tâm Tam Quán” (Quán là quan sát, có Thứ Đệ Tam Quán và Nhất Tâm Tam Quán). Đây là giải thích chữ thứ ba trong tựa đề Kinh, chữ này là cương lĩnh tu hành. Đại Thừa Phật Pháp chẳng rời khỏi nguyên tắc này, trong nhà Thiền nói là Quán Chiếu, Chiếu Trụ, và Chiếu Kiến, công phu cũng là ba tầng cấp. Chúng ta đọc Tâm Kinh, “Quán Tự Tại Bồ Tát, hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không”, đó là tầng cấp tu hành cao nhất. Tầng cấp thấp nhất là Quán Chiếu, chúng tôi bàn từ chỗ này. Ba tầng cấp này trong các tông có danh xưng khác nhau, nhưng cảnh giới như nhau. Chiếu Kiến trong Thiền Tông tương đương với Lý nhất tâm bất loạn trong Tịnh Độ Tông. Họ nói Chiếu Trụ thì tương đương với Sự nhất tâm bất loạn của chúng ta. Họ nói Quán Chiếu thì tương đương với công phu thành phiền của chúng ta. Do vậy có thể biết, trong Tịnh Tông nói danh từ khác biệt, nhưng cảnh giới như nhau, phải nên hiểu điều này. Trong Phật môn thường nói “Pháp Môn bình đẳng, chẳng có cao thấp”, cảnh giới công phu đều giống nhau, chỉ là sử dụng phương pháp và phương thức khác nhau. So với các tông khác, phương pháp và phương thức trong Tịnh Tông thật sự dễ dàng hơn, ôn hòa, thích đáng hơn. Đó là cái hay của Tịnh Tông.

Chúng ta thấy trong lời Sớ, Trí Giả Đại Sư đã giảng rõ hai thứ Tam Quán ấy. Xin hãy xem dòng đầu trong trang bốn mươi bốn: “Tùng Giả nhập Không Quán, diệc danh Nhị Đế Quán. Tùng Không nhập Giả Quán, diệc danh Bình Đẳng Quán. Nhị Không Quán vi phương tiện, đắc nhập Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế Quán, tâm tâm tịch diệt, tự nhiên lưu nhập Tát Bà Nhã hải, thử danh xuất Anh Lạc Kinh” (Tùng Giả nhập Không Quán, còn gọi là Nhị Đế Quán. Tùng Không nhập Giả Quán, còn gọi là Bình Đẳng Quán. Nhị Không Quán làm phương tiện để nhập Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế Quán. Tâm tâm tịch diệt, tự nhiên lưu nhập biển Nhất Thiết Chứng Trí. Danh xưng này xuất phát từ Kinh Anh Lạc). Những gì Đại Sư nói đều có Kinh Điển làm căn cứ, chẳng phải là nói tùy tiện. Nhị Đế là Chân Đế và Tục Đế; Tam Quán là Không Quán, Giả Quán, và Trung Quán, những phép Quán này do Thiên Thai Đại Sư thành lập. Những điều này sẽ nói cặn kẽ trong phần sau, chúng ta đọc lời giải thích của Ngài nơi dòng hai từ dưới đếm lên trong trang bốn mươi bốn: “Kim thích kỳ ý” (Nay giải thích ý ấy), giải thích những ý nghĩa được bao hàm trong các danh từ ấy. “Giả thị hư vọng, Tục Đế dã. Không thị thẩm thật, Chân Đế dã” (Giả là hư vọng, là Tục Đế. Không là suy xét lẽ chân thật, là Chân Đế). “Thẩm” là thẩm tra, xem xét nó là thật, là thực tại. Không là thực tại, Giả là hư vọng. Không là gì? Giả là gì? Ở chỗ này, phải nói đơn giản cùng quý vị. Giả là nói theo Tướng, Không là nói theo Tánh. Vì sao Tướng là giả? Tướng là pháp sanh bởi nhân duyên; nói cách khác, nó có sanh và diệt. Phàm

những gì có sanh diệt thấy đều là giả, chẳng thật. Thân thể này của chúng ta, kể cả tất cả động vật, những tế bào trong thân thể đổi mới, thay cũ, sanh diệt trong từng sát na, không chỉ là sanh, lão, bệnh, tử. Vì thế, theo cách quan sát trong Phật Pháp, chúng đều là giả, chẳng thật. Thứ thật sự, thật sự bất sanh bất diệt, đó là thật. Vì thế, thân là giả, tâm cũng là giả, niệm này khởi lên, niệm kia diệt, tâm ấy là tâm gì? Tâm sanh diệt. Tâm sanh diệt là tám thức, năm mươi một Tâm Sở, chúng ta gọi nó là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm, mà là vọng tâm. Chân tâm bất sanh bất diệt. Chân thân là Pháp Thân, cũng là bất sanh bất diệt.

Chúng ta hãy suy nghĩ và quan sát kỹ càng, tất cả hết thấy các pháp trong thế gian này, thứ nào là bất sanh bất diệt? Chẳng tìm được thứ nào! Địa cầu có thành, trụ, hoại, không, vẫn là một pháp sanh diệt. Mặt Trời sẽ có ngày tiêu mất độ sáng. Toàn thể đại vũ trụ là pháp sanh diệt, chẳng có gì là bất sanh bất diệt. Do đó, Phật Pháp quy nạp hết thấy các pháp, quy nạp đến mức đơn giản nhất, dễ dàng nhất để dạy kẻ sơ học, tức là quy nạp thành một trăm pháp. Một trăm pháp là hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian. Quy nạp thành một trăm pháp sẽ giảng giải khá dễ dàng. Trong một trăm pháp ấy, chín mươi bốn pháp trước đều là pháp sanh diệt, đều là giả, đều chẳng thật. Chín mươi bốn pháp bao gồm tám thức, tám thức là tâm, nên tám thức là tâm pháp, năm mươi một pháp là Tâm Sở pháp, tức là tác dụng tâm lý, Sắc pháp là nói đến vật chất, lục căn, lục trần. Trong lục căn, Ý Căn là tâm pháp, nó chính là Mạt Na Thức. Do đó,

trong lục căn có năm căn thuộc Sắc pháp, lục trần là Sắc pháp, sáu trần cộng với năm sắc pháp của Ngũ Căn thành mười một loại. Nay chúng ta gọi mười một loại ấy là vật chất.

Còn có một loại gọi là Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp (Citta-viprayukta-samskāra) , chúng chẳng phải là Tâm pháp, cũng chẳng phải là Tâm Sở pháp, mà cũng chẳng phải là Sắc pháp, nhưng hư vọng sanh từ ba thứ pháp ấy (tức là sanh từ Tâm pháp, Tâm Sở pháp và Sắc pháp). Người hiện thời gọi chúng là gì? Nói thật ra, chúng là vọng tưởng, thuật ngữ hiện thời gọi chúng là một thứ khái niệm. Chúng có thật hay không? Chẳng có thật, nhưng có chuyện như thế, trọn chẳng có thật; đó là Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp. Các pháp ấy toàn là giả, toàn bộ chẳng phải là thật. Nói thật ra, Bất Tương Ứng Hành Pháp là quan niệm sai lầm, là cảm nhận sai lầm! Pháp chân thật có sáu thứ, gọi là Lục Vô Vi Pháp. Trong sáu pháp vô vi , năm món đầu gọi là Tương Tự Vô Vi, chẳng phải là Chân Vô Vi. Vì sao gọi chúng là Vô Vi? Vì chúng chẳng có sanh diệt. Chẳng hạn như hư không; do chẳng thấy hư không sanh diệt, nên hư không là pháp vô vi. Nó chẳng phải là pháp vô vi thật sự; vì sao chẳng phải là pháp vô vi thật sự? Nếu quý vị thật sự chứng quả, hư không cũng là bất khả đắc. Có thể thấy là trước khi quý vị thật sự khai ngộ chứng quả, nó vĩnh viễn có hình trạng như vậy. Sau khi đã thật sự chứng quả, sẽ khác hẳn. Quý vị thấy trong Chúng Đạo Ca, Vĩnh Gia Đại Sư đã nói: “Giác hậu không không vô đại thiên” (Giác rồi ba cõi rỗng toang hoang). “Giác” là đại triệt đại ngộ, đại thiên Thế Giới cũng chẳng có. Vì vậy,

giống như thời gian và không gian là những khái niệm sanh từ sự nhận biết sai lầm của chúng ta, chúng cũng chẳng phải là chân thật.

Hết thầy các pháp hữu vi là giả, phải nhận thức điều này. Sau khi đã thật sự nhận thức, sẽ có lợi ích rất to. Vì sao? Quý vị sẽ chẳng sanh phiền não, giả mà! Quý vị sẽ chẳng coi chúng là thật. Phàm phu ngỡ giả là thật, rồi khởi phân biệt, chấp trước trong ấy. Hết thầy đấu tranh, phiền não đều khởi từ đây, tạo nghiệp, chịu báo. Nếu quý vị hiểu chúng là giả, sẽ chẳng chấp trước, cũng chẳng tranh giành, quý vị mới có thể buông xuống vạn duyên. Những gì là thật? Tánh là thật. “Không” là nói đến Tánh. Đừng hiểu Không là chẳng có gì hết, nó có. Đã có, vì sao nói là Không? Mắt chẳng thấy, tai cũng chẳng nghe, tay cũng chẳng sờ được, nhưng nó thật sự có, chỉ đành phải dùng Không để đại diện cho nó. Chẳng hạn như trong kiến thức thông thường hiện thời, chúng ta biết có điện, điện có tồn tại hay không? Tồn tại! Ở chỗ nào? Căn phòng này chỗ nào cũng đều có điện. Nếu quý vị không tin, quý vị lấy radio loại sử dụng transistor đặt trong đó, vừa mở máy liền có tiếng vang ra, cho thấy điện tồn tại. Mắt chúng ta chẳng thấy, tai cũng chẳng nghe thấy, tay cũng chẳng sờ trúng, nhưng nó tồn tại, đành phải gọi nó là Không. Vì thế, đừng nên nói Không có nghĩa là Vô!

Tâm Kinh dạy chúng ta: “Sắc tức là Không, Không tức là Sắc. Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc”. Sắc là giả sắc. Sắc ở đây là nói tới Giả, Không ở đây là nói tới Chân. Không là tánh Không, Giả do đâu mà có? Từ trong Không biến hiện, từ tánh

Không biến hiện giả tướng. Vì bản tánh của nó là Không, nên tuy biến hiện giả tướng, mà giả tướng ấy “đương thể tức Không, liễu bất khả đắc” (Ngay nơi bản thể chính là Không, trọn chẳng thể đạt được); đó là chân tướng, là thật. Ở đây, Trí Giả Đại Sư bảo: “Kim dục khứ Tục quy Chân” (Nay muốn bỏ Tục trở về với Chân). Mục tiêu của người học Phật là phải bỏ Tục Đê, cũng tức là phải bỏ giả tướng để chứng đắc chân tánh. Không chỉ là Thiền Tông phải minh tâm kiến tánh, mà bất cứ tông nào hay Pháp Môn nào, mục tiêu cuối cùng đều là minh tâm kiến tánh. Người niệm Phật chúng ta niệm Phật chưa kiến tánh, được gọi là “đói nghiệp Vãng Sanh”, sanh về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới vẫn là minh tâm kiến tánh, chẳng có ngoại lệ. “Cổ ngôn tòng Giả nhập Không Quán, Giả thị nhập Không chi thuyên, tiên tu quán Giả” (Vì thế nói từ Giả nhập Không Quán, Giả là phương tiện để nhập Không, nên trước hết cần phải quán Giả). Trong Phật môn, Giả được gọi là “Phật sự”. Phật sự nương vào Giả để kiến lập, vì Chân chẳng có hình tượng, chẳng có dấu tích, nên chẳng thể kiến lập. Phật thị hiện thân tướng, thị hiện Đạo Tràng, thị hiện giảng Kinh, thuyết pháp, đều là sự tướng, điều đó được gọi là “tạ giả tu chân” (nhờ vào giả để tu chân), quý vị ắt phải ngộ chân tánh từ giả tướng, đó là đúng. Nếu quý vị chấp trước giả tướng ấy thì sai mất rồi! Chớ nên chấp trước giả tướng, phải ngộ chân tánh từ giả tướng. Nói cách khác, ngộ Phật Tánh bất sanh bất diệt từ trong pháp sanh diệt, nó cũng là tự tánh. Ngộ tự tánh bất sanh bất diệt, đó là

chánh xác. Do đó, phương pháp tu hành trong tông Thiên Thai là thực hiện từ chỗ này, trước hết cần phải quán Giả.

“Tri Giả hư vọng, nhi đắc hội Chân” (Biết Giả là hư vọng bèn thấu hiểu Chân). “Biết” là trí huệ, là Quán. Quán là Huệ, chẳng phải là cảm tình, chẳng phải là phân biệt, chấp trước. Nếu dùng phân biệt, chấp trước, dùng thức thứ sáu tức ý thức để nghiên cứu, sẽ chẳng gọi là Quán. Người ấy dùng Quán, chẳng dùng nghiên cứu, tức là dạy quý vị quyết định chẳng rơi vào phạm vi ý thức. Phải dùng trí huệ để quan sát, dùng tâm thanh tịnh để chiếu kiến, như vậy thì mới có thể hiểu chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Chân tướng là gì? “Tướng giả, Tánh chân” (Tướng là giả, Tánh là thật). Đó là chân tướng. Tướng thiên sai vạn biệt, nhưng Tánh là một. Có thể khế hội chân tướng sự thật này, cách nghĩ, cách nhìn (cách nhìn là kiến giải), và cách làm của người ấy sẽ tự nhiên giống như Phật, tự nhiên làm được cái gọi là “đại từ đại bi phổ độ chúng sanh”. Vì sao? Tình và vô tình vốn có cùng một Thể với chính mình. Tâm từ bi lưu lộ gọi là “vô duyên đại từ, đồng thể đại bi”. “Vô duyên” là chẳng có điều kiện, công đức trong bản tánh mới có thể hiển lộ. “Cổ ngôn Nhị Đế Quán, thử Quán nhược thành, tức chứng Nhất Thiết Trí dã” (Nên nói là Nhị Đế Quán. Nếu phép Quán ấy thành, liền chứng Nhất Thiết Trí). Nếu tu thành phép Quán ấy, sẽ hiểu rõ ràng, rành rẽ bản thể của vạn hữu trong vũ trụ, thật sự tìm được bản thể luận như các triết gia đã nói. A La Hán và Bích Chi Phật của Tiểu Thừa đều nhập cảnh giới này!

Lại xem đoạn thứ hai, “Thích Giả Quán” (Giải thích về Giả Quán). “Tùng Không nhập Giả Quán giả, nhược trụ u Không, dữ Nhị Thừa hà dị, bất thành Phật Pháp, bất ích chúng sanh. Thị cố quán Không, bất trụ u Không, nhi nhập u Giả” (Từ Không nhập Giả Quán là nếu trụ nơi Không thì có khác gì Tiểu Thừa, chẳng thành Phật Pháp, chẳng lợi ích chúng sanh. Vì thế, quán Không, nhưng chẳng trụ nơi Không, bèn nhập Giả). Trong phần trước là Không Quán. Không Quán đã thành tựu, biết vạn pháp như một, vạn pháp là một Thể, chẳng sanh chấp trước đối với hết thảy các pháp, chỉ nhập cảnh giới ấy. Nếu trụ trong cảnh giới ấy, sẽ là Tiểu Thừa. Nếu Bồ Tát tu Quán mà trụ trong cảnh giới ấy, chẳng khác gì Tiểu Thừa, chúng ta thường nói là “nhập Thiên Chân Niết Bàn”. Thiên là lệch vào một bên, bên nào? Bên Không, lệch sang bên Không, trụ trong Không. Trụ trong Không, sẽ chẳng có lợi ích gì cho chúng sanh. Vị ấy chẳng độ chúng sanh, nên cũng chẳng thành Phật Pháp. Phật Pháp là pháp giác ngộ, lệch vào một bên thì giác ở chỗ nào? Đối với hàng Tiểu Thừa, Phật Pháp miễn cưỡng nói ra một thứ Chánh Giác. So với kẻ bình phàm như chúng ta, các vị ấy đã thấy một ít chân lý, nhưng chỉ gọi là Chánh Giác, chẳng thể gọi là Chánh Đẳng Chánh Giác. Đẳng là bằng với Phật, họ (người Tiểu Thừa) chẳng bằng Phật. Phật thì như thế nào? Phật biết Không, nhưng chẳng trụ Không, còn Tiểu Thừa trụ Không. Phật đại từ đại bi, lợi ích hết thảy chúng sanh; họ chẳng lợi ích chúng sanh. Do họ chẳng lợi ích chúng sanh, nên chẳng thành Phật Pháp. Chư Phật Như Lai chẳng khen ngợi, chẳng cổ vũ, khích lệ người Tiểu Thừa, mà cổ vũ khích lệ họ hồi Tiểu hướng Đại, từ Không nhập Giả. Đã chứng đắc Không, từ

trong Không bèn quay lại, lại quay trở vào thế gian. Chẳng vứt bỏ những giả tướng, mà lợi dụng các giả tướng ấy để giúp đỡ vô lượng vô biên chúng sanh còn đang chấp trước, giúp họ giác ngộ, đó gọi là “phổ độ chúng sanh”. Nói theo sự thật, một đằng là bản thể, tánh thể, một đằng là hiện tượng. Hiện tượng là Giả Hữu, Tánh Thể là Chân Không.

Hết thấy chúng sanh, nếu chẳng phải là mê bên này, bèn mê bên kia. Lục đạo phàm phu mê nơi giả tướng, ngộ giả tướng là thật sự có, tâm luôn trụ nơi giả tướng. Do trụ nơi giả tướng, nên phải luân hồi trong lục đạo. Lục đạo luân hồi là giả tướng. Những vị A La Hán và Bích Chi Phật của Tiểu Thừa biết những tướng ấy là giả, nên chẳng cần đến chúng. Chẳng cần đến chúng thì sao? Trụ bên Không, trụ bên tánh Không. Trong tánh Không, thứ gì cũng chẳng có, tác dụng gì cũng chẳng có, nên Tiểu Thừa chỉ trụ trong tánh Không được gọi là “tự liễu hán” (Kẻ chỉ lo giải thoát cho riêng mình). Tuy trụ bên tánh Không, nhưng họ có thấu hiểu tánh Không rốt ráo hay chẳng? Vẫn chưa thể hiểu, nên gọi là Thiên Chân Niết Bàn (Niết Bàn lệch về phía Chân Đế). Phật và các vị đại Bồ Tát rất cao minh, các Ngài chẳng trụ vào hai bên, mà cũng chẳng chấp trước Không, cũng chẳng chấp trước Có, hai bên Không và Có đều chẳng trụ. Vì vậy, bất đắc dĩ đặt cho điều đó một danh từ là Trung Đạo. Chẳng lệch về bên nào, đấy mới là thật sự đạt được tác dụng to lớn của Không và Giả. Không có tác dụng của Không, Giả có tác dụng của Giả, nên mới có thể phát huy Không và Giả là đức dụng của Thể và Tướng

đến mức độ cao nhất. Chúng ta nói là đối với sự hưởng thụ, hạnh phúc, tự tại, người ấy đều đạt được viên mãn, chứ thiên lệch thì sẽ chẳng đạt được.

Chúng ta đọc đoạn văn kế tiếp: “Thị cố quán Không, bất trụ u Không, nhi nhập u Giả, tri bệnh thức dược, ứng bệnh thọ dược, linh đặc phục hành” (Do vậy, quán Không mà chẳng trụ vào Không, mà nhập Giả. Biết bệnh, biết thuốc. Ứng theo căn bệnh để cho thuốc, khiến cho người bị bệnh uống theo, hành theo). Ba câu này vô cùng khó khăn! Biết bệnh, biết thuốc là Huệ, tức là biết căn bệnh của chính mình, biết căn bệnh của chúng sanh, biết dùng phương pháp gì để đối trị, đó là trí huệ. Phương pháp gì có thể trị bệnh của chính mình, phương pháp gì có thể trị bệnh của chúng sanh, đó gọi là “biết bệnh, biết thuốc”. Căn bệnh của chúng ta đã được hiển lộ chẳng sót qua đức hiệu của Thích Ca Mâu Ni Phật. Căn bệnh thứ nhất là chẳng có chút xíu tâm từ bi nào, tự tư tự lợi, đó là cái gốc bệnh của chúng ta. Thứ hai là suy nghĩ loạn xạ. Vì thế, Thích Ca Mâu Ni Phật dùng danh hiệu để đối trị, Thích Ca dịch sang nghĩa tiếng Hán là Nhân Từ. Đó là loại thuốc một vị, nhằm đối ứng điều gì? Đối trị căn bệnh thiếu tâm từ bi của chúng ta, trị căn bệnh ấy. Mâu Ni dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tịch Diệt, có nghĩa là thanh tịnh, nhằm đối trị căn bệnh suy nghĩ loạn xạ của chúng ta. Phật, Bồ Tát chẳng có danh hiệu, vì chúng sanh bị bệnh mà chư Phật, Bồ Tát kiến lập danh hiệu. Danh hiệu của các Ngài là thuốc. Quý vị niệm danh hiệu ấy sẽ giống như uống thuốc, sẽ có thể trị lành bệnh. Nhưng quý vị phải biết đức dụng của danh

hiệu ấy! Niệm Thích Ca Mâu Ni Phật nhằm niệm cho ra tâm từ bi và tâm thanh tịnh của chính mình, bệnh của chúng ta liền được chữa khỏi. Nếu chẳng hiểu tác dụng của danh hiệu, hằng ngày niệm Nam Mô Thích Ca Mâu Ni Phật vẫn vô dụng, vẫn là suy nghĩ loạn xạ, vẫn là tự tư tự lợi y hệt, như vậy là vô dụng! Vì thế, danh hiệu của hết thầy chư Phật, Bồ Tát đều là những phương thuốc nhằm đối trị căn bệnh của chúng sanh.

“Ứng bệnh thọ dược” (Ứng theo căn bệnh mà cho thuốc) là quán cơ, tức là quan sát thấy căn cơ mỗi cá nhân khác nhau, chúng ta phải dùng phương pháp gì để đối trị. Đây chính là Đối Trị Tất Đản trong Tứ Tất Đản. Chúng ta biết căn bệnh của chính mình, cũng biết rất nhiều Phật Pháp, nhưng học Phật Pháp nhiều năm ngàn ấy mà vẫn chẳng dùng được. Căn bệnh của chúng ta chẳng nhẹ đi, phiền não chẳng giảm thiểu, trí huệ chẳng tăng trưởng, vẫn u mê, hồ đồ, đúng, sai, thiện, ác, tà, chánh đều chẳng hiểu rõ ràng. Phương pháp nhiều ngàn ấy, uống theo đúng toa thuốc mà chẳng thấy công hiệu, vấn đề này hết sức nghiêm trọng. Xét kỹ những lời dạy răn của cổ đức, suy nghĩ vẫn thấy các Ngài nói rất có lý: Bản thân chúng ta đã suy tưởng sai lầm! Cổ nhân dạy chúng ta tu hành, phải thực hiện từ phước huệ. Tu phước là tu như thế nào? Vì đại chúng mà làm việc. “Làm việc” trong Phật Pháp chính là làm những việc nặng nhọc nhằm phục vụ đại chúng, làm việc cho mọi người. Quý vị nghĩ xem: Lục Tổ ở núi Hoàng Mai tám tháng, giã gạo, bửa củi trong xưởng xay xát, đó là tu phước. Làm việc thay cho thường trụ, thay cho mọi người, chẳng ngại cực khổ, tu phước đấy nhé! Đồng thời, Ngài tu Huệ, Huệ là

huệ gì vậy? Huệ là Căn Bản Trí, Căn Bản Trí là vô tri, Bát Nhã vô tri. Vô tri là Căn Bản Trí, tức là tất cả hết thấy cách nghĩ, cách nhìn thấy đều buông xuống, khôi phục sự thanh tịnh trong tâm địa. Lục Tổ nói: “Vốn chẳng có một vật, nào sợ nhuốm bụi trần”, đó là Căn Bản Trí, khôi phục cái tâm thanh tịnh. Bất luận tại gia hay xuất gia, bất luận tu học tông phái hay Pháp Môn nào đều nên thực hiện từ chỗ này.

Đối với Tịnh Tông, đức Phật rất từ bi, đặc biệt dạy rõ cho chúng ta biết, Ngài nói Tam Phước. Tam Phước là cơ sở tu hành. Tam Phước là “hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự Sư Trưởng, từ tâm chẳng giết, tu mười thiện nghiệp”, tổng cộng gồm mười một câu được kiến lập trên cơ sở “hiếu thân, tôn sư” (hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy). Nói cách khác, học bắt đầu từ đâu? Học từ hiếu thân tôn sư. Hiếu thân tôn sư chẳng làm được thì từ tâm và mười thiện nghiệp cũng chẳng có, chẳng thể nào có được. Vì từ tâm, tu mười thiện nghiệp được kiến lập trên cơ sở hiếu thân tôn sư, làm sao quý vị có thể thành tựu cho được? Chẳng hiếu thuận cha mẹ, không nghe lời Sư Trưởng răn dạy, chẳng thể nào có thành tựu! Bất quá, trước kia có sư đạo, hiện thời rất khó, hiện thời tìm đâu ra thầy? Tìm thầy chẳng thấy! Thầy cũng chẳng tìm thấy học trò. Học trò chẳng nghe lời; chẳng nghe lời thì chẳng thể coi là học trò! Học trò phục tùng thầy một trăm phần trăm thì gọi là học trò. Chẳng nghe lời thầy, chẳng thể coi là học trò. Vì thế, hiện thời chẳng có sư đạo, đó là điều đáng đau buồn cho người trong thế hệ chúng ta. Chẳng có sư đạo thì hiếu đạo cũng chẳng có. Vì trong sự giáo học xưa kia, dạy quý vị tôn sư, nghe lời thầy răn dạy là

trách nhiệm của cha mẹ. Cha mẹ dạy quý vị tôn sư trọng đạo, thầy dạy quý vị hiếu thuận cha mẹ, đôi bên giúp nhau dạy dỗ. Nói chung, cha mẹ chẳng thể nói: “Mày là con tao, phải biết hiếu thuận với tao”. Con hỏi: “Vì sao con phải hiếu thuận với cha mẹ?” Nghẹn họng luôn! Thầy cũng chẳng thể nói: “Ta là thầy của các trò, các trò phải tôn trọng ta”, lời ấy cũng chẳng thể thốt ra được! Vì thế, những điều ấy đều phải do bên thứ ba nói. Cha mẹ hiện thời chẳng dạy quý vị tôn sư trọng đạo, thầy cũng chẳng dạy quý vị hiếu thuận cha mẹ, toàn thể cơ sở đã mất tiêu rồi, bị hủy hoại rồi. Đó là chỗ bi ai của người trong thế hệ này. Nói cách khác, đó là nguồn gốc căn bệnh!

Đã tìm được gốc bệnh thì mới biết đúng bệnh, làm thế nào để cứu chữa? Chúng ta làm bên thứ ba, chúng ta khuyên họ hiếu thuận cha mẹ, khuyên họ tôn sư trọng đạo: Quý vị học với vị thầy nào, hãy nghe lời vị thầy ấy. Trong một đời này, quý vị theo một vị thầy chẳng thể ít hơn năm năm. Nói thật ra, hạn độ thấp nhất phải nên là mười năm. Mười năm theo một thầy sẽ có thành tựu, nghe một vị thầy chỉ dạy. Quý vị nghe hai người dạy dỗ, sẽ có hai ý kiến, trở thành hai con đường. Quý vị thân cận ba vị thầy sẽ là đường ngã ba. Thân cận bốn vị thầy là ngã tư, chẳng biết học điều gì mới nên! Vị thầy này nói phương pháp này tốt, vị thầy kia nói phương pháp nọ hay, khiến cho quý vị chẳng biết theo đường lối nào, chẳng có cách nào tu tập! Do đó, theo một vị thầy là theo một đường lối. Vì sao chúng ta thân cận thiện tri thức? Thiện tri thức nhất định dạy: “Quý vị chỉ có thể nghe

theo ta. Ngoài ta ra, bất luận kẻ nào cũng chẳng thể nghe!” Nói như vậy nhằm ban cho quý vị một đường lối để noi theo. Quý vị lại nghe người khác giảng, sẽ là hai con đường! Không chỉ là hai con đường, mà sợ rằng người khác giảng khác với thầy, quý vị quay về vắn vẹo thầy: “Thưa thầy! Thầy nói như thế này, người kia nói như thế nọ?” Vẫn là trò cùng thầy hai bên ồn ào, âm ỉ, thành ra thể thống gì nữa?

Vì lẽ đó, từ xưa tới nay, quý vị đọc Cao Tăng Truyện hay Cư sĩ Truyện, thấy người ta học Phật hoặc học pháp thế gian đều theo một vị thầy. Học theo lời lẽ của một nhà, đó gọi là sư thừa! Đó là “ứng bệnh thọ dược” (thuận theo đúng bệnh mà cho thuốc), bảo cho kẻ ấy biết phương pháp. Tiếp đó là nói “linh đặc phục hành”, nghĩa là phải cố vũ, khích lệ khiến cho kẻ ấy nghiêm túc làm theo thì mới có thể đạt được hiệu quả, mới có thể thành tựu. “Thị cố tòng Không nhập Giả Quán, nhi ngôn bình đẳng giả, vọng tiền xưng bình đẳng, tiền phá Giả dụng Không, kim phá Không dụng Giả. Phá dụng ký quân, cố ngôn Bình Đẳng Quán. Thử Quán thành thời, chứng Đạo Chung Trí” (Vì thế, từ Không nhập Giả Quán, nhưng nói là “bình đẳng” là do đối ứng với những điều trước đó mà nói là “bình đẳng”. Trong phần trước, để phá Giả bèn dùng Không, nay để phá Không bèn dùng Giả. Phá và dùng đã quân bằng, nên nói là Bình Đẳng Quán. Khi phép Quán này thành tựu, bèn chứng Đạo Chung Trí). Đạo Chung Trí là sở chứng của Đại Thừa Bồ Tát. Điều quan trọng nhất trong đoạn này là “tri bệnh thức dược, ứng bệnh thọ dược, linh đặc phục hành” (biết bệnh, biết thuốc, ứng theo căn bệnh mà cho thuốc, khiến

cho người ấy uống vào, hành theo). Ba câu ấy vô cùng trọng yếu! Trong lời chú giải của Tôn Giả Tứ Minh cũng có nói tỉ mỉ, chư vị tự đọc sẽ biết.

Chúng ta lại xem đoạn tiếp theo trong trang bốn mươi sáu. Xem phần Thích Trung Quán (giải thích về Trung Quán). “Nhị Không vi phương tiện giả, sơ quán Không sanh tử, thứ quán Không Niết Bàn” (Nhị Không làm phương tiện: Trước hết là quán Không sanh tử, rồi quán Không Niết Bàn). Hai loại Quán này có công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Phép Quán đầu tiên là quán Giả, có thể liễu sanh tử, biết sanh tử trọn chẳng thể được. Kế đó là Quán Không, Niết Bàn vốn cũng trọn chẳng thể được. Niết Bàn là do sanh tử mà kiến lập, chẳng có sanh tử thì lấy đâu ra Niết Bàn? Hai thứ ấy được kiến lập tương đối, chẳng có bên này thì bên kia cũng chẳng có. Đây là giảng rõ vì sao Phật và Bồ Tát chẳng trụ trong sanh tử, chẳng trụ trong Niết Bàn, đôi bên đều chẳng có! “Thử chi Nhị Không, vi song giá chi phương tiện” (Hai thứ Không ấy chính là phương tiện nhằm ngăn dứt quan niệm có hai bên), có thể thấy đây là phương tiện môn. “Thử chi nhị dụng, vi song chiếu chi phương tiện” (Hai tác dụng ấy chính là phương tiện để cùng chiếu cả hai bên). “Song giá” là hai bên đều rời khỏi, hai bên sanh tử và Niết Bàn đều chẳng trụ. “Song chiếu” là hai bên sanh tử và Niết Bàn đều cùng dùng, ta đồng thời đều dùng. Giống như trong Kinh Phật đã nói: “Độ vô lượng vô biên chúng sanh”, đó là dùng Giả. “Nhi thật vô chúng sanh đặc độ giả” (Nhưng thật sự chẳng có chúng sanh đặc độ), đó là dùng Không. Các

Ngài dùng cả hai bên, nên mới thành tựu công đức viên mãn chẳng thể nghĩ bàn. Đó là phương tiện Song Chiếu. “Tâm tâm quy thú nhập Tát Bà Nhã hải” (Tâm luôn quy hướng về biển Nhất Thiết Chủng Trí), Tát Bà Nhã (Sarvajñā) là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán là Nhất Thiết Chủng Trí. Quả đức Như Lai trí huệ viên mãn, sánh ví như biển cả, dùng chữ Biển nhằm hình dung sự sâu rộng. “Song chiếu Nhị Đế đã, thử quán thành thời, chứng Nhất Thiết Chủng Trí, thị vi Thứ Đệ Tam Quán đã” (Cùng chiếu cả Chân Đế và Tục Đế. Khi phép Quán này thành tựu, bèn chứng Nhất Thiết Chủng Trí, đó là Thứ Đệ Tam Quán). Đó là sở chứng nơi quả địa của Phật. Đây là giảng về Không Quán.

Trong chú giải có mấy câu, chúng ta đọc một lượt. Nơi trang bốn mươi bảy, dòng thứ nhất, chúng ta xem từ đó. “Trung Đạo chi quán, đế quán bất nhị” (Phép quán Trung Đạo, quán bất nhị chắc thật), Đế là Đế Thật, tức là nghiêm túc tu học. “Hoặc Trí nhất như” (Hoặc và Trí giống như nhau). Hoặc là vô minh, phiền não; Trí là trí huệ Bát Nhã. Tương khác nhau! Tương của phiền não và Bồ Đề khác nhau, tương của ngu si và thông minh khác nhau, nhưng Thể giống nhau. Thể đã là giống nhau, trên thực tế chúng là một, nhưng một đẳng là giác, một đẳng là mê. Nói thật ra, giác và mê cũng trọn chẳng thể được. Ý nghĩa này càng giảng càng sâu, càng giảng càng huyền, chẳng dễ hiểu cho lắm, nhưng đó là chân tướng sự thật. “Tam Quán viên dung, thị vô tác hạnh, cố đắc tự nhiên nhập Tát Bà Nhã. Thử Quán chi quả, danh Nhất Thiết Chủng Trí,

vị tại Sơ Địa” (Tam Quán viên dung, là hạnh vô tác, nên tự nhiên nhập vào Tát Bà Nhã. Quả của phép Quán này được gọi là Nhất Thiết Chung Trí, thuộc vào địa vị Sơ Địa). Sơ Địa của Biệt Giáo và Sơ Trụ của Viên Giáo. Kể từ các địa vị ấy, Đại Thừa Phật Pháp gọi sự tu hành của họ là “vô công dụng đạo”. Vì sao? Hoàn toàn chẳng dùng tâm ý thức, liả khỏi hết thấy phân biệt, chấp trước, khởi tâm động niệm đều chẳng có. Từ đó về sau, bốn mươi một phẩm vô minh tự nhiên đoạn trừ, chẳng còn khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm là phiền não. Do đó, địa vị này là Niệm Bất Thoái, địa vị kể từ Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên.

Những điều vừa nói trên đây đều là Thứ Đệ Tam Quán. Loại sau đó là đối với người căn tánh hết sức nhạy bén, chẳng cần theo thứ tự, nhất tâm bèn tam quán, thành tựu nhanh chóng. “Nhất Tâm Tam Quán, tư nãi xứng tánh nhi quán, tuyệt đãi nhi chiếu, cái nhất thiết pháp, vô phi tam đức, như Y tự tam điểm” (Nhất Tâm Tam Quán chính là xứng tánh để quán, dứt bật đối đãi mà chiếu soi, bởi lẽ hết thấy các pháp, không gì chẳng phải là ba đức, như ba chấm trong chữ Y). Đây là một chữ cái trong tiếng Phạn Ấn Độ, cách viết chữ cái ấy là ba chấm (), phát âm là Y, là một trong bốn mươi hai chữ cái của tiếng Phạn. “Tam bất cô lập, nhất nhất viên cụ, cử nhất tức tam, nãi dĩ Tam Đức nhi vi Tam Đế” (Ba điều ấy chẳng cô lập, mỗi một điều đều đầy đủ trọn vẹn. Nêu lên một điều chính là ba, tức là dùng Tam Đức để thành Tam Đế). Chúng ta chỉ xem mấy câu này. Vì sao có Nhất Tâm Tam Quán? Nhất Tâm Tam Quán được kiến lập trên lý luận như thế nào? Nói thật ra, tự tánh là viên dung,

trong tự tánh chẳng có giới hạn. Chúng ta chia nó thành từng tầng cấp là vì chúng ta mê quá sâu, do mê mà phân chia. Nói theo tự tánh, há có tầng cấp nào để noi theo? Đó là căn cứ lý luận của Nhất Tâm Tam Quán. Vì vậy, Nhất Tâm Tam Quán là xứng tánh khởi tu, toàn thể tu là tánh. Ở đây, đã giải thích là “xứng tánh đề quán”.

“Tuyệt đãi nhi chiếu” (Dứt bật đối đãi để chiếu), “đối đãi” tức là tương đối. Phàm phu chúng ta mê muội đã lâu, tập khí quá sâu, khởi tâm động niệm đều vương nơi tương đối. Ông Ái Nhân Tư Thản (Albert Einstein) lập ra thuyết Tương Đối Luận (general theory of relativity), chúng ta sống trong không gian tương đối, trong một Thế Giới tương đối, chỉ cần khởi lên một ý niệm, nhất định sẽ có một ý niệm khác đối nghịch. Chúng ta nghĩ đến cái lớn thì tương phản với cái lớn là một cái bé. Nghĩ đến dài sẽ có cái tương phản với dài là ngắn. Nghĩ đến ta sẽ có cái đối lập với ta là người khác, luôn luôn là tương đối! “Tuyệt đãi” là lìa khỏi tương đối. Do lìa khỏi tương đối, nên bất đắc dĩ miễn cưỡng gọi là “nhất tâm”. Nói thật ra, hề là “nhất” thì đối lập với một sẽ là nhiều, nên thật sự là bất đắc dĩ mới nói như vậy. Nếu nói lời thật với quý vị sẽ là “ngôn ngữ dứt bật, tâm hành xứ diệt”, “mở miệng liền trật, động niệm đã sai”, đạt tới tuyệt đãi! Tuyệt đãi thì không chỉ là chẳng thể mở miệng, mà dấy lên ý niệm cũng chẳng được! Thật sự đạt đến cảnh giới ấy, quý vị nghĩ xem: Tâm thanh tịnh, trong tâm chẳng sanh một niệm. Cái tâm “một niệm chẳng sanh” là thanh tịnh, tâm là định, tự nhiên có thể chiếu khắp hư không pháp giới, tự nhiên có thể chiếu quá khứ lẫn vị lai. Chúng ta nói là

“Thần thông”, thật ra đó là bản năng, tức năng lực vốn sẵn có. Quá khứ, hiện tại, cõi này, phương khác, chẳng có gì không hiểu rõ. Chỉ cần quý vị có thể ngưng dứt hết thấy phân biệt, chấp trước và khởi tâm động niệm, năng lực ấy liền hiện tiền. Chuyện này phải luyện tập, công phu ấy là phải làm như thế nào để ngưng dứt tập khí từ vô thủy kiếp tới nay.

“Cái nhất thiết pháp, vô phi Tam Đức” (Ấy là vì hết thấy các pháp, không gì chẳng phải là ba đức): Hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, không gì chẳng phải là Pháp Thân, không gì chẳng phải là Bát Nhã, không gì chẳng phải là Giải Thoát. Nay chúng ta gọi Giải Thoát là “tự do tự tại, chẳng bị ràng buộc”, đúng là pháp nào cũng đều là như vậy. Tiếp đó, nêu tỷ dụ. Đại Sư dùng ba chấm trong chữ Y của tiếng Phạn để tỷ dụ Tam Đức. Hễ nói tới Pháp Thân, tất nhiên có Bát Nhã và Giải Thoát. Nói tới Bát Nhã, nhất định có Pháp Thân và Giải Thoát. Một chính là ba, ba chính là một. Chẳng thể nói trợ trợ một đức nào trong Tam Đức, chẳng thể nào! Hễ có một, sẽ nhất định có cả ba. Do đó nói: “Nhất nhất viên cụ” (Mỗi một điều đều đầy đủ trọn vẹn), Viên là viên mãn, Cụ là trọn đủ. Pháp Thân trọn đủ viên mãn Bát Nhã và Giải Thoát. Giải Thoát trọn đủ viên mãn Pháp Thân và Bát Nhã. Nêu lên một, bèn chính là ba. Đây chính là dùng Tam Đức để làm Tam Đế. Tam Đế (Không, Giả, Trung) là cảnh giới được quán bởi chúng ta. Tiếp theo đó, sách viết: “Tức ư nhất tâm, nhi tu Tam Quán, thử chi quán pháp, Năng Sở song tuyệt” (Liên từ ngay trong nhất tâm mà tu Tam Quán. Trong pháp quán

này, Năng và Sở cùng mất). Nay chúng ta dùng phương pháp gì để tu pháp Quán này? Thưa cùng quý vị, Đại Kinh đã nói: “Phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm”, nói thật ra, đó là Nhất Tâm Tam Quán. Khi đó, tùy thuộc quý vị dùng cái tâm nào? Nếu tâm quý vị thật sự chuyên nhất, khi ta niệm một câu Phật hiệu, chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước. Niệm câu Phật hiệu rành mạch, từng chữ phân minh, từ trong tâm sanh ra, niệm ra đằng miệng, nghe lọt vào tai, đó là Nhất Tâm Tam Quán. Nếu khởi tâm động niệm, ta niệm Phật thì hôm nay phải niệm một vạn câu hay hôm nay ta phải niệm năm ngàn câu, đó là Thứ Đệ Tam Quán, vì sao? Quý vị đã khởi tâm động niệm. Thứ Đệ và Nhất Tâm, chính mình phải phân biệt thật rõ ràng!

Người tu Nhất Tâm Tam Quán trong cuộc sống hằng ngày, xử sự, đãi người, tiếp vật, đều phải học chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, vĩnh viễn gìn giữ tâm địa thanh tịnh quang minh. Khi người khác đến, chúng ta đối đãi với người ấy bèn thuận theo sự chấp trước của người ấy mà chấp trước, thuận theo sự phân biệt của người ấy mà phân biệt. Đó là Thể Dụng như như. Trong tự tánh chẳng có phân biệt, chấp trước, đó là dùng Không. Chính mình dùng Không, nhưng đối với người khác, để đối đãi với họ bèn dùng Giả. Hai bên Không và Giả đều dùng, song chiếu, song giá ngay trong một niệm. Vì lẽ đó, Quán Kinh đã giảng rõ tỉ mỉ lý luận và phương pháp niệm Phật. À! Hôm nay chúng tôi giảng đến chỗ này!

TẬP 9

Xin mở Kinh bốn, trang bốn mươi tám, dòng thứ hai. Đây là dựa theo Đại Trí Độ Luận để giải thích Nhất Tâm Tam Quán:

“Nhất Tâm Tam Quán giả, thử xuất Thích Luận. Luận vân, Tam Trí thật tại nhất tâm trung đắc. Chỉ nhất quán nhi tam quán, quán ư Nhất Đế nhi Tam Đế. Cố danh Nhất Tâm Tam Quán, loại như nhất tâm, nhi hữu sanh, trụ, diệt, như thử tam tướng, tại nhất tâm trung. Thử quán thành thời, chứng nhất tâm tam trí, diệt danh Nhất Thiết Chủng Trí, tịch diệt tướng, chủng chủng hành, loại, tướng mạo, giai tri dã. Tịch diệt tướng giả, thị song vong chi lực. Chủng chủng hành loại tướng mạo giai tri giả, song chiếu chi lực dã” (Nhất Tâm Tam Quán xuất phát từ Thích Luận. Luận dạy: “Thật ra, Tam Trí do từ nhất tâm mà đắc. Chỉ là một phép Quán mà thành Tam Quán, quán nơi một Đế mà trọn Tam Đế. Vì vậy, gọi là Nhất Tâm Tam Quán”. Giống như nhất tâm mà có ba tướng là sanh, trụ, diệt như thế trong nhất tâm. Khi phép Quán này thành, sẽ chứng nhất tâm tam trí, còn gọi là Nhất Thiết Chủng Trí, tướng tịch diệt, các thứ hạnh loại, tướng mạo đều biết. Tướng tịch diệt là do sức song vong. Các thứ hành loại, tướng mạo đều biết là do sức của song chiếu vậy). Đoạn văn này do Long Thọ Bồ Tát giảng trong Đại Trí Độ Luận. Nhất Tâm Tam Quán là Pháp Môn cũng như phương pháp tu học thù thắng nhất; nhưng trước hết, phải biết Thật Tướng của vũ trụ và nhân sinh thì mới có thể khởi lên Nhất Tâm Tam Quán. Trong đoạn này, cuối

cùng đã nói rất rõ ràng, cũng là nhằm giải thích vì sao người ấy có thể thành tựu ba trí. Ba trí là Nhất Thiết Trí, Đạo Chứng Trí, và Nhất Thiết Chứng Trí. Nói cách khác, trí huệ Bát Nhã trong bản tánh đã thấu lộ viên mãn. Vì tâm pháp và sắc pháp, nay chúng ta gọi là tinh thần và vật chất, cho đến toàn thể hư không pháp giới, đều từ nhất tâm biến hiện. Đó là sự thật, mà cũng là căn cứ lý luận của Nhất Tâm Tam Quán. Nói thật ra, tâm chỉ là một, há có tam tâm, nhị ý? Tam tâm, nhị ý là hư vọng. Cớ sao biến thành hư vọng? Do có phân biệt, chấp trước. Hễ khởi lên phân biệt, chấp trước, sẽ biến thành vô lượng vô biên. Lìa khỏi hết thấy phân biệt, chấp trước, tâm ấy là nhất tâm. Nhất tâm trọn đủ hết thấy các pháp; Tam Đế và Tam Quán là hết thấy các pháp được cô đọng lại.

Tam Quán (Không Quán, Giả Quán, Trung Quán) là Năng Quán (chủ thể thực hiện sự quán tưởng), Tam Đế (Chân Đế, Tục Đế và Đệ Nhất Nghĩa Đế) là Sở Quán (đối tượng được quán), Năng và Sở là một, không hai. Nói đơn giản, tâm Năng Quán là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là tướng tịch diệt, có tác dụng Chiếu Kiến. Đoạn văn này đã giảng ý nghĩa ấy rất viên mãn, nói rất hay, nhưng Kinh Văn rất ngắn. “Tịch diệt tướng giả, thị song vong chi lực” (Tướng tịch diệt là do sức của song vong), “vong” là lìa khỏi, mà cũng là “chân tâm lý thể chẳng lập một pháp”. Lục Tổ nói “vốn chẳng có một vật”, đó là chân tâm. Chân tâm là nhất tâm. Hễ có một vật, sẽ chẳng phải là chân tâm, mà biến thành vọng tâm. Vì vậy, trong chân tâm chẳng thể có mảy may vật gì trong ấy. Chân, giả, tà, chánh, đúng, sai, thiện, ác đều là Nhị. Nay chúng ta nói “song” là

tương đối. Nếu triệt để lìa khỏi tương đối thì sau đó, hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian không gì chẳng biết, không gì chẳng thể. Điều này được diễn tả là “chúng chúng hành, loại, tướng mạo giai tri” (các thứ hành, loại, tướng mạo đều biết). Vì sao đều biết? Do tâm thanh tịnh khởi tác dụng giác chiếu, đó là Chiếu Kiến. Điều này nhằm phân biệt rõ: Chẳng phải là tình kiến, mà là Chiếu Kiến.

Thật ra, Nhất Tâm Tam Quán là pháp tu của bậc thượng thượng căn, kẻ bình phàm chẳng có cách nào tu tập pháp này được. Kẻ bình phàm chỉ đành nương theo Thứ Độ Tam Quán để tu tập; Nhất Tâm Tam Quán dành cho bậc thượng thượng căn. Trong Pháp Môn Tịnh Tông, Đại Kinh dạy “phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm”; thưa cùng quý vị, “một mực xưng niệm” là Nhất Tâm Tam Quán. Vì sao? Vì cái tâm năng niệm là Thỉ Giác, Phật hiệu được niệm là Bản Giác; Thỉ Giác và Bản Giác đều trọn đủ viên mãn Tam Đế và Tam Quán, những kẻ niệm Phật bình phàm như chúng ta chẳng biết chuyện này! Vì lẽ đó, không riêng gì các vị Tổ Sư đại đức từ xưa đã tán thán Trì Danh niệm Phật, mà chư Phật, Bồ Tát cũng đều tán thán. Ai cũng đều có thể tu, nhưng chẳng biết pháp được tu ấy chính là Pháp Môn viên mãn rốt ráo. Dầu hoàn toàn chẳng thông đạt giáo lý, chỉ cần có thể thật thà niệm Phật, niệm đến lúc kha khá sẽ đắc Định. Niệm đến khi phiền não chẳng thể dấy lên hiện hành, sẽ thành tựu Niệm Phật tam muội; bất tri bất giác tự nhiên thành tựu tam muội, chẳng cần quyết ý tu tập. Đó gọi là “nước chảy thành khe

suối”, tự nhiên thành tựu. Sau khi thành tựu tam muội, vẫn tiếp tục niệm, niệm đến một mức độ kha khá, sẽ hoát nhiên khai ngộ, giống như Đại Thế Chí Bồ Tát đã dạy: “Bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai” (Chẳng nhờ vào phương tiện mà tâm được mở mang). Tâm khai bèn kiến tánh, Nhất Tâm Tam Quán liền đạt được, liền viên mãn. Vì vậy, Pháp Môn này đúng là chẳng thể nghĩ bàn, vượt trội hết thảy các Pháp Môn. Tu tập dễ, thành công cao! Nói thông thường, Nhất Tâm Tam Quán là sự chứng đắc viên đôn của Bồ Tát và Phật, nào ngờ lũ phàm phu chúng ta cũng có thể tu Pháp Môn viên mãn, rốt ráo dường ấy. Vì lẽ đó, sau khi chư vị đọc bộ Kinh này, biết chân tướng sự thật này, chúng ta mới chịu khăng khăng một mực thật thà niệm Phật. Đối với người tu Tịnh Độ chúng ta, bản Kinh này có công hiển lớn nhất, dạy chúng ta hãy khăng khăng thật thà niệm Phật.

Chúng ta lại lật qua xem trang năm mươi, dòng thứ ba đếm từ dưới lên: “Thử Quán vi diệu, tức nhất nhi tam, tức tam nhi nhất. Nhất quán, nhất thiết quán. Nhất thiết quán, nhất quán. Phi nhất, phi nhất thiết. Như thử chi quán, nhiếp nhất thiết quán dã” (Phép Quán này vi diệu, một chính là ba, tuy ba mà một. Quán một là quán hết thảy, quán hết thảy chính là quán một. Chẳng phải là một, chẳng phải là hết thảy. Phép Quán như thế gồm trọn hết thảy các phép Quán). Nói thật ra, câu này đã nói theo Kinh Hoa Nghiêm, “một chính là hết thảy, hết thảy chính là một, một chính là vô lượng, vô

lượng chính là một”, có ý nghĩa ấy. Vì lẽ đó, cổ đức xưng tụng một câu Di Đà là “vạn đức hồng danh”. Vạn là hết thảy, là vô lượng, bốn chữ A Di Đà Phật là một. Trong một có vô lượng, vô lượng là một, toàn bộ đều kết quy vào danh hiệu. Nếu xét theo ý nghĩa rõ rệt của Kinh này thì “một” là nói đến Nhất Tâm Tam Quán, “hết thảy” là mười sáu phép Quán được giảng trong Kinh này. Mỗi phép Quán trọn đủ mười sáu phép Quán, mười sáu phép Quán có thể dung nhiếp trong một phép Quán. Bất cứ phép Quán nào trong mười sáu phép Quán đều trọn đủ mười lăm phép Quán kia, chẳng có điều nào là ngoại lệ! Trong mười sáu phép Quán, thực hiện dễ dàng nhất là phép Quán thứ mười sáu dạy về Trì Danh niệm Phật, nói chung, chúng ta tu tập trì danh niệm Phật chẳng gặp vấn đề gì! Mỗi phép Quán đều nhiếp trọn vẹn mười lăm phép Quán kia. Vì vậy, quý vị quán Vô Lượng Thọ Phật thì cũng nhiếp mười lăm phép Quán kia. Quý vị quán Nhật Quán, quán Thủy Quán, cũng nhiếp mười lăm phép Quán kia, nhưng các phương pháp Quán ấy rất khó thành tựu, vì cảnh vi tế, tâm chúng ta thô lậu, quán chẳng thành tựu. Đối với phương pháp Trì Danh này, tâm thô cũng chẳng sao cả, vẫn có thể dụng công, vẫn có thể đắc lực, vẫn đầy đủ mười lăm phép Quán kia y hệt. Đó gọi là “một tu, hết thảy tu; hết thảy tu, một tu”.

Chúng ta đã hiểu rõ ràng đạo lý này, chẳng còn nghi hoặc. Vì thế, trong Pháp Môn niệm Phật thường nói: “Chẳng hoài nghi, chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp”. Đối với chuyện chẳng hoài nghi thì do chẳng hiểu

rõ bèn có hoài nghi. Tự nói “chẳng hoài nghi”, nhưng nói thật ra, chính mình thật sự hoài nghi, chưa hiểu rõ ràng. Nếu thật sự chẳng hoài nghi, bản thân người ấy nhất định sẽ khẳng khẳng một mực tu tập, hành trì. Nếu chính kẻ ấy vẫn chẳng chịu hành, có thể thấy là kẻ ấy vẫn chưa hiểu rõ, chắc chắn là hoài nghi! Đối với chuyện này, học theo cách nói ngoài miệng của kẻ khác dễ dàng, nhưng nếu muốn lý giải nghĩa chân thật trong ngôn ngữ sẽ chẳng dễ! Kinh Diễn toàn là lời lẽ của Phật, chúng ta niệm niệm học hiểu những lời lẽ ấy, nhưng trong bài kệ Khai Kinh có câu “nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”, mấy ai biết nghĩa chân thật ấy? Khó lắm! Ý nghĩa của tôi quý vị chẳng biết, ý nghĩa của quý vị tôi chẳng biết, làm sao biết ý nghĩa chân thật của Như Lai? Nhưng Kinh dạy chúng ta nguyên tắc sau đây, nương theo nguyên tắc ấy, chúng ta có thể hiểu nghĩa chân thật của Như Lai, mà cũng biết tâm ý của hết thầy chúng sanh. Chỉ cần tâm quý vị thanh tịnh thì sẽ biết. Vì hết thầy các pháp thế gian và xuất thế gian đều sanh từ tâm thanh tịnh. Tâm sanh thì mọi pháp sanh. Nếu quý vị tìm được chân tâm, chân tâm khởi tác dụng, tận hư không khắp pháp giới quý vị đều biết. Vì thế, Kinh Vô Lượng Thọ nói người trong Tây Phương Cực Lạc Thế Giới ai nấy đều có năng lực sau đây: Hết thầy chúng sanh trong mười phương Thế Giới trong tâm nghĩ tưởng điều gì họ đều biết. Phàm phu chúng ta thấy năng lực ấy là Thần thông, Thần thông ấy do đâu mà có? Từ tâm thanh tịnh mà có. Vì thế, chư vị đồng tu phải biết: Toàn thể cương lĩnh và nguyên tắc tu hành được giảng trong Phật Pháp là tâm thanh tịnh; không đổ công đổ sức nơi đó thì trật mất rồi!

Tiếp theo đó là giải thích chữ Vô Lượng Thọ. Đây là đoạn chủ yếu nhất trong đề mục bộ Kinh này, hãy xem trang năm mươi một, dòng thứ năm từ dưới đếm lên. “Tứ thích Vô Lượng Thọ, chánh thị Tam Quán sở quán cảnh dã. Tiền minh Tam Quán, thả dĩ Tam Đức, Tam Nhân, nhi vị đế cảnh. Cái thị sở quán dung tức, dụng hiển năng quán tuyệt diệu. Tu tri tánh trung Tam Đức, Thễ thị chư Phật tam thân, tức thử Tam Đức tam thân, vi ngã Nhất Tâm Tam Quán, diệt khả Di Đà tam thân, dĩ vi Pháp Thân, ngã chi Tam Quán, dĩ vi Bát Nhã. Quán thành kiến Phật, tức thị Giải Thoát” (Bốn là giải thích từ ngữ Vô Lượng Thọ, đó chính là cảnh được quán bởi Tam Quán. Tam Quán như đã được nói trong phần trước, lại còn lấy Tam Đức và Tam Nhân làm cảnh để quán chắc thật. Ấy là vì cảnh được quán dung thông, chính là lẫn nhau, dùng điều đó để hiển thị sự tuyệt diệt của Năng Quán. Cần phải biết Thễ của Tam Đức trong Tánh là ba thân của chư Phật, dùng ngay Tam Đức và Tam Thân làm Nhất Tâm Tam Quán của ta. Cũng có thể lấy ba thân của Phật Di Đà làm Pháp Thân, lấy Tam Quán của ta làm Bát Nhã. Quán thành tựu sẽ thấy Phật, đó chính là Giải Thoát). Chúng ta chỉ xem đoạn này. Phần trước đã nói nhiều như vậy, nhằm giảng rõ Năng Quán và Sở Quán là gì. Phải hiểu rõ ý nghĩa của Năng Quán và Sở Quán, cảnh giới vô cùng nhiều, chúng ta quán cảnh giới nào là tốt nhất? Trong mười sáu phép Quán, A Di Đà Phật là chủ, nói A Di Đà Phật thì y báo và chánh báo trang nghiêm trong Thế Giới Tây Phương đều được bao gồm. Vì thế, tựa đề Kinh này đã lấy phép trọng yếu nhất trong mười

sáu phép Quán là quán tướng Vô Lượng Thọ Phật. Ngài chẳng nói Phật Thuyết Quán Nhật Quán Kinh, quý vị nói như vậy cũng được; mà Phật Thuyết Quán Thủy Quán Kinh hoặc trong mười sáu phép Quán tùy tiện chọn lấy một phép Quán nào để đặt tên Kinh cũng đều được! Ngài chẳng dùng mười lăm tên gọi kia, mà lấy phép Quán thứ chín, phép Quán thứ chín là quán Vô Lượng Thọ Phật, nên tựa đề Kinh là Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Chư vị phải biết: Mười sáu phép Quán tùy tiện chọn lấy một pháp nào để tu tập đều được; tuy vậy, trong mười sáu phép ấy, A Di Đà Phật là chủ, là trọng yếu nhất. Thế nhưng chư vị phải hiểu: Trong mười sáu phép Quán, quán A Di Đà Phật khó nhất, chẳng dễ dàng nhất. Vì thế, đề mục Kinh nêu ra điều này, trên thực tế là để khuyên chúng ta trì danh, niệm danh hiệu A Di Đà Phật. A Di Đà Phật là Vô Lượng Thọ Phật. Niệm danh hiệu Ngài, chẳng cần phải tướng tướng hảo và quang minh của Ngài. Chúng ta chẳng thể tướng tướng hảo và quang minh của Ngài được, tướng thế nào cũng tướng chẳng ra. Ý nghĩa là ở chỗ này!

Điều quan trọng trong câu này là “Di Đà tam thân”, tức là Pháp Thân, Báo Thân, và Ứng Thân của A Di Đà Phật. Nói thật ra, ba thân là một thân, một mà ba, tuy ba mà một, nên mới nói “dĩ vi Pháp Thân” (dùng làm Pháp Thân), tức là Pháp Thân Lý Thể của chính chúng ta. Nay đối với Tam Quán, chúng tôi vừa thưa cùng quý vị: Cái tâm Năng Niệm trong niệm Phật là Nhất Tâm Tam Quán, đức Phật được niệm là Nhất

Tâm Tam Đế. Tam Quán của chúng ta là Bát Nhã, những điều được nói ở đây đều tương ứng với lời dạy của cổ đức. Cổ nhân nói: Tâm năng niệm là Thỉ Giác, đức Phật được niệm là Bản Giác. Thỉ Giác và Bản Giác đều là Bát Nhã. “Quán thành kiến Phật” (Quán thành tựu sẽ thấy Phật): Công phu thành tựu sẽ đạt được Giải Thoát, Giải Thoát là tự tại, trong tự tại bao gồm cả Thần thông. Mắt chúng ta chẳng thể thấy khắp pháp giới, tai ở nơi đây chẳng thể nghe thấu âm thanh thuyết pháp của Tây Phương Cực Lạc Thế Giới A Di Đà Phật thì chưa thể coi là giải thoát. Lục Thông trọn đủ mới là tự tại. Trong tâm quý vị khởi tâm động niệm, tôi đều biết, đó là Giải Thoát. Nói cách khác, bản năng (năng lực sẵn có) trong tự tánh hoàn toàn khôi phục; đó là Giải Thoát.

Tiếp đó, lời Sớ giải thích danh hiệu Vô Lượng Thọ nơi hàng thứ hai trong trang năm mươi hai. Vô Lượng Thọ là gì? “Vô Lượng Thọ giả, Thiên Trúc xưng A Di Đà” (Vô Lượng Thọ được người Thiên Trúc gọi là A Di Đà). Thiên Trúc (Sindhu) là nói tới người Ấn Độ. Tiếng Phạn là A Di Đà, dịch sang tiếng Hán thành Vô Lượng Thọ. Nếu thật sự chiếu theo tiếng Phạn để dịch, thì A là Vô, có nghĩa là không có, Di Đà là Lượng. A Di Đà có ý nghĩa thật sự là Vô Lượng. Trong Vô Lượng, bao hàm ý nghĩa vô cùng sâu rộng, chỉ nêu đơn giản mấy thí dụ để nói: Vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tài nghệ, vô lượng phước báo, vô lượng thọ mạng, thứ gì cũng đều là vô lượng, đúng là vô lượng vô biên. Trong hết thảy các thứ vô lượng, điều gì quan trọng nhất? Thọ mạng quan trọng nhất. Nếu chẳng có thọ mạng, tất cả những thứ vô lượng khác

đều rộng tuếch! Ví dụ như nói quý vị có vô lượng của cải, báu vật, nhưng chẳng có thọ mạng, tiền tài, báu vật để cho người khác dùng, bản thân quý vị chẳng sử dụng được! Vì lẽ đó, trong hết thảy các thứ vô lượng, khẩn yếu nhất là vô lượng thọ. Do có vô lượng thọ, chính mình mới có thể thật sự hưởng thụ hết thảy các thứ vô lượng. Chẳng có vô lượng thọ, những thứ vô lượng khác hoàn toàn vô ích, đều chẳng phải là vô lượng thật sự! Vì thế, A Di Đà được dịch thành ý nghĩa chủ yếu là Vô Lượng Thọ. Danh hiệu A Di Đà tuyệt đối chẳng phải là chỉ có một ý nghĩa là Vô Lượng Thọ, chư vị phải biết: Ý nghĩa của danh hiệu ấy chẳng thể nói trọn hết, trọn hết kiếp vẫn nói chẳng tận.

Tiếp theo đó, nêu ra chân tướng: “Phật bốn vô thân, vô thọ, diệt vô ư lượng” (Phật vốn chẳng có thân, chẳng có thọ mạng, mà cũng chẳng có số lượng). Thân thể, thọ mạng, số lượng thảy đều chẳng nói được. Trước hết, phải hiểu Phật là gì? Nay chúng ta vừa thấy chữ Phật đã nghĩ đến một người; người thì lẽ nào chẳng có thân thể? Chẳng có thân thể, làm sao có thể gọi là người? Chư vị phải biết: Phật có nghĩa là Giác. Giác tánh chẳng có thân thể, mà cũng chẳng có thọ mạng, cũng chẳng thuộc vào phạm vi số lượng. Giác tánh là gì? Giác tánh là bản tánh của chính chúng ta, được gọi là Chân Như bản tánh; trong Chân Như bản tánh, những thứ ấy (thân thể, thọ mạng, số lượng) đều chẳng có. Chân Như bản tánh to cỡ nào? Chẳng có cách nào nghĩ bàn! Tận hư không khắp pháp giới đều do Chân Như bản thể biến hiện. Bản tánh là cái có thể biến (năng

biến), hư không pháp giới là cái được biến (sở biến). Nếu quý vị hỏi nó lấy gì làm thân u? Chỉ là chẳng có thân thì nó mới có thể biến ra hư không pháp giới; nếu có thân, làm sao nó biến được? Nó bất sanh bất diệt; do bất sanh bất diệt, nên chẳng có thọ lượng. Không gì lớn mà ở ngoài nó, không gì nhỏ mà ở trong nó, tuyệt đối chẳng rơi vào số lượng!

Lũ phàm phu chúng ta rất đáng thương. Là phàm phu thì quý vị tìm một thầy bói cao minh, ông ta có thể đoán vận mạng cả đời quý vị chẳng trật tí nào! Vận mạng cá nhân, vận mạng gia đình, vận mạng quốc gia, vận mạng Thế Giới đều có thể tiên đoán rất chuẩn xác. Vì sao? Rơi vào số lượng, nên mới có thể tính toán. Vì sao có số lượng? Vì quý vị có phân biệt, chấp trước; hễ có phân biệt, chấp trước, bèn rớt trong số lượng. Ngày nào quý vị chẳng phân biệt, chẳng chấp trước hết thấy các pháp, sẽ vượt khỏi số lượng, ai đoán mạng cho quý vị cũng chẳng chuẩn xác. Vì sao? Đã vượt thoát! “Vượt thoát” là trong hết thấy các pháp chẳng khởi tâm, không động niệm, bèn vượt thoát. Hễ tâm vừa động niệm thì còn có số lượng, không động niệm thì chẳng có số lượng. Vì vậy, chân tâm ly niệm, tức là trong chân tâm chẳng có niệm, nên nó chẳng có thân, chẳng có tuổi thọ, mà cũng chẳng có hạn lượng. Tận hư không khắp pháp giới và chính mình là một. Lời lẽ này nói ra đúng là rất khó hiểu, đó là chân tướng, là sự thật, là Thật Tướng của các pháp. Chân tướng của hết thấy các pháp là như thế.

Vì rất khó thấu hiểu, chẳng phải là kiến thức thông thường đối với lũ bình phàm chúng ta. Chúng ta không chỉ chẳng thấy, mà còn chưa nghe nói tới, ngay cả mơ thì cũng chưa mộng thấy, nên chư Phật, Bồ Tát thường dùng tỷ dụ, khiến cho chúng ta từ tỷ dụ mà thấu hiểu. Tỷ dụ thường được dùng là “mộng, huyễn, bọt, bóng”. Ví như nằm mộng thì mỗi người chúng ta đều có kinh nghiệm nằm mộng. Mộng do đâu mà có? Chẳng thể nói mộng không có, nó xác thực là có, có chuyện ấy. Mộng là thật ư? Chúng ta biết mộng chẳng thật! Nếu mộng đã là chẳng thật, còn có những người nằm mộng, đến ngày hôm sau, hoặc ngày hôm sau nữa đến tìm tôi, hỏi: “Giác mộng ấy rốt cuộc có ý nghĩa gì?” Mộng chẳng phải là thật, há còn có ý nghĩa gì? Ngay cả giấc mộng hư vọng mà còn chấp trước, còn muốn coi nó là thật, đó là nguyên cớ gây nên mê hoặc vậy! Mộng do tâm biến hiện, trong Phật Pháp thường nói: “Chân Như bất thủ tự tánh” (Chân Như chẳng giữ lấy tự tánh). Tự tánh là thanh tịnh, chẳng thanh tịnh bèn bị động. Tâm đã động, tức là chân tâm hể động liền hiện hư không pháp giới. Quý vị đêm ngủ không yên, vọng tâm dấy động, bèn nằm mộng, nên người có công phu định lực chẳng nằm mộng. Người có công phu định lực lúc ngủ tâm vẫn thanh tịnh, tâm người ấy chẳng động sẽ chẳng nằm mộng!

Khi Phật Giáo chưa truyền đến Trung Quốc, cổ nhân Trung Quốc đã nói: “Trí nhân vô mộng” (Người trí chẳng nằm mộng). Người trí tâm địa thanh tịnh, tâm địa chân thành, chẳng có chút hư giả, hạng người ấy rất ít mộng, không dễ gì nằm mộng. Nằm mộng nhiều là do suốt ngày từ

sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ, người ấy cũng rất dễ nằm mộng. Lại còn mộng thấy những giấc mơ lộn xộn, do suy nghĩ loạn xạ đó mà! Từ chỗ này, chúng tôi: Cái tâm của quý vị, chúng tôi không nói đến chân tâm, mà nói tới vọng tâm. Quý vị thấy vừa mở đầu Kinh Lăng Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật gọi Tôn Giả A Nan hỏi tâm Tôn Giả ở chỗ nào? Trọn chẳng hỏi Ngài là chân tâm hay vọng tâm. Bất luận chân tâm hay vọng tâm, tâm ở nơi đâu? Nay chúng ta đang nói đến vọng tâm, chúng ta thường nói vọng tâm là thức thứ sáu, tức ý thức, thức thứ bảy và thức thứ tám, những thức ấy ở đâu? Đến đêm nằm mộng, chúng sẽ hiển hiện. Vì sao? Vọng tâm hiện tướng. Nếu nó chẳng hiện tướng, chúng ta chẳng tìm thấy nó, chẳng biết nó ở chỗ nào! Nó vừa hiện tướng, chúng ta liền nắm bắt nó, cảnh trong mộng chính là hiện tướng của nó. Giả sử cái tâm có thể nằm mộng là chân tâm thì mộng cảnh được biến hiện bởi cái tâm ấy là vọng tướng. Toàn thể chân chính là vọng, chân tâm của quý vị liền biến thành vọng cảnh. Toàn bộ vọng chính là chân, toàn thể mộng cảnh là vọng tâm của quý vị.

Nếu trong cảnh giới đó, chúng ta hỏi: Ai là chính mình? Nằm mộng nhất định có chính mình! Có ai nằm mộng mà chẳng có chính mình trong mộng? Có ai trong quý vị nằm mơ mà thấy trong mộng chẳng có chính mình? Chẳng thể nào có chuyện ấy! Nhất định là có chính mình, còn có người khác, còn có núi, sông, đại địa, còn có nhiều thứ nữa! Nếu quý vị thật sự hiểu rõ những thứ ấy đều do tự tánh biến hiện, trong mộng có thứ gì chẳng phải là chính mình?

Nguyên lai, thứ gì cũng đều chính mình. Từ những sự tướng nông cạn, gần gũi này mà thấu hiểu sâu xa hơn, toàn thể hư không pháp giới hiện thời từ đâu mà có? Do Chân Như tự tánh chẳng giữ lấy tự tánh mà biến hiện ra. Hư không pháp giới, núi, sông, đại địa, chúng sanh đông đảo, toàn là tự tánh của chính mình. Ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm, tự tánh của chúng ta ở chỗ nào? Quý vị mắt thấy, tai nghe, thân thể tiếp xúc đều là tự tánh. Ngày nào quý vị thật sự khẳng định hết thấy cảnh giới hoàn toàn là chính mình, bèn chứng đắc Pháp Thân thanh tịnh. Nếu quý vị nói đó chẳng phải là ta, kẻ khác và ta chẳng có liên can gì! Đó là mê mất tự tánh.

Đức Phật giảng rất rõ ràng, chúng ta hiểu rõ, có phải là thật sự hiểu rõ hay không? Vẫn mê hoặc, điên đảo. Vì sao? Ta chẳng phải là kẻ khác, kẻ khác vẫn chẳng phải là ta, chẳng có cách nào phá vỡ vọng tưởng chấp trước kiên cố ấy. Nếu phá vỡ vọng tưởng, chấp trước ấy, xin chúc mừng quý vị, quý vị đã thành Phật. Khi nào sẽ phá vỡ vọng tưởng kiên cố ấy? Mức độ thấp nhất là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, hoặc Sơ Địa trong Biệt Giáo. Chỉ cần quý vị phá vỡ, khẳng định hư không pháp giới do một mình ta biến hiện, quý vị chứng đắc quả vị Sơ Trụ trong Viên Giáo. Khi ấy, tâm địa quý vị thanh tịnh, bình đẳng, lòng từ bi được kiến lập trên tâm thanh tịnh, bình đẳng, đại từ đại bi. Quý vị đối đãi Phật, đối đãi hết thấy chúng sanh, quyết định chẳng có cách nhìn nào khác, chúng sanh và Phật bình đẳng. Cung kính bình đẳng, tán thán thanh tịnh, lúc đó, quý vị đang tu hành mười đại nguyện vương của Phổ Hiền. Mười đại nguyện

vương, người bình phàm chẳng làm được; trong Tịnh Độ, sau khi đã đắc Lý nhất tâm bất loạn thì mới có thể tu. Nói thông thường, hạng người ấy chính là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo hoặc Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, tu hành khi đó chính là Phổ Hiền Hạnh. Chưa đạt đến cảnh giới ấy, chẳng có cách nào tu hạnh Phổ Hiền. Vì tâm của Ngài Phổ Hiền là thanh tịnh, bình đẳng, tâm chúng ta chẳng thanh tịnh, bất bình đẳng, chẳng biết hết thấy vạn pháp là chính mình. Trong nội tâm của quý vị có chướng ngại, có giới hạn, sẽ chẳng phải là Phổ Hiền Hạnh. Phổ Hiền Hạnh chắc chắn chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có giới hạn, là một Thể với vạn pháp.

Đây là nói tới Pháp Thân. Pháp Thân là tận hư không khắp pháp giới và chính mình là một, lấy vạn pháp làm tự thân, giống như nằm mộng: Mộng cảnh, tức là toàn thể cảnh giới trong mộng là một thân tướng. Chẳng phải là nói thân tướng của một thân, mà là tận hư không khắp pháp giới là chính mình, nó hiện thành tướng ấy, tướng ấy được gọi là Pháp Thân. Pháp Thân cũng chẳng có thân, chẳng có thọ mạng, cũng vượt ngoài số lượng. Vì vậy, Pháp Thân bất sanh bất diệt.

Tiếp đó, sách viết: “Tùy thuận thế gian, nhi luận tam thân” (Do tùy thuận thế gian, nên luận định Tam Thân), đó là cách nói quyền xảo phương tiện trong Phật Pháp. Mục đích của phương tiện quyền xảo là khiến cho chúng ta ngộ nhập cảnh giới chân thật. Do vậy, ngàn vạn phần chớ nên chấp trước hết thấy các phương tiện do đức Phật đã nói. Nếu chấp trước, quý vị chẳng thể ngộ nhập, điều này vô cùng quan trọng! Do

tùy thuận thế gian mà luận định ba thân. “Diệc tùy thuận thế gian, nhi luận tam thọ” (Cũng do tùy thuận Thế Giới mà luận ba thứ thọ lượng). “Tam thọ” là Pháp Thân thọ, Báo Thân thọ, và Ứng Hóa Thân thọ. “Diệc tùy thuận thế gian, nhi luận tam lượng” (Cũng tùy thuận thế gian mà luận tam lượng). Có thể thấy đức Phật nói đến thân, thọ mạng và số lượng đều vì tùy thuận người thế gian mà nói. Trong tri kiến của Phật, chắc chắn chẳng có những điều ấy. Tâm Phật thanh tịnh chẳng lập một pháp. Quý vị đọc Đàn Kinh thấy Pháp Sư Ấn Tông lúc mới gặp Lục Tổ, bèn hướng về Lục Tổ thỉnh giáo chuyện Ngài Hoàng Mai, Hoàng Mai là Ngũ Tổ. Sư Ấn Tông hỏi: “Bình thường Ngũ Tổ có răn dạy người khác về Bát Nhã và Giải Thoát hay không? Ngài giảng Bát Nhã và Giải Thoát theo cách nào?” Lục Tổ trả lời vô cùng khéo léo: “Bát Nhã và Giải Thoát là hai pháp. Hai pháp chẳng phải là Phật Pháp, Phật Pháp là Pháp Môn Bát Nhị”. Chẳng nói với Sư rằng Tổ (Ngũ Tổ) đã giảng Bát Nhã là gì, Giải Thoát là gì, một câu nói ấy liền chặn lấp sạch mọi tri kiến, đối đãi. Có nghĩa là quý vị vẫn còn ở trong Phật Pháp mà chấp trước và so đo những danh tướng ấy, sai mất rồi, phải lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên! Tâm duyên là gì? Khởi tâm động niệm nơi danh tướng của Phật; đó là tướng “tâm duyên”. Quý vị thấy đều lìa khỏi những thứ ấy, tâm thanh tịnh hiện tiền, đó là Phật Pháp. Phật Pháp là tâm thanh tịnh; trong Phật Pháp, thứ gì cũng đều chẳng có, đó là Phật Pháp.

Nhưng chư vị phải nghe cho rõ ràng! Nếu quý vị nghe nói “Phật Pháp thứ gì cũng đều chẳng có”, bèn tâm niệm: “Được lắm! Ý niệm

gì cũng đều đoạn sạch”, bèn biến thành Vô Tướng Định. Quý vị tu thành tựu, nhưng cũng chẳng thành Phật, mà sanh làm chư thiên trong Tứ Thiên Thiên hoặc Vô Tướng Thiên; khi thọ mạng đã hết, vẫn phải đọa trong tam ác đạo. Vì sao Vô Tướng cũng chẳng phải là Phật Pháp? Chư vị hãy suy nghĩ, trong tâm thanh tịnh có vô tướng, tức là vẫn có một cái Vô tồn tại, cho nên Vô Tướng cũng chẳng thể có. Có vô tướng thì đối lập của nó là hữu tướng, nên vẫn là hai pháp. Pháp Bất Nhị là gì? Pháp Bất Nhị là trong tâm xác thực chớ nên có Tướng, mà Vô Tướng cũng chẳng nên có. Từ hữu tướng và vô tướng lại biến thành “cũng có hữu tướng, cũng có vô tướng”. “Cũng có hữu tướng và cũng có vô tướng” cũng là trật, “chẳng phải là hữu tướng, chẳng phải là vô tướng” cũng là trật. Đúng là “mở miệng liền trật, động niệm liền sai”, hãy từ những chỗ này mà thấu hiểu. Vì lẽ đó, đức Phật nói chớ nên chấp trước hết thảy các pháp; hễ quý vị chấp trước bèn sai, đó là nẩy sanh tác dụng phụ đáng sợ nhất.

Tiếp theo là “Pháp Thân giả, sư quỹ Pháp Tánh, hoàn dĩ Pháp Tánh vi thân” (Pháp Thân là tuân thủ, vâng theo Pháp Tánh, lại còn lấy Pháp Tánh làm thân). Câu này nói hết sức hay. Pháp Thân là gì? Pháp Thân là Pháp Tánh, Pháp Tánh là Lý Thể, tức là nguyên lý có thể biến ra vạn pháp. Hiện thời, các nhà khoa học, triết học đều đang thăm dò vũ trụ từ đâu mà có? Sinh vật do đâu mà có? Con người do đâu mà có? Những câu hỏi ấy chẳng sai, có câu trả lời hay không? Thừa cùng chư vị, vĩnh viễn chẳng có câu trả lời! Từ xưa đến nay, các nhà khoa học, triết gia, kể cả

các nhà tôn giáo xưa, nay, trong, ngoài nước mãi cho đến hiện thời đều chẳng tìm được câu trả lời. Câu trả lời rất nhiều, học thuyết cũng lắm, nhưng đều chẳng thể khiến cho kẻ khác tâm phục khẩu phục. Câu trả lời thật sự nằm trong Đại Thừa Phật Pháp, tức là Pháp Tánh. Vì sao họ chẳng tìm thấy câu trả lời? Họ dùng đầu óc để suy nghĩ, khảo cứu. Suy nghĩ, khảo cứu là rớt vào tâm ý thức, là suy tưởng loạn xạ; vọng tưởng thì làm sao có thể tìm được câu trả lời? Chẳng thể nào! Khi nào câu trả lời sẽ hiện tiền? Đoạn hết vọng tưởng, câu trả lời bèn liền hiện tiền, thấy đều hiểu rõ. Vì thế, Phật Pháp sử dụng phương pháp khiến cho quý vị đoạn hết suy xét.

Nhưng căn tánh của người thế gian không giống nhau, có người chẳng thích suy xét, sợ suy nghĩ sẽ đau đầu nhức óc. Đối với loại chúng sanh này, đức Phật dạy họ tu Thiền. Thiền chẳng dùng suy xét. Có người chuộng suy xét, thích suy xét thì đức Phật dạy họ học Duy Thức. Duy Thức dạy họ suy xét hằng ngày, đó lại là một phương pháp. Lý luận Duy Thức gọi điều đó là “tư tận hoàn nguyên” (suy nghĩ đến tột cùng sẽ trở về nguồn), họ sẽ quay đầu. Quay đầu bèn thấy chân tánh. Vì thế, chẳng suy tưởng có thể kiến tánh, mà khi suy tưởng đến tột cùng bèn quay đầu thì cũng có thể kiến tánh. Phương pháp của đức Phật rất xảo diệu, rất nhiều. Phương pháp Niệm Phật này cũng chẳng cần suy tưởng, cũng là chẳng dùng đến sự suy xét, có nguyên lý giống như Thiền và Mật, chỉ là phương pháp và cách thức khác nhau. Thiền nhất định là chẳng thể có thứ

gì, còn Tịnh có A Di Đà Phật. Vì thế, Tịnh thuận tiện và dễ dàng hơn Thiên.

Ở đây nói “sư quĩ Pháp Tánh”, câu nói ấy có nghĩa là gì? Trong chú giải có giải thích, nơi trang năm mươi ba, trong câu cuối cùng thuộc dòng thứ ba: “Ngôn sư quĩ Pháp Tánh” (Nói “sư quĩ Pháp Tánh”), “sư quĩ Pháp Tánh” là gì? “Thị xả Thông tòng Biệt. Thông tắc sanh Phật câu quĩ Pháp Tánh. Nhiên cứu giới tuy quĩ nhi vi, như nhân y sư, bất thuận sư giáo. Duy hữu chư Phật, tòng Sơ Phát Tâm quĩ pháp nhi tu, kim năng cứu cánh minh hợp Pháp Tánh” (Là bỏ Thông theo Biệt. Thông thì chúng sanh và Phật đều noi theo Pháp Tánh; nhưng chín pháp giới tuy noi theo, vẫn trái nghịch, giống như người nương tựa thầy, nhưng chẳng tuân theo lời thầy dạy. Chỉ có chư Phật kể từ Sơ Phát Tâm đều tuân theo pháp đề tu, nên nay có thể rất ráo ngậm phù hợp Pháp Tánh). Pháp Tánh là có thể hiện, có thể biến (năng hiện, năng biến). Trong Kinh Đại Thừa, đức Phật đã giảng nguồn gốc của vạn pháp trong vũ trụ: “Duy tâm sở hiện”, “tâm” ở đây là chân tâm; “duy thức sở biến”, “thức” là vọng tâm. Cảnh giới được hiện bởi chân tâm là cảnh giới bình đẳng, tức Nhất Chân pháp giới. Vì sao Nhất Chân pháp giới biến thành mười pháp giới? Do thức biến. Tuy thức biến Nhất Chân pháp giới thành mười pháp giới, chư vị phải biết: Chẳng phải là thật sự bị biến, cái thật sự biến bèn trái nghịch bản tánh, tức là biến thành hư vọng, chẳng phải là chân thật. Tuy hư vọng, tức là nói “cảm nhận sai lầm”, nhưng sự cảm nhận sai lầm ấy trọn chẳng biến đổi sự thật, chỉ là sự thụ dụng khác hẳn. Ví như Kinh đã nói “chung

sa tác phạn” (nấu cát làm cơm): Để nấu cơm, chúng ta dùng gạo, nhưng kẻ đó hiểu lầm, ngỡ cát có thể nấu thành cơm, đó là nhận biết sai lầm. Cát vẫn là cát, gạo vẫn là gạo, tuyệt đối chẳng phải vì quý vị nhận biết sai lầm mà cát biến thành gạo, chẳng có đạo lý ấy! Đây là nói rõ Nhất Chân pháp giới vĩnh viễn là Nhất Chân pháp giới, quý vị mong biến nó thành mười pháp giới, điều ấy trọn chẳng phải là sự thật. Sự thật, nó vẫn là Nhất Chân pháp giới; nhưng quý vị suy nghĩ sai lầm, nên thụ dụng cũng sai lầm, sự hưởng thụ cũng sai lầm, trong ấy có khổ và lạc khác biệt. Mười pháp giới có khổ và lạc khác biệt. Trong Nhất Chân pháp giới, chẳng có khổ mà cũng chẳng có lạc, nên gọi là “lạc chân chánh”. Khổ là khổ, lạc vẫn là khổ, lạc trọn chẳng phải là lạc thật sự, tuy là lạc mà vẫn là khổ.

Vì lẽ đó, mười pháp giới thấy đều “**sur quỹ Pháp Tánh**” (vâng theo, tuân thủ Pháp Tánh), đều từ Chân Như bản tánh biến hiện. “**Quỹ**” là gì? **Quỹ** là có quy tắc, chẳng rối loạn. Người thế gian thấy vũ trụ có trật tự, có quy tắc như vậy, giống như các tinh cầu vận hành trong vũ trụ đều có một quỹ đạo nhất định. Người thế gian chẳng hiểu đạo lý ấy, bèn nghĩ: **Nhất định phải có người an bài, có ai đó lập hoạch định, trù tính! Người sắp đặt, trù tính là ai? Đại khái là Thượng Đế! Thượng Đế do đâu mà có? Là kẻ được biến hiện từ tưởng tượng; do như vậy mà có. Có phải là do Thượng Đế trù tính hay không? Tuyệt đối chẳng phải vậy, đó là nhận thức sai lầm, là hiểu lầm! Vì nó có trình tự nhất định, tuân theo trình tự chẳng sai**

chút nào, có thứ lớp, chẳng lộn xộn, nên gọi là Quĩ. “Quĩ” là quĩ đạo, chẳng rối loạn, do Pháp Tánh biến hiện. Chúng sanh trong chín pháp giới tuy “sư quĩ Pháp Tánh”, nhưng mê muội, nên nay chúng ta chẳng noi theo họ, mà noi theo Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát “sư quĩ Pháp Tánh”, đã ngộ, chẳng mê, nên Tha Thụ Dụng của các Ngài hoàn toàn khác hẳn phàm phu. Chúng ta tạm ngưng, nghỉ ngơi mấy phút.

TẬP 10

Chúng ta xem trang năm mươi ba.

Trong đoạn trên đây, tự thể của hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian là Pháp Tánh. Hết thảy các pháp quyết định chẳng thể lìa khỏi tự thể, hễ lìa khỏi tự thể, sẽ chẳng thể tồn tại. Vấn đề hiện tại là một đẳng thuận tánh, một đẳng nghịch tánh, nghĩa là: Thuận tánh là giác, nghịch tánh là mê, then chốt ở ngay chỗ này! Rốt cuộc thuận là gì? Nghịch là gì? Cũng có thể nói: Giác là gì? Mê là gì? Kinh luận thường dạy một nguyên tắc, chỉ cần quý vị nắm được nguyên tắc, vấn đề này sẽ trọn chẳng khó hiểu, mà cũng chẳng khó tu. Đức Phật thường dạy chúng ta: “Giác tâm bất động”. Nói cách khác, trong hết thảy cảnh giới, bất luận là hoàn cảnh nhân sự hay hoàn cảnh vật chất, chỉ cần chúng ta chẳng động tâm bởi cảnh giới thì sẽ thuận tánh. Vì tánh là bất động, chúng ta có thể chẳng động tâm thì sẽ tương ứng với tánh. Pháp Tánh và Phật Tánh là một tánh. Một tánh, chẳng phải là hai tánh! Cái gọi là “chẳng tuân thủ tự tánh” chính là quý vị khởi tâm động niệm trong cảnh giới, khởi tâm động niệm là trái nghịch tánh. Trái nghịch tánh, nhưng vẫn chẳng lìa khỏi tánh, nên có khổ nạn. Vì lẽ đó, hết thảy khổ nạn do đâu mà có? Do chính mình chuốc lấy!

Con người chúng ta thường nói là rất khổ, rất đau khổ, nhưng đều chẳng chịu quay lại suy nghĩ. Nếu thật sự quay đầu, nỗi khổ ấy ở chỗ nào? Quý vị hãy tìm xem, khổ ở chỗ nào? Quý vị thật sự quay đầu lại

tìm, chẳng tìm thấy! Tìm không thấy, có thể thấy nó là giả, chẳng thật! Hễ là thật, nhất định là phải ở một nơi nào đó. Quý vị giải phẫu từng tế bào trong toàn thân, cũng chẳng tìm thấy khổ trong đó. Khổ và lạc đều là giả, đều là chẳng thật, có gì phải so đo nó? Có gì phải khất khe? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước trái nghịch Pháp Tánh, nên là phàm phu. Trong hết thấy cảnh giới, chư Phật, Bồ Tát tuyệt đối chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, nên vĩnh viễn là thanh tịnh vô nhiễm, giống như hư không. Trong hư không, hiện ra hết thấy vạn pháp, nhưng hư không trước nay chưa hề dính mắc! Bản tánh, hoặc là Pháp Tánh như đang nói ở đây, có thể hiện hết thấy vạn pháp thế gian và xuất thế gian, nhưng hết thấy vạn pháp trọn chẳng hoen ố bản tánh, bản tánh vẫn là một mực thanh tịnh. Không chỉ chẳng bị hoen ố, mà còn chẳng bị trở ngại, đúng như Kinh Hoa Nghiêm đã nói “Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại”, xác thực là chẳng bị trở ngại. Hết thấy ô nhiễm và trở ngại đều do quan niệm sai lầm tạo thành, đều do cảm nhận sai lầm tạo thành, trái nghịch Pháp Tánh. Kinh này nói là “cửu giới tuy quý nhi vi” (chín pháp giới tuy nương theo nhưng trái nghịch Pháp Tánh). Không chỉ là lục đạo phàm phu, ngay cả Thanh Văn, Duyên Giác, và Bồ Tát cũng trái nghịch. Các Ngài trái nghịch ít vì mê cạn. Do trái nghịch ít, nên chúng ta thoát nhìn, sẽ thấy dường như các Ngài rất tự tại. Chư Phật Như Lai hoàn toàn chẳng trái nghịch, nên đắc đại tự tại.

Tiếp theo đó là nêu tỷ dụ, tỷ dụ ấy cũng rất hay. “Nhu nhân y sư” (Nhu người nương tựa thầy), giống như học trò theo học với

thầy. Sánh ví thầy như Pháp Tánh, học trò ví như chúng sanh. Nương tựa thầy, nếu có thể thuận theo sự răn dạy của thầy, đó là tùy thuận Pháp Tánh, giống như trong phần trước đã nói là “sư quý Pháp Tánh”. Nếu tuy theo thầy, mà chẳng nghe theo sự răn dạy của thầy, “theo thầy” là quý vị chẳng rời Pháp Tánh; tuy chẳng rời khỏi Pháp Tánh, nhưng quý vị trái nghịch Pháp Tánh. Hai người cùng theo thầy, một người nghe lời thầy, một người chẳng nghe lời thầy, hai người ấy đều gọi là học trò của thầy. Đây là nói rõ chúng sanh trong chín pháp giới thế gian và xuất thế gian, kể cả Phật Pháp giới thì là mười pháp giới, tứ Thánh lục phàm đều noi theo Pháp Tánh, nhưng có kẻ nương theo và tuân thuận, có kẻ chẳng tuân thuận. Nói nghiêm ngặt, chín pháp giới đều chẳng tuân thuận, thật sự tuân thuận chỉ là Phật Pháp giới. Nếu nói lỏng tiêu chuẩn một chút để nói thì lục phàm hoàn toàn trái nghịch, tứ Thánh thuận theo Pháp Tánh. Chúng ta biết ý nghĩa trái nghịch và tuân thuận là như vậy.

Tiếp đó là nói: “Tùng Sơ Phát Tâm, quý pháp nhi tu” (Từ Sơ Phát Tâm đã vâng theo pháp đề tu), đó là nói “duy hữu chư Phật” (chỉ có chư Phật), “kim năng cứu cánh minh hợp Pháp Tánh” (nay có thể rốt ráo ngấm phù hợp Pháp Tánh). “Chỉ có chư Phật” thì Phật mà vẫn còn phải tu hành ư? Phải tu hành! Phật được nói ở đây chẳng phải là Cứu Cánh Phật, mà là Phần Chứng Phật. Từ Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên đều gọi là “chư Phật”. Nếu quý vị đọc bộ Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa của Cư sĩ Giang Vị Nông, sẽ thấy ông ta giải thích chữ “chư Phật” là từ Sơ Trụ của

Viên Giáo cho đến quả vị viên mãn rốt ráo, gồm bốn mươi hai địa vị. Bốn mươi một địa vị là từ Sơ Trụ Bồ Tát cho đến Đẳng Giác, địa vị bốn mươi hai là Phật. Bốn mươi hai địa vị ấy đều là Phật, cho nên gọi là “chư Phật”. “Chư Phật” chỉ bốn mươi hai địa vị ấy. Đến địa vị cuối cùng, chẳng phải tu nữa, chứ bốn mươi một địa vị trước đó đều phải tu, vì sao? Chưa viên mãn, nhưng hoàn toàn là tu thuận tánh, nên mới nói là “từ Sơ Phát Tâm”.

Sơ Trụ có tên là Phát Tâm Trụ, thật sự phát tâm tu hành là địa vị Sơ Trụ, tức Sơ Trụ trong Viên Giáo. Chúng ta đều chưa phát tâm Bồ Đề, nhưng đã phát tâm gì? Phát tâm tham, sân, si, mạn, phải biết điều này! Nhưng chúng ta đang thuộc địa vị phàm phu, thật sự là đáng thương! Nếu phàm phu thật sự phát tâm cầu sanh Tịnh Độ, vừa phát tâm, tuy công đức chẳng bằng Sơ Trụ Bồ Tát, Thần thông và đạo lực cũng thua kém Sơ Trụ Bồ Tát, nhưng thua cùng chư vị, xét theo trí huệ và nhân quả, tuyệt đối chẳng thua Sơ Trụ Bồ Tát! Sơ Trụ Bồ Tát cũng là Tín, Nguyện, Hạnh Vãng Sanh Tây Phương Tịnh Độ, chúng ta cũng là Tín, Nguyện, Hạnh Vãng Sanh Tây Phương Tịnh Độ, nên nói theo cơ duyên, nhân quả, sẽ chẳng hai, chẳng khác với hàng đại Bồ Tát! Nhưng mọi người phải hiểu rõ, trong vô lượng Pháp Môn, chỉ có một môn này đặc biệt, những môn khác chẳng được! Xét theo các môn khác, thứ gì cũng đều chẳng bằng, chẳng thể so sánh! Tu Tịnh Độ, phát tâm cầu sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới là đặc biệt, chẳng thể sánh cùng những pháp thông thường để bàn luận được!

Phải thật sự phát tâm, quyết định Vãng Sanh! Có thể sanh về Thế Giới Tây Phương hay không, tùy thuộc cái tâm của quý vị có kiên cố hay không! Quý vị nói “tôi đã phát tâm, tôi rất mong Vãng Sanh”, nhưng có thể Vãng Sanh hay không, vẫn chưa nắm chắc. Tôi đã gặp rất nhiều người đến hỏi tôi, họ nói: “Thưa Pháp Sư! Tôi có thể Vãng Sanh Tịnh Độ hay không?” Tôi liền bảo người ấy: “Không thể! Chắc chắn là quý vị không thể!” Người ấy hỏi vì sao? Quý vị chẳng có tín tâm, vẫn còn hoài nghi, đánh dấu hỏi, làm sao có thể Vãng Sanh cho được? Nếu quý vị đến hỏi tôi: “Tôi quyết định phải Vãng Sanh, tôi chẳng Vãng Sanh sẽ không được, nhất định phải Vãng Sanh”, đến hỏi tôi như thế, tôi nói quý vị nhất định sẽ Vãng Sanh, vì sao? Tâm quý vị rất kiên quyết, lẽ đâu chẳng Vãng Sanh? Vì thế, chớ nên hoài nghi chuyện này, hễ hoài nghi thì chính mình bị thiệt thòi to lớn. Quyền Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới do chính mình nắm giữ, chẳng do người khác thao túng. Hiểu giáo nghĩa hay không là chuyện thứ yếu, vấn đề là quý vị có tín tâm kiên định hay không? Then chốt ở chỗ này! Ngẫu Ích Đại Sư nói rất hay, có thể Vãng Sanh hay không là do có tín nguyện hay không quyết định! Sanh về Thế Giới Tây Phương, phẩm vị Vãng Sanh cao hay thấp được quyết định bởi công phu sâu hay cạn. Công phu là gì? Phục đoạn phiền não là công phu. Ngài chẳng nói niệm Phật nhiều hay ít! Niệm Phật nhiều hay ít chẳng liên quan gì hết! Mỗi ngày niệm một câu A Di Đà Phật và mỗi ngày niệm mười vạn tiếng A Di Đà Phật chẳng phải là chuyện khẩn yếu, không sao cả! Người ta niệm một tiếng A Di Đà Phật bèn hàng phục phiền não, quý vị niệm mười vạn câu A Di Đà Phật nhưng chẳng thể hàng phục phiền

não thì mười vạn câu chẳng bằng người ta niệm một tiếng! Do đó, có thể chế phục phiền não hay không, có thể đoạn sạch phiền não hay không, đó là công phu. Chế phục phiền não là công phu nông cạn, đoạn trừ phiền não là công phu sâu xa. Chế phục phiền não là công phu thành phiến, đoạn trừ phiền não là nhất tâm bất loạn. Điều này quyết định phẩm vị Vãng Sanh Tây Phương Thế Giới, chớ nên không biết chuyện này.

Thật thà niệm Phật là thuận theo Pháp Tánh, chẳng thật thà niệm Phật là trái nghịch Pháp Tánh. Quý vị thấy đối với người niệm Phật chúng ta mà nói, rất nhiều giáo nghĩa rất sâu, rất khó lý giải, nhưng giảng theo Tịnh Độ thì rất dễ dàng, chẳng khó hiểu. Ngay như Kinh Kim Cang là một bộ Kinh Điển rất sâu, Tôn Giả Tu Bồ Đề hướng về Thích Ca Mâu Ni Phật thưa hỏi hai vấn đề, một là “nên trụ như thế nào?” và điều kia là “nên hàng phục cái tâm như thế nào?”, hai vấn đề to lớn ấy. Vấn đề lớn thứ nhất là tâm phải an trụ nơi đâu? Ngài Tu Bồ Đề hướng về đức Thế Tôn nêu ra câu hỏi ấy. Ở Trung Quốc, Huệ Khả Đại Sư cũng hỏi Đạt Ma Tổ Sư câu sau đây: “Tâm con bất an, phải an cái tâm bằng cách nào? Phải an trụ nơi đâu?” Gần như rất giống với câu hỏi của Ngài Tu Bồ Đề. Hàng phục cái tâm như thế nào? Tâm ấy là vọng niệm; vọng niệm rất nhiều, dùng phương pháp gì để hàng phục? Một bộ Kinh Kim Cang là lời giải đáp của Thích Ca Mâu Ni Phật cho Ngài Tu Bồ Đề về hai vấn đề ấy.

Người Hoa niệm Kinh Kim Cang rất đông, người học Phật đều từng niệm Kinh Kim Cang. Sau khi đã niệm, quý vị có biết an trụ cái tâm ở

đâu hay không? Quý vị có biết hàng phục vọng niệm như thế nào hay chẳng? Đức Phật nói nhiều ngàn ấy, chúng ta vẫn không hiểu, vẫn chẳng thể thụ dụng. Nếu là người tu Tịnh Độ thì dễ thực hiện lắm, hãy nên trụ như thế nào ư? Trụ nơi A Di Đà Phật, trụ nơi A Di Đà Phật là được rồi. Hàng phục cái tâm như thế nào ư? Trụ tâm nơi A Di Đà Phật, tâm liền bị hàng phục. Hễ vọng niệm dấy lên, ngay lập tức niệm A Di Đà Phật để xóa bỏ vọng niệm. Cần gì phải phiền phức dường ấy? Một câu A Di Đà Phật thấy đều giải quyết, quý vị mới biết câu A Di Đà Phật chẳng thể nghĩ bàn, vấn đề là quý vị có biết sử dụng hay không? Nếu quý vị biết dùng, sẽ cao minh hơn phương pháp trong Kinh Kim Cang rất nhiều. Nói thật thà, phương pháp trong Kinh Kim Cang chỉ có hàng Đại Bồ Tát kiên tánh mới dùng được, mới hữu hiệu. Đối với cùng một vấn đề, chúng ta dùng danh hiệu A Di Đà Phật cũng có hiệu quả giống hệt. Chúng sanh Ngũ Nghịch Thập Ác dùng phương pháp này đều có hiệu quả, đều có thể đạt tới cùng một mục tiêu giống như hàng Pháp Thân đại sĩ, thu được hiệu quả giống hệt. Do vậy mới biết Pháp Môn này thù thắng.

Tiếp đó, dẫn Kinh Đại Thừa để giải thích Pháp Thân. “Đại Kinh vân, dĩ pháp thường cố, chư Phật diệt thường. Thuận Pháp Tánh cố, danh pháp vi sư. Thật phi sở sư dữ năng thể biệt, cố tức sở sư pháp, nhi vi kỳ thân. Tuy danh vi thân, dĩ xuất Ngũ Âm, cố phi sắc chất tâm trí” (Kinh Đại Thừa nói: “Do pháp là thường, nên chư Phật cũng là thường”. Do thuận theo Pháp Tánh, nên gọi pháp là thầy. Thật ra, chẳng phải là Thể của cái được tôn làm thầy và Thể của chủ thể thực hiện hành động tôn

đối tượng ấy làm thầy có khác biệt. Vì lẽ đó, lấy pháp được tôn làm thầy để làm thân. Tuy gọi là thân, thân ấy đã thoát khỏi Ngũ Âm, nên chẳng phải là sắc chất hay tâm trí”). Đoạn này giải thích rất hay. Phải biết: Pháp Thân là Lý Thể, Sự nhất định nương theo Lý mà có, cũng có nghĩa là hiện tượng chính là cái được biến hiện. Pháp Thân là cái Thể có thể biến ra các hiện tượng. Tất cả muôn pháp do đâu mà có? Nhất định là có nguồn gốc, trong Phật Pháp gọi nguồn gốc ấy là Pháp Thân. Pháp Thân chẳng phải là vật chất, chẳng phải là sắc chất, mà cũng chẳng phải là tâm trí, nay chúng ta gọi “tâm trí” là “tri thức”. Pháp Thân chẳng phải là tri thức, mà cũng chẳng phải là vật chất, nhưng tâm pháp và sắc pháp thay đều do nó biến hiện, nhưng chính nó thì thứ gì cũng chẳng phải! Do đó, nhìn từ phương diện vật chất, chẳng tìm thấy nó, nhìn từ tâm trí cũng chẳng tìm thấy nó! Các khoa học gia và triết học gia hiện thời vận dụng hết sạch tâm trí cũng tìm chẳng được nó, vì nó chẳng phải là tâm trí. Ất phải bỏ sạch cả hai thứ ấy (vật chất và tâm trí) thì sẽ tìm được nó, nó bèn hiện tiền. Ở chỗ nào? Chẳng có một pháp nào không phải là nó, pháp nào cũng đều là nó, pháp nào cũng đều như, chẳng có một pháp nào chẳng phải là nó, chẳng có một pháp nào chẳng như! Sắc lẫn tâm ắt đều phải lìa khỏi. Có như vậy thì mới có thể thấy cái bản thể năng biến trong sắc và tâm. Ngài sử dụng văn tự chẳng nhiều, nhưng nói khá tường tận.

Pháp Thân được giới thiệu tới đây mà thôi. Tiếp đó, chúng ta lại xem Báo Thân trong dòng in theo lối “đánh cách” trong trang năm mươi tư. Pháp Thân là Lý. Nó vốn sẵn tồn tại, bất sanh, bất

diệt: “Báo Thân giả, tu hành sở cảm” (Báo Thân là do tu hành mà cảm được). Báo Thân và Ứng Hóa Thân là tướng, tướng là sở biến (cái được biến). Pháp Thân là Lý, nó có thể biến (năng biến). Do có thể biến, nên nó chẳng có thân, mà cũng chẳng có thọ mạng, cũng chẳng có số lượng, thấy đều chẳng thể nói được; nhưng Báo Thân và Ứng Thân có thân, có thọ mạng, mà cũng có số lượng, vì chúng là cái được biến. “Pháp Hoa vân, cửu tu nghiệp sở đắc. Niết Bàn vân: - Đại Bát Niết Bàn, tu đạo đắc cố” (Kinh Pháp Hoa nói: “Báo Thân do tu nghiệp đã lâu mà đạt được”. Kinh Niết Bàn nói: “Đại Bát Niết Bàn là do tu đạo mà đạt được”). Pháp Thân là gì? Pháp Thân là trí huệ, nên gọi là Trí Thân. “Như Như Trí chiếu như như cảnh, Bồ Đề trí huệ, dữ Pháp Tánh tương ứng, tương minh. Tương ứng, như hàm cái tương ứng. Tương minh giả, như thủy nhũ tương minh” (Trí như như chiếu cảnh như như, trí huệ Bồ Đề tương ứng và ngầm hợp Pháp Tánh. Tương ứng là như rương và nắp rương khớp nhau. Ngầm hợp là như nước và sữa ngầm hòa hợp); đó là Báo Thân. Kinh giảng Báo Thân có hai loại: Một loại là Tự Thụ Dụng Báo Thân, loại kia là Tha Thụ Dụng Báo Thân. Tự Thụ Dụng Báo Thân có khởi đầu, chẳng có kết thúc; cũng có thể nói là “có sanh, chẳng có diệt”, cũng là ý nghĩa bất sanh, bất diệt. Sau khi đã hiện ra, vĩnh viễn chẳng bị diệt. Tha Thụ Dụng Báo Thân có sanh, có diệt, vì sao? Nhằm hiện ra cho người khác. Kinh thường nói như thế này: Đáng nên dùng thân Phật để đắc độ, bèn thị hiện thân Phật. Trong các thân Phật, nên lấy Báo Thân để độ, bèn hiện Báo Thân; nên dùng

Ứng Thân để độ, liền hiện Ứng Thân. Vì vậy, Tha Thụ Dụng Thân có thân, có thọ mạng, có hạn lượng, còn Tự Thụ Dụng Thân thì chẳng có thọ lượng.

Đây là nói đến Trí. Như Như Trí là chân trí. Trong Phật Pháp nói Như (Tathā) thì Như là gì? “Như” là chân tướng sự thật đúng như vậy, chẳng phải do tạo tác, nên gọi là Như. Nếu là tạo tác, sẽ chẳng được gọi là Như. Vì vậy, Như là một thứ tự nhiên, vốn sẵn là như vậy. Kinh Điền nhà Phật vừa mở đầu liền nói: “Như thị ngã văn”. “Như thị”: Đức Phật muốn nói với chúng ta, Ngài nói với chúng ta điều gì? Trạng huống vốn sẵn có của vũ trụ và nhân sinh, tuyệt đối chẳng phải là tạo tác, mà cũng chẳng phải là do Ngài tưởng tượng. Trạng huống ấy được gọi là Như. Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời giảng cho chúng ta những gì? Giảng những điều như thế đó! Nếu quý vị hiểu hai chữ Như Thị, sẽ chẳng cần phải đọc Kinh Phật, vì đã hiểu toàn bộ, nhất định là đã hoàn toàn thông đạt pháp thế gian và xuất thế gian. Vì vậy, hết thấy các Kinh được mở đầu bằng hai chữ này, nhằm nêu rõ tiêu chuẩn của lời Phật dạy ở ngay chỗ đó, tuyệt đối chẳng nói lung tung một câu nào!

Như Như Trí là trí huệ như thế, chiếu cảnh giới như thế. Trí là Năng Chiếu, cảnh là Sở Chiếu. Trước kia, tiên sinh Âu Dương Cánh Vô đã nói: “Phật Pháp chẳng phải là tôn giáo, mà cũng chẳng phải là triết học”. “Chẳng phải là tôn giáo” thì dễ hiểu, vì sao “chẳng phải là triết học?” Trong triết học, có Năng và Sở (chủ thể và khách thể, chủ quan và khách quan v.v...). Trong Phật Pháp, cũng nói có Năng và Sở, Trí là

Năng Chiếu, cảnh là Sở Chiếu. Có Năng và Sở, nhưng Năng và Sở được nói trong Phật môn khác với Năng và Sở trong triết học. Năng và Sở trong triết học là đối lập, còn Năng và Sở của Phật Pháp là một, chẳng phải là đối lập; nên nó chẳng phải là triết học. Trong triết học chẳng nói Năng và Sở là một, còn Năng và Sở trong Phật Pháp là một. Kế đó, sách nói “Bồ Đề trí huệ” chính là Như Như Trí, là trí huệ vốn sẵn có trong bản tánh, chẳng phải do tu được, mà là vốn có, tương ứng với Pháp Tánh, tương ứng với cảnh giới được biến hiện bởi Pháp Tánh. Như Như Trí là một phần của Pháp Tánh, cảnh giới Như Như cũng là một phần của Pháp Tánh, Thể của chúng là một. Thể đã là một, nên Sự có thể dung thông. Vì vậy, nó có thể tương ứng và ngậm hợp cùng Pháp Tánh, vì chúng là một Thể. Tiếp đó, sách nêu tỷ dụ, tương ứng là gì? Như cái rương và nắp rương tương ứng. Giống như ở đây có chén trà, chén trà có nắp đây, đúng là cái nắp ấy đây vừa khít. “Rương và nắp rương” có ý nghĩa như vậy. Thế nào là “ngậm hợp”? Chúng ta nói nước và sữa hòa lẫn vào nhau. Chúng ta hòa lẫn sữa vào nước, nước và sữa hợp thành một thể, chẳng thể phân ra giới hạn. Năng và Sở là một, chẳng hai; đó là điều khác biệt giữa Phật Pháp và học thuật hay triết học. Do đó, chư vị phải hiểu: Tận hư không khắp pháp giới là một Thể.

Cuối đoạn chú giải này là: “Cảnh ngoại vô trí, trí ngoại vô cảnh” (Ngoài cảnh chẳng có trí, ngoài trí chẳng có cảnh). Chúng ta nói “mắt thấy” thì mắt có năng lực to cỡ nào? Chỗ quý vị có thể thấy được đều là năng lực của tánh Thấy. Nếu chẳng có tánh Thấy, làm

sao quý vị có thể thấy được? Tánh Thấy to cỡ nào? Tận hư không, khắp pháp giới! Tánh Thấy là như vậy, mà tánh Nghe, tánh Cảm Nhận, tánh Ném, không gì chẳng phải là như vậy. Vì thế, người trong Thế Giới Tây Phương “Thiên Nhãn đồng thị, Thiên Nhĩ triệt thính, Tha Tâm biến tri” (Thiên Nhãn thấy thấu suốt, Thiên Nhĩ nghe thông suốt, Tha Tâm biết trọn khắp), chẳng có chút gì hiếm hoi, lạ lùng! Đó là trí và cảnh tương ứng, ngầm hợp, năng lực hoàn toàn khôi phục. Nay chúng ta nhìn thì cách tường bèn chẳng thấy, vì sao chẳng thấy? Do vì quý vị có phân biệt, chấp trước: “Ở đây có vách tường, đương nhiên chúng ta chẳng thấy”, cho nên quý vị chẳng thấy. Nếu ngày nào đoạn sạch ý niệm ấy, “vách tường ấy chẳng ngại Sự, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại”, tình hình bên kia tường ra sao, quý vị đều trông thấy. Vì thế, chướng ngại ấy là chướng ngại trong tâm lý, chẳng phải là chướng ngại nơi hình tướng của sự vật. Tất cả hết thấy chướng ngại thấy đều ở trong tâm. “Tâm sanh tắc chủng chủng pháp sanh, tâm diệt tắc chủng chủng pháp diệt” (Tâm sanh ắt các pháp sanh, tâm diệt ắt các pháp diệt). “Các thứ pháp diệt” chẳng phải là pháp chẳng còn nữa, mà là chẳng có chướng ngại, bèn nhập cảnh giới Hoa Nghiêm, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, mới biết hết thấy chướng ngại sanh từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chúng ta, đều chẳng phải là sự thật. Tuy chẳng phải là sự thật, nhưng nó khởi tác dụng, đem lại cho chúng ta rất nhiều đau khổ.

Trước kia, thầy Lý giảng Kinh đến chỗ này, thầy dạy chúng tôi làm thí nghiệm. Để thí nghiệm thì thí nghiệm trên sự tương rất khó, thầy bèn nói: Nếu các anh nằm mộng, thầy tạo một ấn tượng cho chúng tôi. Trong khi nằm mộng, có khi tự mình biết là đang nằm mộng; trong khi quý vị biết chính mình đang nằm mộng, quý vị nói cảnh giới trong mộng đều là giả, ta nhất định đi xuyên qua vách tường kia thì nhất định sẽ đi xuyên qua được, chẳng gặp chướng ngại. Có một lần, một bạn học của chúng tôi là ông Châu Gia Lân, Châu Gia Lân nay đang giảng Kinh Hoa Nghiêm vào mỗi thứ Tư tại Từ Quang Đồ Thư Quán. Sau khi thầy Lý Vãng Sanh, ông Châu thay thầy giảng Kinh Hoa Nghiêm. Châu Gia Lân kể với chúng tôi: Có một hôm, ông ta nằm mộng, đã nghĩ thầy nói “mộng là giả, vách tường cũng là giả”, ta nhất định có thể xuyên qua, bèn thử xem. Kết quả là đi qua được, chẳng bị chướng ngại. Châu Gia Lân đã làm thí nghiệm, xác thực là như vậy.

Chúng ta lại xem bộ Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa của Pháp Sư Viên Anh. Trong lời Tựa, Ngài có kể một câu chuyện là chuyện của chính Ngài. Có một hôm, Ngài tĩnh tọa trong liêu phòng, bỗng nhớ có chuyện cần phải làm, bèn bước khỏi chỗ ngồi đi ra ngoài. Sau khi ra khỏi phòng, Ngài chợt nghĩ: “Cửa phòng đã đóng, chưa mở, làm sao đi ra được?” Sau khi đã trở ra, quay lại đẩy cửa thì đã gài then bên trong. Trong một niệm ấy, Ngài chẳng nghĩ cửa ấy đã đóng, liền đi ra được. Niệm thứ hai, nghĩ là cửa đã đóng, trở lại đẩy cửa, chẳng vào được, phải tìm người lấy chìa khóa mở cửa mới có thể vào phòng. Một niệm quên

bằng, bèn đi qua đước; do vậy, tất cả chúng ngại đều do vọng niệm tạo thành.

Quý vị lại đọc Hư Vân Lão Hòa Thượng Niên Phổ, trong đó có chép câu chuyện, chuyện ấy là sự thật. Có một lần, lão Hòa Thượng xuống núi, chẳng biết đi đến nơi đâu. Ngài đi đường, tâm thanh tịnh, cũng trụ trong Định. Trên đường, gặp mấy người cũng là người xuất gia, cầm đèn lồng. Trên đường, họ đụng phải lão Hòa Thượng Hư Vân, bèn hỏi: “Thưa lão Hòa Thượng! Trời đã tối thế này, Ngài đi đường một mình sao chẳng có đèn đuốc gì?” Lão Hòa Thượng vừa nghe câu ấy, ngay lập tức Trời tối đen. Khi Ngài còn chưa nghe lời ấy thì Trời sáng ngời, chẳng tối tăm. Ngài ra đi lúc ba giờ, vĩnh viễn trụ trong ba giờ, nên bầu Trời một mực sáng ngời. Kết quả là người ta vừa nhắc nhở “Trời đã tối”, Ngài nghe nói vậy, ngay lập tức Trời đen kịt. Hết thấy duy tâm tạo! Những vị ấy đều là người trong hiện thời, cách chúng ta chẳng xa cho mấy, đã chứng minh cho chúng ta: “Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là nhân tố căn bản”; đó là điều đức Phật dạy trong Kinh Hoa Nghiêm, những người tu hành trong hiện thời cũng đã chứng tỏ cho chúng ta.

Trong đoạn tiếp theo, chúng ta xem tới Ứng Thân, xem dòng thứ hai đếm từ dưới lên trong trang năm mươi lăm. Đoạn văn này là lời Sớ, chẳng phải là Sao, ở chỗ này bị in lầm, in thấp xuống một chữ, phải in theo lối đánh cách thì mới đúng. “Ứng Thân giả, ứng đồng vạn vật vi thân dã, ứng đồng liên trì vi thọ dã, ứng đồng trường đoản vi lượng dã” (Ứng Thân là ứng hiện thân giống như muôn vật, ứng hiện ngay cả có

cùng thọ mạng, ứng hiện có thân lượng cao hay thấp giống như họ), cho đến đây là lời Sớ, chẳng phải là chú giải. Kế đó là “như cô đáp hưởng, đại tiểu tùy thân” (như cái trống phát ra tiếng khi bị gõ, tùy thuộc thân trống lớn hay nhỏ mà tiếng trống phát ra to hay nhỏ), đó là lời chú giải. Ứng Thân là do cảm ứng đạo giao cùng chúng sanh mà hiện. Chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát có ứng, nên Ứng Thân cũng giống như Hóa Thân; nhưng Ứng và Hóa vẫn khác nhau. Ứng Thân là gì? Giống như người ấy cũng đầu thai, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật đến thế gian này, thị hiện hoàn toàn giống như loài người chúng ta, sống trên thế gian này tám mươi năm, đó là Ứng Thân. Hóa Thân là bỗng dung hiện tiền, sau khi làm xong chuyện bèn chẳng còn nữa, đó là Hóa Thân. Như xưa kia phu nhân Châu Bang Đạo gặp Địa Tạng Bồ Tát, đó là Hóa Thân, bà ta gặp Ngài ở Nam Kinh. Lần này, tôi đến Nam Kinh, có đến viếng căn nhà cũ của bà. Căn nhà bà đã ở rất lớn, hiện thời hơn một nửa được dùng làm nhà trẻ (ấu trĩ viên, kindergarten), phần đất dùng làm nhà trẻ ấy chẳng thể trả lại cho bà ta. Con trai lớn của bà ta nay còn đang sống ở Nam Kinh, họ trả lại cho con bà một phần ba căn nhà ấy, sân cũng rất lớn.

Bà ta đang ở trong nhà, bỗng dung có một người xuất gia đến hóa duyên, nói là từ Cửu Hoa Sơn đến. Thuở ấy, Châu phu nhân còn chưa tin Phật, chẳng cho, chẳng tặng vật phẩm hóa duyên cho vị ấy, người xuất gia đó bèn bỏ đi. Sau khi vị ấy đi rồi, bà mới nghĩ: Từ cửa lớn còn phải qua tầng cửa thứ hai, tầng cửa thứ ba, cả ba tầng cửa, cửa đều chẳng mở, sao vị ấy có thể bước vào được? Sau khi bước ra,

cũng chẳng có ai mở cửa cho vị ấy, làm sao vị ấy đi ra được? Ngờ vực chẳng giải quyết được! Câu hỏi ấy mãi cho đến khi sang Đài Loan, gặp thầy Lý tại Đài Trung, bà ta đem chuyện ấy kể với thầy Lý. Thầy Lý bảo: “Địa Tạng Bồ Tát đến hóa duyên với bà, đó chẳng phải là phàm nhân, mà là Hóa Thân”. Bà ta mới hiểu, nên mới niệm Kinh Địa Tạng, mỗi ngày thờ phượng Địa Tạng Bồ Tát. Bà có viết bài Ngộ Địa Tạng Bồ Tát Ký kể câu chuyện ở Nam Kinh ấy. Đó gọi là Hóa Thân, nói thật ra cũng là đến độ bà ta. Tuy khi ấy chẳng độ, bà ta đến Đài Loan mới học Phật, nhưng đó là cái nhân. Nếu chẳng có chuyện ấy, đến Đài Loan, bà ta cũng chưa chắc chịu học Phật. Gặp chuyện như thế, chuyện này rất rõ ràng. Trong cuộc gặp gỡ ấy, bà ta cùng vị tăng đó hỏi đáp, trò chuyện, nói rất nhiều câu, tuyệt đối chẳng phải là nằm mộng, tuyệt đối chẳng phải là giả, nên bà ta có ấn tượng hết sức sâu đậm. Nghĩ đến chuyện này mới biết Phật, Bồ Tát trong Phật Pháp là thật, chẳng phải là giả. Bà ta vô cùng hối hận: “Khi đó, Bồ Tát chỉ hóa duyên mấy cân dầu mè, nhưng chúng tôi chẳng biếu tặng”.

Đó là nói về Ứng và Hóa. Ứng và Hóa sai biệt ở chỗ này. Ứng Thân còn có thọ lượng, giống như ba ngàn năm trước, Thích Ca Mâu Ni Phật đã xuất hiện trong thế gian, đó là Ứng Thân. Ngài trụ trong thế gian này tám mươi năm bèn nhập diệt. Đó là thọ lượng của Ngài, thọ lượng của Ngài là tám mươi tuổi. “Ứng đồng trường đoản” (Ứng hiện cao hay thấp giống như nhau). Theo Kinh Điển ghi chép, Thích

Ca Mâu Ni Phật thân cao trượng sáu, tức là một trượng sáu thước, đó là thân thể cao lớn; nhưng chư vị phải hiểu, chẳng phải là tính theo thước hiện thời. Theo thước tác hiện thời, một trượng sáu thì Kinh khủng quá, quá cao! Thước thước ấy ngắn hơn thước hiện thời rất nhiều, đại khái một thước thước đó còn chưa đến sáu tác hiện thời, dài hơn năm tác một chút. Nhìn từ chỗ này, chúng ta sẽ chẳng cảm thấy rất kỳ quái, vóc dáng Phật tuy cao, vẫn chẳng phải là rất cao. Thước thước ấy khác với thước hiện tại. Nói đến Ứng Thân bèn có thân tướng, thọ mạng, vóc dáng cao thấp, những thứ ấy đều có. Giới thiệu đơn giản cùng chư vị ba thân đến chỗ này.

Chúng ta lại xem đoạn văn kế tiếp, trong trang năm mươi sáu, dòng thứ năm từ dưới đếm lên. “Năng vi thân, phi thân” (Có thể làm thân hoặc chẳng phải là thân), chữ Năng phải đọc liên tiếp một mạch, tức là “năng vi thân, năng vi phi thân”. “Năng vi thường thọ, năng vi vô thường thọ. Năng vi vô lượng, năng vi hữu lượng” (Có thể có thọ mạng thường hằng, hoặc tuổi thọ chẳng thường hằng. Có thể là vô lượng hoặc là có hạn lượng). Đây là nói Pháp Thân có thể tùy ý tự tại thị hiện, nhưng “tùy ý” chẳng phải là thuận theo ý của chính mình, vì chính nó chẳng có ý. Nếu chính mình có ý, sẽ biến thành phàm phu, hữu ý sẽ chẳng tự tại. Tùy ý là tùy theo ý của chúng sanh. Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: “Thuận theo tâm chúng sanh mà ứng với khả năng tiếp nhận của họ”. Đó là chánh xác. Hiện thời, chúng ta chẳng thể tự tại biến hóa giống như Phật, Bồ Tát là vì chúng ta hữu ý. Hễ hữu ý sẽ chẳng có cách nào, chẳng thể hiện. Khi nào

đạt đến vô ý, bèn có thể tùy thuận chúng sanh, chứ hữu ý thì chẳng có cách nào!

Pháp Thân đại sĩ chẳng dùng tâm ý thức; không chỉ chẳng có ý, mà cũng chẳng có tâm. Tâm ý thức đều chẳng có, sử dụng Chân Như bản tánh, nên có thể tùy loại hóa thân, có thể “thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng tiếp nhận của họ”. Chúng ta gặp phiền phức vì có tâm ý thức, tâm ý thức là pháp hữu vi. Theo cách liệt kê danh mục trong Bách Pháp, khoa mục đầu tiên trong pháp hữu vi là tám thức, tám thức là tâm ý thức. Tâm ý thức là giả, chẳng thật. Tương ứng với tám thức, nay chúng ta nói là “tác dụng tâm lý”, hoặc “hiện tượng tâm lý”, là năm mươi một Tâm Sở, những thứ này đều gọi là pháp hữu vi. Trong Bách Pháp, chỉ có sáu pháp cuối cùng là pháp vô vi. Những pháp trước đó như Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp, tổng cộng chia thành chín mươi bốn loại, toàn là pháp hữu vi. Kinh Kim Cang đã nói: “Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”. Nay phàm phu chúng ta coi những pháp hữu vi ấy đều là thật, phân biệt, chấp trước, so đo trong ấy, khổ khôn xiết kể! Phật thấy chúng sanh làm như vậy, gọi họ là “kẻ đáng thương xót”, vì sao là “đáng thương xót?” Vốn chẳng có, mà cứ tự mình khẳng khẳng biến thành có. Chẳng khổ mà chính họ khổ sở ngàn ấy, nên mới nói là “đáng thương”. Nếu thật sự có khổ, Phật sẽ chẳng gọi quý vị là “đáng thương”. Chẳng có khổ mà chính mình tìm khổ, đó là “đáng thương”. Vốn chẳng có khổ mà chính mình khư khư tìm khổ; ngỡ giả là thật, đáng thương thay! Vì thế, các pháp hữu vi là giả, chẳng thật!

Vì lẽ đó, quý vị phải giác ngộ, thật sự giác ngộ sẽ lìa khổ, được vui, từ nay trở đi sẽ chẳng còn khổ nữa. Vì sao? Chẳng còn chấp trước, chẳng còn so đo. Người với người qua lại với nhau chớ nên coi là thật, vì sao? Giả trá! Người khác nói thích ta, yêu mến ta thế này thế nọ, quý vị nghe lời ấy đừng ngỡ là thật, giả trá, chẳng thật! Vì sao? Tam tâm, nhị ý. Tam tâm là gì? Tâm ý thức, thức thứ tám, thức thứ bảy, và thức thứ sáu gọi là “tam tâm”. Nhị ý: Thức thứ sáu là ý thức, thức thứ bảy là ý căn, nên gọi là “nhị ý”. Tam tâm nhị ý chẳng phải là thật. Chúng ta đối với người khác cũng là tam tâm nhị ý, cũng chẳng thật! Hôm nay tôi đối với quý vị tốt đẹp dường ấy, nói không chừng ngày mai liền gỡ quẻ, đâu là thật? Chính mình đối với chính mình còn chưa thể bảo đảm, há còn có thể bảo đảm những lời người khác nói là thật? Há cái tâm ấy là thật? Nếu quý vị ngỡ là thật, sẽ hoàn toàn bị lừa gạt. Bị ai lừa gạt? Chẳng phải là bị kẻ khác lừa gạt, mà là tự mình lừa gạt chính mình.

Ngày nào chẳng dùng tâm ý thức, mà dùng chân tâm, sẽ là thật, chẳng giả. Đến khi nào? Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giác phá một phẩm vô minh, chứng một phần chân tánh, chân tánh là chân tâm; từ đó trở đi bèn dùng chân tâm, chẳng dùng tâm ý thức, đó là thật. Vì lẽ đó, chúng ta qua lại với hết thảy mọi người, trong tâm hiểu rõ, toàn là giả! Bất luận họ nói như thế nào, chúng ta cười cười mà thôi, quý vị thấy chúng ta vui sướng lắm, tự tại lắm, đã hiểu rõ chân tướng sự thật. Ai là thật? Người nào thật sự yêu thương chúng ta? Phật, Bồ Tát thật sự yêu thương chúng

ta. Chẳng phải là Phật, Bồ Tát thì toàn bộ đều là giả! Kẻ khác nói dễ nghe đến mấy, hãy nghe xong rồi thôi, ngàn vạn phần đừng ngỡ là thật. Sự thật ấy là chân tướng sự thật, phải hiểu rõ ràng: Chúng ta chẳng có phiền não, ưu lự cũng chẳng có, đau khổ cũng chẳng có, lìa khổ được vui. Nếu hiểu rõ chân tướng sẽ lìa khổ được vui, hễ mê nơi chân tướng sẽ khổ chẳng thể nói nổi! Chúng ta thấy có rất nhiều người vì cảm tình, vì tài vật, vì mọi thứ mà lo lắng, đáng thương! Chúng ta thấy những kẻ ấy đúng là đáng thương xót. Vì sao? Toàn là giả, chẳng có gì là thật. Thế gian có gì là thật? Thân thể đều là giả, sanh chẳng đem theo đến, chết chẳng mang theo đi, ngay cả thân thể cũng là giả, hưởng hồ vật ngoài thân! Vì thế, đối với thân thể còn chớ nên chấp trước, hưởng hồ vật ngoài thân!

Có được mất hay không? Chẳng có được hay mất! Quý vị nói ta đạt được, giả trá! Quý vị đạt được thứ gì? Đêm ngủ nhắm mắt lại, khi đã ngủ say, người ta khiêng thân thể quý vị đi, cũng chẳng biết, có thứ gì là của chính mình? Vì lẽ đó, phải giác ngộ, chẳng có gì là của chính mình, thứ gì cũng đều chẳng đạt được. Đã là thứ gì cũng đều chẳng đạt được thì thứ gì cũng chẳng mất đi, về căn bản chẳng có được thứ gì thì lấy đâu ra mất? Lo được, lo mất đem lại bao nhiêu nỗi phiền não. Sau khi quý vị đã hiểu rõ, vốn chẳng có được, mà cũng chẳng có mất, lẽ nào chẳng tự tại? Đạt được thứ gì đều giống như nằm mộng. Trong mộng có được một mớ tiền của, giả trá. Mất đi cũng giống như nằm mộng. Trong mộng mất một món tiền lớn, cũng là giả, chẳng có gì là thật. Để giảng với mọi người về chân tướng trong vũ trụ, Kinh Phật thường nói đến Thật Tướng

của các pháp, Thật Tướng là như thế đó. Không chỉ là trong lục đạo, Thật Tướng là như thế, mà Thật Tướng trong tứ Thánh pháp giới cũng chẳng phải là ngoại lệ, thảy đều là như thế đó. “Phàm những gì có tướng, đều là hư vọng”. Tây Phương Cực Lạc Thế Giới cũng được bao gồm trong ấy, chẳng thể nói Tây Phương Cực Lạc Thế Giới là ngoại lệ, chẳng có, nó cũng là hư vọng. Chỗ bất đồng là: Nó là cảnh giới được hiện bởi tâm thanh tịnh, còn cõi này là cảnh giới do tâm ô nhiễm hiện ra, khác nhau ở chỗ này! Vì vậy, chớ nên chấp trước lục phàm, mà tứ Thánh cũng chớ nên chấp trước. Nếu quý vị chấp trước Tây Phương Cực Lạc Thế Giới thì cũng sai. Hết thảy đều chẳng chấp trước sẽ là đúng.